

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Thu Trang

CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC MỸ - TRUNG
Ở ĐÔNG NAM Á TỪ NĂM 2009 ĐẾN NĂM 2020

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC TẾ HỌC

Hà Nội - 2024

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Thu Trang

CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC MỸ - TRUNG
Ở ĐÔNG NAM Á TỪ NĂM 2009 ĐẾN NĂM 2020

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC TẾ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1. PGS.TS Trần Nam Tiến**
- 2. TS Lê Lêna**

Hà Nội - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án tiến sĩ “Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020” là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của cá nhân tôi. Những dữ liệu cùng những phân tích, nhận định và kết quả nghiên cứu trong luận án do tôi tự tìm hiểu, phân tích một cách trung thực, khách quan với các tư liệu có nguồn gốc rõ ràng.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Nguyễn Thu Trang

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận án, cùng với những nỗ lực của bản thân, tôi đã nhận được sự động viên, giúp đỡ, hỗ trợ tích cực của nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Trước tiên, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Phó Giáo sư-Tiến sĩ Trần Nam Tiến, Giảng viên Khoa Quan hệ Quốc tế, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cùng Tiến sĩ Lê Lêna, Giảng viên Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. Đây là những người hướng dẫn khoa học trực tiếp dành nhiều thời gian, công sức bằng những chỉ bảo chi tiết, hướng dẫn tận tình cho tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Tôi xin chân thành cảm ơn Giáo sư-Tiến sĩ Hoàng Khắc Nam, Nguyên Trưởng Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội vì luôn hết lòng tư vấn, hỗ trợ cùng những ý kiến, nhận xét quý báu cùng nhiều khích lệ cho tôi trong quá trình học tập và hoàn thiện luận án.

Tôi xin chân thành cảm ơn Phó Giáo sư-Tiến sĩ Trần Thiện Thanh, Trưởng Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, vì đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong quá trình học tập và thực hiện luận án.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn quý thầy cô trong Ban Chủ nhiệm Khoa, các giảng viên của Khoa và quý thầy cô thuộc Bộ phận Đào tạo Sau đại học, Phòng Đào tạo của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đã hướng dẫn và tạo nhiều điều kiện thuận lợi trong quá trình học tập.

Tôi xin cảm ơn tập thể lãnh đạo, quý thầy cô và đồng nghiệp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt ở Phòng Truyền thông và Quan hệ Doanh nghiệp cùng Trung Tâm Tư vấn Tuyển sinh và Hỗ trợ Người học là Thầy Trần Nam, Chị Thảo Chi, bạn Ngọc Khánh, em Lý Nguyên, em Nhật Thành, em Công Bắc, em Thúy Viên, em Thái Bảo, em Hồng Đào đã tạo mọi điều kiện thuận lợi trong công tác để tôi hoàn thành luận án đúng thời hạn.

Ngoài ra, gia đình là ba, mẹ và em trai, cùng những người bạn thân thiết là Thảo Nguyên, Kiều Giang, Thảo Ngọc, Trúc Giang, Phương Thanh, Mỹ Ngọc, Ái Vân,

Kim Uyên luôn hết lòng ủng hộ và là điểm tựa tinh thần vững chắc để tôi có thể kiên trì trong quá trình thực hiện mục tiêu và trau dồi bản thân trên con đường học vấn.

Xin chân thành cảm ơn!

Tác giả Luận án

Nguyễn Thu Trang

MỤC LỤC

	Trang
Mục lục	1
Danh mục các ký hiệu và chữ viết tắt	5
Danh mục các bảng	8
Danh mục các hình vẽ và đồ thị	9
MỞ ĐẦU	10
1. Lý do chọn đề tài	10
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu	12
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	13
4. Phương pháp nghiên cứu	14
5. Đóng góp của luận án	18
6. Kết cấu của luận án	18
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	21
1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc	22
1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ	22
1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về chiến lược, chính sách đối ngoại của Trung Quốc	26
1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung	28
1.3. Nhóm các công trình nghiên cứu về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á	38
1.4. Nhận xét và vấn đề đặt ra cho nghiên cứu cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á	43
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC MỸ - TRUNG Ở ĐÔNG NAM Á TỪ NĂM 2009 ĐẾN NĂM 2020	46
2.1. Cơ sở lý luận của cạnh tranh chiến lược	46
2.1.1. Phạm trù cạnh tranh chiến lược trong quan hệ quốc tế	46
2.1.1.1. Cạnh tranh	46
2.1.1.2. Chiến lược	49
2.1.1.3. Cạnh tranh chiến lược	51
2.1.1.4. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung	53

2.1.2. Cạnh tranh chiến lược trong các trường phái lý thuyết quan hệ quốc tế	57
2.1.2.1. Cạnh tranh chiến lược trong chủ nghĩa hiện thực	57
2.1.2.2. Cạnh tranh chiến lược trong chủ nghĩa tự do	60
2.1.2.3. Cạnh tranh chiến lược trong chủ nghĩa kiến tạo	62
2.2. Cơ sở thực tiễn của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020	64
2.2.1. Bối cảnh quốc tế và tình hình khu vực Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020	64
2.2.1.1. Bối cảnh quốc tế	64
2.2.1.2. Tình hình khu vực Đông Nam Á	67
2.2.2. Vị trí địa lý của khu vực Đông Nam Á	69
2.2.3. Nhận thức chiến lược của Mỹ và Trung Quốc đối với Đông Nam Á	73
2.2.3.1. Nhận thức chiến lược của Mỹ đối với Đông Nam Á	73
2.2.3.2. Nhận thức chiến lược của Trung Quốc đối với Đông Nam Á	77
Tiểu kết	80
Chương 3. THỰC TRẠNG CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC MỸ - TRUNG Ở ĐÔNG NAM Á TỪ NĂM 2009 ĐẾN NĂM 2020	81
3.1. Chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc đối với khu vực Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020	81
3.1.1. Chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ	81
3.1.2. Chiến lược, chính sách đối ngoại của Trung Quốc	87
3.2. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao	94
3.3. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng	105
3.4. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á trong lĩnh vực kinh tế - thương mại	114
3.5. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á trong lĩnh vực khoa học - công nghệ	122
3.5.1. Triển khai công nghệ 5G	122
3.5.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật số	125
3.5.3. An ninh mạng và quản trị dữ liệu	127
3.6. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á trong các lĩnh vực khác	130

3.6.1. Tập hợp lực lượng.....	130
3.6.2. Gia tăng ảnh hưởng về văn hóa.....	136
Tiểu kết.....	140
Chương 4. NHẬN XÉT VỀ CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC MỸ - TRUNG TẠI ĐÔNG NAM Á TỪ NĂM 2009 ĐẾN NĂM 2020, DỰ BÁO XU HƯỚNG VẬN ĐỘNG, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH VÀ KIẾN NGHỊ CHO ASEAN VÀ VIỆT NAM	141
4.1. Nhận xét về kết quả cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020.....	141
4.1.1. Trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao.....	143
4.1.2. Trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng.....	146
4.1.3. Trong lĩnh vực kinh tế - thương mại.....	148
4.1.4. Trong lĩnh vực khoa học - công nghệ.....	151
4.1.5. Trong lĩnh vực khác.....	155
4.1.5.1. Tập hợp lực lượng.....	155
4.1.5.2. Gia tăng ảnh hưởng về văn hóa.....	156
4.2. Nhận xét về tác động của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung đến Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020.....	158
4.2.1. Trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao.....	158
4.2.2. Trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng.....	160
4.2.3. Trong lĩnh vực kinh tế - thương mại.....	162
4.2.4. Trong lĩnh vực khoa học - công nghệ.....	164
4.2.5. Trong lĩnh vực khác.....	165
4.2.5.1. Tập hợp lực lượng.....	165
4.2.5.2. Gia tăng ảnh hưởng về văn hóa.....	166
4.3. Dự báo về xu hướng vận động của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á trong tương lai và tầm nhìn đến năm 2045	168
4.3.1. Cơ sở dự báo: Mô hình “Lăng kính cạnh tranh” của Mason.....	168
4.3.2. Xu hướng vận động của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á và tầm nhìn đến năm 2045.....	171
4.3.2.1. Xu hướng 1: Ưu thế nghiêng về phía Mỹ.....	172
4.3.2.2. Xu hướng 2: Ưu thế nghiêng về phía Trung Quốc và trật tự “chiến tranh Lạnh” kiểu mới hình thành.....	175
4.3.2.3. Xu hướng 3: Đông Nam Á phức tạp với sự tham gia của nhiều chủ	

thể	177
4.4. Hàm ý chính sách và kiến nghị cho ASEAN và Việt Nam	181
4.4.1. Hàm ý chính sách và kiến nghị cho ASEAN.....	182
4.4.2. Hàm ý chính sách và kiến nghị cho Việt Nam	184
4.4.2.1. Tăng cường hợp tác với Mỹ	185
4.4.2.2. Trung lập với cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung	186
4.4.2.3. Chiến lược phòng ngừa rủi ro.....	187
Tiểu kết	189
KẾT LUẬN.....	191
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN	
ÁN.....	195
TÀI LIỆU THAM KHẢO	196
PHỤ LỤC.....	239

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Tên đầy đủ tiếng nước ngoài	Tên đầy đủ tiếng Việt
PLA	People's Liberation Army	Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc
ADMM	ASEAN Defence Minister Meeting	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN
ADMM+	ASEAN Defence Minister Meeting Plus	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng
AI	Artificial Intelligence	Trí tuệ nhân tạo
AIIB	Asian Infrastructure Investment Bank	Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á
APEC	Asia-Pacific Economic Cooperation	Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
ARF	ASEAN Regional Forum	Diễn đàn Khu vực ASEAN
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
AUKUS	The Trilateral Security Partnership between Australia, U.K. and U.S.	Thỏa thuận quốc phòng ba bên giữa Australia-Anh-Mỹ
BRI	The Belt and Road Initiative	Sáng kiến Vành đai và Con đường
BRICS	Brazil, Russia, India, China, South Africa	Nhóm các nền kinh tế mới nổi gồm Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc, Nam Phi
COC	Code of Conduct in the South China Sea	Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông

CPTPP	The Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
EAS	East Asia Summit	Hội nghị Cấp cao Đông Á
EU	European Union	Liên minh châu Âu
FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FOIP	Free and Open Indo-Pacific	Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Rộng mở
FONOP	Freedom of Navigation Operation	Hoạt động tự do hàng hải
FTA	Free Trade Agreement	Hiệp định thương mại tự do
GDAP	Guidance for Development of Alliances and Partnerships	Hướng dẫn Phát triển mạng lưới đồng minh và đối tác
GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm nội địa
IMF	International Monetary Fund	Quỹ tiền tệ Quốc tế
INDOPACOM	Indo-Pacific Command	Bộ Tư lệnh Ấn Độ - Thái Bình Dương
IPEF	Indo-Pacific Economic Framework	Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương
MSI	Maritime Security Initiative	Sáng kiến an ninh hàng hải
MSR	Maritime Silk Road	Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ 21
NATO	North Atlantic Treaty Organization	Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương
NDAA	National Defense Authorization Act	Đạo luật ủy quyền Quốc phòng
ODA	Official Development Assistance	Hỗ trợ Phát triển Chính thức
PACOM	Pacific Command	Bộ Tư lệnh

		Thái Bình Dương
QUAD	Quadrilateral Security Dialogue	Nhóm Bộ Tứ (Mỹ, Ấn Độ, Nhật Bản, Australia)
RIMPAC	The Rim of the Pacific Exercise	Diễn tập quân sự vành đai Thái Bình Dương
SIPRI	Stockholm International Peace Research Institute	Viện Nghiên cứu Hòa bình quốc tế Stockholm
THAAD	Terminal High Altitude Area Defense	Hệ thống phòng thủ khu vực tầm cao giai đoạn cuối
TPP	Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement	Hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương
UAV	Unmanned Aerial Vehicle	Thiết bị bay không người lái
UNCLOS	United Nations Convention for the Law of the Sea	Công ước Liên Hợp quốc về Luật biển
WB	World Bank	Ngân hàng Thế giới
WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1. Chiến lược, chính sách đối ngoại và người lãnh đạo của Mỹ và Trung Quốc từ năm 2009 đến năm 2020 (Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Bảng 3.2. Cấp độ quan hệ của Mỹ với các quốc gia Đông Nam Á (2009-2020) (Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Bảng 5.1. Thời gian cầm quyền của các nhà lãnh đạo của Mỹ và Trung Quốc theo thời gian từ năm 2009 đến năm 2020 - Nguồn: Tác giả tổng hợp

Bảng 5.2. Chiến lược, chính sách đối ngoại và người lãnh đạo của Mỹ và Trung Quốc từ năm 2009 đến năm 2020 - Nguồn: Tác giả tổng hợp

Bảng 5.3. Cấp độ quan hệ song phương của Mỹ và một số quốc gia tại Đông Nam Á (2009-2017) - Nguồn: Tác giả tổng hợp

Bảng 5.4. Cấp độ quan hệ song phương của Trung Quốc và một số quốc gia tại Đông Nam Á (2009-2017) - Nguồn: Tác giả tổng hợp

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ VÀ ĐỒ THỊ

Hình 2.1. Phân tích nội hàm của thuật ngữ cạnh tranh chiến lược (Nguồn: Winkler, 2023)

Hình 2.2. Nội hàm của thuật ngữ cạnh tranh chiến lược dưới thời Tổng thống Mỹ Donald Trump (Nguồn: Winkler, 2023)

Hình 2.3. Nội hàm của thuật ngữ cạnh tranh chiến lược dưới thời Tổng thống Mỹ Joe Biden (Nguồn: Winkler, 2023)

Hình 3.1. Sử dụng mạng 5G ở các nước Đông Nam Á (Nguồn: ISEAS, 2020)

Hình 4.1. Sự thay đổi ảnh hưởng của Mỹ và Trung Quốc ở Đông Nam Á trong lĩnh vực kinh tế (The Economist, 2023)

Hình 4.2. Xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao của Mỹ và Trung Quốc năm 2010 và 2020 (Mazarr và các cộng sự, 2022, tr.17)

Hình 4.3. Cường độ cạnh tranh của Mỹ trong quan hệ với các chủ thể khác - Nguồn: McCoy, 2018.

Hình 4.4. Trận chiến đa miền (Nguồn: McCoy, 2018)

Hình 4.5. Mô hình “Lăng kính cạnh tranh” của Mason (Nguồn: Mason, 2019)

Hình 4.6. Mỹ và Trung Quốc tại Đông Nam Á khi Mỹ chiếm ưu thế trong “Lăng kính cạnh tranh” của Grant Mason (Nguồn: Tác giả thực hiện theo “Lăng kính cạnh tranh” của Grant Mason)

Hình 4.7. Mỹ và Trung Quốc tại Đông Nam Á khi Trung Quốc chiếm ưu thế trong “Lăng kính cạnh tranh” của Grant Mason (Nguồn: Tác giả thực hiện theo “Lăng kính cạnh tranh” của Mason)

Hình 4.8. Đông Nam Á phức tạp với sự tham gia của nhiều chủ thể trong “Lăng kính cạnh tranh” của Mason (Nguồn: Tác giả thực hiện theo “Lăng kính cạnh tranh” của Mason)

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Xuất phát từ lợi ích và những tính toán chiến lược, mối quan hệ Mỹ - Trung thể hiện tính chất thực dụng trong suốt chiều dài lịch sử của quan hệ song phương. Trải qua nhiều thăng trầm, tùy thuộc từng giai đoạn, quan hệ Mỹ - Trung thay đổi từ ngăn chặn, kiềm chế rồi hòa hoãn, hợp tác rồi lại bao vây, cấm vận... Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực hóa, cùng sự phát triển của khoa học - kỹ thuật - công nghệ, quan hệ Mỹ - Trung phát triển theo hướng cạnh tranh về chiến lược. Mỹ thông qua viện trợ kinh tế và hệ thống đồng minh - đối tác tạo thành hệ thống trục - nan hoa nhằm bao vây, kiềm chế cường quốc mới nổi là Trung Quốc. Đáp lại, Trung Quốc cũng thực hiện nhiều điều chỉnh chiến lược để thích ứng với sự thay đổi trong chính sách của Mỹ.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc đã dẫn đến chuyển đổi của hệ thống quốc tế từ ưu thế nhất siêu đa cường với vai trò của Mỹ thời kỳ hậu chiến tranh lạnh sang trật tự thế lưỡng cực Mỹ - Trung. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung xuất hiện và phát triển một khuôn khổ phòng ngừa rủi ro. Trong khuôn khổ đó, thế cân bằng lưỡng cực nổi lên và trở thành chính sách chủ đạo của Mỹ, Trung Quốc và các quốc gia khác. Kể từ năm 2009, xu hướng thiết lập sự cân bằng này đã được phản ánh trong “chính sách ngoại giao quyết đoán” của Trung Quốc lẫn chính sách “xoay trục” và “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Mở rộng” của Mỹ. Cạnh tranh chiến lược trong quan hệ Mỹ - Trung dần xuất hiện từ thời Tổng thống Mỹ Barack Obama ở giai đoạn 2009-2017. Đồng thời, từ năm 2017 dưới nhiệm kỳ của Tổng thống Donald Trump, Mỹ chính thức thừa nhận Trung Quốc đã phát triển thành một đối thủ cạnh tranh chiến lược và quan hệ Mỹ - Trung có đặc trưng là cạnh tranh chiến lược. Sau “Đại Chiến lược” cùng chính sách “Tái cân bằng”, “Xoay trục” của chính quyền Obama, Mỹ triển khai chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Mở rộng” do Tổng thống Donald Trump khởi xướng nhằm thắt chặt mạng lưới đối tác - đồng minh tạo thành vành đai lớn bao quanh Trung Quốc về mặt địa lý lẫn chiến lược. Trong khi đó,

Trung Quốc là một cường quốc đang trỗi dậy đã luôn nỗ lực để tránh đẩy quan hệ với Mỹ trở nên căng thẳng hay thù địch. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc dành sự quan tâm lớn cho sự phát triển quốc gia một cách toàn diện và cải thiện quan hệ với thế giới. Đáng chú ý, Trung Quốc đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với nhiều quốc gia nhằm tăng cường liên kết trong quan hệ chính trị và kinh tế mà không có các cam kết ràng buộc thường thấy và thúc đẩy ảnh hưởng trong các thể chế khu vực.

Với vị trí địa chính trị và địa chiến lược, khu vực Đông Nam Á trở thành một điểm nóng tiềm ẩn với nhiều nguy cơ an ninh. Bên cạnh việc tham gia tích cực vào các tổ chức, thể chế đa phương khu vực, Trung Quốc đưa ra các yêu sách lãnh thổ và quân sự hóa các đảo, quần đảo đang có tranh chấp dẫn đến sự phẫn nộ từ nhiều quốc gia. Trước tình trạng trên, với vai trò là siêu cường duy nhất trên thế giới, Mỹ đã tăng cường sự hiện diện tại khu vực vì các mục tiêu, lợi ích chiến lược khi tập trung các nguồn lực liên quan đến kinh tế, ngoại giao và an ninh vào khu vực.. Chính vì vậy, cạnh tranh chiến lược của Mỹ với Trung Quốc là hiện tượng tất yếu trong quan hệ quốc tế. Vì vậy, các quốc gia Đông Nam Á tìm cách thiết lập một vị thế khu vực mạnh mẽ hơn và cân bằng với Trung Quốc bằng chính sách ngoại giao độc lập lẫn thúc đẩy sự vận hành và vai trò của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Đồng thời, cạnh tranh chiến lược trong quan hệ Mỹ - Trung tại khu vực Đông Nam Á là một trường hợp nghiên cứu điển hình cho nghiên cứu về cạnh tranh chiến lược trong quan hệ quốc tế. Thông qua nghiên cứu này, kết quả có thể đưa ra các phân tích, nhận xét, đánh giá về thực trạng cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020 trên các lĩnh vực là chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng, kinh tế - thương mại và các lĩnh vực khác. Không chỉ vậy, Đông Nam Á chính là khu vực thể hiện rõ nét sự cạnh tranh chiến lược của cường quốc đương nhiệm là Mỹ và cường quốc mới nổi là Trung Quốc tại chính khu vực mà Trung Quốc chiếm ưu thế về địa lý. Sự lựa chọn chiến lược của các cường quốc như sẵn sàng tấn công trực diện, hay thỏa hiệp, thậm chí là chiến lược không rõ ràng là tấn công hay hòa hoãn của hai cường quốc đều ảnh hưởng đến cục diện an ninh của Đông Nam Á cũng như hệ thống chính trị quốc tế. Trong bối cảnh đó, mỗi quan tâm chiến lược trở

thành quan tâm hàng đầu của các quốc gia Đông Nam Á khi Trung Quốc trỗi dậy cùng mong muốn thống trị khu vực và loại trừ sự tham gia của các chủ thể khác. Nói cách khác, cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung từ năm 2009 đến năm 2020 ở Đông Nam Á là một đề tài quan hệ quốc tế có ý nghĩa quan trọng không chỉ trong nghiên cứu, học thuật mà còn trong thực tiễn.

Không chỉ vậy, đây là một đề tài nhận được sự quan tâm lớn của giới nghiên cứu trong và ngoài nước. Trong đó, cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á rất phức tạp và nhiều yếu tố đan xen khiến quá trình nghiên cứu luôn cần tiếp tục với những phân tích sâu hơn cùng các cách tiếp cận mới. Vì những lý do nêu trên, tôi mạnh dạn lựa chọn đề tài **“Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020”** làm đề tài luận án Tiến sĩ Quốc tế học, chuyên ngành Quan hệ Quốc tế.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu của luận án là tập trung phân tích, làm rõ chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc về cạnh tranh chiến lược tại Đông Nam Á và thực trạng của cuộc cạnh tranh chiến lược trên từ năm 2009 đến năm 2020, từ đó đưa ra các nhận xét về kết quả và tác động, dự đoán xu hướng vận động trong tương lai và hàm ý chính sách và kiến nghị cho ASEAN và Việt Nam.

Để làm sáng tỏ được mục tiêu nghiên cứu trên, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

(i), Tập hợp, hệ thống cơ sở lý luận về cạnh tranh chiến lược tiếp cận từ các lý thuyết, học thuyết quan hệ quốc tế;

(ii), Phân tích chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc về cạnh tranh chiến lược tại Đông Nam Á;

(iii), Phân tích thực trạng cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020 trên các lĩnh vực là chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng, kinh tế - thương mại, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác;

(iv), Nhận xét về kết quả cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020, tác động của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, dự báo xu hướng vận động trong tương lai và đưa ra hàm ý chính sách và kiến nghị cho ASEAN và Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu về thực trạng cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về thời gian: phạm vi thời gian nghiên cứu là từ năm 2009 đến năm 2020. Cụ thể là năm 2009, sau ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, Mỹ bắt đầu có sự suy yếu tương đối trên phạm vi toàn cầu. Không chỉ vậy, Mỹ cũng bắt đầu những thay đổi chiến lược khi chuyển đổi trọng tâm về châu Á. Trong khi thời điểm này, Trung Quốc đã trỗi dậy và từng bước khẳng định vị thế tại khu vực Đông Nam Á. Đồng thời, từ tháng 01/2009, Barack Obama chính thức nhậm chức trở thành Tổng thống và lãnh đạo nước Mỹ từ năm 2009 đến năm 2017. Trong giai đoạn này, nước Mỹ đã có sự quan tâm đến Trung Quốc và xem Trung Quốc là đối thủ chiến lược tiềm năng. Tiếp đó, dưới chính quyền của Donald Trump trong giai đoạn 2017-2020. Đặc biệt, vào năm 2017, Mỹ chính thức thừa nhận Trung Quốc đã phát triển thành một đối thủ cạnh tranh chiến lược. Đó là lý do đề tài tiếp cận cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á theo hai giai đoạn: từ năm 2009 đến năm 2017, tương ứng giai đoạn cầm quyền của Barack Obama và từ năm 2017 đến năm 2020, tương ứng với sự lãnh đạo của Donald Trump. Trong đó, năm 2017 là cột mốc quan trọng đánh dấu sự thay đổi lớn trong nhận thức của Mỹ và chính thức phổ biến thuật ngữ “cạnh tranh chiến lược” để mô tả về sự cạnh tranh của Mỹ và Trung Quốc. Sự thay đổi về chiến lược bắt đầu từ phía Mỹ, trong khi Trung Quốc có xu hướng điều chỉnh chiến lược, chính sách đối ngoại dựa trên sự thay đổi của Mỹ. Do đó, đề tài tiếp cận thực trạng cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung chủ yếu cách tiếp cận từ Mỹ và theo

phân kỳ nhiệm kỳ Tổng thống cùng giai đoạn cầm quyền của nhà lãnh đạo cao nhất của nước Mỹ. Đáng chú ý, năm 2020 là thời điểm kết thúc nhiệm kỳ của Tổng thống Donald Trump và đây cũng là thời điểm kết thúc giai đoạn đầu đầu tiên khi Mỹ chính thức xem Trung Quốc là một đối thủ cạnh tranh chiến lược.

Về không gian: luận án nghiên cứu cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở khu vực Đông Nam Á, trong đó, đề tạo bức tranh tổng quan về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, đề tài đề cập đến bối cảnh thế giới và tình hình khu vực trong giai đoạn 2009-2020.

Về nội dung: luận án phân tích cơ sở lý luận và các chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc tại Đông Nam Á; từ đó đi sâu vào nghiên cứu thực trạng của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở khu vực Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020 và đưa ra nhận xét về cuộc cạnh tranh chiến lược trên và dự báo xu hướng vận động và tầm nhìn năm 2045. Luận án tập trung nghiên cứu cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở khu vực Đông Nam Á trong phạm vi của các lĩnh vực là chính trị - ngoại giao; an ninh - quốc phòng; kinh tế - thương mại; khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án “Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020” được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin, các lý thuyết quan hệ quốc tế là chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa kiến tạo. Đồng thời, đề tài khảo cứu cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung từ năm 2009 đến năm 2020 là thời điểm Mỹ suy yếu tạm thời và nhận thức rõ hơn về mong muốn “xét lại” từ Trung Quốc nên đã có những thay đổi quan trọng về mặt chiến lược và gọi tên cuộc cạnh tranh này là “cạnh tranh chiến lược”.

4.2. Cách tiếp cận

Luận án “Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020” là một nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, cụ thể hơn là quan hệ quốc tế, chủ yếu là một nghiên cứu phân tích và đánh giá. Để thực hiện được các mục tiêu nghiên cứu đề ra, luận án sử dụng một số cách tiếp cận chính sau:

- Cách tiếp cận cấp độ phân tích: Để phân tích, đánh giá thực trạng cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020 một cách hệ thống và toàn diện, đề tài tiếp cận theo các cấp độ phân tích: (i), cấp độ phân tích cá nhân, mà cụ thể là các nhà lãnh đạo cao nhất trong chính quyền của Mỹ và Trung Quốc từ năm 2009 đến năm 2020; (ii), cấp độ phân tích trong nước (nghiên cứu tình hình nội bộ, các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc); (iii), cấp độ phân tích liên quốc gia.

- Cách tiếp cận địa - chính trị đặt cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung dưới góc độ cạnh tranh địa - chính trị, cạnh tranh quyền lực của khu vực Đông Nam Á, từ đây thấy rõ lợi ích chiến lược, mục tiêu chiến lược của Mỹ và Trung Quốc trong tranh giành ảnh hưởng đối với khu vực.

- Cách tiếp cận từ các mô hình phân tích: Luận án sử dụng mô hình phân tích là “Lăng kính cạnh tranh” của Grant Mason để làm cơ sở phân tích dự báo xu hướng vận động cùng tầm nhìn 2045 của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án “Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020” áp dụng nhiều phương pháp được lồng ghép linh hoạt nhằm làm nổi bật vấn đề nghiên cứu và tăng tính khoa học cho đề tài mà các phương pháp được sử dụng cụ thể như sau:

- Phương pháp lịch sử: Phạm vi thời gian nghiên cứu của đề tài là từ năm 2009 đến năm 2020, tương ứng với 11 năm, do đó, cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á cần được xem xét trong tiến trình lịch sử cụ thể, không gian, thời gian

là bối cảnh chung của thế giới và tình hình của khu vực Đông Nam Á thông qua từng giai đoạn phát triển nhất định; phù hợp với logic lịch sử...

- Phương pháp phân tích chính sách được sử dụng nhằm làm sáng tỏ chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc ở Đông Nam Á góp phần thể hiện phương thức, quá trình triển khai của cuộc cạnh tranh nói trên.

- Phương pháp logic: Đề tài nghiên cứu những thay đổi chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc ở Đông Nam Á để phân tích thực trạng của cuộc cạnh tranh chiến lược này đối với khu vực và từ đó đưa ra các xu hướng vận động trong tương lai.

- Phương pháp so sánh: Đồng thời, đề tài thực hiện so sánh về sự thay đổi trong chiến lược, chính sách của Mỹ và Trung Quốc trong tiến trình chung, đồng thời, những biến động, thay đổi trong thực trạng cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á cũng được xem xét.

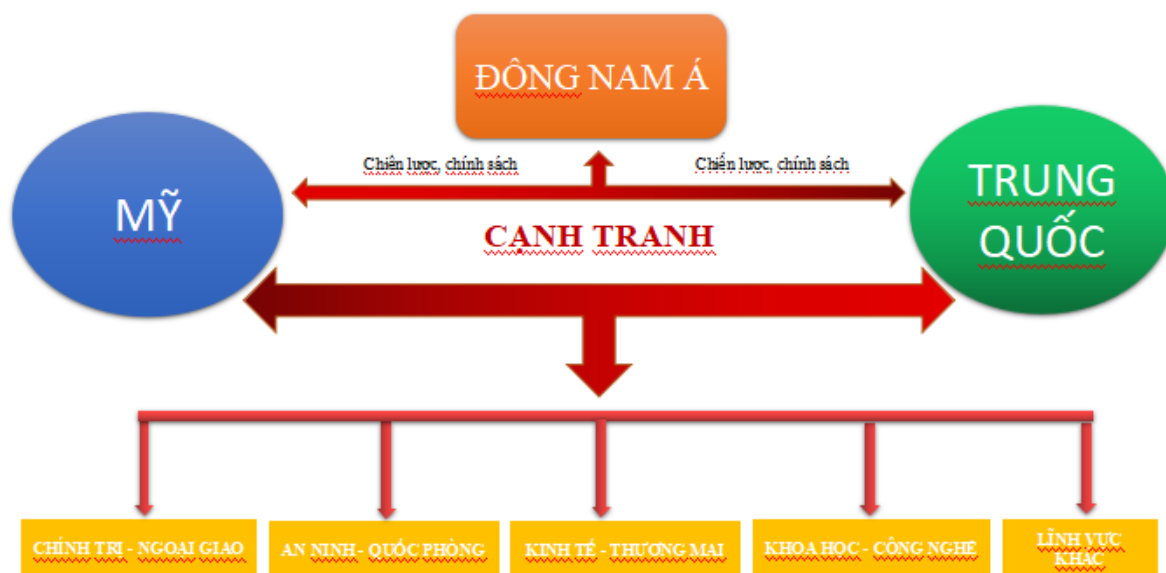
- Phương pháp phân tích và tổng hợp: được sử dụng để thu thập và đánh giá các nguồn tài liệu liên quan đến đề tài, bao gồm chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc. Cụ thể là chính sách “Xoay trục” hay “Tái cân bằng” sang châu Á - Thái Bình Dương của Tổng thống Barack Obama và chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Rộng mở” của Tổng thống Donald Trump; chiến lược “Trỗi dậy hòa bình”, sau đó là “Phát triển hòa bình” và chiến lược “Thế giới hài hòa” dưới thời Chủ tịch Hồ Cẩm Đào và chính sách đối ngoại dưới thời Chủ tịch Tập Cận Bình nhằm hiện thực hóa mục tiêu “phục hưng dân tộc Trung Hoa vĩ đại” nằm trong “Giấc mộng Trung Hoa” thông qua Dự án “Vành đai, Con đường”, Sáng kiến “Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ 21”, Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á.

- Phương pháp hệ thống - cấu trúc: Đề tài nghiên cứu cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung đối với an ninh khu vực và hệ thống quốc tế.

- Phương pháp dự báo: Luận án sử dụng phương pháp dự báo trong việc đưa ra các xu hướng vận động cho cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á trong

tương lai cùng tầm nhìn năm 2045 trên cơ sở phân tích của mô hình “Lăng kính cạnh tranh” của Mason.

4.4. Khung phân tích luận án



Khung phân tích của luận án mô tả sự cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc tại khu vực Đông Nam Á trên nhiều lĩnh vực khác nhau, với hai chủ thể chính là Mỹ và Trung Quốc. Cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc tại khu vực Đông Nam Á được thể hiện thông qua các chiến lược và chính sách của mỗi nước đối với khu vực này. Trong đó, các lĩnh vực cạnh tranh chính là chính trị - ngoại giao; an ninh - quốc phòng; kinh tế - thương mại; khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác (tập hợp lực lượng, gia tăng ảnh hưởng về văn hóa). Thông qua khung phân tích này, luận án hướng tới một bức tranh toàn cảnh về sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc tại Đông Nam Á, với nhiều lĩnh vực khác nhau từ chính trị, an ninh, kinh tế, khoa học đến các lĩnh vực khác. Sự cạnh tranh này không chỉ ảnh hưởng đến các quốc gia Đông Nam Á mà còn tác động đến sự cân bằng quyền lực ở quy mô toàn cầu.

5. Đóng góp của luận án

5.1. Đóng góp về mặt khoa học

Với việc nghiên cứu về “Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020”, luận án tạo nên bức tranh toàn cảnh, phân tích về thực trạng và đưa ra các nhận xét. Đặc biệt, đề tài vận dụng các mô hình trong dự báo là “Lăng kính cạnh tranh” của Grant Mason. Từ đó, đóng góp tích cực về mặt khoa học vào các công trình nghiên cứu về cạnh tranh chiến lược trong quan hệ quốc tế nói chung và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á nói riêng. Từ những kết quả đạt được, luận án đưa ra những nhận xét về kết quả thực trạng cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á, đồng thời, dự báo xu hướng vận động trong tương lai cùng tầm nhìn năm 2045.

5.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, việc tìm hiểu cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung góp phần làm rõ sự vận động của các cường quốc trong cấu trúc khu vực và hệ thống quốc tế. Luận án góp phần đưa ra dự báo xu hướng vận động trong tương lai và là tài liệu tham khảo khi tìm hiểu về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở khu vực Đông Nam Á. Cuối cùng, luận án là tài liệu tham khảo cho việc học tập, giảng dạy, nghiên cứu cho sinh viên, học viên và những ai quan tâm về cạnh tranh chiến lược và khu vực Đông Nam Á.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, luận án được cấu trúc thành 04 chương, bao gồm:

Chương 1: Tổng quan tình hình lịch sử nghiên cứu

Chương này tập trung nghiên cứu các nhóm công trình nghiên cứu, cụ thể là nhóm các công trình về chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc; nhóm các công trình nghiên cứu về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung; nhóm các công trình nghiên cứu về nhận xét và dự báo xu hướng vận động của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung nhằm đưa ra các đánh giá tổng thể, những nội dung cần bổ sung để phát triển

vào khoảng trống nghiên cứu về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á tại Việt Nam.

Chương 2: Cơ sở lý luận và thực tiễn của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020

Chương 2 tiếp cận cơ sở lý luận về cạnh tranh chiến lược và cơ sở thực tiễn của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020. Thứ nhất, dưới góc độ khái niệm và nội hàm, chương này phân tích thuật ngữ “cạnh tranh chiến lược”. Không chỉ vậy, chương 2 còn phân tích về cạnh tranh chiến lược trong lý thuyết quan hệ quốc tế. Thứ hai, ở cơ sở thực tiễn của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020, chương này phân tích bối cảnh thế giới và tình hình khu vực; vị trí địa lý của Đông Nam Á; cùng nhận thức chiến lược của Mỹ và Trung Quốc đối với khu vực Đông Nam Á.

Chương 3: Thực trạng cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020

Chương 3 tập trung phân tích chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc tại Đông Nam Á và thực trạng cạnh tranh chiến lược trong quan hệ Mỹ - Trung tại Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020, trên các lĩnh vực bao gồm: chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng, kinh tế - thương mại, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác. Nội dung tập trung vào các biểu hiện cụ thể của các cường quốc trong cuộc cạnh tranh chiến lược khi nhiều nhân tố phức tạp, đan xen trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều biến động.

Chương 4: Nhận xét về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020, dự báo xu hướng vận động tầm nhìn đến năm 2045 và hàm ý chính sách cho ASEAN và Việt Nam

Chương 4 đưa ra các nhận xét về cạnh tranh chiến lược trong quan hệ Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020 và dự báo xu hướng vận động trong tương lai, tầm nhìn năm 2045. Thứ nhất, chương này đưa ra nhận xét về kết quả cạnh tranh

chiến lược trong quan hệ Mỹ - Trung ở Đông Nam Á. Thứ hai, tác động của cuộc cạnh tranh đến quan hệ song phương Mỹ - Trung được phân tích theo các lĩnh vực. Thứ ba, chương 4 đưa ra dự báo xu hướng vận động của cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á cùng tầm nhìn đến năm 2045 trên cơ sở phân tích là mô hình “Lăng kính cạnh tranh” của Mason. Thứ tư, chương này đề xuất hàm ý chính sách và kiến nghị cho ASEAN và Việt Nam đối với cạnh tranh chiến lược Mỹ Trung trong tương lai.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Chủ đề về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung nói chung và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á nói riêng luôn thu hút sự chú ý và quan tâm của nhiều đối tượng trong xã hội từ giới học giả, các nhà nghiên cứu, các nhà quan sát và các cá nhân không chỉ ở Việt Nam mà cả trên thế giới. Trong bối cảnh sự vận động và phát triển của cả Mỹ và Trung Quốc trên bản đồ quyền lực thế giới, cạnh tranh chiến lược của hai cường quốc đều có thể ảnh hưởng đến an ninh khu vực Đông Nam Á và tình hình chính trị toàn cầu. Không chỉ vậy, khu vực Đông Nam Á còn ẩn chứa nhiều tranh chấp nội tại từ các vấn đề địa chính trị, di sản lịch sử và các điểm nóng an ninh, đặc biệt là liên quan đến chủ quyền trên biển. Do đó, thực trạng cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020 là vấn đề quan hệ quốc tế mang tính lịch sử tác động đa chiều đến trật tự an ninh và sự phát triển chung của khu vực. Ở chương 1, nội dung trọng tâm là các công trình nghiên cứu liên quan đến cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở khu vực Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020 thể hiện trên các lĩnh vực, cụ thể là chính trị - ngoại giao; an ninh - quốc phòng; kinh tế - thương mại; khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác.

Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tiếp cận từ cách nhìn tổng quan là một trong những sự lựa chọn phổ biến của các nhà nghiên cứu để đưa ra bức tranh tổng quát về hiện tượng quan hệ quốc tế này. Từ năm 2009 - thời điểm bắt đầu nhiệm kỳ của Tổng thống Barack Obama, tính chất cạnh tranh chiến lược bắt đầu xuất hiện ở Đông Nam Á. Đồng thời, từ năm 2017, nghiên cứu về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tăng nhanh về cả số lượng lẫn chất lượng khi Tổng thống Donald Trump xác định Trung Quốc là đối thủ chiến lược của Mỹ.

Để phân tích rõ hơn các công trình được chia theo các nhóm nội dung sau: (i), Nhóm các công trình nghiên cứu về chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc; (ii), Nhóm các công trình nghiên cứu về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung; (iii), Nhóm các công trình nghiên cứu về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á.

1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ

Chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ từ năm 2009 đến năm 2020 đã được quan tâm và nghiên cứu ở Việt Nam thể hiện thông qua số lượng lẫn chất lượng. Một trong những cách tiếp cận nổi bật là tiếp cận từ quan điểm của các trường phái lý thuyết quan hệ quốc tế. Điểm chung là các tác giả thường tiếp cận theo các trường phái chung và quan tâm đến trường hợp nghiên cứu là Việt Nam. Việt Nam được đề cập và nghiên cứu trên nền tảng các chính sách của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á... Một số công trình có thể kể đến như: Cuốn sách *“Chính sách đối ngoại Mỹ: Tiếp cận từ Thuyết hiện thực mới và trường hợp Việt Nam sau khi Bình thường hóa quan hệ đến nay”* của Lê Đình Tĩnh (2020) tập trung lý giải những nội dung cơ bản của chính sách đối ngoại Mỹ sau Chiến tranh Lạnh dưới lăng kính của thuyết Hiện thực mới. Theo tác giả, với một lý thuyết quan hệ quốc tế có ảnh hưởng lớn và “mang đậm tính chất Mỹ”, thuyết Hiện thực mới có lợi thế trong việc phân tích chính sách đối ngoại Mỹ [Lê Đình Tĩnh, 2020b]. Kết quả nghiên cứu trên đã tạo nền tảng và định hướng cho đề tài trong cách tiếp cận của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á thông qua trường hợp nghiên cứu là Việt Nam. Cuốn sách *“Chính sách an ninh của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á dưới thời Tổng thống Donald Trump”* (Sách chuyên khảo) của Phạm Cao Cường (2022) làm rõ mục tiêu, thực trạng triển khai chính sách an ninh của Mỹ với Đông Nam Á. Đặc biệt, những đánh giá, dự báo và hàm ý chính sách là những quan điểm quý báu khi luận án tiếp cận lĩnh vực an ninh - quốc phòng trong cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung. Đồng thời, tác giả Nguyễn Cao Cường (2022) cũng có sách xuất bản là *“Sự can dự về an ninh của Mỹ ở Đông Nam Á dưới thời chính quyền Bill Clinton và George W. Bush”*. Công trình này cung cấp các thông tin nền tảng để hiểu rõ về sự can dự của Mỹ ở Đông Nam Á trong lĩnh vực an ninh. Đây là cơ sở để các tổng thống kế nhiệm như Barack Obama và Donald Trump kế thừa và can dự sâu hơn các vấn đề an ninh của khu vực. Ngoài ra, một số bài viết có thể kể đến như: *“Các trọng điểm trong chính sách của Mỹ ở Đông Nam Á hiện nay”* [Nguyễn Thị Thanh Vân, 2014]; *“Chủ nghĩa tự do và chính sách đối ngoại của Mỹ”* [Đỗ Thị Ngọc Anh, 2022];...

Bên cạnh đó, chính sách đối ngoại Mỹ còn được xem xét theo nhiệm kỳ của các đời tổng thống, cụ thể là: Công trình “*Obama và sự trỗi dậy của Trung Quốc trong chiến lược châu Á của Mỹ*” (tên tiếng Anh: *Obama and China’s Rise in America’s Asian Strategy*) của Jeffrey A. Bader (2015) tập trung phân tích chính sách đối ngoại của chính quyền Tổng thống Barack Obama trong bối cảnh sự trỗi dậy của Trung Quốc ngày càng mạnh mẽ; tác giả dành sự quan tâm lớn cho khu vực Đông Nam Á và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Tuy vậy, công trình mới dừng lại ở việc phân tích động thái của một số nước Đông Nam Á thể hiện mong muốn có sự hiện diện của Mỹ tại khu vực mà chưa đề cập đến lợi ích chiến lược và tác động của các chiến lược này đến sự cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung [Bader, 2015]. Luận án Tiến sĩ Đông Nam Á học “*Chính sách đối với Đông Nam Á của chính quyền Tổng thống Barack Obama (2009-2016)*” của Phạm Hoàng Tú Linh (2016) được bảo vệ tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, phân tích sự thay đổi chiến lược của chính quyền Tổng thống Barack Obama khi đặt Đông Nam Á vào vị trí trung tâm của chiến lược toàn cầu, dựa trên nguyên tắc quan hệ song phương và đa phương. Trong đó, kết quả nghiên cứu cho thấy chính sách “Xoay trục” của Mỹ đã góp phần củng cố quan hệ với các quốc gia ở Đông Nam Á, duy trì thế cân bằng chiến lược với Trung Quốc và từ đó thúc đẩy môi trường hòa bình, ổn định, hữu nghị và hợp tác [Phạm Hoàng Tú Linh, 2016]; Công trình “*Tác động của các nhân tố nội bộ đối với chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Donald Trump*” của Tô Anh Tuấn chủ biên (2019) cung cấp một bức tranh tổng thể về những nhân tố bao gồm nhân tố tác động và nhân tố nội bộ; mối tương quan của thể chế chính trị tam quyền phân lập (hành pháp, lập pháp và tư pháp) và chính sách đối ngoại. Đáng chú ý, công trình đã tiếp cận chính sách đối ngoại Mỹ ở cấp độ cá nhân thông qua trường hợp của Tổng thống Donald Trump. Ngoài ra, các nhân tố khác cũng được xem xét như môi quan hệ của Đảng Cộng hòa và Tổng thống Donald Trump; cơ quan tư vấn chính sách, nhóm lợi ích, tổ chức vận động hành lang của Mỹ; truyền thông và công chúng Mỹ [Tô Anh Tuấn chủ biên, 2019]. Sách “*Chính sách đối ngoại Mỹ dưới thời Chính quyền Joe Biden và những tác động tới quan hệ quốc tế*” của Lê Công Tiến, Trần Huyền Trang (2024) phân tích xu hướng thay đổi của một số yếu tố định hình chính sách đối ngoại trên cơ sở nghiên cứu các văn bản chiến lược được công bố và thực tế triển khai,

cuốn sách khái quát hóa chính sách đối ngoại Mỹ trong 2 năm đầu nhiệm kỳ Tổng thống Joe Biden về các trụ cột chính sách, mục tiêu ưu tiên, đường hướng triển khai.

Bên cạnh đó, một số bài viết đề cập đến sự điều chỉnh chiến lược, các chiến lược theo từng giai đoạn trong chính sách đối ngoại Mỹ, có thể kể đến như: “*Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở của Mỹ: Vai trò và cách thức triển khai*” [Phạm Thị Thanh Bình, Vũ Nhật Quang, 2020]; “*Sự can dự của Mỹ tại châu Á - Thái Bình Dương: Từ chính quyền của Tổng thống B. Ô-ba-ma đến Chính quyền của Tổng thống Đ. Trăm*” [Phạm Minh Thu, 2019]; “*Điều chỉnh chiến lược của Mỹ ở Châu Á - Thái Bình Dương: Những tác động đối với mối quan hệ khu vực*” [Hoàng Khắc Nam, 2017a]; “*Chiến lược an ninh quốc gia Mỹ 2017 và chiều hướng quan hệ Mỹ - Trung trong thời gian tới*” [Đặng Cẩm Tú, 2018];... cũng chú trọng phân tích chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ.

Đối với các học giả, nhà nghiên cứu nước ngoài, chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ từ năm 2009 đến năm 2020 cũng nhận được sự quan tâm lớn, thể hiện thông qua các công trình như sau:

Công trình “*Security policy in Asia from Obama to Trump: Autopilot, neglect or worse?*” của Nick Bisley (2020) thảo luận về chính sách châu Á mà Tổng thống Donald Trump kế thừa từ Tổng thống Barack Obama liên quan đến lợi ích chiến lược cùng các chiến lược dài hạn của Mỹ. Không chỉ vậy, tác giả trình bày có hệ thống về cách Tổng thống Donald Trump tiếp cận các thách thức an ninh quan trọng của châu Á và các tuyên bố mang tính định hướng khu vực khi tập trung vào Trung Quốc và lĩnh vực thương mại [Bisley, 2020]. Công trình “*The Economy-security Conundrum in American Grand Strategy: Foreign Economic Policy toward China from Obama to Biden*” (Bài toán học búa về an ninh - kinh tế trong chiến lược của nước Mỹ: Chính sách kinh tế đối ngoại đối với Trung Quốc từ Obama đến Biden) của Zeno Leoni (2022) nghiên cứu về vấn đề chiến lược “học búa” của Mỹ về an ninh - kinh tế. Những lo ngại liên quan đến các thể chế, mạng lưới kinh tế xuyên quốc gia, mối quan tâm an ninh quốc gia đòi hỏi chính quyền của các tổng thống Mỹ phải nỗ lực cân bằng giữa các lợi ích quan trọng nhưng vẫn phải đối phó với các thách thức từ Trung Quốc. Vì vậy, dù cách thức khác nhau, các chính quyền Mỹ đều theo đuổi các mục tiêu dài hạn

giống nhau thông qua các chiến lược với tên gọi khác nhau [Leoni, 2022]. Về phương thức Mỹ tiếp cận khu vực Đông Nam Á, Mỹ đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống đồng minh - đối tác. Điểm đáng chú ý là từ năm 2009 đến năm 2020, Mỹ dành sự quan tâm lớn cho thiết lập, nâng cấp quan hệ đối tác.

Sách “*Imperfect partners: The United States and Southeast Asia*” (Những đối tác không hoàn hảo: Mỹ và Đông Nam Á) của Scot Marciel (2023) tập trung phân tích về quan hệ của Mỹ với các đối tác quan trọng tại Đông Nam Á trong gần 40 năm. Theo đó, ba nhóm chính là đồng minh, các nước “cạnh thù và các nước trong quá trình chuyển đổi. Đối tác không hoàn hảo là sự kết hợp giữa hội ký và nội dung nghiên cứu chính sách đối ngoại về quan hệ của Mỹ với Đông Nam Á. Những phân tích, đánh giá của tác giả đã phác thảo một bức tranh toàn cảnh về lịch sử quan hệ của Mỹ với các quốc gia Đông Nam Á, hỗ trợ những hiểu biết cơ bản về quan hệ của Mỹ ở khu vực cho đề tài.

Bên cạnh đó, những nội dung này đã cũng được đề cập ở các công trình như: “*Explaining US Strategic Partnerships in the Asia-Pacific Region: Origins, Developments and Prospects*” (Lý giải Quan hệ Đối tác Chiến lược của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương: Nguồn gốc, Diễn biến và Triển vọng) [Parameswaran, 2014]; Ở công trình “*The American Way of Partnership*” (Phương thức Mỹ thiết lập quan hệ đối tác) nghiên cứu cách thức Mỹ xây dựng mạng lưới đồng minh - đối tác ở khu vực Đông Nam Á [Hamilton, 2014]. Bên cạnh đó còn có một số công trình của các nhà nghiên cứu nước ngoài khác như: 拜登政府的南海政策：地区影响及其限度 (Chính sách Biển Đông của Chính quyền Tổng thống Biden: Những hàm ý cho an ninh khu vực và Hạn chế) [鞠海龙 林恺斌 2022]; “Trump’s New Cold War Alliance in Asia is Dangerous” (Liên minh Chiến tranh Lạnh mới của Trump ở châu Á là nguy hiểm) [Khurana, 2018];...

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về chiến lược, chính sách đối ngoại của Trung Quốc

Chiến lược, chính sách đối ngoại của Trung Quốc là một đề tài nhận được sự quan tâm lớn của các nhà nghiên cứu Việt Nam. Một số công trình tiêu biểu là: Cuốn

sách “*Điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc và những tác động tới quan hệ Mỹ - Trung*” do Cù Chí Lợi chủ biên (2018) nghiên cứu về quan hệ Mỹ - Trung Quốc trên các lĩnh vực là chính trị, kinh tế, an ninh - quân sự, những điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc, phản ứng của Mỹ cùng xu thế quan hệ Mỹ - Trung Quốc và tác động của quan hệ Mỹ - Trung Quốc tới Việt Nam. Đây là một công trình nghiên cứu toàn diện về điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc lẫn những vấn đề cơ bản trong cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung nói chung. Tuy nhiên, tác giả tiếp cận việc điều chỉnh các chính sách của Tập Cận Bình mà chưa có sự so sánh với các nhà lãnh đạo trước đó để làm nổi bật sự khác biệt trong chiến lược của Trung Quốc qua các giai đoạn [Cù Chí Lợi, 2018]. Công trình “*Giấc mộng châu Á của Trung Quốc Công cuộc xây dựng để chế độ theo con đường tư lựa mới*” của Tom Miller (2018) (do Đoàn Duy dịch, Phạm Sỹ Thành hiệu đính) tập trung vào quan hệ của Trung Quốc với Đông Nam Á, Nam Á và Trung Á. Tác giả nghiên cứu khá toàn diện về việc thực thi giấc mộng của Trung Quốc như: (i), Tài trợ cho con đường tư lựa mới qua Sáng kiến “Vành đai và Con đường” hay “Nhất đới, Nhất lộ”, Ngân hàng đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á, cuộc chạy đua vũ trang về cơ sở hạ tầng của châu Á; (ii), “Tây tiến” đến Tân Cương, Trung Á, Nga bằng cách thúc đẩy quyền lực bằng kinh tế; (iii), “Xuôi theo dòng Mekong” tập trung vào Lào và Campuchia; (iv), Quan tâm đến cửa ngõ vào vịnh Bengal, đặc biệt là Myanmar; (v), “Chuỗi ngọc trai” và những vấn đề ở Ấn Độ Dương với sự quan tâm dành cho Ấn Độ Dương, Pakistan, Ấn Độ, Sri Lanka; (vi), “Vùng biển sục sôi: Tham vọng của Trung Quốc vẽ lại bản đồ vùng Biển Đông” và tập trung nghiên cứu Việt Nam. Công trình cung cấp bức tranh toàn cảnh về việc thực thi chiến lược lớn của Trung Quốc cũng như sự lựa chọn chính sách của nước này ở từng khu vực cụ thể. Những dịch chuyển trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc từ thời Tập Cận Bình đã mang đến hình ảnh một Trung Quốc đang “phấn đấu để thành công” và mong muốn ở vị trí trung tâm của một châu Á năng động và đa dạng, một châu Á gắn chặt với lợi ích của Trung Quốc [Tom Miller, 2018]. Bài viết “*Chiến lược kiềm chế Trung Quốc của Mỹ và tác động của nó đến quan hệ Mỹ - Trung nhìn từ cấp độ hệ thống*” của Nguyễn Ngọc Anh (2019) phân tích chiến lược của Mỹ hướng tới mong muốn quản lý quan hệ Mỹ - Trung. Trong đó, Mỹ nhấn mạnh đến các động thái kiềm chế trên các lĩnh vực, vấn đề quan trọng như kinh tế, công nghệ, chủ quyền lãnh thổ, quyền lực

mềm, rắn đe quân sự, ngăn chặn liên minh, liên kết. Ngoài ra, có tác giả tiếp cận theo hướng lý giải động cơ mong muốn kiểm chế Trung Quốc của Mỹ, sự trỗi dậy của Trung Quốc, bầy Thucydides [Nguyễn Ngọc Anh, 2019]. Công trình “*Sức mạnh mềm của Trung Quốc trong cạnh tranh chiến lược với Mỹ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tác động và hàm ý đối với Việt Nam*” do Đinh Thị Hiền Lương chủ biên (2022) làm rõ cơ sở lý luận của sức mạnh mềm kết hợp với khung lý thuyết của các trường phái quan hệ quốc tế và cách tiếp cận của Trung Quốc. Đặc biệt, công trình đánh giá thành công và hạn chế của việc điều chỉnh chính sách và triển khai các sáng kiến của Trung Quốc trong cạnh tranh chiến lược với Mỹ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương [Đinh Thị Hiền Lương, 2022]. Bên cạnh đó, một số công trình cũng có giá trị hữu ích trong quá trình thực hiện đề tài như: “*Chính sách ngoại giao năng lượng của Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI*” [Nguyễn Minh Mẫn, 2015]; “*Sáng kiến “Vành đai, Con đường” của Trung Quốc: 5 năm nhìn lại*” [Nguyễn Thu Hà, 2019]; “*Nhận diện đối sách của Trung Quốc với các chiến lược của Mỹ trong thời gian gần đây và kiến nghị chính sách cho Việt Nam*” [Đỗ Tiến Sâm, 2020]; “*Chiến lược toàn cầu của Trung Quốc trong bối cảnh mới*” (Sách phục vụ cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược) [Nguyễn Quang Tuấn, 2021];...

Đáng chú ý, ở các tư liệu tiếng Trung, liên quan đến chủ trương, chiến lược, chính sách của Trung Quốc, các nhà nghiên cứu thường tập trung vào chính sách, đường lối, chỉ đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc và các nhà lãnh đạo như Hồ Cẩm Đào, Tập Cận Bình cùng lãnh đạo cấp cao, sự phát triển của quân đội và lực lượng hải quân, cụ thể một số công trình như sau: “*海洋, 國家, 海權*” (Đại dương, Quốc gia và Sức mạnh biển) [陸壽德, 2000]; “*山東半島與東方海上絲綢之路*” (Bán đảo Sơn Đông và Con đường Tơ lụa trên biển phía Đông) [劉鳳鳴, 2007]; “*中國輪船航運業的興起*” (Sự trỗi dậy của ngành vận tải biển Trung Quốc) [樊百川, 2007]; “*新帝國主義*” (Chủ nghĩa đế quốc mới) [大卫·哈维, 2009]; “*中國古代海洋意象史輯*” (Tượng tượng hàng hải của Trung Quốc thời kỳ đầu đế quốc) [季岸先, 2010]; “*新亞洲半球*” (Bán cầu châu Á mới) [马凯硕, 2010]; “*洋防輯要*” (Về Phòng thủ Hải quân) [嚴如煜, 2011]; “*防海危言*” (Cảnh báo về Phòng thủ Hải quân) [龔觀應, 2011]; “*习近平: 决胜全面建成小康社会夺取新时代中国特色社会主义伟大胜利-在中国共产党第十九次全国代表大会上的报告*” (Tập Cận Bình: Quyết xây

dựng thắng lợi xã hội thịnh vượng toàn diện và giành thắng lợi vĩ đại của chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc trong thời kỳ mới - tại Đại hội 19 Đảng Cộng sản Trung Quốc) [习近平, 2018];...

Đáng chú ý, các nhà nghiên cứu Trung Quốc có xu hướng nghiên cứu về lịch sử, văn hóa của các nước Đông Nam Á, đặc biệt là các bản đồ từng được thực hiện trong quá khứ để chứng minh sự hiện diện trong lịch sử, một số công trình có thể đề cập đến như: “浙江沿海圖說” (Kiểm tra Bản đồ Bờ biển Chiết Giang) [朱正元, 2011]; “瀛海方程 中國海洋發展理論和歷史文化” (Phát triển Đại dương: Lý thuyết, Lịch sử và Văn hóa Phát triển Hàng hải ở Trung Quốc) [杨国栋, 2008]; “中國海防史” (Lịch sử phòng thủ bờ biển Trung Quốc) [楊金森, 范中義, 2005]; “台灣海疆史研究” (Nghiên cứu lịch sử về biên giới hàng hải Đài Loan) [陳在正, 2002]; “中國海洋史論集” (Nghiên cứu về Lịch sử Hàng hải Trung Quốc) [曹永和, 2000]; “台灣的海洋歷史文化” (Văn hóa và Lịch sử Đại dương của Đài Loan) [戴寶村, 1954]...

1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung

Với sự quan tâm đến đề tài liên quan cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở phạm vi toàn cầu và quan hệ song phương Mỹ - Trung với cách tiếp cận tổng quan, một số công trình nghiên cứu của các học giả Việt Nam về nội dung này là: Bài viết “*Quan hệ Mỹ - Trung dưới thời Tổng thống Donald Trump*” của Nguyễn Ngọc Anh (2017) nghiên cứu tiến trình và dự đoán tương lai về quan hệ của hai cường quốc là Mỹ và Trung Quốc dưới thời Tổng thống Donald Trump. Đáng chú ý, tác giả sử dụng các lý thuyết phân tích chính sách đối ngoại với hai dự đoán về tương lai [Nguyễn Ngọc Anh, 2017].

Bên cạnh đó, công trình “Việt Nam cạnh tranh quyền lực Mỹ - Trung” nhấn mạnh trong bối cảnh toàn cầu hóa, hai cường quốc Mỹ và Trung Quốc sẽ khó có những hành động đơn phương vượt quá giới hạn. Trước cuộc cạnh tranh Mỹ - Trung, các quốc gia tại khu vực đều phải chịu tác động từ hai phía và tác giả xem đây là sự “cạnh tranh quyền lực” [Nguyễn Ngọc Anh, 2018]. Công trình “*Quan hệ Trung - Mỹ: Hiện tình và triển vọng*” của Trường Lưu (2018) tập trung đánh giá quan hệ Trung - Mỹ trong lĩnh vực kinh tế - thương mại và chính trị an ninh tại khu vực Đông Á mà chủ yếu nghiên cứu trường hợp vấn đề hạt nhân Triều Tiên và Biển Đông. Theo tác giả, quan

hệ Trung - Mỹ trở lại quỹ đạo “vừa hợp tác, vừa cạnh tranh”. Tài liệu cung cấp dữ liệu đa chiều và tập trung vào hai lĩnh vực chính liên quan đến kinh tế và chính trị có nhiều điểm tương đồng trong cách tiếp cận của đề tài [Trường Lưu, 2018]. Công trình “*Kiến trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương Thực trạng và triển vọng*” của Phạm Quang Minh (2018) mô tả toàn diện các nhân tố liên quan đến kiến trúc an ninh tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đặc biệt, công trình có đề cập và phân tích về cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Mỹ, cũng như tương tác an ninh quốc phòng giữa hai nước. Không chỉ vậy, tác giả còn đưa ra đánh giá về tác động và những chiều hướng của kiến trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Do đó, đây là một trong số các công trình đặc biệt quan trọng khi phân tích và dự báo về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung [Phạm Quang Minh, 2018]. Công trình “*Về Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở của Mỹ*” của Nguyễn Trịnh Quỳnh Mai, Trần Đăng Tú Nhi (2018) trên Tạp chí Cộng sản nhận định Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương xét về bản chất là sự điều chỉnh chiến lược trong chính sách của Mỹ với Trung Quốc. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung có thể khiến các quốc gia ở khu vực rơi vào vòng xoáy cạnh tranh. Trong khi đó, cạnh tranh chiến lược còn bị chi phối bởi sự thiếu hụt lòng tin của hai bên, sự bất ổn định tăng lên dẫn đến các xu hướng trong tương lai xa về nguy cơ thay đổi trật tự thế giới và khu vực liên quan đến quan hệ Mỹ - Trung [Nguyễn Trịnh Quỳnh Mai, Trần Đăng Tú Nhi, 2018].

Bên cạnh đó, đặc biệt là công trình “*Định mệnh chiến tranh Mỹ và Trung Quốc có thể thoát khỏi Thucydides?*” của Graham Allison (2019) (do Nguyễn Thế Phương dịch) tiếp cận từ góc độ lý thuyết quan hệ quốc tế. Tác giả phân tích lịch sử chiến tranh, tập trung vào các cuộc chiến tranh gắn với tranh chấp quyền lực giữa một quốc gia “đương kim thống trị” với một quốc gia “mới nổi” nhưng muốn tranh đoạt ngôi vị đó. Đồng thời, tác giả mong muốn đưa ra một viễn cảnh tích cực khi hai cường quốc có thể tránh được cuộc chiến tranh hủy diệt như từng xuất hiện trong lịch sử [Allison, 2019]. Cuốn sách “*Trung Quốc và Mỹ với an ninh Đông Á từ sau Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc: Tác động và dự báo*” do Lê Văn Mỹ chủ biên (2020) tập trung phân tích vai trò của Đông Á với lợi ích chiến lược của Trung Quốc và của Mỹ, những vấn đề an ninh của Đông Á và tác động, dự báo về sự can dự của Trung Quốc, Mỹ đối với an ninh Đông Á. Công trình nghiên cứu đã đưa ra bức tranh khái quát về an ninh Đông Á

cùng sự can dự của cả Trung Quốc lẫn Mỹ trong việc đối mặt với các thách thức an ninh ở khu vực. Tài liệu cung cấp nhiều thông tin, nguồn dữ liệu hữu ích khi tìm hiểu về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung trong lĩnh vực an ninh, chính trị [Lê Văn Mỹ, 2020]. Đồng thời, Ở công trình “*Tam giác chiến lược Mỹ - Trung Quốc - Nga trong cục diện khu vực châu Á-Thái Bình Dương hiện nay*”, Nguyễn Quang Chiến (2020) đưa ra các đặc điểm trong tam giác cạnh tranh chiến lược trên thông qua mục tiêu chiến lược quốc gia do các bên công bố và những đề xướng ý tưởng, sáng kiến và mô hình phát triển cùng việc triển khai hành động trên thực tế của các cường quốc. Tài liệu có giá trị tham khảo đối với đề tài khi đặt cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung trong bối cảnh có sự tham gia của một cường quốc truyền thống tại khu vực là Nga. Công trình trên tiếp cận theo hướng đặc điểm, tư duy chiến lược và động thái của các cường quốc và có giá trị tham khảo lớn đối với đề tài [Nguyễn Quang Chiến, 2020]. Chủ đề nghiên cứu cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung còn được tiếp cận theo lĩnh vực như chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng - quân sự, công nghệ - kỹ thuật,... Công trình “*Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và an ninh quốc gia trong tình hình mới*” của Phạm Ngọc Anh, Trần Văn Dũng đồng chủ biên (2020) nghiên cứu những vấn đề cơ bản về chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, trong đó nhấn mạnh đến các đặc điểm và các yếu tố tác động. Đặc biệt, các tác giả đã phân tích thực trạng và đưa ra dự báo về cạnh tranh thương mại Mỹ - Trung và các thách thức đối với an ninh quốc gia do hệ quả của cuộc chiến tranh thương mại này [Phạm Ngọc Anh, Trần Văn Dũng, 2020]. Đây là tư liệu quan trọng trong quá trình thực hiện đề tài, đặc biệt ở nội dung cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung trên lĩnh vực kinh tế.

Công trình “*Cạnh tranh Mỹ - Trung trong lĩnh vực công nghệ cao*” của Khoa Quan hệ Quốc tế, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Viện Nghiên cứu châu Mỹ, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (2023) nhấn mạnh cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung trải dài ở nhiều lĩnh vực, trong đó khoa học - công nghệ nhiều khả năng sẽ trở thành chiến trường chính trong cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc. Khoảng cách nhận thức giữa hai cường quốc về cách sử dụng công nghệ ngày càng gia tăng và nỗ lực của hai nước nhằm giành chiến thắng trong cuộc đua công nghệ cũng có nhiều khác biệt [Khoa Quan hệ Quốc tế, Viện Nghiên cứu châu Mỹ, 2023]. Ngoài ra còn có công trình khác như: “*Quan hệ Mỹ -*

Trung xét dưới góc nhìn cân bằng quyền lực” [Nguyễn Thái Yên Hương, 2011]; *“Quan hệ Trung - Mỹ 40 năm nhìn lại”* [Phạm Hà, 2012]; *“Những biến động trong chính sách của Mỹ đối với châu Á – Thái Bình Dương thập niên đầu thế kỷ XXI: Cơ sở thực tiễn và lý luận”* [Nguyễn Thái Yên Hương, 2012]; *“Châu Á – Thái Bình Dương: Tâm điểm quan hệ của các nước lớn”* [Nguyễn Thành Đồng, 2014]; *“Tranh chấp thương mại Mỹ - Trung Quốc”* [Trần Minh Nguyệt, 2015]; *“Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung và tương lai của trật tự khu vực ở châu Á - Thái Bình Dương”* [Ngô Chí Nguyễn, 2018]; *“Đặc điểm tình hình quốc tế đương đại - Nhận thức từ khác biệt tư duy chiến lược trong cạnh tranh Trung - Mỹ”* [Phạm Quý Long, 2019]; *“Cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trên lĩnh vực an ninh - chính trị và một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam hiện nay”* [Trịnh Thị Hoa, Lê Quang Mạnh, 2020]; *“Quan hệ quốc tế ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở”* [Phạm Quang Minh, Nguyễn Thị Thùy Trang, 2021];...

Đồng thời, các nhà nghiên cứu phương Tây dành sự quan tâm lớn đối với tác động và phản ứng các các nước khác đối với cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại khu vực. Một số công trình cụ thể như sau: Trong công trình *“China’s Rise and the Balance of Influence in Asia”* (Sự phát triển và cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc ở châu Á), William W. Keller (2007) nhấn mạnh sự trỗi dậy của Trung Quốc và đưa ra các hàm ý chính sách cho Mỹ. Công trình *“China Facing the Trump Presidency Opportunities for Global Power Projection?”* (Trung Quốc đối mặt với cơ hội từ Tổng thống Donald Trump để phô trương sức mạnh toàn cầu?) của Anthony H. F. Li (2017) cho rằng sự thay đổi chiến lược của Tổng thống Donald Trump có thể đẩy Trung Quốc, Mỹ và các nước châu Á vào tình thế “tiên thoái lưỡng nan về an ninh” mà không quốc gia nào mong muốn. Trong khi đó, sự khó đoán của chính quyền Donald Trump trong vấn đề đối ngoại có thể làm tăng những tính toán sai lầm cho Trung Quốc. Hơn nữa, trong trường hợp Mỹ rút lui khỏi vai trò lãnh đạo toàn cầu, Trung Quốc có nhiều cơ hội bằng cách lấp đầy khoảng trống lãnh đạo trong các cuộc thảo luận đa phương. Tuy nhiên, việc Trung Quốc đơn phương sử dụng thương mại, đầu tư và thị trường nội địa làm công cụ chính sách đối ngoại để trừng phạt các nước khác làm suy yếu niềm tin của các quốc gia khác vào năng lực của Trung Quốc để trở thành nhà lãnh đạo toàn cầu [Li, 2017]. Ngoài ra, công trình *“Managing China-U.S. Relations in the Trump Era*

Approaches and Policies” (Quản lý Quan hệ Trung Quốc - Mỹ trong cách tiếp cận và chính sách thời Trump) của Yang Jiemian (2017) nhận định Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Tập Cận Bình đã duy trì sự tập trung chiến lược trong khi Tổng thống Donald Trump chính thức đối đầu trực diện với Trung Quốc. Đáp lại, Trung Quốc tuân thủ các nguyên tắc ngoại giao để bảo vệ lợi ích cốt lõi của quốc gia, xây dựng các chương trình nghị sự chiến lược tổng thể, đi đôi với xu hướng của thời đại và tìm kiếm sự tiến bộ trong khi ổn định quan hệ song phương của Mỹ và Trung Quốc [Jiemian, 2017]. Trong khi đó, công trình “*Strategic Competition in China-US Relations*” (Cạnh tranh chiến lược trong quan hệ Trung - Mỹ) của Michael Nacht, Sarah Laderman, Julie Beeston (2018) bao gồm bốn phần với chủ đề cạnh tranh chiến lược trong quan hệ Trung - Mỹ, tuy nhiên, cả 4 phần đều không đề cập đến cạnh tranh tại khu vực Đông Nam Á [Nacht, Laderman, Beeston, 2018].

Sách “*Under Beijing’s shadow: Southeast Asia’s China challenge*” (Dưới cái bóng của Bắc Kinh: Thách thức mang tên Trung Quốc của Đông Nam Á) của Murray Hiebert (2020) mô tả cách ứng xử của các nước Đông Nam Á trước sự phát triển và trỗi dậy của Trung Quốc. Trong đó, tác giả có các phân tích và đánh giá sâu về cách thức Trung Quốc tiếp cận Đông Nam Á như vai trò lãnh đạo, dẫn dắt của khu vực với các dự án về phát triển cơ sở hạ tầng. Cuốn sách đi sâu vào sự trỗi dậy của Trung Quốc như một cường quốc toàn cầu ảnh hưởng đến bối cảnh địa chính trị, kinh tế và xã hội của Đông Nam Á, tập trung vào những thách thức và chiến lược mà khu vực phải đối mặt trong việc điều hướng ảnh hưởng ngày càng tăng của Bắc Kinh. Tác giả nhấn mạnh đến các khía cạnh địa chính trị trong sự can dự của Trung Quốc vào Đông Nam Á thông qua các chiến lược và sáng kiến của Trung Quốc như Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI). Theo đó, tác giả cho rằng mặc dù những khoản đầu tư của Trung Quốc mang lại cơ hội kinh tế cho các nước Đông Nam Á nhưng cũng đi kèm những ràng buộc mà thường dẫn đến sự phụ thuộc ngày càng tăng vào Trung Quốc. Không chỉ vậy, ảnh hưởng của Trung Quốc đã dẫn đến những căng thẳng nội bộ trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) thử thách sự thống nhất và tính trung lập của chủ thể này. Đặc biệt, tác giả đã chú ý đến phản ứng của các quốc gia Đông Nam Á ở cấp độ đa phương với ASEAN và cấp độ song phương truyền thông. Tác giả phân tích các chiến lược được áp dụng bởi các quốc gia như Việt Nam, Singapore và Myanmar,

từ phòng ngừa rủi ro chiến lược và đa dạng hóa quan hệ đối tác đến can dự trực tiếp và điều chỉnh. Đồng thời, ASEAN có vai trò quan trọng như một nền tảng chung để đàm phán với Trung Quốc, mặc dù vấp phải những thách thức trong việc đạt được sự đồng thuận trong tổ chức này [Hiebert, 2020]. Vì những nhận định và phân tích sâu sắc, đây là nguồn tư liệu quý báu để thực hiện đề tài

Công trình *“Understanding the dynamics of the Indo-Pacific: US-China strategic competition, regional actors, and beyond”* (Tìm hiểu về những tham vọng ở Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương: Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, các tác nhân khu vực) của Kai He và Mingjiang Li (2020) phân tích cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung trong khuôn khổ chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Rộng mở” của Tổng thống Donald Trump. Đáng chú ý, các tác giả đã phân tích sự thay đổi trong nhận thức về cạnh tranh chiến lược của Mỹ với Trung Quốc từ thời kỳ của Tổng thống Barack Obama đến thời kỳ của Tổng thống Donald Trump, với sự thay đổi của “châu Á-Thái Bình Dương” sang “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”. Không chỉ vậy, công trình cũng đề cập đến sự khác biệt trong các tiếp cận chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Rộng mở” của các học giả Trung Quốc với các học giả quốc tế [He, Li, 2020]. Bên cạnh đó, công trình *“The Return of U.S.-China Strategic Competition”* (Sự trở lại của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung) của Ashley J. Tellis (2020) phân tích sự phát triển của Trung Quốc thành đối thủ cạnh tranh chiến lược của Mỹ và các tác động của địa chính trị đến sự cạnh tranh trên. Dưới thời kỳ của Donald Trump, Mỹ có sự thay đổi về nhận thức đối với Trung Quốc từ đối tác chiến lược sang đối thủ cạnh tranh chiến lược.

Với Chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Rộng mở”, Mỹ đã thách thức Trung Quốc trên 5 lĩnh vực chính: kiểm soát vành đai Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; thương mại; kinh tế; tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế; theo đuổi sự thống trị về công nghệ và tiến bộ quân sự. Trước sự cạnh tranh phức tạp của Mỹ - Trung, các quốc gia liên khai thác điều này vì lợi ích riêng của mình [Tellis, 2020]. Công trình *“Strategic Convergence and Competition in the Indo-Pacific Region: Policy options for Pakistan”* (Hội tụ chiến lược và cạnh tranh chiến lược ở Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Các lựa chọn chính sách cho Pakistan) của Khadija Younus (2020)

phân tích cạnh tranh ảnh hưởng chiến lược tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Trong đó, tác giả đã phân tích sự cạnh tranh chiến lược của Mỹ - Trung và phân tích sự “xoay trục” về châu Á của Mỹ và sáng kiến “Vành đai, Con đường” của Trung Quốc. Đặc biệt, công trình thực hiện so sánh Kế hoạch Marshall của Mỹ cho châu Âu thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ hai và sáng kiến “Vành đai, Con đường” của Trung Quốc hiện nay. Với cách tiếp cận và nhìn nhận vấn đề đa chiều, công trình hỗ trợ đề tài trong việc hiểu hơn về các động thái của Mỹ - Trung trong sự cạnh tranh chiến lược ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương [Younus, 2020].

Cách tiếp cận khác liên quan đến cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung của các nhà nghiên cứu phương Tây chính là “bẫy Thucydides”. Dong Wang và Travis Tanner (2021) trình bày quan điểm trong “*Avoiding the ‘Thucydides Trap’ U.S.-China Relations in Strategic Domains*” (Tránh ‘Bẫy Thucydides’ trong quan hệ Mỹ - Trung ở các lĩnh vực chiến lược). Bởi lẽ đây là một khía cạnh cực kỳ quan trọng của mối quan hệ song phương và có khả năng định hình phần lớn sự vận động của quan hệ Mỹ - Trung trong tương lai. Vì thế, hai cường quốc phải làm rõ ý định chiến lược của mình và tránh hiểu lầm hay ngộ nhận. Hai bên cùng chia sẻ quyền lợi và trách nhiệm bảo đảm quyền tự do hàng hải cũng như duy trì hòa bình và ổn định khu vực [Wang, Tanner, 2021].

Công trình “*Regional Responses to U.S.-China Competition in the Indo-Pacific: Study Overview and Conclusions*” (Phản ứng của khu vực đối với cuộc cạnh tranh Mỹ - Trung ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tổng quan và Kết luận nghiên cứu) của Bonny Lin và các cộng sự (2023) cho rằng trong cạnh tranh ảnh hưởng Mỹ - Trung, mỗi cường quốc sử dụng các phương tiện sẵn có để định hình hành vi và sự lựa chọn của nước thứ ba phù hợp với lợi ích của chính họ. Cả hai cường quốc đều tìm kiếm sự liên kết của đối tác hoặc sự hỗ trợ liên tục từ các đối tác trong các vấn đề chính. Đồng thời, các giá trị, mục tiêu và tầm nhìn khác nhau thúc đẩy cạnh tranh Mỹ - Trung ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương [Lin et al, 2023]. Công trình “*China-US Competition Impact on Small and Middle Powers’ Strategic Choices*” (Tác động cạnh tranh Trung - Mỹ đối với các lựa chọn chiến lược của các cường quốc vừa và nhỏ) của Simona A. Grano, David Wei Feng Huang (2023) chủ biên tập hợp những nghiên cứu về các phản

ứng của châu Âu và châu Á đối với cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung [Grano, Huang, 2023]. Công trình “*Maritime Gray Zone Operations Challenges and Countermeasures in the Indo-Pacific*” (Những thách thức và biện pháp đối phó trong hoạt động vùng xám hàng hải ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương) của Andrew S. Erickson (2023) nghiên cứu về những thách thức mà Mỹ và các đồng minh phải đối mặt tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Trong đó, hoạt động của Trung Quốc với lực lượng hải quân, cảnh sát biển, lực lượng dân quân và các hoạt động hàng hải phi hải quân khác có nhiều tương đồng với hoạt động “vùng xám”. Chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Rộng mở” của Mỹ được triển khai nhằm mở rộng sự hiện diện và hợp tác với lực lượng cảnh sát biển ở khu vực [Erickson, 2023].

Tài liệu có vai trò quan trọng khi nghiên cứu sự cạnh tranh chiến lược và chính sách của Mỹ tại châu Á. Một số công trình khác có thể kể đến như: “*Rising China and Its Postmodern Fate: Memories of Empire in a New Global Context*” (Trung Quốc đang trỗi dậy và số phận hậu hiện đại: Ký ức về đế chế trong bối cảnh toàn cầu mới) [Horner, 2009]; “*China Goes to Sea: Maritime Transformation in Comparative Historical Perspective*” (Trung Quốc hướng ra biển: Chuyển đổi hàng hải trong quan điểm lịch sử so sánh) [Erickson, Goldstein, Lord, 2009]; “*China, the United States, and 21st-Century Sea Power: Defining a Maritime Security Partnership*” (Trung Quốc, Mỹ và cường quốc biển thế kỷ 21: Xác định quan hệ đối tác an ninh hàng hải) [Erickson, Goldstein, 2010]; “*Strategic Partnerships in Asia: Balancing Without Alliances*” (Quan hệ đối tác chiến lược ở châu Á: Cân bằng không liên minh) [Nadkarni, 2010]; “*The Rise of China and Middle Powers*” (Sự trỗi dậy của Trung Quốc và các cường quốc tầm trung) [Gilley, 2013]; “*Great Power Rivalry in a New Asia Pacific Order: Examining the Great Power Concert Model for Asia Pacific*” (Sự cạnh tranh giữa các cường quốc trong một trật tự châu Á - Thái Bình Dương mới: Xem xét mô hình phối hợp giữa các cường quốc cho châu Á - Thái Bình Dương) [Anam, 2014]; “*Emerging Trends in Geo-politics of Asia Pacific Region*” (Các xu hướng mới nổi trong địa chính trị của khu vực châu Á - Thái Bình Dương) [Shafiq, 2014]; “*Asia Strategic Partnerships: New Practices and Regional Security Governance*” (Quan hệ đối tác chiến lược châu Á: Thực tiễn mới và quản trị an ninh khu vực) [Envall, Hall, 2016]; “*Asia-Pacific Rebalance 2025: Capabilities, Presence, and Partnership, An*

Independent Review of U.S. Defense Strategy in the Asia-Pacific” (Tái cân bằng châu Á - Thái Bình Dương 2025: Khả năng, Sự hiện diện và Quan hệ Đối tác, Đánh giá Độc lập về Chiến lược Quốc phòng của Mỹ tại châu Á - Thái Bình Dương) [Green, Hicks, Cancian, 2016]; “*International Alignment between Interests and Ideology: The Case of China's Partnership Diplomacy*” (Liên kết quốc tế giữa lợi ích và hệ tư tưởng: Trường hợp ngoại giao đối tác của Trung Quốc) [Strüver, 2016]; “*China's ambition in the South China Sea: Is a legitimate maritime order possible?*” (Tham vọng của Trung Quốc ở Biển Đông: Liệu có thể có một trật tự hàng hải hợp pháp?) [Morton, 2016]; “*The Gunpowder Age: China, Military Innovation, and the Rise of the West in World History*” (Thời đại Thuốc súng: Trung Quốc, Hiện đại hóa quân đội và Sự trỗi dậy của Phương Tây trong Lịch sử Thế giới) [Andrade, 2016]; “*US-China Strategic Triangles Examining Indo-Pacific Insecurity*” (Tam giác chiến lược Mỹ - Trung Xem xét tình trạng mất an ninh ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương) [Ali, 2017]; “*US-China Competition and South China Sea Disputes*” (Cạnh tranh Mỹ - Trung và Tranh chấp Biển Đông) [Feng, He, 2018]; “*Competition Between Chinese and United States Companies in the Internet Market*” (Cạnh tranh giữa các công ty Trung Quốc và Mỹ trên thị trường Internet) [Bieliński, 2018]; “*Asia's Quest for Balance China's Rise and Balancing in the Indo-Pacific*” (Nhiệm vụ cân bằng của châu Á - Sự trỗi dậy và cân bằng của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương) [Smith et al, 2018]; “*Great Power Competition: Lessons from the past, implications for the future*” (Cạnh tranh giữa các cường quốc: Bài học từ quá khứ, hàm ý cho tương lai) của Vuving (2020); “*The Rise and Return of the Indo-Pacific*” (Sự trỗi dậy và trở lại của Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương) [Doyle, Rumley, 2019]; “*U.S.-China Relations under the Trump Administration: Changes and Challenges*” (Quan hệ Mỹ - Trung dưới thời Chính quyền Trump: Những thay đổi và thách thức) [Arezina, 2020]; “*戰略競爭? - Strategic Competition?*” (Cạnh tranh chiến lược? [tiếng Trung] - Cạnh tranh chiến lược? [tiếng Anh]) [McDonald, 2020]; “*Strategic Asia 2020 U.S.-China Competition for Global Influence*” (Chiến lược châu Á 2020 Cạnh tranh Mỹ - Trung để giành ảnh hưởng toàn cầu) [Tellis, Szalwinski, Wills, Grare, 2020]; “*Major Power Rivalry in East Asia*” (Cạnh tranh cường quốc ở Đông Á) [Medeiros, 2021]; “*The China Alternative Changing Regional Order in the Pacific Islands*” (Sự thay thế của Trung Quốc thay

đổi trật tự khu vực ở khu vực Thái Bình Dương) [Smith, Wesley-Smith, 2021]; “*U.S.-China Competition Enters the Decade of Maximum Danger: Policy Ideas to Avoid Losing the 2020s*” (Cạnh tranh Mỹ - Trung bước vào thập kỷ nguy hiểm tối đa: Các ý tưởng chính sách để tránh tổn thất trong những năm 2020) [Collins, Erickson, 2021]; “*US-China Strategic Competition and Converging Middle Power Cooperation in the Indo-Pacific*” (Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung và Hợp tác cường quốc tầm trung hội tụ ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương) [Nagy, 2022];...

Trong khi đó, các nhà nghiên cứu Trung Quốc tiếp cận chủ đề về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung theo hướng chuyển giao quyền lực và cách thức Trung Quốc ứng phó với sự thay đổi chiến lược từ Mỹ, một số công trình cụ thể như: Công trình “*美国对华全面战略竞争: 本质、特点与内在紧张*” (Cạnh tranh chiến lược toàn diện của Mỹ chống lại Trung Quốc: Bản chất, đặc điểm và căng thẳng nội tại) của 王健(2022) phân tích bối cảnh Mỹ khẳng định những bản chất nội tại của Trung Quốc dẫn đến chiến lược cạnh tranh toàn diện từ Mỹ. Theo đó, sự trỗi dậy của “hệ thống bên trong hệ thống” và sự tăng cường phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia do toàn cầu hóa kinh tế là yếu tố quyết định. Cạnh tranh chiến lược một cách toàn diện giữa hai nước được dự báo có thể diễn ra và được thể hiện rõ nét trong xu hướng duy trì đơn cực và đa cực xoay quanh logic dòng vốn và logic lãnh thổ, chủ nghĩa toàn cầu và chủ nghĩa dân tộc, chính quyền trung ương và chính quyền địa phương cũng như những mâu thuẫn, xung đột khác. Đồng thời, căng thẳng nội sinh cũng làm rõ hơn bản chất về mối quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ [王健 2022]. Một số công trình tiếng Trung liên quan như: “*20 世纪中美两国间政台冲突解并的基本经验教训*” (Kinh nghiệm cơ bản trong việc giải quyết xung đột chính trị giữa Trung Quốc và Mỹ trong thế kỷ 20 và những bài học) [胡元粹, 2008]; “*中美亚太战略竞争格局的形成、走势及管控*” (Hình thành, Xu hướng và Quản lý Cạnh tranh Chiến lược Trung - Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương) [罗羲 2017]; “*中美战略竞争、美国地位焦虑与特朗普政府对华战略调整*” (Cạnh tranh chiến lược Trung - Mỹ, “Trạng thái lo lắng” của Mỹ và điều chỉnh chiến lược của chính quyền Trump đối với Trung Quốc) [参见韦宗友, 2018]; “*权力转移、地位焦虑与中美战略竞争新态势*” (Chuyển giao quyền lực, Sự lo lắng về địa vị và các xu hướng cạnh tranh chiến lược mới giữa Trung Quốc và Mỹ) [王秋彬, 2018];

“数字时代初期的中美竞争” (Sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc trong thời kỳ đầu của kỷ nguyên kỹ thuật số) [阎学通 2021];...

1.3. Nhóm các công trình nghiên cứu cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á

Nhóm công trình về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á cung cấp các cách tiếp cận khác nhau và nhiều cách kiến giải cho việc xuất hiện cạnh tranh chiến lược của Mỹ - Trung và các cường quốc khác tại Đông Nam Á. Đồng thời, Đông Nam Á tập trung nhiều nền kinh tế mới nổi với tốc độ phát triển cao nhưng có sự chênh lệch về trình độ phát triển và chính sự không đồng đều về trình độ phát triển khiến khu vực trở thành lựa chọn trong sự cạnh tranh chiến lược của các cường quốc.

Tại Việt Nam, nhà nghiên cứu tiêu biểu nghiên cứu về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á là nhà nghiên cứu Trần Khánh với nhiều công trình nghiên cứu công phu trong thời gian dài. Những công trình trên liên quan trực tiếp đến đề tài và cung cấp bức tranh phổ quát về những nội dung quan trọng đối với cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á. Các công trình liên quan đến đề tài của nhà nghiên cứu Trần Khánh bao gồm các công trình như sau:

Công trình *“Những vấn đề chính trị, kinh tế Đông Nam Á thập niên đầu thế kỷ XXI”* của tác giả Trần Khánh (2006) nghiên cứu Đông Nam Á trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự thay đổi về địa chính trị, sự vận động của ASEAN. Đặc biệt, công trình đã đề cập và phân tích sự cạnh tranh chiến lược của các cường quốc khu vực lẫn cường quốc thế giới. Kết quả của nghiên cứu đã cung cấp các thông tin nền tảng về khu vực Đông Nam Á trong các vòng xoáy chiến lược [Trần Khánh, 2006a]. Đặc biệt, công trình *“Can dự và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á thập niên đầu thế kỷ XXI”* trên Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á của tác giả Trần Khánh (2006) khẳng định sự gia tăng can dự của cả Mỹ và Trung Quốc đối với khu vực Đông Nam Á đã tác động và làm phân hóa quá trình tập hợp lực lượng và hình thành cục diện cân bằng mới trong trật tự Đông Nam Á [Trần Khánh, 2008b].

Đề tài khoa học cấp Bộ của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia do Trần Khánh chủ biên (2014) với tên gọi *“Hợp tác và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung*

ở Đông Nam Á và tác động của chúng đối với khu vực và Việt Nam thời kỳ hậu chiến tranh lạnh (giai đoạn từ 1991 đến 2011)” [Trần Khánh, 2014a] và các công trình khác bao gồm: “Xu hướng tái cân bằng chiến lược về kinh tế và ngoại giao của Mỹ ở Đông Nam Á từ cuối thập niên đầu thế kỷ XXI” của Trần Khánh (2014b); “Đông Nam Á trong lợi ích chiến lược của Mỹ và Trung Quốc” (2014) của Trần Khánh với cộng sự Lê Minh Trang [Trần Khánh, Lê Minh Trang, 2014] trên Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, tạo nên bức tranh tổng quan về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á. Các công trình trên đều hướng tới luận giải bản chất trong cạnh tranh chiến lược của hai cường quốc và Đông Nam Á được xem là vùng đệm để hai nước tranh giành ảnh hưởng. Một số công trình khác của tác giả Trần Khánh và các công sự liên quan đến đề tài có thể kể đến như “Xu hướng và bản chất của quan hệ Mỹ - Trung thời kỳ sau Chiến tranh lạnh” (2014) trên Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế [Trần Khánh, 2014c].

Không chỉ vậy, nhà nghiên cứu Trần Khánh còn dành sự quan tâm đến Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung và động thái của các cường quốc khác ngoài Mỹ và Trung Quốc trong nỗ lực gia tăng ảnh hưởng tại khu vực thông qua các công trình như: “Triển vọng ASEAN và sự chi phối của các nước lớn - Những thách thức đối với Việt Nam” [Trần Khánh, Hồ Thị Ái Phương, 2015]; “Lợi ích chiến lược của Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản ở Đông Á trong thập niên đầu thế kỷ XXI” [Trần Khánh, 2009]; “Tác động của sự thay đổi môi trường địa - chính trị Đông Nam Á đến quan hệ Việt - Nga thập niên đầu thế kỷ XXI” [Trần Khánh, 2006]...

Các công trình nghiên cứu về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung bằng tiếng Việt khác cũng thể hiện sự đa dạng về cách tiếp cận, một số công trình cụ thể là: “Điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc và những tác động tới quan hệ Mỹ - Trung” [Cù Chí Lợi, 2018] đề cập khái quát đến thực trạng cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở khu vực châu Á; Công trình “Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc và tác động đối với cục diện khu vực châu Á - Thái Bình Dương và hàm ý chính sách cho Việt Nam” của Lê Đình Tĩnh (2020) tập trung phân tích tác động của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung đến cục diện khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Theo đó, tác giả trình bày kết

quả nghiên cứu về bản chất cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, đặc điểm cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung và tác động. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhìn tổng thể, sự gia tăng tập hợp lực lượng Mỹ - Trung chưa đến mức buộc các nước phải chọn “bên” và dù có sự đối đầu nhiều mặt, gia tăng cường độ nhưng các nước còn lại vẫn còn nhiều không gian để hành động. Đây là công trình có giá trị tham khảo lớn đối với đề tài, tuy nhiên vì là bài tạp chí nên dung lượng ngắn chưa thể phân tích sâu tất cả các nhân tố, đặc điểm về sự tác động của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương [Lê Đình Tĩnh, 2020a]; Các công trình “*Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại khu vực châu Á và tác động tới Việt Nam*” [Cù Chí Lợi, 2020]; Các công trình trên có giá trị nền tảng để tạo bức tranh khái quát về tác động cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á - nội dung chính của đề tài, đặc biệt là nội dung tác động đến quan hệ song phương hai nước. Một số công trình nghiên cứu khác là “*Thực chất chính sách xoay trục hướng về Đông Nam Á của chính quyền Barack Obama: Nguyên nhân, nội hàm và tác động*” [Phạm Hoàng Tú Linh, 2014]; “*Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á sau Chiến tranh Lạnh*” [Trần Thị Quỳnh Nga, 2017]; “*Vai trò địa chính trị của khu vực Đông Nam Á đối với Hoa Kỳ những năm đầu thế kỷ XXI*” [Ngô Thị Bích Lan, 2018]; ...

Ngoài ra, nhân tố ASEAN cũng được xem xét trong nhiều công trình nghiên cứu của các học giả Việt Nam và xem đây là nhân tố đóng góp vai trò quan trọng trong việc tìm kiếm giải pháp hòa bình, tạo thế cân bằng giữa Mỹ và Trung Quốc ở khu vực Đông Nam Á. Một số công trình liên quan đến đề tài là “*Chính sách của Hoa Kỳ đối với ASEAN trong và sau chiến tranh lạnh*” [Lê Khương Thùy, 2003]; “*Nhân tố ASEAN trong Chính sách đối ngoại của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI*” [Luu Việt Hà, 2014]; “*Nhân tố ASEAN trong Chính sách đối ngoại của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI*” [Luu Việt Hà, 2014]; “*Vai trò của ASEAN trong hợp tác an ninh-chính trị Đông Á*” [Lê Lêna, 2018]; “*Cạnh tranh chiến lược Trung - Mỹ trong giai đoạn mới: Tác động đối với cộng đồng ASEAN*” [Trường Luu, 2020];...

Các luận án liên quan đến đề tài đã bảo vệ như: Luận án Tiến sĩ Lịch sử “*Ảnh hưởng cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á đến độc lập dân tộc của các nước trong khu vực từ năm 2001 đến 2015*” của Nguyễn Thị Hải Yến, bảo vệ năm

2016 tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh [Nguyễn Thị Hải Yến, 2016]; Luận án Tiến sĩ Quan hệ Quốc tế “*Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở của Mỹ trên khía cạnh an ninh quân sự*” của Nguyễn Hữu Túc, bảo vệ năm 2022 ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội [Nguyễn Hữu Túc, 2022].

Các công trình nghiên cứu về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á của các học giả nước ngoài có thể kể đến như: Thomas G. Rawski (2009), trong công trình “*Southeast Asia in the Sino – US Strategic Balance*” (Đông Nam Á trong cân bằng chiến lược Trung - Mỹ), cho rằng cạnh tranh Trung - Mỹ không chỉ ảnh hưởng đến cân bằng chiến lược ở Đông Nam Á mà còn tác động lớn đến khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Cạnh tranh chiến lược của hai nước lớn sẽ là một bài toán khó cho các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á khi sự phức tạp ngày càng gia tăng đến từ hai cường quốc. Tài liệu chủ yếu đề cập đến cách ứng phó của của các quốc gia Đông Nam Á đối với cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung [Rawski, 2009]; Công trình “*Đông Nam Á - Hội tụ các siêu cường Mỹ - Trung*” (tên tiếng Anh là *Where Great Power Meet America & China in Southeast Asia*) của Shambaugh (2022) lập luận rằng Mỹ đang bị đánh giá quá thấp tại Đông Nam Á, trong khi đó Trung Quốc được đánh giá quá cao. Đặc biệt, công trình mô tả cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung như một cuộc “thi đấu” giữa Mỹ và Trung Quốc ở Đông Nam Á mà hiện chưa có đối thủ nào hai nước tham gia. Trong đó, Biển Đông là vấn đề nổi cộm do những động thái của Trung Quốc. Đáng chú ý, tác giả đề cập đến tương lai các mối quan hệ cường quốc ở Đông Nam Á - phân cực hay cùng tồn tại cạnh tranh. Đây là công trình có giá trị lớn đối với đề tài khi tiếp cận cuộc cạnh tranh theo hướng di sản cùng vai trò hiện nay của Mỹ và Trung Quốc ở Đông Nam Á [Shambaugh, 2022]; Công trình “*Southeast Asia amid Sino-US Competition: Power Shift and Regional Order Transition*” của Wen Zha (2023) cho rằng đối với các nước Đông Nam Á, cạnh tranh Mỹ - Trung là thử thách lớn. Tác giả xem xét các cuộc tranh luận và thảo luận và chứng minh rằng chúng xoay quanh bốn vấn đề chính: (i), cán cân quyền lực khu vực sẽ thay đổi như thế nào; (ii), cạnh tranh Trung - Mỹ sẽ ảnh hưởng như thế nào đến lựa chọn chiến lược của các nước Đông Nam Á; (iii), vai trò của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong trật tự khu vực đang phát triển; (iv), giải pháp để khu vực cùng phát triển. Theo đó,

những bất đồng nhất định có thể được giải quyết thông qua quyền lực và phòng ngừa rủi ro. Tuy nhiên, trật tự khu vực đã được các học giả đưa ra có nhiều bất đồng từ cấu trúc kép tới sự cân bằng quyền lực, sự hòa hợp giữa các cường quốc và một trật tự bá quyền đứng đầu bởi Trung Quốc hoặc Mỹ [Zha, 2023];...

Một số công trình khác liên quan trực tiếp đến đề tài cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á của các học giả nước ngoài, bao gồm: “*The role of Southeast Asia in U.S. strategy toward China*” (Vai trò của Đông Nam Á trong chiến lược của Mỹ hướng tới Trung Quốc) [Sokolsky, Rabasa, Neu, 2000]; “*Great Powers and Hierarchical Order in Southeast Asia: Analyzing Regional Security Strategies*” (Các cường quốc và trật tự thứ bậc ở Đông Nam Á: Phân tích các chiến lược an ninh khu vực) [Goh, 2007]; “*ASEAN and strategic Rivalry among the Great Powers in Asia*” (ASEAN và cuộc đối đầu chiến lược giữa các cường quốc ở châu Á) [Egberink, Putten, Frans-Paul, 2010]; “*Elusive Balances Shaping U.S.-Southeast Asia Strategy*” (Những cân bằng khó nắm bắt định hình chiến lược Mỹ - Đông Nam Á) [Parameswaran, 2022];...

1.4. Nhận xét và vấn đề đặt ra cho nghiên cứu cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã phác họa một bức tranh khá hoàn chỉnh về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á như thực trạng, diễn biến và quá trình tác động đến thế giới cũng như khu vực. Nhiều công trình đã đi sâu luận giải những nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi về bản chất trong cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở thời kỳ của Tổng thống Barack Obama và Tổng thống Donald Trump. Các nghiên cứu cũng thể hiện phần nào cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á trên các lĩnh vực bao gồm kinh tế, chính trị, quân sự... Đồng thời, đề cập đến những tác động của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á đối với khu vực và thế giới. Có thể nói, các công trình và bài viết nói trên đã đóng góp to lớn cả về mặt lý luận và thực tiễn, giúp tăng cường nhận thức chung về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á.

Tuy nhiên, tại thời điểm công bố, các nghiên cứu này vẫn chưa thể cập nhật đầy đủ các biến động nhanh và phức tạp của tình hình thế giới và khu vực, đặc biệt là sự đối đầu ngày càng quyết liệt và công khai giữa Mỹ và Trung Quốc trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động với cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Đặc biệt, chưa có công trình chuyên biệt tập trung vào cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020. Những hạn chế này cho thấy sự cần thiết phải có một công trình nghiên cứu làm rõ thực trạng cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020 về cả cơ sở lý luận và thực tiễn, từ đó đưa ra các nhận xét và dự báo về xu hướng của cuộc cạnh tranh chiến lược trong tương lai.

Xem xét phần nghiên cứu tổng quan các tài liệu liên quan đến đề tài, có thể nhận định các học giả thế giới và Việt Nam đã quan tâm nhiều đến cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á với nhiều cách tiếp cận đa dạng. Một bên là siêu cường duy nhất của thế giới cho đến hiện nay, mọi chính sách, chiến lược của Mỹ đều thu hút sự quan tâm của các học giả, các chuyên gia và chính khách của các nước. Một bên còn lại là một cường quốc đang trỗi dậy - Trung Quốc cũng là người láng giềng phương Bắc của Việt Nam. Vì thế, những nội dung chưa được nghiên cứu có thể liệt kê như sau:

(1) Các nghiên cứu tiếng Việt đã tập trung vào tổng quan cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung trên phạm vi toàn cầu, phạm vi ở Đông Nam Á và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung trong một số vấn đề, nội dung cụ thể. Theo khảo cứu, chưa có công trình nghiên cứu tập trung về thực trạng cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020.

(2) Một số công trình nghiên cứu đã tìm hiểu và áp dụng các lý thuyết quan hệ quốc tế, khung phân tích và cách tiếp cận cần thiết để giải thích sự hình thành của cạnh tranh chiến lược. Vì vậy, kế thừa các công trình đã có, đề tài tập trung làm rõ nội hàm các khái niệm cơ bản, đồng thời sử dụng các lý thuyết quan hệ quốc tế (chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa kiến tạo, trong đó, chủ nghĩa hiện thực có vai trò chủ đạo) giải thích cho sự thực trạng của cạnh tranh chiến lược và đưa ra nhận xét. Không chỉ vậy, mô hình “Lăng kính cạnh tranh” của Mason là cơ sở phân tích để dự báo xu hướng vận động của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á trong tương lai.

(3) Các công trình nghiên cứu trước đây về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á thường tập trung theo một nhiệm kỳ Tổng thống nhất định. Vì vậy, đề tài tập trung thống kê có hệ thống quá trình của Mỹ từ thay đổi, dịch chuyển chiến lược và chính thức xem Trung Quốc là “đối thủ cạnh tranh chiến lược” từ năm 2009 đến năm 2020, tương ứng với giai đoạn cầm quyền của Barack Obama (2 nhiệm kỳ Tổng thống) và Donald Trump (1 nhiệm kỳ Tổng thống).

(4) Phần nhận xét và dự báo về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung khá phong phú và chưa có sự đồng thuận cao. Vì vậy, đề tài tập trung nghiên cứu cũng như sử dụng các phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế để đưa ra nhận xét thực trạng và tác động của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung. Từ đó, dựa trên mô hình “Lăng kính cạnh tranh” của Mason, đề tài đưa ra những dự báo về xu hướng vận động và các xu hướng khả dĩ của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á. Đồng thời, đề tài đưa ra các hàm ý chính sách cho ASEAN và Việt Nam.

CHƯƠNG 2
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA
CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC MỸ - TRUNG Ở ĐÔNG NAM Á
TỪ NĂM 2009 ĐẾN NĂM 2020

2.1. Cơ sở lý luận về cạnh tranh chiến lược

2.1.1. Phạm trù cạnh tranh chiến lược trong quan hệ quốc tế

“Cạnh tranh”, “cạnh tranh chiến lược” là hiện tượng phổ biến trong quan hệ quốc tế. Tuy vậy, các khái niệm về “cạnh tranh” hay “cạnh tranh chiến lược” hiếm khi được tiếp cận từ góc độ thuật ngữ và lý thuyết [Waltz, 2000, tr.5-41]. Theo Hoàng Khắc Nam (2017), lịch sử thế giới nói chung và lịch sử quan hệ quốc tế nói riêng là lịch sử của những cuộc xung đột và cạnh tranh quyền lực giữa các quốc gia [Hoàng Khắc Nam, 2017c, tr.36]. Không chỉ vậy, chính trị thế giới được đặc trưng bởi xung đột, nghi ngờ và cạnh tranh giữa các quốc gia [Burchill, 2001, tr.70]. Trong khi đó, ở một xã hội liên kết cũng không thể tránh khỏi các xung đột, hay cạnh tranh, mà trong một số điều kiện có thể đưa đến những đặc điểm vô chính phủ, vốn là đặc trưng của quan hệ quốc tế [Vũ Dương Huân, 2011, tr.204]. Làm rõ nội hàm và xác định đúng nguồn gốc của cạnh tranh, mối tương quan của cạnh tranh và xung đột cùng quy luật của việc duy trì/leo thang hay chấm dứt/xuống thang có thể hỗ trợ cải thiện hiểu biết về các loại cạnh tranh lẫn sự phức tạp của hiện tượng này trong lý luận lẫn thực tiễn của quan hệ quốc tế.

2.1.1.1. Cạnh tranh

Trong bối cảnh quan hệ quốc tế, “cạnh tranh” đề cập đến sự tương tác phức tạp giữa chủ thể quốc tế hoặc các thực thể có lợi ích, mục tiêu hoặc có nguồn lực xung đột nhau. Sự cạnh tranh này có thể diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau và là một khía cạnh cơ bản của hệ thống quốc tế. Hiểu khái niệm “cạnh tranh” trong quan hệ quốc tế là điều cần thiết để phân tích hành vi của các quốc gia, dự đoán các nguồn xung đột tiềm ẩn và khám phá các cơ hội hợp tác và giải quyết xung đột trên trường toàn cầu. Cạnh tranh trong quan hệ quốc tế liên quan đến việc theo đuổi lợi thế, cho dù đó là kinh tế, chính trị, quân sự hay chiến lược. Các quốc gia và các chủ thể quốc tế khác tham gia vào hành vi cạnh tranh để nâng cao vị thế so với các quốc gia khác. Đáng chú ý, cạnh tranh còn được xem là một cuộc thi, trong đó, mỗi bên (hoặc một trong hai bên) hướng tới nâng

cao quyền lực và ảnh hưởng của mình trong tương quan với đối thủ. Có thể thấy, lý giải về nội hàm của cạnh tranh đều liên quan đến sự thi đấu, ganh đua, thậm chí có thể có tranh chấp mà có thể nhận biết, đo lường bằng các thông số cụ thể [Trần Nam Tiến, 2021, tr.22-30].

Hàm ý về “cạnh tranh” giữa các cường quốc trong quan hệ quốc tế thực tế lại được sử dụng bởi nhiều thuật ngữ trong tiếng Anh như “competition”, “rivalry” hay “great-power competition”. Tuy có điểm tương đồng, nhưng nội hàm của các thuật ngữ trên vẫn có sự khác biệt. Để hiểu rõ về phạm trù “cạnh tranh” cần tìm hiểu cụ thể thuật ngữ được sử dụng để mô tả hình thức nào và có thể có hàm ý gì đối với an ninh, lợi ích quốc gia. Theo Từ điển Oxford, cạnh tranh (“competition”) có các nghĩa chính sau: (i), cuộc thi¹ [Oxford Standard, The Windy, 2018, tr.259]; (ii), cuộc thi đấu, sự cạnh tranh² [Oxford Standard, The Windy, 2018, tr.259]. Đối với thuật ngữ cạnh tranh này, Từ điển Cambridge chỉ ra những lý giải như “hành vi cạnh tranh; sự ganh đua”³; “một sự kiện được tổ chức mà người tham gia giành giải thưởng bằng thể hiện tốt hơn và nhanh hơn”⁴. Trong kinh doanh, đây là “một hoạt động được thực hiện bởi một số người hoặc tổ chức mà mỗi người trong số họ đều cố gắng làm tốt hơn tất cả những người khác”⁵. Một thuật ngữ khác phổ biến cũng có nghĩa cạnh tranh (“rivalry”), nhưng thiên về sự cạnh tranh, kinh địch, đua tài [Oxford Standard, The Windy, 2018, tr.1180]⁶. Theo Võ Xuân Vinh, “rivalry” có cấp độ cao hơn “competition” và “rivalry” thường liên quan đến yếu tố “xung đột”, còn “competition” thì không thiên về “xung đột” [Võ Xuân Vinh, 2021, tr.32-46]. Sự cạnh tranh này (rivalry) có thể được định nghĩa là những kẻ thù mang tính cạnh tranh và đe dọa. Để đủ điều kiện, hai quốc gia cần coi nhau là có tính cạnh tranh hoặc hoạt động ít nhiều trong cùng một liên minh.

¹ Nguyên gốc: The organized event in which people try to win something.

² Nguyên gốc: A situation where two or more people or organizations are trying to achieve, obtain the same thing or to better than somebody else.

³ Nguyên gốc: “a situation in which someone is trying to win something or be more successful than someone else”.

<https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/competition?q=%E2%80%9Ccompetition%E2%80%9D>

⁴ Nguyên gốc: “an organized event in which people try to win a prize by being the best, fastest, etc”.

<https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/competition?q=%E2%80%9Ccompetition%E2%80%9D>

⁵ Nguyên gốc: “an activity done by a number of people or organizations, each of which is trying to do better than all of the others”.

<https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/competition?q=%E2%80%9Ccompetition%E2%80%9D>

⁶ Nguyên gốc: Competition between people, groups.

Nhìn chung, cạnh tranh liên quan đến một mức độ đối kháng nào đó. Trọng tâm của cạnh tranh quốc tế là xung đột lợi ích. Việc hình thành lợi ích quốc gia là quá trình lịch sử lâu dài, phức tạp của việc kết hợp các nhân tố khác nhau như: chính trị, kinh tế, văn hóa, lịch sử, tâm lý, kinh nghiệm [Trần Nam Tiến, 2013, tr.23]. Các quốc gia có thể có các mục tiêu, giá trị hoặc ưu tiên khác nhau, dẫn đến tương tác cạnh tranh khi tìm cách bảo vệ hoặc thúc đẩy lợi ích của chính mình. Đáng chú ý, mức độ độc lập của chủ thể quốc gia không thể tuyệt đối hóa vì quan hệ quốc tế có đặc tính là vừa tồn tại sự xung đột lợi ích nhưng đồng thời có sự lệ thuộc lẫn nhau giữa các chủ thể [Vũ Dương Huân, 2011, tr.204]. Đồng thời, cạnh tranh là hành vi có chủ đích của một hay nhiều quốc gia nhằm làm giảm những lợi ích mà các quốc gia khác có thể thu được, hoặc giảm khả năng áp đặt hay làm giảm khả năng của họ trong việc thực hiện các mục tiêu và lợi ích của mình [Phan Thị Thu Dung, 2018, tr.55]. Các quốc gia cạnh tranh để giành ảnh hưởng, nguồn lực hoặc quyền kiểm soát trên trường quốc tế. Điều này có thể bao gồm sức mạnh kinh tế, sức mạnh quân sự, ảnh hưởng ngoại giao hoặc ưu thế công nghệ. Nói cách khác, cạnh tranh có thể biểu hiện phong phú ở nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm quan hệ thương mại và kinh tế, ảnh hưởng địa chính trị, năng lực quân sự, tiến bộ công nghệ và ảnh hưởng về hệ tư tưởng. Các quốc gia có thể cạnh tranh đồng thời trên nhiều lĩnh vực một cách đa chiều thông qua các hành động chính thức và không chính thức. Cạnh tranh thông qua những hoạt động chính thức thường được thể chế hóa như đàm phán, hiệp ước và liên minh, và như các hành động không chính thức như gián điệp, tuyên truyền và trừng phạt kinh tế. Đi liền với đó, các quốc gia sử dụng nhiều công cụ khác nhau để đạt được lợi thế cạnh tranh.

Bản chất và cường độ cạnh tranh có thể khác nhau tùy theo bối cảnh. Cạnh tranh xoay quanh quyền lực trong hệ thống chính trị toàn cầu hoặc khu vực [Wu, 2020, tr.99-119]. Một số khu vực có thể gặp phải sự cạnh tranh gay gắt do các yếu tố lịch sử, văn hóa hoặc địa chính trị, trong khi những khu vực khác có thể được đặc trưng bởi các mối quan hệ hợp tác. Mặc dù cạnh tranh thường gợi ý sự ganh đua và xung đột nhưng cũng có thể thúc đẩy sự hợp tác. Các quốc gia có thể tham gia vào các tương tác cạnh tranh để đạt được các mục tiêu chung hoặc giải quyết những khác biệt thông qua đàm phán và ngoại giao. Thế tiến thoái lưỡng nan về an ninh là một khái niệm thường gắn liền với sự cạnh tranh trong quan hệ quốc tế. Đây là tình huống trong đó những nỗ lực của

một quốc gia nhằm tăng cường an ninh có thể bị các quốc gia khác coi là mối đe dọa, dẫn đến một chu kỳ hành động và phản ứng cạnh tranh. Ngoài ra, sự cân bằng quyền lực thường gắn chặt với cạnh tranh quốc tế. Các quốc gia tìm cách duy trì hoặc thay đổi sự phân bổ quyền lực để đảm bảo sự ổn định hoặc thúc đẩy lợi ích của chính mình. Những thay đổi trong cán cân quyền lực có thể gây ra những thay đổi trong hệ thống quốc tế. Cán cân quyền lực liên quan đến cạnh tranh giữa các quốc gia bằng các hoạt động địa chính trị truyền thống và sự cạnh tranh kiểm soát các nguồn lực, thị trường và vị trí chiến lược. Bên cạnh đó, cạnh tranh quốc tế còn có thể được mô tả dưới dạng tổng bằng không hoặc tổng dương. Trò chơi có tổng bằng không (Zero-Sum Game) là một khái niệm trong lý thuyết trò chơi. Theo đó, khi một người trong trò chơi kiếm được lợi ích nhất định có nghĩa là người khác sẽ mất đi lợi ích tương đương, dẫn đến việc dù có sự thay đổi nhưng tổng lợi ích của các bên vẫn bằng không. Nói cách khác, trong trò chơi có tổng bằng 0, lợi ích của một người tham gia trực tiếp được bù đắp bằng sự mất mát của người khác, trong khi trong trò chơi có tổng dương, đôi bên cùng có lợi thông qua hợp tác và phối hợp. Tuy vậy, thực tiễn quan hệ quốc tế cho thấy không phải tất cả các tình huống cạnh tranh đều có tổng bằng 0, khiến các bên phải “một mất, một còn”.

2.1.1.2. Chiến lược

Thuật ngữ “Chiến lược” liên quan đến việc lập kế hoạch chu đáo và thực hiện các hành động hoặc quyết định được chuẩn bị để đạt được các mục tiêu dài hạn cụ thể. Thuật ngữ này xuất hiện trong nhiều bối cảnh khác nhau, bao gồm cả môi trường kinh doanh, quân sự và tổ chức. Thuật ngữ “chiến lược” thường được đề cập trong quan hệ quốc tế như quan hệ chiến lược, đối tác chiến lược, cạnh tranh chiến lược... Theo Từ điển Oxford, chiến lược (“strategic”) là kế hoạch dài hạn của quốc gia để đạt được thành công trong chiến tranh hoặc quốc phòng;⁷ hoặc kế hoạch sử dụng bom hay vũ khí khác nhằm hủy diệt đối thủ về quân sự, kinh tế⁸ [Oxford Standard, The Windy, 2018, tr.1355].

⁷ Nguyên gốc: “connected with a country’s plans to achieve success in a war or in its defense system”.

⁸ Nguyên gốc: “used about bombs and other weapons intended to be fired at the enemy’s country rather than be used in battle”.

Từ điển Cambridge cũng nhấn mạnh “chiến lược” thường được đề cập trong lĩnh vực kinh doanh, chính trị.⁹ Đặc biệt, thuật ngữ này còn được sử dụng để chỉ việc mang lại lợi thế cho lực lượng quân sự.¹⁰ Đáng chú ý, chiến lược là cách thức mà một tổ chức, quốc gia,... quyết định những gì họ muốn đạt được và lập kế hoạch hành động cũng như sử dụng các nguồn lực theo thời gian để thực hiện điều này.¹¹ Các hành động chiến lược thường tập trung vào việc đạt được các mục tiêu trong một thời gian dài, thường liên quan đến quan điểm hướng tới tương lai và xem xét các tác động trong tương lai của các quyết định. Các quyết định chiến lược là có mục đích và có chủ ý. Việc lập mục tiêu và xác định chiến lược được thực hiện với sự chuẩn bị cẩn thận và rõ ràng về các mục tiêu tổng thể và cách tiếp cận có hệ thống để đạt được mục đích. Các hành động chiến lược được liên kết với các mục tiêu tổng thể góp phần hoàn thành tầm nhìn lớn hơn.

Theo Tyushka và Lucyna. (2019), “chiến lược” bao hàm hai nội dung: (i), ý nghĩa chính trị; (ii), nền tảng (cần thiết) là một kế hoạch tổng thể, tức là một chiến lược được nhìn nhận một cách rộng rãi (do đó không giới hạn ở hiểu biết trong lĩnh vực quân sự truyền thống) [Tyushka, Lucyna, 2019]. Lập kế hoạch chiến lược bao gồm việc đánh giá cẩn thận các nguồn lực sẵn có, bao gồm tài chính, con người và công nghệ nhằm mục đích tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực để đạt được kết quả mong muốn. Mặc dù các kế hoạch chiến lược thường mang tính dài hạn nhưng tính linh hoạt, khả năng thích ứng là rất quan trọng để điều chỉnh theo hoàn cảnh thay đổi, những thách thức không lường trước hoặc cơ hội có thể phát sinh. Không chỉ vậy, lập kế hoạch chiến lược bao gồm việc đánh giá những rủi ro tiềm ẩn và những điều không chắc chắn. Các chiến lược hiệu quả kết hợp các biện pháp quản lý rủi ro để giảm thiểu tác động tiêu cực đến việc đạt được mục tiêu. Trong khi đó, tư duy chiến lược thường đòi hỏi sự phối hợp nỗ lực giữa các cấp độ khác nhau của tổ chức hoặc giữa các bên liên quan khác nhau. Ngoài việc lập kế hoạch và ra quyết định, việc thực hiện, triển khai chiến lược hiệu quả

⁹ Nguyên gốc: “helping to achieve a plan, for example in business or politics”.

¹⁰ Nguyên gốc: “used to provide military forces with an advantage”.

¹¹ Nguyên gốc: “relating to the way in which an organization, country, etc. decides what it wants to achieve and plans actions and use of resources over time to do this”.

cũng hết sức quan trọng. Việc truyền đạt rõ ràng tầm nhìn, mục tiêu và kế hoạch chiến lược giúp đảm bảo rằng tất cả các bên liên quan hiểu và nỗ lực hướng tới các mục tiêu chung. Đồng thời, theo Feaver (2009), chiến lược là “tập hợp các kế hoạch và chính sách bao gồm nỗ lực có chủ ý của nhà nước nhằm khai thác các công cụ chính trị, quân sự, ngoại giao và kinh tế cùng nhau để thúc đẩy lợi ích quốc gia của quốc gia đó” [Feaver, 2009].

Nhìn chung, nội hàm “chiến lược” trong quan hệ quốc tế thường liên quan đến kế hoạch tổng thể trong một giai đoạn nhất định được công bố rộng rãi. Thuật ngữ “chiến lược” là một khái niệm “động” và có thể được áp dụng trong các lĩnh vực khác nhau, phản ánh cách tiếp cận có mục đích, có tầm nhìn xa và toàn diện để đạt được các mục tiêu dài hạn. Trong bối cảnh kinh doanh và quân sự, việc xây dựng chiến lược thường liên quan đến việc đạt được lợi thế cạnh tranh. Điều này có thể bao gồm định vị thị trường, khác biệt hóa sản phẩm hoặc định vị quân sự để vượt qua các đối thủ hoặc đối thủ.

2.1.1.3. Cạnh tranh chiến lược

Trong quan hệ quốc tế, định nghĩa về cạnh tranh chiến lược có nhiều khác biệt và vẫn chưa có sự thống nhất trong cách hiểu cũng như phân biệt rõ ràng giữa cạnh tranh và cạnh tranh chiến lược [Vũ Văn Anh, 2021, tr.91-100]. “Cạnh tranh chiến lược” không phải là sự lắp ghép cơ học của hai thuật ngữ “cạnh tranh” và “chiến lược” nên để hiểu rõ “cạnh tranh chiến lược” cần tìm hiểu về các yếu tố tạo nên cạnh tranh chiến lược như nguồn gốc, chủ thể, lĩnh vực, phạm vi để rút ra định nghĩa phù hợp nhất [Võ Xuân Vinh, 2021, tr.32-46]. Môi trường cạnh tranh chiến lược và bản sắc mỗi quốc gia là những đặc điểm lớn giúp các nhà nghiên cứu xác định cụ thể các loại hình cạnh tranh. Mỗi cuộc cạnh tranh chiến lược có thể diễn ra với các đặc điểm khác nhau và thậm chí trong cùng một cạnh tranh, các quốc gia có thể cạnh tranh theo các cách khác nhau. Nếu khẳng định rằng chính trị quốc tế đang tham gia một thời kỳ cạnh tranh chiến lược mới đã dần được chấp nhận rộng rãi, thế nhưng không có sự đồng thuận về ý nghĩa của các sự thay đổi này [Mazarr, Blake, Casey, McDonald, Pezard, Spirtas, 2018]. Vào các thời điểm khác nhau trong lịch sử, cạnh tranh chiến lược dường như bị lãng quên trong thời gian ngắn; đây là thời điểm khi các quốc gia lựa chọn kiềm chế tham vọng và thúc

đầy hợp tác nhằm đạt được một số mức độ an ninh tập thể. Tuy nhiên, không phải vì thế mà cạnh tranh chiến lược không tồn tại, thậm chí thực tế cạnh tranh chiến lược chỉ đang thể hiện thông qua các hình thức khác.

Cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia không chỉ là kết quả của sự va chạm, xung đột giữa các nguồn lực về kinh tế hay quân sự, mà còn liên quan đến văn hóa cùng các lĩnh vực khác. Những yếu tố trên rất quan trọng vì chúng góp phần định hình cách thức tiếp cận các vấn đề hóc búa mà các quốc gia và các nhà lãnh đạo tiếp cận, mong muốn hay sợ hãi. Theo Begley, các nhà tư tưởng sau Chiến tranh Lạnh đã tạo ra nhiều thuật ngữ dựa trên các hoạt động có tính hiệu ứng, chuyển đổi, các cuộc cách mạng trong các vấn đề quân sự, chiến tranh phức tạp, chiến tranh nhiều khối, xung đột vùng xám, chiến tranh hỗn hợp. Thậm chí, cạnh tranh chiến lược được xác định sẽ xảy ra trong tương lai nhưng vẫn chưa có sự hiểu biết rõ ràng về thuật ngữ này [Begley, 2000, tr.9]. Cạnh tranh chiến lược không thể được giải thích mà không chú trọng đến bối cảnh, bản sắc và các mối quan hệ xã hội của các tác nhân trong xem xét mối quan hệ cạnh tranh chiến lược. Như vậy, nhận thức được xem là nền tảng chính là bản sắc tự xác định của các quốc gia có liên quan. Nhiều nhân tố có thể cùng tồn tại trong một quốc gia và sẽ dẫn đến các nhận thức sai lầm khi coi các quốc gia là những tác nhân hoàn toàn đơn nhất. Thậm chí, quan điểm và quyết định của các nhà lãnh đạo quốc gia hoặc các nhóm lãnh đạo có thể trở nên đặc biệt quan trọng trong việc định hình cách thức cạnh tranh của một quốc gia cũng như bản chất của cạnh tranh chiến lược [Soltani, Naji, Amiri, 2015, 166-171].

Theo Tran Nam Tien (2021), “cạnh tranh chiến lược” dưới góc độ lý luận và thực tiễn quan hệ quốc tế có thể được hiểu rộng hơn là: “cạnh tranh trong lĩnh vực quan hệ quốc tế là nỗ lực của một chủ thể nhằm giành ảnh hưởng; tức là, cố gắng đưa ra thách thức hoặc mối đe dọa trong khi đang theo đuổi các mục tiêu về quyền lực, an ninh, sự giàu có, ảnh hưởng và địa vị của họ” [Tran Nam Tien, 2021, tr.46-53]. Muhammad Irfan xem cạnh tranh chiến lược là “tình trạng quan hệ quốc tế khi các cường quốc toàn cầu cố gắng để tối đa hóa lợi ích kinh tế, chính trị và quân sự của họ và giảm thiểu lợi ích của đối thủ trong hệ thống quốc tế” [Irfan, 2014, tr.51-65]. Theo RAND (2018), cạnh tranh chiến lược là “nỗ lực để đạt được lợi thế, thường liên quan về tương quan

với các chủ thể khác và đặt ra một thách thức hoặc mối đe dọa, thông qua việc theo đuổi lợi ích như quyền lực, an ninh, của cải, ảnh hưởng và địa vị”[Mazarr, 2018, tr.5].

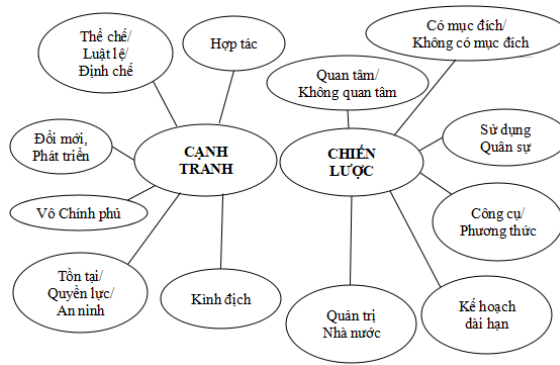
Vũ Văn Anh (2021) cho rằng cạnh tranh chiến lược trong quan hệ quốc tế là một dạng đặc thù của cạnh tranh. Đặc biệt, đây “là tình trạng một mối quan hệ giữa các chủ thể quan hệ quốc tế khi một bên nhận thức mối đe dọa từ bên còn lại, nuôi dưỡng tâm lý thù nghịch lẫn nhau và để tâm lý đó chi phối hành vi của mình đối với bên còn lại dẫn tới khả năng có thể xảy ra những tranh chấp bị quân sự hóa. Cạnh tranh chiến lược là một dạng cạnh tranh đặc thù khi các vấn đề cạnh tranh liên quan đến lợi ích cốt lõi hay mục tiêu chiến lược của chủ thể và có khả năng mở rộng sang nhiều vấn đề khác” [Vũ Văn Anh, 2021, tr.91-100]. Trong khi đó, Scott D. McDonald (2020) nhấn mạnh cạnh tranh chiến lược là sự cạnh tranh khi các quốc gia nhận thức lợi ích cơ bản của họ đang bị đe dọa bởi bên đối lập. Chỉ có trạng thái cạnh tranh khi lợi ích của các bên xung đột, đe dọa thành quả của bên kia, hoặc được cả hai bên mong muốn nhưng không thể chia sẻ được [McDonald, 2020, tr.3-16].

2.1.1.4. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung

Một số nhà nghiên cứu xem việc Mỹ sử dụng cụm từ “cạnh tranh chiến lược” (strategic competition) vào năm 2017 là bước ngoặt trong quan hệ Mỹ - Trung, thậm chí thay đổi chiến lược của Trung Quốc [Li, 2019, tr.54–80; Zhao, 2019, tr.372]. Chiến lược an ninh quốc gia năm 2017 của Mỹ [White House, 2017] và Tóm tắt Chiến lược Quốc phòng Quốc gia năm 2018 của Mỹ do Bộ Quốc phòng Mỹ thực hiện [U.S. Department of Defense, 2018] xem Trung Quốc là một quốc gia theo chủ nghĩa xét lại và đối thủ cạnh tranh chiến lược.

Hình 2.1. Phân tích nội hàm của thuật ngữ cạnh tranh chiến lược

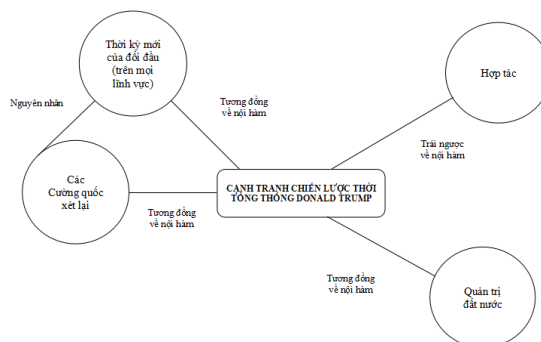
(Nguồn: Winkler, 2023)



Có thể thấy, theo Hình 2.1, thuật ngữ “cạnh tranh chiến lược” chưa bao giờ có một ý nghĩa đơn lẻ hoặc có thể áp dụng phổ quát [Winkler, 2023]. Kể từ khi Chiến lược An ninh Quốc gia Mỹ được công bố vào năm 2017, thuật ngữ “cạnh tranh chiến lược” đã trở nên phổ biến. Quả thực, phần lớn các công trình nghiên cứu tiếp cận thuật ngữ “cạnh tranh chiến lược” trong quan hệ Mỹ - Trung [Wang and Ran, 2020, tr.1-10], cách Mỹ và Trung Quốc nhận thức và theo đuổi “cạnh tranh chiến lược”, bao gồm cả trong các lĩnh vực vấn đề cụ thể [Yan, 2020, tr.313-314; Hong, Um, 2022, tr.59-79; Winkler, 2023, tr.1-32], và cách thức các quốc gia khác trong điều chỉnh theo thực tế của “cạnh tranh chiến lược”. Các tiếp cận này phổ biến và đã hình thành nhận thức chung về thuật ngữ này [Troath, 2023, tr.65-84; Cha, 2020, tr.509-536; Nagy, 2022, tr.260-276]. Một số ít nghiên cứu xem xét trong phân tích cụ thể chính sách đối ngoại và lựa chọn chiến lược của Mỹ [Mazarr, Frederick, Crane, 2022; Burkhart, Woody, 2017, tr.20–7; Wu, 2023, tr.31–60].

Hình 2.2. Nội hàm của thuật ngữ cạnh tranh chiến lược dưới thời

Tổng thống Mỹ Donald Trump (Nguồn: Winkler, 2023)

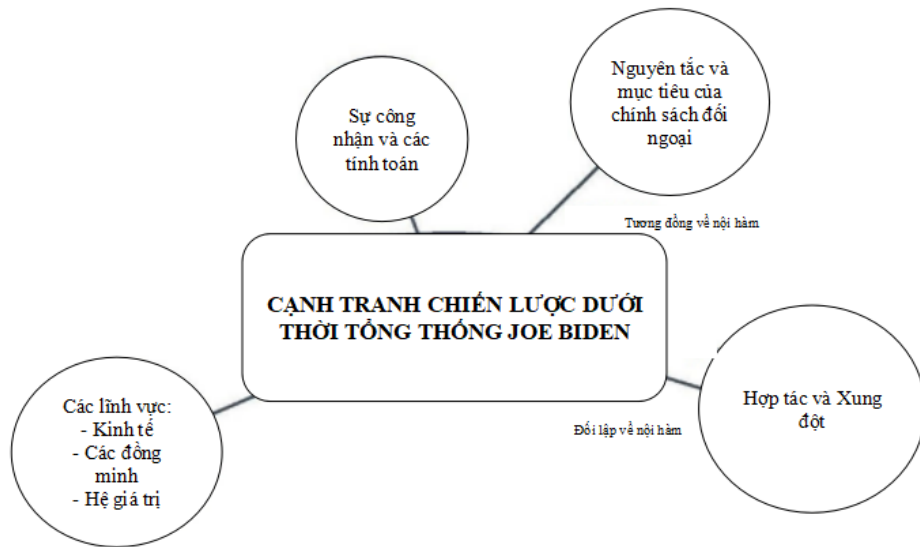


Theo Hình 2.2., thuật ngữ “cạnh tranh chiến lược” tương ứng với thuật ngữ tiếng Anh là “strategic competition”. Trong nhiệm kỳ Tổng thống của Donald Trump (2017-

2021), thuật ngữ “cạnh tranh chiến lược” trở nên nổi bật trong chính sách đối ngoại của Mỹ, đặc biệt là trong mối quan hệ với các cường quốc địa chính trị lớn như Trung Quốc và Nga. Chính quyền Tổng thống Donald Trump nhấn mạnh cách tiếp cận quyết đoán và cạnh tranh hơn trong việc giải quyết các thách thức kinh tế, an ninh và công nghệ. Đáng chú ý, trọng tâm của khái niệm cạnh tranh chiến lược dưới thời chính quyền Trump là mối quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc. Mỹ trực tiếp coi Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh chiến lược và xác định các vấn đề trọng yếu, bao gồm mất cân bằng thương mại, trộm cắp tài sản trí tuệ và cạnh tranh công nghệ. Chiến lược An ninh và Quốc phòng Quốc gia được ban hành dưới thời Trump cũng xác định Trung Quốc và Nga là “các cường quốc theo chủ nghĩa xét lại” và xác định đây là những đối thủ cạnh tranh chiến lược chính thách thức ảnh hưởng và lợi ích của Mỹ [White House, 2017]. Cách tiếp cận của Trump với Trung Quốc liên quan đến việc tập trung đáng kể vào cạnh tranh kinh tế. Chính quyền theo đuổi các chính sách thương mại nhằm giải quyết thực tiễn thương mại không công bằng, dẫn đến việc áp thuế đối với hàng nhập khẩu của Trung Quốc và đánh giá lại các mối quan hệ kinh tế. Chính quyền Tổng thống Donald Trump thừa nhận tầm quan trọng của sự dẫn đầu về công nghệ trong việc duy trì lợi thế chiến lược. Các chính sách đã được thực hiện nhằm hạn chế khả năng tiếp cận của Trung Quốc với công nghệ trọng yếu của Mỹ, đồng thời nỗ lực bảo vệ sự đổi mới và sở hữu trí tuệ của Mỹ. Đồng thời, cạnh tranh chiến lược đã ảnh hưởng đến thế trận quân sự của Mỹ, với sự nhấn mạnh vào hiện đại hóa, tăng cường liên minh và đảm bảo ưu thế quân sự, chính quyền Tổng thống Donald Trump đã tìm cách chống lại các mối đe dọa quân sự do Trung Quốc và Nga gây ra ở các khu vực chiến lược. Trong khi nhấn mạnh đến cạnh tranh chiến lược, Mỹ cũng tham gia vào các nỗ lực tăng cường liên minh. Cách tiếp cận này nhằm mục đích xây dựng một liên minh gồm các quốc gia có cùng chí hướng để cùng nhau giải quyết những mối lo ngại chung về sự trỗi dậy của Trung Quốc. Thuật ngữ “cạnh tranh chiến lược” dưới thời Donald Trump thể hiện cách tiếp cận mang tính đối đầu hơn với các nước lớn trên toàn cầu, đặc biệt là Trung Quốc và Nga. Điều này phản ánh sự điều chỉnh lại các ưu tiên chính sách đối ngoại của Mỹ và tạo tiền đề cho các cuộc thảo luận đang diễn ra về bản chất của các mối quan hệ giữa các cường quốc trong thế kỷ XXI.

Hình 2.3. Nội hàm của thuật ngữ cạnh tranh chiến lược dưới thời

Tổng thống Mỹ Joe Biden (Nguồn: Winkler, 2023)



Việc nhấn mạnh đến cạnh tranh chiến lược dưới thời Donald Trump tác động lâu dài đến chính sách đối ngoại của Mỹ. Chính quyền Joe Biden sau đó đã duy trì sự tập trung vào cạnh tranh chiến lược, đặc biệt là với Trung Quốc, mặc dù có những khác biệt về cách tiếp cận. Thậm chí, Mỹ thừa nhận sự cần thiết phải có một cách tiếp cận toàn diện và chiến lược để cạnh tranh hiệu quả. Khác với Tổng thống tiền nhiệm, chính quyền Joe Biden bày tỏ cam kết tăng cường liên minh và tham gia vào ngoại giao đa phương, nhằm mục đích xây dựng phản ứng tập thể trước những thách thức do các đối thủ cạnh tranh chiến lược đặt ra với trọng tâm là hợp tác với các đồng minh. Đồng thời, Mỹ công nhận vai trò quan trọng của công nghệ trong cạnh tranh chiến lược. Các nỗ lực nhằm mục đích tăng cường đổi mới trong nước, bảo vệ sở hữu trí tuệ và giải quyết các mối lo ngại liên quan đến tiến bộ công nghệ của Trung Quốc, đặc biệt là trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo và 5G. Mặc dù có sự thay đổi trong cách tiếp cận, Mỹ vẫn tập trung vào các chính sách thương mại với Trung Quốc. Chính quyền Joe Biden thể hiện nỗ lực giải quyết các thách thức an ninh truyền thống do các đối thủ cạnh tranh chiến lược đặt ra, bao gồm cả năng lực quân sự và hoạt động địa chính trị. Điều này liên quan đến việc đánh giá lại các ưu tiên và chiến lược quốc phòng nhằm giải quyết các mối đe dọa đang gia tăng. Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tiếp tục là tâm điểm trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược. Chính quyền Biden nhấn mạnh quan hệ

đôi tác với các đồng minh trong khu vực như Nhật Bản, Úc và Ấn Độ để cùng nhau giải quyết các thách thức an ninh và kinh tế. Tóm lại, dưới thời Joe Biden, khái niệm cạnh tranh chiến lược vẫn nổi bật, với sự thay đổi trong cách tiếp cận so với chính quyền Donald Trump. Chính quyền Biden nhằm mục đích đạt được sự cân bằng giữa cạnh tranh và hợp tác, đặc biệt bằng cách tận dụng chủ nghĩa đa phương và tăng cường liên minh để giải quyết những thách thức chung do các đối thủ cạnh tranh chiến lược đặt ra.

Trên các bối cảnh trên, luận án tiếp cận cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020 dựa trên nhận thức của hai quốc gia về lợi ích chiến lược và nhận thức tình trạng lợi ích cơ bản đang bị đe dọa bởi bên đối lập. Mỹ là quốc gia nhận thức sự trỗi dậy của Trung Quốc ảnh hưởng đến lợi ích cơ bản của Mỹ tại Đông Nam Á và tiến hành điều chỉnh chiến lược để thích ứng, khẳng định vị thế tại khu vực. Tổng hợp và khảo cứu các tư liệu cho thấy cạnh tranh chiến lược là một dạng đặc thù của cạnh tranh trong quan hệ quốc tế và quan điểm của Mỹ đối với Trung Quốc. Đặc biệt, cạnh tranh chiến lược là tình trạng một mối quan hệ giữa các chủ thể quan hệ quốc tế khi một bên nhận thức lợi ích cơ bản của họ đang bị đe dọa bởi bên đối lập.

2.1.2. Cạnh tranh chiến lược trong các trường phái lý thuyết quan hệ quốc tế

2.1.2.1. Cạnh tranh chiến lược trong chủ nghĩa hiện thực

Một trong những quan điểm của chủ nghĩa hiện thực đã xác định nguyên tắc trật tự cơ bản của hệ thống quốc tế là một trong những hệ thống vô chính phủ và tạo ra một chuỗi logic tự lực được xác định là điều kiện cốt lõi cuối cùng dẫn đến việc bắt buộc của quốc gia phải cân bằng chống lại các sức mạnh khác để sinh tồn [Waltz, 1979; Harknett, Yalcin, 2012, tr.499-521]. Lời giải thích phức tạp này về chính trị quốc tế đã đưa ra các biến thể trong sự nhấn mạnh lý thuyết trong chủ nghĩa hiện thực và một tập hợp đáng kể các lý thuyết cạnh tranh với các giả định, cấu trúc và biện pháp khác nhau về cơ bản. Các tranh luận trong quan hệ quốc tế đưa ra cái nhìn sâu sắc và hữu ích để đánh giá tiềm năng của bất kỳ cuộc cạnh tranh chiến lược nào. Hai cách tiếp cận khác nhau phổ biến chính là chủ nghĩa hiện thực tấn công và chủ nghĩa hiện thực phòng thủ. Trong cạnh tranh và xung đột, nhiều chủ thể tìm cách tối đa hóa việc chia sẻ quyền lực với những chủ thể khác. Tuy nhiên, trong quá trình này, tham vọng cùng lợi ích có thể

dẫn đến chiến tranh. Học giả John Mearsheimer coi đây là “bi kịch của quyền lực chính trị lớn” [Mearsheimer, 2014, tr.2]. Ngược lại, những người theo chủ nghĩa hiện thực phòng thủ lập luận rằng cả quá ít và quá nhiều quyền lực đều rất nguy hiểm, quá ít sẽ dễ dẫn đến sự xâm lược từ các nước mạnh hơn, nhưng quá nhiều quyền lực có thể kích động hành vi tìm kiếm cân bằng quyền lực từ chủ thể khác [Waltz, 2000, tr.5-41]. Sự khác biệt giữa chủ nghĩa tấn công và phòng thủ giải thích rõ hơn về quyền lực và an ninh, cũng như các động lực có thể gợi mở quan niệm hiện tại về cạnh tranh chiến lược. Đồng thời, chủ nghĩa hiện thực đề cập đến một thế giới vô chính phủ nơi mà các quốc gia có hai lựa chọn để đối phó với một cường quốc mới nổi và theo chủ nghĩa xét lại. Theo đó, một số quốc gia cân bằng các nước mới nổi và xét lại quyền lực để bảo vệ an ninh, trong khi những người khác tham gia vào các nhóm để đảm bảo lợi ích kinh tế hoặc mở rộng ảnh hưởng [Levy, 2003, tr.129]. Walt đã quan sát thấy rằng khi đối mặt với một thách thức an ninh lớn từ bên ngoài, một quốc gia có thể tìm kiếm sự cân bằng quyền lực thông qua việc liên minh với các quốc gia khác chống lại mối đe dọa tiềm ẩn hoặc liên kết với sức mạnh mới nổi [Walt, 1987, tr.17]. Đáng chú ý, nhà nghiên cứu Segal cho rằng thay vì “ngăn chặn” thì chuyển sang “ràng buộc” và các quốc gia có thể liên kết lại với nhau để áp lực Trung Quốc phải tiết chế trong một số vấn đề [Segal, 1996, tr.159-187].

Các lý thuyết liên quan đến cạnh tranh chiến lược trong lĩnh vực chính trị, an ninh gắn bó mật thiết các nội dung về quyền lực và an ninh, qua đó đưa ra nhiều lời khuyên giá trị cho các cạnh tranh chiến lược đang diễn ra. Các cường quốc cạnh tranh trên nền tảng quyền lực cứng, tuy nhiên, trong hầu hết các trường hợp, như một phương diện an ninh, các quốc gia đang tham gia “trò chơi có tổng bằng không”, cùng các vấn đề lợi ích. Theo đuổi quyền lực có thể dẫn đến những tình huống khó xử về an ninh khi các quốc gia “vũ trang” vì mục tiêu phòng thủ nhưng sẽ trở thành mối đe dọa cho các quốc gia liên quan và đôi khi thúc đẩy các phản ứng leo thang. Với sự hội tụ của các mối đe dọa an ninh thông thường cùng với sự phổ biến của các công nghệ quân sự tiên tiến, công nghệ lưỡng dụng, phạm vi xung đột trong tương lai sẽ mang đặc trưng là các cuộc đối đầu chiến lược chông chéo trong nhiều lĩnh vực [Libicki, 2011, tr.3-10].

Trong cạnh tranh chiến lược, các chủ thể không chỉ mong muốn có lợi thế về địa chính trị hay quyền lực, vị thế mà chính các cường quốc cũng tìm kiếm các mục tiêu kinh tế như thịnh vượng, hay ảnh hưởng kinh tế. Trong lịch sử, việc theo đuổi các mục tiêu kinh tế đã được thể hiện trong một loạt các chiến lược, bao gồm đế chế, chủ nghĩa trọng thương, chính sách công nghiệp, chính sách thuế khóa và các quy định về đầu tư. Trong cạnh tranh chiến lược, vị thế quốc gia là hết sức quan trọng vì liên quan đến tiếng nói của quốc gia đó trên trường quốc tế. Tìm kiếm vị thế hàng đầu luôn là mục tiêu lớn của các cường quốc. Giống như cạnh tranh về các mục tiêu địa chính trị, cạnh tranh kinh tế có thể có cả hai yếu tố tuyệt đối và các thành phần tương đối. Các quốc gia thường tìm kiếm một số các mục tiêu kinh tế tuyệt đối với các mục tiêu quan trọng trong nước như tỷ lệ tăng trưởng nhất định, tỷ lệ thất nghiệp, hoặc hoạt động kinh doanh mới. Nhưng các quốc gia cũng sẽ thường xuyên đánh giá các mục tiêu này trong điều kiện tương đối, so sánh bản thân với các mức thành tựu tương ứng ở các quốc gia khác. Cạnh tranh quốc tế nhất định cần có một chủ thể kinh tế chiếm ưu thế và trở nên mạnh mẽ hơn nhiều. Thuật ngữ “chiến tranh kinh tế” đã được sử dụng để chỉ tình hình cạnh tranh kinh tế căng thẳng, mặc dù điều này thường dẫn tới các hoạt động quân sự. Việc sử dụng ngày càng nhiều các công cụ kinh tế, từ mục tiêu trừng phạt đối với hoạt động gián điệp công nghiệp đối với các ngành được nhà nước hỗ trợ, trong các chiến dịch phối hợp thực hiện để đạt được lợi thế cạnh tranh. Ví dụ, trong cuộc cạnh tranh với Mỹ, Trung Quốc đạt được một mức độ phát triển nhất định và một lợi thế tương đối so với Mỹ trong lĩnh vực công nghệ tiên tiến. Sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, công nghệ đã dẫn đến chạy đua và trở thành một lĩnh vực được đặc biệt quan tâm trong chiến lược của các cường quốc. Bởi lẽ hệ quả của các xung đột quân sự thường tác động tiêu cực dù ở bất kỳ độ giả định nào. Về tranh chấp thương mại, ai sẽ đảm bảo dài hạn lợi thế bằng cách xác định các tiêu chuẩn kỹ thuật đang trở thành câu hỏi lớn. Sự cạnh tranh về công nghệ cũng luôn là vấn đề quan trọng của an ninh quốc gia. Cạnh tranh này cũng kết nối với các câu hỏi địa chính trị theo nghĩa truyền thống, ảnh hưởng của các lĩnh vực chính trị công nghệ được xây dựng trên các sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật số không còn thuần túy về lãnh thổ, nhưng vẫn cho phép sức mạnh địa chính trị được dự báo và sự phụ thuộc quốc tế được củng cố. Các lý thuyết liên quan đến cạnh tranh chiến lược trong lĩnh vực chính trị, an ninh gắn bó mật thiết các nội dung về quyền lực và an ninh,

qua đó đưa ra nhiều lời khuyên giá trị cho các cạnh tranh chiến lược đang diễn ra. Các cường quốc cạnh tranh trên nền tảng quyền lực cứng nhưng, trong hầu hết các trường hợp, như một phương diện an ninh, các quốc gia đang tham gia “trò chơi có tổng bằng không”, cùng các vấn đề lợi ích. Theo đuổi quyền lực có thể dẫn đến những tình huống khó xử về an ninh khi các quốc gia “vũ trang” vì mục tiêu phòng thủ nhưng trở thành mối đe dọa cho các quốc gia liên quan và đôi khi thúc đẩy các phản ứng leo thang. Với sự hội tụ của các mối đe dọa an ninh thông thường, phi đối xứng, cường độ thấp và phi tuyến tính - cùng với sự phổ biến của các công nghệ quân sự tiên tiến và công nghệ lưỡng dụng với phạm vi xung đột trong tương lai sẽ ngày càng được đặc trưng thông qua các cuộc đối đầu chiến lược chông chéo trong nhiều lĩnh vực [Libicki, 2011, tr.3-10].

2.1.2.2. Cạnh tranh chiến lược trong chủ nghĩa tự do

Theo chủ nghĩa tự do, cạnh tranh chiến lược được định hình bởi các nguyên tắc, thể chế và giá trị tự do. Chủ nghĩa tự do với tư cách là một triết lý chính trị và kinh tế nhấn mạnh đến quyền tự do cá nhân, quản trị dân chủ, nền kinh tế thị trường tự do và pháp quyền. Trong đó, những liên kết kinh tế - thương mại trở thành công cụ quan trọng trong cạnh tranh chiến lược khi các nước lớn mong muốn giành quyền dẫn dắt, tập hợp lực lượng ở các khu vực [Nguyễn Việt Lâm, 2022a, tr.280]. Chủ nghĩa tự do nhấn mạnh vào nền kinh tế thị trường tự do và thương mại mở khi coi phát triển kinh tế thị trường như phương cách quan trọng khác để thúc đẩy hợp tác, đảm bảo an ninh và duy trì hòa bình trong quan hệ quốc tế [Hoàng Khắc Nam, 2013, tr.21]. Cạnh tranh kinh tế chiến lược trong khuôn khổ tự do liên quan đến việc các quốc gia tranh giành ảnh hưởng kinh tế, tiếp cận thị trường và khả năng cạnh tranh. Thay vì cạnh tranh có tổng bằng 0, cạnh tranh kinh tế tự do thường tìm kiếm lợi ích chung thông qua việc mở rộng thương mại và đầu tư. Tuy nhiên, sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế không thể ngăn cản quốc gia lựa chọn cân bằng quân sự nếu như cách tiếp cận này mang lại nhiều lợi ích hơn về mặt an ninh [He, 2008, tr. 489–518]. Giả định cơ bản của phái tự do là triển vọng hợp tác sẽ tăng lên theo thời gian do quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa [Mgonja, Makombe, 2013, tr.163]. Chủ nghĩa tự do thúc đẩy ý tưởng rằng các thể chế và tổ chức quốc tế có thể đóng vai trò là cơ chế hợp tác và giải quyết xung đột. Theo đó, các thể

chế quốc tế có thể điều chỉnh hành vi của chủ thể quốc gia và thúc đẩy hợp tác, tạo điều kiện chia sẻ thông tin, ngăn chặn gian lận và khơi mở con đường giải quyết hòa bình của các xung đột [Acharya, 2008, tr.57-82]. Trong một trật tự tự do, các quốc gia tham gia vào cuộc cạnh tranh chiến lược bằng cách tìm cách định hình và gây ảnh hưởng đến các thể chế quốc tế nhằm phản ánh các giá trị và chuẩn mực tự do. Cạnh tranh có thể liên quan đến việc tranh giành các vị trí lãnh đạo, gây ảnh hưởng đến các chương trình nghị sự về chính sách hoặc định hình các quy tắc của các tổ chức quốc tế.

Khi nhìn nhận các mối quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương, quan điểm tự do cho rằng nền tảng cơ bản của trật tự thời hậu chiến ở châu Á không dựa trên sự khác biệt về khu vực hay văn hóa cũng như các vấn đề an ninh, mà là trật tự kinh tế quốc tế với ảnh hưởng của Mỹ [Anam, 2020, tr.142]. Cạnh tranh chiến lược trong bối cảnh tự do bao gồm việc thúc đẩy quản trị dân chủ và các chuẩn mực tự do như một phương tiện để đạt được ảnh hưởng và sự ủng hộ trên trường quốc tế. Các quốc gia có thể cạnh tranh để xuất khẩu mô hình quản trị của mình. Trong khi đó, Trung Quốc cũng tích cực sử dụng kinh tế để lôi kéo và can thiệp vào công việc nội bộ của một số tổ chức khu vực và quốc tế phục vụ cho lợi ích chiến lược của nước này [Nguyễn Hồng Quân, 2023, tr.17]. Không chỉ vậy, “liên minh hòa bình” của các nền cộng hòa tự do được xem là liên minh lâu dài và có khả năng ngăn ngừa chiến tranh [Doyle, 1986, tr.1151-1169]. Những người theo chủ nghĩa tự do nhấn mạnh tầm quan trọng của quản trị toàn cầu để giải quyết các thách thức xuyên quốc gia. Cạnh tranh chiến lược trong khuôn khổ tự do liên quan đến việc các quốc gia cạnh tranh để dẫn dắt hoặc định hình các nỗ lực toàn cầu nhằm giải quyết các vấn đề như biến đổi khí hậu, đại dịch và khủng bố và xoay quanh việc gây ảnh hưởng và tham gia vào các cơ chế hợp tác quốc tế. Các cách tiếp cận ngoại giao và đa phương là những công cụ quan trọng trong cạnh tranh chiến lược tự do. Các quốc gia có thể cạnh tranh để dẫn đầu các sáng kiến ngoại giao, định hình các chương trình nghị sự quốc tế và xây dựng các liên minh nhằm thúc đẩy các chính sách và giá trị tự do. Các diễn đàn đa phương trở thành đấu trường để các quốc gia tự do thực thi ảnh hưởng và đạt được các mục tiêu chiến lược. Đặc biệt, cạnh tranh chiến lược theo quan điểm của chủ nghĩa tự do thường bao gồm việc sử dụng các công cụ quyền lực mềm như ngoại giao văn hóa, giáo dục và thúc đẩy các giá trị tự do để nâng cao vị thế quốc tế của một quốc gia. Các quốc gia tự do tham gia vào cuộc cạnh tranh

chiến lược bằng cách cân bằng lợi ích quốc gia với cam kết hợp tác. Sự cạnh tranh thường xảy ra trong khuôn khổ nỗ lực hợp tác, trong đó các quốc gia tìm cách nâng cao lợi ích của mình đồng thời đóng góp cho phúc lợi chung toàn cầu. Sự xuất hiện của một vài nhóm, cơ chế đa phương của Nga, Trung Quốc và các nền kinh tế mới nổi đánh dấu một sự khởi đầu của giai đoạn chuyển đổi mới [Vũ Văn Anh, Nguyễn Xuân Cường, 2022, tr.68].

Bên cạnh đó, chủ nghĩa tự do coi trọng pháp quyền và việc tuân thủ các chuẩn mực quốc tế. Cạnh tranh chiến lược trong khuôn khổ này liên quan đến việc các quốc gia tìm cách định hình, giải thích hoặc thực thi luật pháp và chuẩn mực quốc tế theo cách phù hợp với các nguyên tắc tự do. Tranh chấp có thể phát sinh khi các quốc gia nhận thấy có sự vi phạm các quy tắc này. Đồng thời, chủ nghĩa tự do coi trọng sự đổi mới và tiến bộ công nghệ. Cạnh tranh chiến lược trong khuôn khổ tự do liên quan đến việc các quốc gia cạnh tranh để giành vị trí dẫn đầu về công nghệ đồng thời thừa nhận lợi ích của việc hợp tác và chia sẻ thông tin để giải quyết các thách thức toàn cầu. Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, “không gian vũ trụ” và “không gian mạng” trở thành những môi trường cạnh tranh chiến lược khi sự vượt trội về công nghệ không gian sẽ giúp các quốc gia cụ thể đạt được các mục tiêu chiến lược [Võ Xuân Vinh, 2021, tr.42]. Tóm lại, cạnh tranh chiến lược trong chủ nghĩa tự do có đặc điểm là tập trung vào mở cửa kinh tế, thúc đẩy các giá trị tự do, sử dụng quyền lực mềm, hợp tác thông qua các thể chế quốc tế và tuân thủ pháp quyền. Mặc dù cạnh tranh vẫn tồn tại nhưng nhằm tìm kiếm lợi ích chung và duy trì các nguyên tắc tự do trên trường toàn cầu.

2.1.2.3. Cạnh tranh chiến lược trong chủ nghĩa kiến tạo

Trong chủ nghĩa kiến tạo, một lý thuyết quan hệ quốc tế nhấn mạnh vai trò của các ý tưởng, chuẩn mực và bản sắc trong việc định hình nền chính trị thế giới, khái niệm cạnh tranh chiến lược mang một đặc điểm riêng biệt. Theo đó, cạnh tranh chiến lược vẫn bị ảnh hưởng bởi động lực của bản sắc, chuẩn mực và sự hiểu biết liên chủ thể. Theo đó, các quốc gia định hình và tranh giành bản sắc nhằm nâng cao vị thế của mình trong hệ thống quốc tế. Một thế giới không có bản sắc của các chủ thể là một thế giới hỗn độn, một thế giới bất định và nguy hiểm hơn rất nhiều so với thế giới vô chính phủ

[Ted, 1998, tr.171-200]. Bản sắc có ba chức năng cần thiết trong xã hội: cho bạn và người khác biết bạn là ai và cho bạn biết người khác là ai [Tajfel, 1981, tr. 255]. Các quốc gia cạnh tranh có xu hướng xác định chính mình theo những cách có tác động tích cực với các chủ thể khác và phù hợp với các chuẩn mực hiện hành. Bản sắc quy định một tập hợp cụ thể các lợi ích hoặc ưu tiên liên quan đến lựa chọn hành vi trong từng lĩnh vực cụ thể và với các đối tượng cụ thể. Bản sắc của một quốc gia bao hàm ưu tiên và hành vi tương ứng của quốc gia đó [Doty, 1993, tr.454]. Chủ nghĩa kiến tạo nhấn mạnh vào sức mạnh của các chuẩn mực trong quan hệ quốc tế. Cạnh tranh chiến lược trong bối cảnh này liên quan đến việc các quốc gia cạnh tranh trong việc xác định và chấp nhận các chuẩn mực. Các quốc gia có thể phản đối các quy tắc hiện có hoặc tìm cách thiết lập các quy tắc mới phù hợp với lợi ích hoặc giá trị của họ. Cạnh tranh chiến lược bao gồm các quốc gia tranh giành ảnh hưởng thông qua việc phổ biến các ý tưởng, câu chuyện và diễn ngôn hình thành nên nhận thức và niềm tin về quan hệ quốc tế. Chủ nghĩa kiến tạo nhấn mạnh tầm quan trọng của xã hội hóa trong quan hệ quốc tế. Các quốc gia tham gia cạnh tranh chiến lược bằng cách tìm cách xã hội hóa các chủ thể khác chấp nhận các chuẩn mực và bản sắc ưa thích của họ, ảnh hưởng đến việc hình thành những kỳ vọng chung trong xã hội quốc tế.

Cạnh tranh chiến lược trong chủ nghĩa kiến tạo liên quan đến việc sử dụng diễn ngôn và ngôn ngữ để xây dựng các câu chuyện hợp pháp hóa hành động của một quốc gia hoặc thách thức hành động của quốc gia khác. Các quốc gia cạnh tranh để tác động đến tường thuật xung quanh các vấn đề, sự kiện và chính sách nhằm định hình nhận thức và thu hút sự ủng hộ. Các quốc gia áp dụng bản sắc vai trò dựa trên vai trò được nhận thức của họ trong hệ thống quốc tế. Cạnh tranh chiến lược trong chủ nghĩa kiến tạo liên quan đến việc các quốc gia cạnh tranh để gây ảnh hưởng đến vai trò của họ và các chủ thể khác. Các cách tiếp cận theo chủ nghĩa kiến tạo nêu bật tầm quan trọng của những hiểu biết chung và nỗ lực hợp tác xuất phát từ bản chất liên chủ thể của các tương tác giữa các quốc gia. Chủ nghĩa kiến tạo thách thức sự phân đôi giữa lợi ích và bản sắc trong các lý thuyết truyền thống. Trong cạnh tranh chiến lược, các quốc gia tìm cách điều chỉnh lợi ích của mình phù hợp với bản sắc được xây dựng và các chuẩn mực mà họ ủng hộ. Các quốc gia cạnh tranh có thể tìm thấy điểm chung bằng cách đàm phán về bản sắc và chuẩn mực chung. Chủ nghĩa kiến tạo thừa nhận tiềm năng thay đổi trong

quan hệ quốc tế. Cạnh tranh chiến lược liên quan đến việc các quốc gia thích ứng với các chuẩn mực và bản sắc đang phát triển, điều chỉnh chiến lược của mình để phù hợp với những kỳ vọng đang thay đổi trong cộng đồng quốc tế. Tóm lại, cạnh tranh chiến lược trong chủ nghĩa kiến tạo được đặc trưng bởi sự tranh chấp và xây dựng bản sắc, chuẩn mực và ý tưởng. Các quốc gia tham gia vào cuộc cạnh tranh không chỉ vì nguồn lực vật chất mà còn vì sức mạnh để hình thành những hiểu biết chung và các công trình xã hội có ảnh hưởng đến sự tương tác trong hệ thống quốc tế. Thông qua các công cụ trong liên hệ xã hội, các tổ chức quốc tế góp phần phổ biến niềm tin chung, phát triển chuẩn mực xã hội và định hình bản sắc xã hội trên quy mô quốc tế [Hoàng Khắc Nam, 2008, tr.15]. Nói cách khác, bản chất liên chủ thể của chủ nghĩa kiến tạo nhấn mạnh vai trò của các ý tưởng và chuẩn mực trong việc định hình hành vi chiến lược.

2.2. Cơ sở thực tiễn của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020

2.2.1. Bối cảnh quốc tế và tình hình khu vực Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020

2.2.1.1. Bối cảnh quốc tế

Sự cạnh tranh của các cường quốc luôn là một vấn đề ảnh hưởng lớn đến tình hình chính trị thế giới. Sự đan xen lợi ích lẫn mâu thuẫn trên quy mô toàn cầu đã khắc sâu thêm mâu thuẫn của các cường quốc trong thời đại mới. Trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã vượt qua Đại Tây Dương, trở thành đại dương thu hút sự phát triển của cả thế giới. Một số nhà nghiên cứu cho rằng “Thế kỷ Thái Bình Dương” (Pacific Century) là có thực, phản ánh sự phát triển năng động, nhưng cũng rất phức tạp do những chuyển động trật tự địa chính trị mới, dẫn đến quan niệm về “Thế kỷ Thái Bình Dương” lại trở thành một phần của “Thế kỷ châu Á” hoặc “Thế kỷ châu Á - Thái Bình Dương [Lowther, 2013, tr.25-44]. Đồng thời, sự trỗi dậy chưa từng có về kinh tế và phần nào là quân sự của Trung Quốc trong thập niên đầu thế kỷ XXI đã thực sự gây ấn tượng mạnh cho cả thế giới [Arase, 2016, tr.92-95]. Vì vậy, Đông Nam Á chứng kiến sự đan xen, chòng chẹo về ảnh hưởng, lợi ích trong tương quan của các nước lớn. Sự đối đầu giữa Mỹ và Trung Quốc ngày càng mạnh mẽ trên

nhiều lĩnh vực, trong khi thể chế chính trị - xã hội của khu vực muôn màu muôn vẻ với các thể chế khác nhau (Trần Anh Phương, 2004, tr.24-26). Trong khi đó, sự trỗi dậy của các cường quốc mới như Trung Quốc, Ấn Độ và Brazil đã và đang thách thức trật tự hậu Thế chiến thứ hai do phương Tây thống trị.

Trung Quốc đã có những bước tiến lớn trong sự phát triển về mọi mặt. Về kinh tế, Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, có mối liên kết thương mại sâu rộng giữa các châu lục. Về mặt quân sự, Trung Quốc thực hiện hiện đại hóa lực lượng, đặc biệt là hải quân và thiết lập các tiền đồn quân sự ở những vị trí chiến lược. Về mặt ngoại giao, Trung Quốc triển khai những dự án, sáng kiến nhằm trong việc vẽ lại các tuyến thương mại toàn cầu và những nỗ lực ở các thể chế quốc tế với mong muốn có tiếng nói lớn hơn trong quản trị toàn cầu. Theo quan điểm “thế giới quan hài hòa” (和谐世界)¹², cùng với “Trỗi dậy hòa bình” (和平崛起) sau đó được đổi thành “phát triển hòa bình” (和平发展), Trung Quốc áp dụng chính sách “láng giềng tốt” (好邻居) đối với các khu vực xung quanh. Chủ tịch Tập Cận Bình đưa ra ý tưởng hồi sinh Con đường tơ lụa, sau đó phát triển thành Sáng kiến Vành đai-Con đường (一带一路倡 One Belt One Road initiative – OBOR hay Belt-Road Initiative - BRI). BRI kết nối trực tiếp Trung Quốc với ba trong số bảy lục địa trên thế giới, trong đó ưu tiên là phát triển cơ sở hạ tầng và hợp tác thương mại. Kể từ khi Tập Cận Bình công bố vào năm 2013, BRI đã thu hút sự chú ý đáng kể trên toàn cầu, làm dấy lên những nhận định trái chiều về tham vọng của Trung Quốc [Albana, Fiori, 2021, tr.149-159]. BRI là một sáng kiến mang tính bước ngoặt mà tầm quan trọng không chỉ giới hạn ở các cân nhắc về kinh tế hoặc ngoại giao, mà còn mang tính toàn diện [Callahan, 2016, tr.226–243].

Trong Sáng kiến BRI, Trung Quốc đẩy mạnh dự án tái hiện “Con đường tơ lụa trên biển” (21st Century Maritime Silk Road - 21世纪海上丝绸之路 MSR) với Biển Đông là điểm khởi đầu. Theo tuyên bố của Chính phủ Trung Quốc, MSR là một bước đi kinh tế hướng đến sự gắn kết phát triển với các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á và Nam Á. Theo đó, MSR sẽ phục vụ cho sự phát triển hàng hải của các nước dọc theo tuyến đường

¹² Tại Đại hội lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc (2003) và trong một bài phát biểu của Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào (2004), thể hiện quan điểm của Trung Quốc trong quan hệ quốc tế là “bốn không” (không bá quyền, không dùng vũ lực, không kéo bè kéo cánh, không chạy đua vũ trang), và “bốn có” (xây dựng lòng tin, giảm bớt khó khăn, hợp tác phát triển, và tránh đối đầu).

biển từ Thái Bình Dương sang Ấn Độ Dương, mở rộng giao thương biển cũng như thúc đẩy sự thịnh vượng của các nước trong khu vực. Bằng cách tăng nguồn vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng, đặc biệt là cơ sở hạ tầng các cảng biển, các quốc gia có thể tăng nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế. Thực chất, MSR được xây dựng nhằm hợp thức hóa cho chiến lược “Chuỗi ngọc trai” của Trung Quốc từ thời cầm quyền của ông Hồ Cẩm Đào.¹³ Để tiến hành dự án này, Trung Quốc đã liên tục gây căng thẳng thông qua các yêu sách chủ quyền chủ quyền. Có thể nói, BRI được Chính phủ Trung Quốc triển khai mạnh mẽ đã đẩy cuộc cạnh tranh chiến lược Trung - Mỹ lên một nấc thang mới và nếu viễn cảnh này trở thành hiện thực thì sẽ là một bước chuyển tiếp mềm cho quá trình chuyển giao quyền lực để sắp xếp lại bàn cờ chính trị thế giới. Đáng chú ý, nhà lãnh đạo Trung Quốc Tập Cận Bình đã thực hiện chính sách hiện đại hóa quân đội với nhiều thay đổi như cải tổ hệ thống lãnh đạo và chỉ huy, tối ưu hóa cấu trúc và hoạt động quân sự, kết hợp quân sự và dân sự [Phan Thị Diễm Huyền, 2017, tr.69-79]. Đặc biệt, quá trình tái cấu trúc và hiện đại hóa quân đội Trung Quốc là một trong nội dung quan trọng sẽ có tác động quyết định về vai trò của Trung Quốc trong các vấn đề quốc tế [Tijerina, Baig, 2022, tr. 84–95]. Trong đó, lực lượng hải quân đã có nhiều bước tiến bộ theo hướng hiện đại hóa, thể hiện rõ ở việc cải thiện khả năng thực hiện các hoạt động độc lập cách xa bờ biển Trung Quốc, khả năng cải thiện trong thực hiện các hoạt động hay chiến dịch chung và khả năng phối hợp với lực lượng hàng hải khác, hoặc lực lượng quân sự của bất kỳ bên tranh chấp ở Biển Đông và tiếp tục thúc đẩy các yêu sách hàng hải của Trung Quốc [McCaslin, Erickson, 2018, tr.125–170]. Trong khi đó, động thái từ Trung Quốc “bất định” lại rất khó đoán, thậm chí có quan điểm cho rằng Trung Quốc có thể điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng thực dụng và thắt chặt quan hệ đối tác với Mỹ [Sokolsky, Rabasa, Neu, 2000, tr.xi].

2.2.1.2. Tình hình khu vực Đông Nam Á

Giai đoạn từ 2009 đến 2020 ở Đông Nam Á được đặc trưng bởi sự phát triển quan trọng về chính trị, kinh tế và xã hội. Sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ được thúc

¹³ Trung Quốc xây dựng chiến lược “Chuỗi ngọc trai” muốn mở rộng ảnh hưởng của mình từ đảo Hải Nam ở biển Đông xuyên qua những tuyến đường biển nhộn nhịp nhất thế giới, hướng tới vịnh Ba Tư, mục tiêu chủ yếu là kiềm chế Ấn Độ, bảo đảm an ninh năng lượng và kiểm soát những tuyến hàng hải quan trọng. Thông qua Chiến lược “Chuỗi ngọc trai”, Trung Quốc nhằm hướng đến việc gia tăng sức mạnh năng lượng, kinh tế và quân sự của họ trong tương lai.

đẩy từ đầu tư nước ngoài, công nghiệp hóa và đô thị hóa. Các quốc gia như Indonesia, Việt Nam và Philippines nổi lên như những động lực chính cho tăng trưởng kinh tế, mức tiêu dùng nội địa tăng và các lĩnh vực sản xuất định hướng xuất khẩu đạt nhiều thành tựu. Khu vực cũng đạt được những bước tiến trong hội nhập kinh tế thông qua các sáng kiến như Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) nhằm tạo ra một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất. Ảnh hưởng kinh tế và địa chính trị ngày càng tăng của Trung Quốc đã có tác động sâu sắc đến Đông Nam Á trong thời kỳ này. Thực tế cho thấy một trong những thách thức an ninh lớn nhất đe dọa các quốc gia trong không gian Đông Nam Á, chính là sự trỗi dậy của Trung Quốc. Những hành vi gây hấn của Trung Quốc, các tuyên bố chủ quyền lãnh thổ và sự thay đổi về địa chiến lược trong tầm nhìn của quốc gia này đã gia tăng những căng thẳng trong khu vực. Đồng thời, lợi dụng sự suy yếu tương đối của Mỹ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu (2007-2008), Trung Quốc đã tận dụng cơ hội chiến lược này để gia tăng ảnh hưởng, chiếm lĩnh nhiều “không gian chiến lược” mà Mỹ đã từng bỏ trống ở khu vực. Nói cách khác, Đông Nam Á tiếp tục trở thành khu vực tăng trưởng nhanh và năng động nhất thế giới với xu thế chủ đạo là hợp tác và phát triển. Đáng chú ý, với sự gia tăng tầm quan trọng của địa chính trị trong quan hệ quốc tế, Đông Nam Á được đánh giá là địa bàn chiến lược với vai trò địa chính trị quan trọng trong chính sách đối ngoại của nhiều quốc gia [Ngô Thị Bích Lan, 2018, tr.209-215]. Trung Quốc trở thành đối tác thương mại lớn nhất của khu vực và là nguồn đầu tư lớn, đặc biệt thông qua các sáng kiến như Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI). Tuy nhiên, hành vi quyết đoán của Trung Quốc ở Biển Đông và những lo ngại về ảnh hưởng ngày càng mở rộng của nước này đã thúc đẩy phản ứng từ các nước láng giềng và các chủ thể khác trong khu vực.

Địa chính trị là một khía cạnh quan trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển của một quốc gia. Trong một số trường hợp, vị trí địa lý có thể tác động và xoay chuyển chính sách đối ngoại của nhiều nước. Khi Trung Quốc trỗi dậy thì các quốc gia Đông Nam Á cũng trỗi dậy [Cronin, 2015]. Không chỉ vậy, bên cạnh “khu vực truyền thống” của Mỹ, nhiều quốc gia đang tích cực thiết lập và gia tăng ảnh hưởng tại khu vực này như Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ. Chính vì vậy, những biến đổi từ bối cảnh thế giới, khu vực cùng một số cường quốc đều ảnh hưởng to lớn đến khu vực Đông Nam Á. Biển Đông vẫn là một vấn đề gây tranh cãi, với các yêu sách lãnh thổ

cạnh tranh nhau giữa một số nước Đông Nam Á và Trung Quốc. Căng thẳng leo thang liên quan đến việc xây dựng đảo nhân tạo và các cơ sở quân sự, dẫn đến các cuộc tuần tra hàng hải và phản đối ngoại giao gia tăng. Trung Quốc đơn phương đưa ra các tuyên bố chủ quyền lãnh thổ dựa trên sự “thêu dệt ký ức lịch sử” [Hayton, 2014] bằng các loại chứng cứ, bản đồ, rồi hợp thức hóa bằng các hoạt động quân sự như các vụ cải tạo đất và quân sự hóa các bãi đá thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam ở Biển Đông [Hiebert, Poling, Cronin, 2017, tr.44]. Các đội tàu đánh cá có vũ trang của Trung Quốc được sử dụng như những “lực lượng mềm” tràn ngập Biển Đông nhằm khẳng định các yêu sách lãnh thổ ở Biển Đông. Các nước Đông Nam Á theo đuổi nỗ lực giải quyết những tranh chấp này thông qua các cơ chế đa phương, nhưng vẫn khó đạt được sự đồng thuận về một cách tiếp cận thống nhất.

Trong khi đó, một số quốc gia ở Đông Nam Á đã trải qua những chuyển đổi chính trị quan trọng trong thời kỳ này. Myanmar tổ chức cuộc bầu cử đầu tiên vào năm 2010 sau nhiều thập kỷ nằm dưới sự cai trị của quân đội, dẫn tới việc dần dần mở cửa hệ thống chính trị. Tuy nhiên, vẫn còn những lo ngại về tốc độ cải cách dân chủ và các vấn đề nhân quyền. Các quốc gia khác, như Thái Lan và Malaysia, đã trải qua thời kỳ bất ổn và phân cực chính trị. Ngoài ra, các quốc gia Đông Nam Á phải vật lộn với những thách thức xã hội và môi trường, bao gồm đô thị hóa nhanh chóng, suy thoái môi trường và thiên tai. Các vấn đề như ô nhiễm không khí, phá rừng và ô nhiễm nước ngày càng trở nên cấp bách, đòi hỏi những nỗ lực phối hợp trong khu vực để giải quyết. Ngoài ra, khu vực này còn phải đối mặt với các vấn đề xã hội như nghèo đói, bất bình đẳng và di cư, đặt ra những thách thức chính sách phức tạp cho các chính phủ. Các cường quốc và các quốc gia Đông Nam Á liên tục điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng có lợi cho mình. Sự can thiệp và đan xen của các cường quốc khiến các bất đồng, mâu thuẫn giữa các quốc gia trong khu vực ngày càng trở nên phức tạp. Trung Quốc đã bắt đầu hành động cứng rắn hơn với các nước láng giềng trong khu vực ngoại vi của mình, thông qua con đường tấn công ngoại giao và đe dọa quân sự. Đặc biệt, ASEAN tiếp tục đóng vai trò trung tâm trong ngoại giao và hợp tác khu vực trong giai đoạn này. Tổ chức này theo đuổi các sáng kiến nhằm tăng cường hội nhập kinh tế, giải quyết các thách thức an ninh và thúc đẩy đối thoại giữa các quốc gia thành viên và các đối tác bên ngoài. ASEAN cũng tìm cách tăng cường hợp tác với các cường quốc như Mỹ, Trung

Quốc và Nhật Bản, cân bằng các lợi ích cạnh tranh để duy trì ổn định khu vực. Đông Nam Á chứng kiến những thay đổi nhanh chóng về văn hóa và công nghệ, được thúc đẩy bởi các yếu tố như đô thị hóa, toàn cầu hóa và sự phổ biến của công nghệ kỹ thuật số như sự trỗi dậy của các công ty khởi nghiệp công nghệ, nền tảng kỹ thuật số và liên doanh thương mại điện tử, làm thay đổi nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội. Tóm lại, giai đoạn 2009-2020 được đánh dấu bằng những thay đổi và thách thức năng động ở Đông Nam Á, bao gồm tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch địa chính trị, chuyển đổi chính trị và chuyển biến xã hội. Khu vực này đang phải đối mặt với bối cảnh phức tạp với nhiều cơ hội và rủi ro, đòi hỏi những nỗ lực phối hợp để giải quyết các vấn đề cấp bách và thúc đẩy phát triển bền vững.

2.2.2. Vị trí địa lý của khu vực Đông Nam Á

Với vị thế địa chính trị, địa chiến lược, Đông Nam Á luôn là nơi hội tụ đầy đủ các mâu thuẫn của thời đại, là địa bàn gánh chịu hậu quả của các cuộc đụng độ giữa các hệ tư tưởng, chính trị khác nhau [Ngô Hồng Điệp, 2007, tr.24-28] từ quá khứ đến hiện tại. Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của Trung Quốc và Ấn Độ trong nhiều thế kỷ, trải qua chế độ thuộc địa với sự thâm nhập của phương Tây, và những can thiệp sau đó của các cường quốc lớn đã để lại nhiều di sản lịch sử [Sarker, 2012, tr.123-144]. Các quốc gia Đông Nam Á cũng chịu chung ảnh hưởng từ chủ nghĩa thực dân phương Tây dẫn đến sự bùng nổ của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Vào thế kỷ XIX, các quốc gia phương Tây đã lần lượt đặt ách thống trị đối với các nước Đông Nam Á. Nhật Bản đã lợi dụng mâu thuẫn giữa các dân tộc với các cường quốc thực dân phương Tây bằng hình thức “khu vực thịnh vượng Đại Đông Á” để tiếp cận Đông Nam Á [Trần Thị Vinh, Hoàng Hải Hà, 2005, tr.12-18]. Ở thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Đông Nam Á là nơi tập trung cao độ các mâu thuẫn của trục tam giác chiến lược Mỹ - Trung - Xô và là điểm nóng của đối đầu Xô - Mỹ [Trần Khánh, 2008, tr.30-35]. Sự cạnh tranh thể hiện rõ nét trên các lĩnh vực từ quân sự đến kinh tế và tư tưởng, thể chế và khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, tình hình Đông Nam Á có nhiều biến đổi [Ngô Hồng Điệp, 2007, tr.24-28]. Liên Xô sụp đổ dẫn tới việc xóa bỏ đối đầu Đông - Tây, Mỹ điều chỉnh chính sách châu Á - Thái Bình Dương và giảm sự hiện diện quân sự ở khu vực và sự phát triển của các nền kinh tế của Đông Nam Á.

Vì vậy, trong suốt chiều dài lịch sử, Đông Nam Á có vị trí địa chính trị, địa chiến lược quan trọng với các tuyến hàng hải huyết mạch chi phối kinh tế nhiều cường quốc. Thậm chí, đây là địa bàn chiến lược trong chính sách đối ngoại của Mỹ và là nước cờ địa chính trị quan trọng mà Mỹ không thể bỏ qua [Ngô Thị Bích Lan, 2018, tr.209-215]. Vì vậy, các nước Đông Nam Á nỗ lực cân bằng quan hệ với các nước lớn, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc [Nguyễn Thị Thanh Vân, 2014, tr.31-41]. Bởi lẽ, khu vực Đông Nam Á là nơi mà Trung Quốc sử dụng để vươn ra thế giới và là nơi thể hiện rõ nét cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, với vai trò trung tâm trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy liên kết kinh tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương [Trương Công Vĩnh Khanh, 2017, tr.45-49]. Trong một thời gian dài, Mỹ giữ vững lập trường “không can thiệp” vào tranh chấp ở Biển Đông thì có sự chuyển biến sang “lưu ý lập trường” [Trần Khánh, 2008b, tr.11-19], thậm chí là xem việc giải quyết Biển Đông thuộc nghĩa vụ trong lãnh đạo thế giới, nước Mỹ cũng cần giữ vai trò chủ đạo trong tiến trình này [Nguyễn Thị Hạnh, 2006, tr.29-38].

Với vị trí địa lý nằm ở phía nam của Trung Quốc, các quốc gia Đông Nam Á có thể giúp Mỹ siết chặt hệ thống “trục-nam hoa” và mạng lưới đối tác tạo thế bao vây Trung Quốc từ phía nam. Kết hợp với các đồng minh truyền thống tại Đông Á như Nhật Bản, Hàn Quốc và hiện diện quân sự tại Trung Á, Mỹ có thể hình thành vành đai bao vây Trung Quốc từ Đông Bắc Á xuống Đông Nam Á. Đồng thời, khi Mỹ giữ vững vai trò lãnh đạo tại Đông Nam Á, Mỹ có thể củng cố quan hệ liên minh với các đồng minh truyền thống để xây dựng “liên minh chiến lược” [Nguyễn Thị Lệ, 2007, tr.51-57]. Bên cạnh đó, Đông Nam Á cũng là thị trường kinh tế tiềm năng với nhiều nền kinh tế mới nổi. Sự phát triển kinh tế và ảnh hưởng của Trung Quốc trên quy mô toàn cầu và Đông Nam Á không chỉ tạo ra cơ hội cho nền kinh tế Mỹ mà còn gây ra không ít thách thức, thậm chí xói mòn vị thế, quyền lợi của Mỹ [Trần Khánh, 2008b, tr.11-19]. Do đó, Đông Nam Á là nơi không chỉ có cơ hội lớn cho Mỹ can thiệp vào khu vực, hạn chế ảnh hưởng từ sự phát triển của Trung Quốc mà còn mang đến nhiều rủi ro tiềm ẩn. Động lực kinh tế có thể giúp thúc đẩy tăng trưởng của khu vực, nhưng chủ nghĩa phi tự do và những thách thức an ninh như khủng bố và nổi dậy có thể ngăn cản khu vực phát huy hết tiềm năng. Ngoài ra, Mỹ đứng đầu trật tự quốc tế tự do đã tạo điều kiện cho một số quốc gia Đông Nam Á phát triển mạnh, nhưng trật tự này hiện đang bị đe dọa bởi các

hành động của Trung Quốc ở các vùng biển lân cận và thách thức các quan niệm về tự do trên biển. Những thách thức và cơ hội trên là yếu tố của khu vực nhưng có ý nghĩa toàn cầu. Với tầm quan trọng và sự phức tạp của khu vực và các lợi ích chiến lược, Mỹ có trách nhiệm thể hiện vai trò lãnh đạo của thế giới và thực hiện một chiến lược toàn diện cho Đông Nam Á.

Ngoài ra, Đông Nam Á có vị trí trung tâm địa chiến lược ở châu Á khi có các tuyến đường biển huyết mạch đi qua, sự gần gũi và tiếp giáp với Ấn Độ và Trung Quốc cũng như sở hữu tài nguyên thiên nhiên có trữ lượng lớn. Các tuyến thương mại hàng hải biển kéo dài qua vùng biển Đông Nam Á là “chìa khóa” vận chuyển hàng hóa ở quy mô khu vực và quốc tế. Động lực kinh tế tiềm ẩn tại đây có thể giúp thúc đẩy tăng trưởng toàn cầu, nhưng chủ nghĩa phi tự do và những thách thức an ninh trong nước có thể ngăn cản khu vực phát huy hết tiềm năng. Không chỉ vậy, Đông Nam Á tồn tại nhiều điểm nóng an ninh phức tạp của khu vực, đặc biệt ở Biển Đông. Khu vực này cũng có đặc trưng đa dạng về sắc tộc, tôn giáo với nhiều bất đồng phức tạp có yếu tố lịch sử [Dương Quang Hiệp, 2022, tr.16-27]. Bên cạnh sự phát triển về mặt kinh tế, Đông Nam Á đã trở thành một điểm nóng của sự cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc. Trung Quốc nỗ lực khẳng định ảnh hưởng của mình trong khu vực thông qua lãnh đạo kinh tế và những động thái nhằm đảm bảo các yêu sách chủ quyền của mình ở Biển Đông [Stromseth, 2021]. Ở Biển Đông, các yêu sách lãnh thổ, đặc biệt là chủ quyền trên biển, ngày càng trở nên phức tạp, chông chéo và khó tìm được giải pháp hòa bình. Trong khi tất cả các bên tranh chấp nỗ lực sử dụng nhiều cách để khẳng định yêu sách của mình từ các sử liệu lịch sử, hoạt động học thuật, thúc đẩy sức mạnh của công luận hay sử dụng luật pháp quốc tế... Trung Quốc còn sử dụng các hình thức gây hấn, nhân tạo hóa các đảo, quần đảo nằm ở khu vực tranh chấp, tạo áp lực trên biển và không phận... để tạo ưu thế cạnh tranh và cũng như các phép thử phản ứng của các quốc gia liên quan tại khu vực. Sự ổn định ở Đông Nam Á bắt đầu suy yếu khi khu vực này trở thành lựa chọn cho cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung. Sự trỗi dậy của Trung Quốc và sự quan tâm, can thiệp từ hai cường quốc lớn nhất thế giới đã khiến các quốc gia Đông Nam Á xích lại gần nhau hơn để cùng ứng phó với các thách thức chung của khu vực. Kaplan đã mô tả hiện tượng này là “một mạng lưới mối quan hệ song phương mới nổi” ở khu vực [Kaplan, 2014, tr.190].

Tuy nhiên, cam kết của Mỹ đối với Đông Nam Á vẫn còn khá mâu thuẫn sau Chiến tranh Lạnh [Parameswaran, 2020, tr.111-124]. Một trong những lý do cơ bản của chính quyền Obama thực hiện chính sách “xoay trục” và “tái cân bằng” ở châu Á - Thái Bình Dương mà trọng tâm là Đông Nam Á chính là các lợi ích mang tính chiến lược. Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương, thậm chí là phương Đông đang phát triển và nhiều triển vọng là trung tâm phát triển trong tương lai của thế giới. Đáng chú ý, lợi ích cơ bản của Mỹ ở châu Á dường như vẫn không thay đổi trong hơn một thế kỷ, kể từ “Công hàm về Mở cửa” (Open Door Notes) với Trung Quốc vào năm 1899 và 1900 [Singh, 2019, tr.2]. Nội dung cụ thể là đảm bảo châu Á “mở cửa” với Mỹ về thương mại, đầu tư và phản đối chính sách “đóng cửa”, khép kín. Động lực của Mỹ trong cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung là việc Đông Nam Á là trọng tâm trong tính toán chiến lược của Mỹ trên khắp châu Á thông qua chiến lược “tái cân bằng” [Graham, 2015, tr.126-130], vì đây là khu vực có ý nghĩa quan trọng đối với an ninh quốc gia và sự thịnh vượng của Mỹ [Chair Independent Task Force on Southeast Asia, 2001, tr.1-13]. Theo quan điểm của Mỹ dưới thời Barack Obama, Trung Quốc và Mỹ có mối quan hệ cạnh tranh trong các lĩnh vực liên quan đến lợi ích cốt lõi của Mỹ, chẳng hạn như kinh tế, an ninh, giá trị và sự thống trị của trật tự quốc tế hiện có [Wang, 2022, tr.1-30]. Hơn nữa, từ những năm đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc đã có những bước đi thành công trong việc biến Đông Nam Á thành khu vực ảnh hưởng của riêng mình, cường lực kinh tế và quân sự ngày càng lớn và trở thành mối đe dọa thách thức vị thế của Mỹ tại khu vực [Nguyễn Thu Mỹ, 2007, tr.55-65].

2.2.3. Nhận thức chiến lược của Mỹ và Trung Quốc đối với khu vực Đông Nam Á

2.2.3.1. Nhận thức chiến lược của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á

Chiến tranh Lạnh kết thúc là một thời điểm then chốt trong địa chính trị toàn cầu. Khi trật tự thế giới lưỡng cực tan rã, các quốc gia đã đánh giá lại các ưu tiên chiến lược và điều chỉnh lại chính sách đối ngoại. Đối với Mỹ, vừa trải qua cuộc đối đầu kéo dài hàng thập kỷ với Liên Xô, những năm ngay sau Chiến tranh Lạnh là thời kỳ đánh giá lại và tái tổ chức. Trong những giai đoạn đầu này, Mỹ chủ yếu tập trung vào việc củng cố vị thế siêu cường toàn cầu duy nhất và quản lý những hậu quả do sự tan rã của Liên Xô. Do đó, các tranh chấp khu vực, như yêu sách lãnh thổ ở Biển Đông, không được

ưu tiên trong chương trình nghị sự chính sách đối ngoại của Mỹ. Thực tế, Biển Đông chính là điểm nóng an ninh chính của khu vực Đông Nam Á. Vùng biển rộng lớn này, rải rác với các hòn đảo, đảo san hô và rạn san hô, không chỉ giàu tài nguyên, thiên nhiên mà còn là nơi huyết mạch quan trọng của chiến lược hải quân và thương mại toàn cầu. Khi trọng tâm thế giới chuyển dịch về phía Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Đông Nam Á và Biển Đông ngày càng trở thành tâm điểm của địa chính trị toàn cầu. Diễn biến ở vùng biển này không chỉ mang tính khu vực mà còn có ý nghĩa đối với toàn bộ trật tự toàn cầu. Trên lập trường của Mỹ, chính phủ Mỹ kêu gọi cộng đồng quốc tế duy trì các nguyên tắc tự do hàng hải, tôn trọng luật pháp quốc tế và giải quyết tranh chấp một cách hòa bình tại Biển Đông. Mặc dù những nguyên tắc này định hướng chính sách của Mỹ Biển Đông nhưng thực tiễn bị ảnh hưởng bởi mối quan hệ song phương giữa Mỹ và Trung Quốc. Biển Đông không chỉ trở thành nơi diễn ra tranh chấp khu vực mà còn phản ánh cuộc cạnh tranh chiến lược lớn hơn giữa hai siêu cường. Tình hình diễn biến ở Biển Đông là minh chứng cho sự cân bằng phức tạp giữa tham vọng vị thế lãnh đạo khu vực, luật pháp quốc tế và chính trị toàn cầu. Lập trường đã nêu của Mỹ nhấn mạnh cam kết trong việc đảm bảo rằng sự cân bằng này nghiêng về một trật tự dựa trên luật lệ thay vì sự thống trị bá quyền. Thực tế, vai trò của các cường quốc như Mỹ ở Biển Đông là công cụ quyết định quỹ đạo của khu vực, dù hướng tới hợp tác và hòa bình hay cạnh tranh và bất hòa.

Trung Quốc đã thực hiện nhiều hoạt động nhằm giành ưu thế trên Biển Đông trong lịch sử. Đáp lại, quan điểm của Mỹ có các nội dung chính sau về Biển Đông: (i), Giải quyết hòa bình các tranh chấp; (ii), Hòa bình và ổn định; (iii), Tự do hàng hải; (iv), Trung lập đối với các yêu sách chủ quyền; (v), Tôn trọng các quy định hàng hải, đặc biệt là UNCLOS [Daily Press Briefing, 1995]. Trung Quốc tiến hành chiếm đóng trái phép quần đảo Hoàng Sa (Việt Nam) vào năm 1974. Tuy nhiên, Mỹ đã không có động thái trước việc Trung Quốc tấn công quân đội Việt Nam Cộng hòa và xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam tại Biển Đông, thậm chí, tại thời điểm đó, Việt Nam Cộng hòa đang là đồng minh của Mỹ [Lại Thái Bình, Nguyễn Thùy Anh, 2022, tr.37-44]. Những vùng lãnh thổ này không chỉ đơn thuần là đất hoặc nước mà còn là một phần trong tham vọng địa chiến lược rộng lớn hơn của Trung Quốc trong Chuỗi đảo thứ nhất. Chuỗi đảo thứ nhất, trải dài từ Quần đảo Kuril ở phía bắc qua Nhật Bản, Đài Loan,

Philippines và xuống Borneo, bao bọc bờ biển phía tây Thái Bình Dương. Việc kiểm soát các nút quan trọng trong chuỗi này như các đảo, quần đảo ở Biển Đông, mang lại những lợi thế chiến lược đáng kể. Sự thống trị ở những khu vực này mang lại cho Trung Quốc một vùng đệm bảo vệ trên biển, hạn chế khả năng của các lực lượng hải quân bên ngoài, đặc biệt là Mỹ đến gần bờ biển Trung Quốc. Động thái chiếm giữ và kiểm soát quần đảo Hoàng Sa và một phần Trường Sa không phải là sự kiện cá biệt mà là bước đi có tính toán trong chiến lược biển của Trung Quốc. Sau đó, Trung Quốc tiến hành giành quyền kiểm soát là một số bãi cạn ở quần đảo Trường Sa (Việt Nam) vào năm 1988 thể hiện tầm nhìn chiến lược dài hạn của Trung Quốc. Đáp lại, Mỹ vẫn giữ thái độ không can dự và không thể hiện lập trường đối với Trung Quốc.

Trong hai trường hợp Trung Quốc chiếm đóng các đảo, quần đảo của các nước ở Đông Nam Á như Việt Nam với quần đảo Hoàng Sa và một phần quần đảo Trường Sa, Mỹ đều không có bất kỳ phản ứng hay động thái nào. Sau đó, Trung Quốc chiếm bãi Vành Khăn (Scarborough) lúc này do Philippines kiểm soát vào năm 1995.¹⁴ Vụ việc dẫn đến một loạt hoạt động trao đổi ngoại giao nhưng thất bại, trong đó Philippines tập hợp các thành viên ASEAN để bày tỏ quan ngại trước hành động của Trung Quốc ở Biển Đông. Sự kiện Vành Khăn năm 1995 là thời điểm bước ngoặt cho các tranh chấp ở Biển Đông khi báo hiệu sự sẵn sàng của Trung Quốc trong việc khẳng định các yêu sách chủ quyền trên thực tế¹⁵. Tuyên bố chính sách do người phát ngôn Bộ Ngoại giao đưa ra vào tháng 5/1995 để đáp trả việc Trung Quốc chiếm đóng Đá Vành Khăn ở Quần đảo Trường Sa vào đầu năm 1995. Dù không phải là sự can thiệp trực tiếp nhưng đây là dấu hiệu cho thấy Mỹ ngày càng chú ý hơn đến những diễn biến trên Biển Đông và đánh dấu một sự thay đổi trong lập trường của Mỹ. Có thể thấy, cách tiếp cận và quan điểm của Mỹ với vấn đề Biển Đông đã có sự thay đổi từ trung lập, không can dự đến can dự bằng nhiều hình thức khác nhau [Vũ Đức Cường, 2022 tr.52-59]. Kể từ thời điểm đó, Biển Đông dần dần nhận được ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Sự quyết đoán ngày càng tăng của Trung Quốc trong những năm tiếp theo, cùng với tầm

¹⁴ Trong khi rạn san hô thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam và bị Philippines trong lịch sử, sự gần gũi về mặt địa lý với Philippines (cách Palawan chưa đầy 150 hải lý) khiến cho việc chiếm đóng của bất kỳ quốc gia nào khác ở đây cũng trở nên nhạy cảm đối với Philippines.

¹⁵ Trong những năm sau đó, Trung Quốc đã mở rộng và quân sự hóa sự hiện diện trên Vành Khăn, biến Vành Khăn thành một trong những căn cứ lớn nhất của Trung Quốc ở quần đảo Trường Sa, với đầy đủ các đường băng và cơ sở quân sự tiên tiến.

quan trọng kinh tế ngày càng tăng của khu vực khiến Mỹ không thể đứng ngoài các tranh chấp và động thái trên Biển Đông. Quá trình thay đổi này minh họa cho tính chất linh hoạt của chính trị quốc tế và sự điều chỉnh liên tục các ưu tiên nhằm ứng phó với những thách thức và cơ hội nổi lên.

Lập trường của Mỹ, Mỹ khẳng định “có lợi ích quốc gia về tự do hàng hải. Điều này bắt nguồn từ truyền thống hàng hải của Mỹ và tầm vóc của nền hải quân toàn cầu. Biển Đông với các tuyến đường biển nhộn nhịp chứng kiến khối lượng thương mại đáng kể của thế giới, trong đó có một tỷ lệ đáng kể thương mại của Mỹ. Ngoài ra, Hải quân Mỹ thường xuyên tiến hành các hoạt động tự do hàng hải trong khu vực. Bader (2010) nhấn mạnh ba trụ cột chính: phản đối “tất cả các bên sử dụng hoặc đe dọa dùng vũ lực” và “không đứng về bên nào” trong các yêu sách lãnh thổ [Bader, 2010]. Mỹ thể hiện tinh thần kiên quyết phản đối bất kỳ động thái nào của các bên trong khu vực nhằm thay đổi hiện trạng bằng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực. Nguyên tắc này dựa trên cách tiếp cận của Mỹ đối với quan hệ quốc tế, trong đó, ưu tiên các giải pháp hòa bình và ngoại giao cho các tranh chấp. Các hành động như cải tạo đất, quân sự hóa các đảo nhân tạo và điều động hải quân làm suy yếu sự ổn định trong khu vực. Tính trung lập trong các vấn đề chủ quyền thể hiện ở việc Mỹ có lợi ích chiến lược trong khu vực nhưng nước này luôn kiềm chế không đứng về bên nào trong các yêu sách lãnh thổ cụ thể của các quốc gia khác nhau. Thay vào đó, Mỹ khuyến khích các quốc gia có yêu sách giải quyết những khác biệt một cách thân thiện, dựa trên luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS). Vào cuối những năm 1990, Trung Quốc và ASEAN bắt đầu đàm phán một bộ quy tắc ứng xử cho các tranh chấp ở Biển Đông. Với vai trò trung tâm trong các vấn đề an ninh khu vực, ASEAN luôn nhấn mạnh vai trò quản lý tranh chấp ở Biển Đông nhằm ngăn chặn bất kỳ bên yêu sách nào muốn sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để đạt được các yêu sách trong tình trạng đang tranh chấp [Thayer, 2013, tr.75-84]. Từ năm 1992, ASEAN bắt đầu chuẩn bị tiến hành những cuộc tham vấn chính thức đầu tiên về Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông. Tuy nhiên, quá trình này vấp phải không ít khó khăn và đến tháng 11/2002, các quốc gia thành viên ASEAN và Trung Quốc mới ký kết một tuyên bố chính trị không ràng buộc được gọi là Tuyên bố về ứng xử các bên ở Biển Đông. Tại Tuyên bố về ứng xử các bên ở Biển Đông, nội dung xoay quanh bốn phương pháp xây dựng lòng tin và năm hoạt

động hợp tác tự nguyện với mong muốn giải quyết tranh chấp bằng con đường hòa bình. Chính đặc điểm địa lý nửa kín và rộng lớn của Biển Đông đã khiến yêu sách trên biển của các quốc gia chồng lấn lên nhau.

Quyền tài phán trên biển tại khu vực rất phức tạp bởi sự hiện diện của nhiều nhóm biệt lập thuộc nhiều dạng khác nhau ở Biển Đông [Buszynski, 2012, tr.139-156]. Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở biển Đông ký năm 2002 giữa ASEAN và Trung Quốc đã xác lập những tính pháp lý cho việc giải quyết xung đột trong mối quan hệ giữa các bên liên quan đến tranh chấp. Tuy nhiên, vấn đề này đã chuyển đã trọng tâm từ vấn đề chủ quyền đối với các hòn đảo sang đối đầu địa chính trị, địa chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc. Đây là một nỗ lực đáng kể nhằm quản lý và giảm thiểu các tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông. Tuyên bố này không mang tính ràng buộc nhưng là bước đi tích cực nhằm đảm bảo hòa bình và ổn định. Các bên cũng nhấn mạnh sự tôn trọng luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS). Trọng tâm ở Biển Đông bắt đầu vượt ra ngoài các tranh chấp lãnh thổ đơn thuần và phản ánh sự cạnh tranh chiến lược lớn hơn giữa Mỹ và Trung Quốc. Trong khi các yêu sách lãnh thổ vẫn chưa được giải quyết, Biển Đông đã trở thành không gian cho các động lực về quyền lực của Mỹ và Trung Quốc. Nhận thức được những hạn chế của tuyên bố năm 2002, đã có các cuộc đàm phán diễn ra giữa ASEAN và Trung Quốc về một “Bộ quy tắc ứng xử” mang tính ràng buộc hơn ở Biển Đông. Tuy nhiên, việc đạt được sự đồng thuận đang gặp nhiều thách thức do sự chênh lệch về lợi ích quốc gia và bối cảnh địa chính trị. Biển Đông, tuy là điểm nóng về tranh chấp lãnh thổ, nhưng ngày càng trở thành biểu tượng của cuộc cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc. Những thách thức của thế kỷ 21 đòi hỏi các giải pháp hợp tác, đa phương. Thông qua ASEAN, Mỹ phát huy vai trò xây dựng trật tự khu vực thông qua tăng cường hợp tác với ASEAN, thúc đẩy đàm phán về Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông, đối thoại song phương và phát triển quan hệ hợp tác trên Biển Đông với vai trò ngày càng to lớn của Mỹ tại Biển Đông [Nguyễn Luận Quốc Anh, 2015, tr.3-9]. Đồng thời, với việc gia tăng căng thẳng giữa các bên yêu sách từ năm 2007, đặc biệt với sự bành trướng của Trung Quốc, Mỹ đã tăng mức độ dính líu của mình từ đó, dẫn đến một sự thay đổi lớn, từ một nhân tố bên ngoài đã trở thành một bên có liên quan đến tranh chấp.

2.2.3.2. Nhận thức chiến lược của Trung Quốc đối với khu vực Đông Nam Á

Tại khu vực Đông Nam Á, tranh chấp lãnh thổ trên biển có xu hướng ngày càng gay gắt không chỉ xuất phát từ lợi ích quốc gia mà còn liên quan mật thiết đến những diễn biến lịch sử [Đỗ Thanh Bình, 2007, 13-25]. Các quốc gia trong khu vực đã nỗ lực tìm giải pháp cho vấn đề Biển Đông trong thời gian dài, đặc biệt là những thập niên cuối của thế kỷ XX. Một trong số giải pháp chính là tìm kiếm một cơ chế hiệu quả để dàn xếp ôn hòa mọi mâu thuẫn, tranh chấp liên quan đến vấn đề lãnh hải, thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế tại Biển Đông. Một văn bản là Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông là chưa đủ trong khi một cơ chế Quy tắc ứng xử Biển Đông vẫn còn đang còn trong tình trạng bản thảo. Công ước về Luật biển (UNCLOS 1982) cũng không phát huy được tác dụng khi được giải thích theo nhiều cách khác nhau vốn làm sâu sắc thêm mâu thuẫn hiện tại. Tòa án Công lý Quốc tế (ICJ) của Liên Hiệp Quốc hiện tại chỉ mang tính chất tham khảo chứ chưa phải là một phán quyết mang tính pháp lý quốc tế bắt buộc. Tranh chấp lãnh thổ vốn đã vô cùng phức tạp ở tính chất, nội hàm, và mức độ, cộng thêm thiếu cơ chế giải quyết làm tình hình tranh chấp tại Biển Đông dường như rơi vào bế tắc về mặt pháp lý, tạo ra một khoảng trống có thể được vận dụng yếu tố ý chí chính trị và quân sự lấp vào. Nếu như xem đây là một cơ hội thì cơ hội này được mở ra cho các nước lớn bên ngoài khu vực vốn có đầy đủ những yếu tố về khả năng can dự.

Cách tiếp cận đa phương và dựa trên luật pháp quốc tế nhằm mục đích ràng buộc Trung Quốc vào một trật tự dựa trên luật lệ. Ở các diễn đàn đa phương, Trung Quốc phải đối mặt với tập thể các quốc gia ASEAN mà các nước thành viên có cách tiếp cận quyết đoán. Đối với các nước ASEAN, vấn đề này có dính líu đến cả những quốc gia trong khối dù không có can dự trực tiếp đến vấn đề Biển Đông. Trong khi các quốc gia nội khối ASEAN tỏ ra khá hài hòa và có khả năng kiềm chế giải quyết xung đột một cách hòa bình giữa các chủ thể một cách không quá phức tạp thì mối đe dọa về an ninh đối với các nước ASEAN lại chính từ những chủ thể bên ngoài khu vực. Nếu không giải quyết được vấn đề tranh chấp Biển Đông một cách ôn hòa giữa các nước ASEAN với Trung Quốc thì đây sẽ là một thời cơ tốt cho các cường quốc bên ngoài khu vực can thiệp. Và điều này sẽ đi ngược lại với những nỗ lực xây dựng nguyên tắc hoạt động của

chính ASEAN theo tinh thần như Tuyên bố ZOPFAN 1971, Hiệp ước Bali 1976... Chính vì vậy Biển Đông sẽ là một mối đe dọa an ninh lớn nhất của cả khối ASEAN đòi hỏi tổ chức này không ngừng hợp tác một cách thực chất hơn. Các cuộc đàm phán song phương của Trung Quốc mục tiêu là ngăn cản việc hình thành một lập trường thống nhất. Bằng cách coi các tranh chấp ở Biển Đông là một vấn đề khu vực, Trung Quốc hạn chế sự can thiệp từ bên ngoài, đặc biệt từ Mỹ. Mặt trận ASEAN thống nhất: Nhiều nước Đông Nam Á tin rằng cách tiếp cận thống nhất mang lại một nền tảng đàm phán cân bằng hơn. Tiếng nói tập thể có đối phó với Trung Quốc thay vì các thảo luận song phương. Các quốc gia như Philippines và Việt Nam nhấn mạnh tranh chấp cần được giải quyết dựa trên luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS). Cách tiếp cận này nhằm tạo ra một sân chơi bình đẳng trong đó các yêu sách lãnh thổ được đánh giá dựa trên giá trị pháp lý hơn là quyền lực.

Trong khi Trung Quốc coi Biển Đông là vấn đề khu vực thì Biển Đông lại có ý nghĩa toàn cầu. Các tuyến đường biển huyết mạch ở đây rất quan trọng đối với thương mại quốc tế, khiến cho sự ổn định của khu vực trở thành vấn đề đáng lo ngại đối với nhiều quốc gia ngoài khu vực. Vì vậy, Mỹ thể hiện sự quan tâm đến việc đảm bảo quyền tự do hàng hải và hàng không. Yêu sách lãnh thổ của Trung Quốc ở Biển Đông từ lâu đã chủ đề gây tranh cãi, đặc biệt là với các nước Đông Nam Á ở Biển Đông có yêu sách chủ quyền trên biển chồng chéo. Cách tiếp cận của Trung Quốc đối với những tranh chấp này và phản ứng rộng hơn của cộng đồng quốc tế làm nổi bật sự phức tạp và các chiến lược cạnh tranh trong khu vực. Việc Trung Quốc ưu tiên đàm phán song phương được nhiều người coi là một chiến lược để giải quyết các tranh chấp một cách riêng lẻ thay vì tập thể. Bằng cách đối phó trực tiếp với các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia nhỏ, Trung Quốc sử dụng lợi thế nhờ vào sức mạnh kinh tế và quân sự của mình. Thực tế, Trung Quốc là chủ thể có ưu thế về quyền lực với chi tiêu cho quân sự cũng đứng hàng đầu thế giới [Kristof, 1993, tr. 59-74] và khả năng kiểm soát Biển Đông. Với đà phát triển của mình, Trung Quốc đã được đánh giá là một cường quốc với lực lượng hải quân lớn thứ hai trên thế giới chỉ sau Mỹ [Kaplan, 2010]. Có thể nói cán cân quyền lực tại khu vực đang nghiêng dần về phía Trung Quốc một cách rõ rệt và tạo ra một sự mất cân bằng nghiêm trọng. Nếu vấn đề Biển Đông chỉ là sự đe dọa an ninh của ASEAN ở mức độ khu vực thì đối với Trung Quốc nó có thể mang tính quan ngại ở mức độ toàn

cầu. Trung Quốc đã cho thấy rõ quốc gia này đang có mưu cầu độc chiếm toàn bộ Biển Đông và đe dọa lợi ích không chỉ của riêng các quốc gia Đông Nam Á mà còn là lợi ích toàn cầu trong vấn đề tự do hàng hải. Chính vì vậy tranh chấp Biển Đông đã trở nên phức tạp khi chủ thể của tranh chấp này không chỉ còn bao gồm các quốc gia trong phạm vi tranh chấp mà còn cả những quốc gia có dính líu gián tiếp bên ngoài khu vực khi xét đến khía cạnh an ninh. Vì vậy, Biển Đông là biểu tượng của cuộc cạnh tranh chiến lược giữa một cường quốc đang lên và hệ thống quốc tế dựa trên luật lệ hiện có. Các cách tiếp cận mang tính cạnh tranh để giải quyết những tranh chấp này như đàm phán song phương hay ở các diễn đàn đa phương dựa trên luật pháp quốc tế mang tính quyết định tương lai của an ninh khu vực.

Tiểu kết

Cạnh tranh chiến lược là một nội dung lớn trong nghiên cứu quan hệ quốc tế lẫn thực tiễn chính trị. Cạnh tranh chiến lược là một tranh luận quan trọng trong lý thuyết quan hệ quốc tế, đặc biệt là chủ nghĩa hiện thực. Đây không chỉ là tâm điểm của nghiên cứu và thực tiễn chính trị mà còn nổi lên như một cuộc tranh luận sôi nổi trong lĩnh vực lý thuyết. Chủ nghĩa hiện thực, một lý thuyết thống trị trong quan hệ quốc tế, thừa nhận rằng trong một hệ thống quốc tế vô chính phủ không có chính quyền trung ương, các quốc gia chủ yếu bị thúc đẩy bởi việc theo đuổi quyền lực. Chính sự theo đuổi nội tại này sẽ dẫn đến cạnh tranh chiến lược. Các cường quốc là những chủ thể duy lý, tham gia vào các cuộc cạnh tranh liên quan đến quyền lực, liên minh và đối đầu để đảm bảo sự tồn tại và sự bá chủ của mình. Bên cạnh đó, Đông Nam Á có vị trí địa chiến lược quan trọng trong cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung. Những vấn đề an ninh vốn tồn tại từ lâu tại khu vực càng làm tăng cường độ ở Đông Nam Á, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung có những chuyển biến ngày càng gay gắt.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC MỸ - TRUNG Ở ĐÔNG NAM Á TỪ NĂM 2009 ĐẾN NĂM 2020

3.1. Chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ và Trung Quốc đối với Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020

3.1.1. Chiến lược, chính sách đối ngoại của Mỹ

Ngay từ nhiệm kỳ đầu tiên từ năm 2009, chính quyền Barack Obama đưa ra “Đại Chiến lược” (Grand Strategy), hay còn gọi là Học thuyết Obama. “Đại Chiến lược” trên bao gồm chiến lược đối với Trung Quốc được xem là kết quả của sự tương tác giữa địa chính trị và chính trị [Wang, 2022, tr.1-30]. Những thay đổi về mặt chính sách xuất phát từ các nguyên nhân liên quan đến chiến lược của Mỹ trên quy mô toàn cầu. Theo đó, Mỹ đề cao vai trò của các đồng minh và các thể chế đa phương dưới sự quản trị toàn cầu và luật pháp quốc tế [Hayden, 2012, tr.237]. Chính quyền Obama mong muốn hình thành một thế giới “đa đối tác” (“multi-partnership” world) và đáng chú ý nhất là quan điểm “dẫn đầu từ phía sau”. Dưới sự lãnh đạo của Obama, chiến lược quyền lực thông minh của Mỹ được xây dựng theo cách tiếp cận 3D - “Defense, Development and Diplomacy” (Quốc phòng, Phát triển và Ngoại giao) [Siangyen, 2018, tr.72-93]. Chính sách đối ngoại trên được mô tả như “đám gió” (Shadowboxing) [Lasher, 2016, tr.850-888] – một bài tập mô phỏng chiến đấu của môn thể thao quyền anh.¹⁶ Nói cách khác, chính quyền Obama đang muốn triển khai “các động tác chuẩn bị”, “tập dượt” trước khi bắt đầu một “cuộc tỉ thí” mang tính đối kháng. Trong triển khai chiến lược lớn, Obama thể hiện sự thận trọng nhưng vẫn quyết đoán như nguyên tắc của “đám gió” [Mishra, 2014, tr.149-174]. Giống như một võ sĩ quyền anh đang tập luyện, Tổng thống Obama “luyện tập” “âm thầm” trước khi tham gia chính thức vào đấu trường quốc tế [Lasher, 2016, tr.850-888]. Trong Chiến lược An ninh Quốc gia năm 2020, chính quyền

¹⁶ Shadowboxing là một bài tập thường được sử dụng trong đào tạo ở các môn thể thao mang tính đối kháng, đặc biệt là quyền anh. Để thực hiện động tác này, một người sẽ đâm vào không trung như thể đang có đối thủ. Động tác này thường được sử dụng để chuẩn bị trước khi tham gia vào các hoạt động thể chất mạnh.

Obama khẳng định “nền tảng cho sự lãnh đạo của nước Mỹ là một nền kinh tế thịnh vượng” [White House, 2010].

Ở hai nhiệm kỳ của Obama, Mỹ đã dành nhiều quan tâm và sự nhấn mạnh đến Đông Nam Á cùng các thể chế đa phương ở khu vực. Cuộc cạnh tranh chiến lược dù mới bắt đầu giữa Mỹ - Trung từ đầu thế kỷ XXI có tác động không chỉ ở Đông Nam Á mà ở quy mô toàn cầu. Từ khi bắt đầu nhiệm kỳ đầu tiên, Tổng thống Barack Obama đã theo đuổi chính sách xây dựng lại quan hệ với Đông Nam Á thông qua các chuyến viếng thăm cấp cao của ông thống Barack Obama và Ngoại trưởng Bill Clinton (*Xem thêm Phụ lục 1, 2*). Đặc biệt, nước Mỹ mong muốn trở lại Đông Nam Á tự nguyện và tích cực hơn trong việc tìm kiếm đối tác và củng cố quan hệ song phương với các quốc gia khu vực để cùng ứng phó với các cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, biến đổi khí hậu, khủng bố và các vấn đề khác. Đông Nam Á nằm trong mục tiêu “trở lại châu Á” trong chính sách đối ngoại của Mỹ [Hsiung, 2011]. Chính quyền Obama điều chỉnh chính sách đối với Đông Nam Á bằng cách nhấn mạnh việc sử dụng “sức mạnh thông minh” (smart power). Mỹ khai thác “sức mạnh thông minh” như một phương tiện để thu hút sự công nhận của cộng đồng quốc tế và tìm kiếm sự đồng thuận của các đồng minh thông qua thể chế quốc tế [Nossel, 2004, tr.131-142]. Đây là cách thức để Mỹ nâng cao lợi ích quốc gia bằng việc thúc đẩy đầu tư chính trị, kinh tế và quân sự trong khu vực; gia tăng lòng tin đối với nước Mỹ; củng cố vai trò lãnh đạo toàn cầu; và phản ứng trước sự trỗi dậy nhanh chóng từ Trung Quốc [Ming-Te, Liu, 2012, tr.195-225]. Đồng thời, chính quyền Obama đã chấm dứt thời kỳ “sao nhãng” với Đông Nam Á - khu vực quan trọng chiến lược, qua đó dần khôi phục lại uy tín và vai trò không thể thiếu của Mỹ [Vũ Thị Hương, 2017, tr.22-29]. Thậm chí, dưới thời Obama, nước Mỹ dần chuyển sự chú ý đến Đông Nam Á và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đến một mức độ chưa từng thấy kể từ khi kết thúc Chiến tranh Việt Nam [Parameswaran, 2020, tr.111-124]. Một mặt, Mỹ muốn tái khẳng định vị thế quan trọng ở khu vực góp phần vào ổn định và an ninh, mặt khác, chính quyền Obama tái can dự vào khu vực một cách sâu sắc hơn [Hang Nguyen, 2016, 39–56]. Nước Mỹ vào thời Obama cố gắng định hình một Đông Nam Á ổn định, hòa bình, cùng hợp tác; nền kinh tế thị trường tự do, hội nhập sâu rộng với thương mại và tài chính toàn cầu; các quốc gia có trách nhiệm và về lâu dài là tự do và dân chủ [Mazza, 2018, tr.1]. Đáng chú ý,

Mỹ tiếp tục nhấn mạnh vai trò của việc phát huy dân chủ tại các quốc gia Đông Nam Á.

Đặc biệt, Tổng thống Obama đưa ra chính sách “xoay trục” hay “Tái cân bằng” ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó Đông Nam Á là trung tâm về mặt địa lý của chính sách. Chiến lược chính quyền Obama đã tìm cách củng cố các liên minh an ninh song phương của Mỹ ở châu Á, tăng cường mối quan hệ với các quốc gia trong khu vực, đồng thời thúc đẩy thương mại và đầu tư khu vực. Chính sách “xoay trục sang châu Á” (US pivot to Asia) của chính quyền Obama được công bố vào giữa tháng 11 năm 2011. Chiến lược “xoay trục” của Tổng thống Obama đòi hỏi hai nhiệm vụ chiến lược liên kết với nhau: a) Tái cân bằng địa lý ưu tiên của Mỹ từ Trung Đông và Nam Á sang châu Á-Thái Bình Dương; b) chuyển từ việc lấy quân đội làm trung tâm, tốn kém và sử dụng nhiều binh lính sang phát triển quân đội thông thường và tăng khả năng duy trì lợi thế công nghệ của trong chiến tranh trên không và hải quân [Fargo, 2012, tr.26–30]. Theo đó, trọng tâm là các công nghệ mới cho phép hải quân và không quân Mỹ chống lại quân đội phi đối xứng của Trung Quốc thông qua chiến tranh mạng, tên lửa đạn đạo, tên lửa hành trình, hệ thống phòng không tiên tiến [Tribune, 2012]. Chiến lược “xoay trục” cũng tiến hành các cuộc tập trận quân sự mở rộng của Mỹ và các chuyến thăm của lãnh đạo Mỹ đến các vị trí chiến lược hàng hải của khu vực. Vì vậy, chính sách xoay trục bao gồm các cam kết của Mỹ đối với an ninh, thịnh vượng và các vấn đề nhân quyền [Anderson, Cha, 2017, tr.595-617]. Tuy nhiên, chính sách “xoay trục” của Mỹ đã phải đối mặt với những khó khăn trong thể hiện vai trò của Mỹ trong khu vực [Graham, 2015, tr.126-130].

Bên cạnh đó, Obama triển khai chiến lược “Tái cân bằng” (Rebalance) và coi sự trỗi dậy nhanh chóng của Trung Quốc là thách thức lớn nhất đối với trật tự do Mỹ đứng đầu, đặc biệt ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương mà Đông Nam Á là một phần trong đó. Chiến lược “xoay trục của Mỹ sang châu Á” kéo theo sự thay đổi dần dần đến sự can dự chiến lược sâu hơn vào khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Khi Mỹ thành công đối với chiến lược “Tái cân bằng”, Mỹ đảm bảo một sự cân bằng quyền lực khu vực có lợi cho Mỹ, đồng minh và các đối tác, thúc đẩy trật tự quốc tế tự do, tăng cường thịnh vượng, đồng thời thúc đẩy tự do ở khu vực. Chính quyền Obama đã triển khai chiến

lược “Tái cân bằng” bao gồm các hoạt động ngoại giao lẫn kinh tế, mà trọng tâm đặc biệt là Đông Nam Á. Đặc biệt, vào thời điểm này, Mỹ mở rộng phạm vi can dự trong ngoại giao, quân sự và tái tổ chức lực lượng. Chiến lược “Tái cân bằng” là tập hợp của nhiều hoạt động như di chuyển các hoạt động quân sự từ các khu vực như nam châu Á, Trung Đông đến Châu Á Thái Bình Dương; tái cấu trúc an ninh khu vực; tăng cường hợp tác ở cấp độ song phương và đa phương. Nói cách khác, chiến lược “Tái cân bằng” kéo dài can dự ngoại giao của Mỹ tại địa điểm quan trọng về địa chiến lược và kinh tế [Sherazi, Mahmood, 2020, tr.1–21].

Đáng chú ý, Đông Nam Á là phần trung tâm của chính sách “xoay trục”, nhấn mạnh tới việc xây dựng quan hệ với các quốc gia ở Đông Nam Á. Mỹ còn đẩy mạnh các thể chế khu vực như Sáng kiến “Đối tác xuyên Thái Bình Dương” (Trans-Pacific Partnership, TPP), chú trọng quan hệ với ASEAN... Sự quan trọng của Đông Nam Á trong chính sách đối ngoại Mỹ còn thể hiện ở các chuyến viếng thăm cấp cao của chính quyền Obama đến Đông Nam Á. Trong từng lĩnh vực cụ thể, chính quyền Obama có cách tiếp cận linh hoạt theo từng chủ thể ở Đông Nam Á. Trung Quốc là một trong những yếu tố quan trọng định hình quan hệ của các quốc gia trên với Mỹ. Thông qua “Xoay trục” và “Tái cân bằng”, Mỹ không chỉ thắt chặt quan hệ với các đồng minh truyền thống mà còn thiết lập quan hệ “đối tác” trong một thế giới “đa đối tác”. Đây là một điểm đặc biệt dưới thời Obama khi tiếp cận với các nước Đông Nam Á. Tùy theo tình hình các quốc gia, Mỹ thiết lập hoặc gọi quan hệ song phương theo các cấp độ khác nhau như đối tác, đối tác toàn diện, đối tác chiến lược (Xem thêm Phụ lục 3). Với nhiều nỗ lực, chính sách đối ngoại “thông minh” và “linh hoạt” của Obama [Trương Công Vĩnh Khanh, 2017, 45-49], Mỹ mong muốn thực hiện chính sách tập hợp lực lượng ở Đông Nam Á [Phạm Hoàng Tú Linh, 2015, tr.99-106]. Trong đó, Mỹ thể hiện sự ưu tiên đối quan quan hệ của các đồng minh chiến lược, đồng minh truyền thống, thiết lập các cấp độ quan hệ đối tác cũng như các kênh đối thoại chiến lược. Chính quyền Obama tìm cách củng cố vai trò lãnh đạo toàn cầu của nước Mỹ thông qua việc áp dụng khéo léo các công cụ chính sách đối ngoại trong kinh tế, chính trị, quân sự, pháp luật và văn hóa [Ming-Te, Liu, 2012, tr.195-225]. Đặc biệt liên quan đến Trung Quốc, Obama nhấn mạnh sự tái cân bằng trong khu vực bằng việc Mỹ “xoay trục”. Mặc dù sự chuyển dịch này là một bước đi có tính toán nhằm nhắc nhở Trung Quốc rằng Mỹ đang theo

dối những diễn biến trong khu vực mà không có nhiều hành động khiêu khích [Singer, 2020, tr.9].

Tiếp đó, Tổng thống Donald Trump với triết lý “Nước Mỹ trước tiên”, từ năm 2017, đã làm cộng đồng thế giới hoài nghi về việc thực hiện vai trò lãnh đạo thế giới của Mỹ. Đồng thời, Trump đã xác định Trung Quốc chính là đối thủ chiến lược của Mỹ. Với nền tảng là người làm kinh doanh, Trump coi trọng lợi ích kinh tế và an ninh là “trên hết” và xem đây là “lợi ích cốt lõi”, giá trị “chủ nghĩa phổ quát” của nước Mỹ [Fangfei, 2019, tr.1-27]. Quan hệ Mỹ - Trung luôn diễn biến phức tạp với các lợi ích đan xen, chông chéo và biến động liên tục. Sau khi lên nắm quyền, Donald Trump thực hiện chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Mở rộng” nhằm xây dựng một mạng lưới đối tác - đồng minh tạo thành vành đai lớn, trong đó, các đối tác - đồng minh đều có lợi ích khi chọn hướng về Mỹ. Thuật ngữ “Ấn Độ - Thái Bình Dương” được “chính trị hóa” và được dư luận thế giới chú ý khi Trump mở đầu bài phát biểu của mình tại Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) tổ chức tại Đà Nẵng (Việt Nam) tháng 11/2017 bằng việc bày tỏ sự vinh hạnh được hiện diện tại Việt Nam - trái tim của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Trong chuyến công du gần hai tuần ở châu Á, Tổng thống Donald Trump đã liên tục sử dụng thuật ngữ này như có hàm ý về chiến lược mới của Mỹ ở khu vực vẫn thường được biết đến là châu Á - Thái Bình Dương nay được gắn với Ấn Độ Dương. Sau chuyến công du châu Á của Tổng thống Trump, Mỹ đã công bố lần lượt “Chiến lược An ninh Quốc gia” và “Chiến lược Quốc phòng” mới trong đó khẳng định sự ưu tiên của Mỹ với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Có thể nói, việc sử dụng khái niệm “Ấn Độ - Thái Bình Dương” đã cho thấy một sự thay đổi trong “bản đồ tư duy” về thế giới dưới góc nhìn chiến lược của Mỹ cho thập niên thứ ba của thế kỷ 21. Mỹ từ sử dụng cụm từ “Ấn Độ - châu Á Thái Bình Dương” như một cách để đảm bảo vị thế chiến lược về mặt địa lý của mình [Deni, 2013, tr.77-86], song cuối cùng họ đã phải sử dụng lại thuật ngữ “Ấn Độ - Thái Bình Dương”. Từ khi Mỹ chính thức công nhận, thuật ngữ Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đã được nâng lên tầm vóc mới và trở thành một định hướng chiến lược mới của thế kỷ 21. Với Mỹ, việc mở rộng khái niệm này đã chính thức thừa nhận Ấn Độ là một người chơi lớn

trong những diễn biến địa chính trị trong khu vực, đồng thời phần nào thể hiện sự khác biệt so với chính sách “Tái cân bằng” của chính quyền Obama trước đây. Chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Rộng mở” do chính quyền Trump phát động cũng đã ảnh hưởng lớn đến cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại khu vực. Việc sử dụng “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” ngụ ý một trật tự, trong đó Ấn Độ và Mỹ, cùng các quốc gia dân chủ ở châu Á như Nhật Bản và Úc tham gia để hạn chế ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc - một phiên bản cập nhật của Chiến tranh Lạnh [Khurana, 2018, tr.7-10]. Đồng thời, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã và đang dẫn đến sự bất ổn toàn cầu [Mohammed, Laouni, Tahi, 2019, 279-296]. Cách tiếp cận khác biệt của chính quyền Trump đối với Đông Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng đã xác định mục tiêu và sự thay đổi của chính sách đối ngoại của Mỹ. Chính sự khác biệt và những bất ổn trong nhiệm kỳ trên, Trump với chính sách đối ngoại Mỹ và quan hệ quốc tế trở thành trường hợp nghiên cứu điển hình để kiểm chứng các lý thuyết trong quan hệ quốc tế [Jervis, 2018]. Trong nhiều thập kỷ, các nhà lãnh đạo Mỹ nhận được sự ủng hộ tương đối của lưỡng đảng đối với chính sách đối ngoại theo chủ nghĩa quốc tế tự do, một chính sách bắt nguồn từ niềm tin rằng việc dỡ bỏ các rào cản thương mại giữa các quốc gia, thúc đẩy quản trị tốt và dân chủ hóa, đồng thời gắn kết các quốc gia vào các thể chế quốc tế dựa trên luật lệ sẽ thúc đẩy lợi ích của Mỹ [Ford, 2020, tr.3]. Chính việc Trump coi thường chủ nghĩa đa phương đã khiến ông khác biệt với người tiền nhiệm và thay đổi quỹ đạo chung trong chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc và khu vực [Silove, 2016, tr.45–88]. Nhiệm kỳ của Trump cùng các chính sách đối ngoại được cho là làm suy yếu trật tự quan hệ quốc tế vốn là cơ sở cho sự thịnh vượng và ổn định của thế giới phương Tây trong 70 năm qua khi quyết định rút khỏi thỏa thuận hạt nhân Iran, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, hoặc thay đổi hiệp định, hay chỉ trích Liên hợp quốc và các thể chế đa phương. Thậm chí, theo Kelley, Donald Trump trở thành tổng thống mà hệ thống chính phủ Mỹ thiết kế để tránh và là nhân tố mà những người sáng lập nước Mỹ lo sợ; một nhà lãnh đạo phản dân chủ, người đã định vị mình như một sự thay thế cho hệ thống đó thông qua chủ nghĩa dân túy mị dân [Kelley, 2022, tr. 4-18].

Xuất phát từ đánh giá mối đe dọa đã thay đổi này, chiến lược của chính quyền Trump đã hình dung lại những cách thức mà Mỹ nên theo đuổi các mục tiêu của mình.

Dưới khẩu hiệu tầm nhìn “Nước Mỹ trên hết” của Trump, chính sách đối ngoại Mỹ đã tập trung lại vào ý tưởng “cạnh tranh” toàn cầu. Đặc biệt, ý tưởng cho rằng nước Mỹ cần cạnh tranh và khôi phục “lợi thế của Mỹ trong các lĩnh vực then chốt” đã thu hút được sự chú ý của lưỡng đảng [White House, 2017a, tr.8]. Đặc biệt, nhiệm kỳ tổng thống của Trump đã khởi đầu một sự thay đổi cơ bản trong chính sách đối ngoại Mỹ đối với Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á. Chính quyền Trump có đường lối cứng rắn đối với Trung Quốc trong hầu hết mọi vấn đề quan trọng trong mối quan hệ song phương. Chính sách đối ngoại của chính quyền Trump với Đông Nam Á là một chiến lược hỗn hợp. Mỹ có lợi ích kinh tế và chiến lược đáng kể ở Đông Nam Á với các tuyến đường biển huyết mạch. Hơn nữa, ASEAN là đối tác thương mại hàng hóa lớn thứ tư và là điểm đến chính cho đầu tư nước ngoài của Mỹ [Office of the United States Trade Representative, 2021]. Việc ra mắt Khung kinh tế “Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương vì sự thịnh vượng” (Indo-Pacific Economic Framework for Prosperity, IPEF) và thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với ASEAN nhấn mạnh mong muốn của Mỹ nhằm chống lại ảnh hưởng của Trung Quốc [Grossman, 2023].

3.1.2. Chiến lược, chính sách đối ngoại của Trung Quốc

Trung Quốc luôn coi Đông Nam Á là một phần không thể thiếu trong chính sách đối ngoại của mình. Một mặt, thông qua việc thể hiện các hành động có trách nhiệm [Hong-Hua, 2007a, tr.37-46; Hong-Hua, 2007b, tr.15-26], Trung Quốc nỗ lực nâng cao hình ảnh của một “cường quốc có trách nhiệm”. Mặt khác, Trung Quốc cố gắng tạo ảnh hưởng ở Đông Nam Á thông qua sự trỗi dậy [Lum, Morrison, Vaughn, 2008] và nhiều động thái mạnh mẽ tại khu vực. Thúc đẩy quan hệ an ninh ổn định với các nước láng giềng là điểm khởi đầu cơ bản trong chính sách của Trung Quốc để có một môi trường khu vực hòa bình và ổn định là một khía cạnh quan trọng của Chiến lược an ninh và lợi ích cốt lõi của Trung Quốc [Institute of Southeast Asian Studies, 2004, tr.7]. Quan hệ Trung Quốc – Đông Nam Á giai đoạn này đã được hình thành bởi các mối quan hệ địa chính trị, sắc tộc và kinh tế lâu đời [Zhou, Liu, 2018, tr.610-629].

Về Đông Nam Á, Trung Quốc giữ một số mục tiêu chiến lược: (i) giảm bớt ảnh hưởng của các cường quốc trong khu vực, nhất là Mỹ; (ii) tạo vùng đệm chiến lược thông qua các quốc gia thân thiện trong khu vực; (iii) bảo đảm các yêu sách lãnh thổ tại

Biển Đông. Vì thời gian tới được coi là thời kỳ cơ hội chiến lược cho Trung Quốc để tăng cường phát triển kinh tế và đạt được vị thế cường quốc, Trung Quốc hy vọng tạo ra một môi trường khu vực an toàn và đảm bảo [Michael, 2008, tr.167-184]. Theo đó, Đông Nam Á là một trong những yếu tố quan trọng nhất có thể ảnh hưởng đến sự trỗi dậy của Trung Quốc và liên quan đến sự can dự của Mỹ cùng cán cân quyền lực Mỹ - Trung [Tung-Chieh, Ming-Te, Liu 2011, tr.25-42]. Theo quan điểm “thế giới quan hài hòa” (和谐世界)¹⁷, cùng với “Trỗi dậy hòa bình” (和平崛起) sau đó được đổi thành “phát triển hòa bình” (和平发展), Trung Quốc áp dụng chính sách “láng giềng tốt” (好邻居) đối với các khu vực xung quanh. Hồ Cẩm Đào chỉ ra phương hướng hoạch định chính sách liên quan đến đối ngoại của Trung Quốc và gợi mở trật tự quốc tế lý tưởng theo quan điểm của nước này [孙学峰 2007, tr.55-60]. Vào tháng 9/2011, Trung Quốc đã công bố sách trắng thứ hai và khẳng định “kiên định đi theo con đường phát triển hòa bình” [State Council Information Office, The People’s Republic of China, 2011, tr.161–187].¹⁸ Không chỉ vậy, Trung Quốc đã thể hiện sự quan tâm đến sức mạnh mềm khi chính quyền Hồ Cẩm Đào xác định chính sách đối ngoại bởi các mối quan hệ đa phương, hợp tác cùng có lợi cùng mong muốn mạnh mẽ xây dựng một môi trường nơi các nền văn minh cùng tồn tại hài hòa trong bối cảnh các chiến lược chính trị đã thay đổi, cả trong tương tác trực tiếp và thông qua Liên Hiệp Quốc [Hu, 2005]. Sử dụng các loại công cụ khác nhau, đặc biệt là ngoại giao quyền lực mềm cho phép Trung Quốc đạt được các mục tiêu chính sách đối ngoại là tăng cường kết nối thương mại với các quốc gia khác và củng cố vị thế trên thị trường toàn cầu [Kuchins, 2009]. Đồng thời, Trung Quốc tăng cường quan hệ với các quốc gia Đông Nam Á trên nhiều lĩnh vực từ chính trị, kinh tế đến quân sự, văn hóa và các lĩnh vực khác. Đáng chú ý, Trung Quốc có nhiều lợi thế trong ảnh hưởng đến nền kinh tế của Đông Nam Á [吴雪, 2015, tr.51-68].

Tập Cận Bình trở thành người lãnh đạo của Trung Quốc từ năm 2012 bắt đầu việc tuyên truyền “Giấc mộng Trung Hoa” (中国梦) và dường như mong muốn khẳng định

¹⁷ Tại Đại hội lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc (2003) và trong một bài phát biểu của Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào (2004), thể hiện quan điểm của Trung Quốc trong quan hệ quốc tế là “bốn không” (không bá quyền, không dùng vũ lực, không kéo bè kéo cánh, không chạy đua vũ trang), và “bốn có” (xây dựng lòng tin, giảm bớt khó khăn, hợp tác phát triển, và tránh đối đầu).

¹⁸ Quan điểm này của Trung Quốc cũng nhất quán với thông điệp Sách trắng Quốc phòng của Trung Quốc năm 2005 và năm 2011.

thế kỷ XXI là “Thế kỷ Trung Quốc” (Mutia, 2023, tr.637–649). “Giấc mộng Trung Hoa” được coi là học thuyết chủ đạo về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nói chung và chiến lược kinh tế của Trung Quốc đối với thế giới nói riêng trong tương lai. Theo đó, Trung Quốc hướng tới 4 mục tiêu: (i), Trung Quốc hùng mạnh về kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, khoa học và công nghệ; (ii), Trung Quốc văn minh tự do, bình đẳng, công bằng, giàu văn hóa, đạo đức cao; (iii), Trung Quốc hài hòa giữa các vùng, giữa các giai cấp và giữa các dân tộc; (iv), Trung Quốc sạch đẹp, ít ô nhiễm môi trường. Đặc biệt, ở giai đoạn này, chính sách đối ngoại được mô tả ngắn gọn bằng cụm từ “phấn đấu để đạt được thành tựu” (奋发有为) [Jin, 2014]. Ngoài việc mong muốn trở thành người chấp nhận chuẩn mực quốc tế, Trung Quốc cũng cố gắng trở thành người định hình chuẩn mực [Lanteigne, 2016, tr.12]. Tiếp đó, Chủ tịch Tập Cận Bình đưa ra ý tưởng hồi sinh Con đường tơ lụa, sau này phát triển thành Sáng kiến Vành đai-Con đường (一带一路倡 One Belt One Road initiative – OBOR hay Belt-Road Initiative - BRI). BRI kết nối trực tiếp Trung Quốc với ba trong số bảy lục địa trên thế giới, trong đó ưu tiên là phát triển cơ sở hạ tầng và hợp tác thương mại. Kể từ khi Tập Cận Bình công bố vào năm 2013, BRI đã thu hút sự chú ý đáng kể trên toàn cầu, làm dấy lên những nhận định trái chiều về tham vọng của Trung Quốc [Albana, Fiori, 2021, tr.149-159]. BRI là một sáng kiến mang tính bước ngoặt mà tầm quan trọng của nó không chỉ giới hạn ở các cân nhắc về kinh tế hoặc ngoại giao, mà còn mang tính toàn diện [Callahan, 2016, tr.226–243]. Các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc đã coi Đông Nam Á là một khu vực quan trọng cho sự thành công của BRI, chủ yếu là do sự gần gũi về địa lý cũng như mối quan hệ kinh tế mạnh mẽ với từng quốc gia riêng lẻ và ASEAN.

Từ khi được công bố vào năm 2013 đến nay, mặc dù triển khai trong thời gian ngắn, “Sáng kiến Vành đai và Con đường” đã nhanh chóng được đưa vào Điều lệ Đảng của Trung Quốc tại Đại hội 19 của Đảng Cộng sản Trung Quốc, trở thành chiến lược đối ngoại quan trọng của Trung Quốc. Ở nội dung cụ thể, Trung Quốc thúc đẩy sự cạnh tranh thông qua BRI đã tạo ra sự quan tâm đối với nhiều nước, khu vực và tổ chức quốc tế, từng bước mở rộng mạng lưới đối tác, hình thành rõ nét một chiến lược mang tầm toàn cầu của Trung Quốc. Trong Sáng kiến BRI, Trung Quốc đẩy mạnh dự án tái hiện “Con đường tơ lụa trên biển” (21st Century Maritime Silk Road - 21世纪海上丝绸之路 MSR) với Biển Đông là điểm khởi đầu. Đáng chú ý, nhà lãnh đạo Trung Quốc Tập Cận

Bình đã thực hiện chính sách hiện đại hóa quân đội với nhiều thay đổi như cải tổ hệ thống lãnh đạo và chỉ huy, tối ưu hóa cấu trúc và hoạt động quân sự, kết hợp quân sự và dân sự [Phan Thị Diễm Huyền, 2017, tr.69-79]. Đặc biệt, quá trình tái cấu trúc và hiện đại hóa quân đội Trung Quốc là một trong nội dung quan trọng sẽ có tác động quyết định về vai trò của Trung Quốc trong các vấn đề quốc tế [Tijerina, Baig, 2022, 84–95]. Trong đó, lực lượng hải quân đã có nhiều bước tiến bộ theo hướng hiện đại hóa, thể hiện rõ ở việc cải thiện khả năng thực hiện các hoạt động độc lập cách xa bờ biển Trung Quốc, khả năng cải thiện trong thực hiện các hoạt động hay chiến dịch chung và khả năng phối hợp với lực lượng hàng hải khác, hoặc lực lượng quân sự của bất kỳ bên tranh chấp ở Biển Đông và tiếp tục thúc đẩy các yêu sách hàng hải của Trung Quốc [McCaslin, Erickson, 2018, tr.125–170]. Trong khi đó, động thái từ Trung Quốc “bất định” lại rất khó đoán, thậm chí có quan điểm cho rằng Trung Quốc có thể điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng thực dụng và thắt chặt quan hệ đối tác với Mỹ [Sokolsky, Rabasa, Neu, 2000, tr.xi]. Điều này ảnh hưởng lớn đến chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với các nước Đông Nam Á.

Không chỉ vậy, Đông Nam Á cũng là khu vực mà Trung Quốc xem là “Cộng đồng chung vận mệnh” (命运共同体), hay còn gọi là “Cộng đồng chia sẻ tương lai vì nhân loại”, giữa Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á, Cộng đồng ASEAN và Cộng đồng Đông Á, được đề xuất bởi Chủ tịch Tập Cận Bình [蔡東杰, 2015, 17-30]. Thông qua “Cộng đồng chung vận mệnh”, Trung Quốc mong muốn hàn gắn quan hệ với các quốc gia láng giềng trong bối cảnh tranh chấp lãnh thổ leo thang. Đồng thời, đây cũng là một thành phần trong chiến lược dài hạn của Trung Quốc nhằm duy trì “thời kỳ cơ hội chiến lược” [Zhang, 2018, tr.196-207]. Thậm chí, “Cộng đồng chung vận mệnh”, kết hợp với BRI, Trung Quốc hướng tới các quan hệ đối tác chiến lược mới tại Đông Nam Á [Rocher, 2020, tr.16-18]. Đáng chú ý, “ngoại giao ngoại vi” hay còn gọi là “ngoại giao láng giềng”, Trung Quốc muốn biến các khu vực lân cận của Trung Quốc thành một “cộng đồng chung vận mệnh” để cùng “chia sẻ tương lai”. Trung Quốc diễn đạt khái niệm “vận mệnh chung” dưới dạng tính toàn diện và hợp tác đôi bên cùng có lợi và tạo điều kiện để hội nhập các quốc gia láng giềng vào một mạng lưới quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa và an ninh lấy Trung Quốc làm trung tâm. Một số nhà nghiên cứu đáng giá hệ thống “cộng đồng chung vận mệnh” không khác gì hệ thống chư hầu

tiền hiện đại [Callahan, 2016, tr.226-243; Mitchell, 2018, tr.23-43]. Kế thừa quan điểm này từ Hồ Cẩm Đào, nhà lãnh đạo Tập Cận Bình đã nhấn mạnh và nỗ lực thúc đẩy “cộng đồng chung vận mệnh”. Trung Quốc kết hợp giữa khuyến khích và ép buộc kinh tế để thúc đẩy các mục tiêu chiến lược trong khu vực thông qua BRI và Con đường tơ lụa trên biển. Thậm chí, Trung Quốc huy động cộng đồng người Hoa ở nước ngoài giúp thực hiện các sáng kiến này, hiện thực hóa “giấc mơ Trung Hoa” và “sự phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa”.

Từ năm 2017, chính sách đối ngoại của Trung Quốc có sự điều chỉnh rõ rệt với ảnh hưởng của nhà lãnh đạo Tập Cận Bình. Thuật ngữ hiệu quả ở đây là điều chỉnh hơn là đổi mới vì chưa có sự chuyển đổi cơ bản nào trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Trung Quốc tiếp tục duy trì chiến lược tổng thể đã có từ giai đoạn trước là trỗi dậy thông qua phát triển hòa bình. Trung Quốc tham gia tích cực, nỗ lực ở vị thế lãnh đạo hoặc định hình các thể chế toàn cầu và khu vực. Đồng thời, Trung Quốc thúc đẩy cải cách trật tự hiện tại hướng tới một trật tự mà nước này cho rằng sẽ ít bất công hơn và công bằng hơn. Trung Quốc tìm cách “liên kết với đường lối quốc tế” tốt hơn dưới sự quản lý của Tập Cận Bình. Tuy nhiên, giữa những sự tiếp diễn này đã có một số thay đổi sâu sắc trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Đồng thời, chủ nghĩa dân tộc của Trung Quốc có thể gây ảnh hưởng tới việc hoạch định chính sách đối ngoại. Dù có vấn đề nội bộ, Tập Cận Bình cũng hạn chế tối đa lý do khiến Mỹ có thể xuất hiện trong xung đột quân sự với Trung Quốc. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng mong muốn tăng trưởng kinh tế bền vững như một công cụ hữu hiệu để duy trì quyền lực.

Không chỉ vậy, Trung Quốc có ý chí định hình lại trật tự khu vực. Sự phát triển kinh tế và sức mạnh quân sự ngày càng tăng đã khiến các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc đánh giá lại các mục tiêu khu vực. Giới tinh hoa Trung Quốc tin rằng đất nước của họ đã bước vào “một tình thế mới”, trong đó Trung Quốc đang chuyển đổi từ vị thế cường quốc tầm trung sang cường quốc lớn [Bradley, 2014], từ đó hướng tới trật tự khu vực lấy Trung Quốc làm trung tâm. Trung Quốc hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng thông qua BRI. Tuy nhiên, giữa Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á các nước đang có tranh chấp về yêu sách lãnh thổ ở Biển Đông. Vì vậy, Trung Quốc đại diện cho cả cơ hội kinh tế lẫn những thách thức an ninh nghiêm trọng cho Đông Nam Á. Với

chính sách đối ngoại “phấn đấu đạt thành tựu”, Tập Cận Bình đặt mục tiêu thực hiện ngoại giao chủ động “tích cực đạt được thành tích”. Chủ tịch Tập Cận Bình theo đuổi “ngoại giao nước lớn đặc sắc Trung Quốc” nhằm mục đích xây dựng một “cộng đồng chung vận mệnh” và bắt đầu chủ động trong việc định hình trật tự quốc tế thông qua BRI. Sáng kiến của Bắc Kinh bắt đầu bằng việc xây dựng kết nối với các quốc gia ngoại vi và thành lập các tổ chức mới như AIIB. Đối với vấn đề quân sự, tình hình ngày càng trở nên phức tạp hơn khi Trung Quốc xây dựng lực lượng và tính đến cả tình trạng đối đầu với các nước láng giềng Đông Nam Á. Trong khi đó, Trung Quốc cố gắng kết hợp quan hệ song phương Mỹ - Trung với quan hệ láng giềng tại khu vực vì Mỹ là chủ thể ngoài khu vực quan trọng nhất ở châu Á. Đáng chú ý là do sự cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung và vấn đề lãnh thổ và tranh chấp biển giữa Trung Quốc và các nước ngoại vi cảm thấy bất an. Các nước láng giềng có xu hướng chuẩn bị cho những hành động có thể xảy ra của Trung Quốc.

Tại Trung Quốc vào giai đoạn 2017 đến 2020, người lãnh đạo cao nhất là Tập Cận Bình (习近平) với tham vọng thực hiện “Giấc mộng Trung Hoa” (中国梦) và nỗ lực đưa Trung Quốc “trỗi dậy hòa bình”. Nhà lãnh đạo Tập Cận Bình là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Chủ tịch Quân ủy Trung ương Trung Quốc. Tập Cận Bình cũng là người đề xuất quan điểm “mô hình quan hệ cường quốc kiểu mới” (New Model of Major-country Relationship) với Mỹ [Xi, 2014, 322]. Từ năm 2017, nhà lãnh đạo Tập Cận Bình cũng thể hiện tư duy chiến lược rõ nét. Sự ổn định chiến lược cho phép Trung Quốc tập trung vào hợp tác tích cực và tránh sự can thiệp không cần thiết. Trung Quốc kế thừa tầm nhìn chiến lược với nguồn gốc sâu xa từ cả văn hóa truyền thống Trung Quốc và hai yếu tố cơ bản của chủ nghĩa Mác: chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng [Jiemian, 2017, tr.357–375]. Trung Quốc cũng áp dụng biện pháp tích cực hơn trong chính sách đối ngoại nhằm thúc đẩy hòa bình, phát triển và hợp tác cùng có lợi. Trước những thay đổi trong chiến lược của Mỹ cùng những phản ứng không tích cực của cộng đồng quốc tế trước sự trỗi dậy của mình, Trung Quốc thực hiện cách chính sách đối ngoại nhằm giảm sự cô lập quốc tế và gián đoạn nguồn cung. Chính vì vậy, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tập trung vào chiến lược mới “lưu thông kép” (dual circulation). Chính sách này nhằm “ứng phó với những thay đổi phức tạp trong môi trường quốc tế” [Liu, 2020].

Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn rất dễ bị tổn thương trước chiến tranh thương mại do Mỹ dẫn đầu, do nước này phụ thuộc nặng nề vào Mỹ và các đồng minh về chất bán dẫn và các sản phẩm cao cấp khác. Trung Quốc đã thực hiện nhiều điều chỉnh chiến lược trong chính sách đối ngoại của mình. Điều này thể hiện rõ nét từ việc đưa ra các khẩu hiệu chiến lược như “Khái niệm an ninh châu Á” và “Ngoại giao nước lớn đặc sắc Trung Quốc”; thành lập Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á do Trung Quốc khởi xướng và lãnh đạo đến theo đuổi sáng kiến chính sách đối ngoại mang đặc trưng của Tập Cận Bình là “Một vành đai, Một con đường”; thậm chí là những hành động quyết đoán hơn đối với các yêu sách chủ quyền trên biển. Tóm lại, đây chưa phải là một sự biến thái hoàn toàn nhưng đã có những thay đổi thực sự đối với Trung Quốc lẫn trật tự khu vực và hệ thống quốc tế [Hoo, 2017, 3-16]. Khái niệm an ninh châu Á là một phần của Khái niệm An ninh Quốc gia Tổng thể (总体国家安全观) của tư tưởng Tập Cận Bình. Nhận thức được những thách thức liên quan đến việc xây dựng trật tự quốc tế, Tập Cận Bình nhấn mạnh khái niệm “quyền lực diễn ngôn thể chế” (制度性话语权) [Zhou, 2016; Sun, 2019, tr.24]. Theo đó, tập trung vào quyền (权利) và lực (权力), Trung Quốc thể việc bày tỏ những yêu sách hoặc quan điểm về sự đại diện trong các tổ chức quốc tế là cần thiết.

3.2. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao

Đông Nam Á đã trở thành tiền tuyến quan trọng trong cạnh tranh Mỹ - Trung. Sự cạnh tranh quyền lực giữa Trung Quốc và Mỹ ảnh hưởng đến cả sự lựa chọn chiến lược của các quốc gia cũng như vị thế của ASEAN và đóng vai trò là động lực chính cho quá trình chuyển đổi trật tự khu vực. Trong khi Mỹ dùng thuật ngữ “Đại chiến lược” (Grand Strategy) để mô tả các chính sách và tham vọng của mình, Trung Quốc có “Giấc mơ Trung Hoa” (中国梦) về một Trung Quốc hiện đại vào năm 2049 - kỷ niệm 100 năm thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa [Nacht, Laderman, Beeston, 2018, tr.5]. Trung Quốc, bản thân tên gọi theo tiếng Trung là “中国”, có nghĩa là “đất nước ở trung tâm” cùng tư tưởng “Dĩ hoa vi trung” (以華為中), mang nhiều ý nghĩa về văn hóa chính trị. Điều này thể hiện tư tưởng và ảnh hưởng của Trung Quốc từ lịch sử và sự nỗ lực vươn lên, phát triển để “lấy lại hào quang” và vượt qua “thế kỷ nhục nhã” khi mất chủ quyền vào tay của các thế lực đế quốc nước ngoài [Zhou, 2014, tr.11]. Thậm chí, dưới

thời Tập Cận Bình, Trung Quốc có xu hướng kết hợp chủ nghĩa dân tộc về mặt chính trị và văn hóa [Guo, 2016]. Những tư tưởng trên định hình sâu sắc trong chính sách đối ngoại Trung Quốc, thúc đẩy nỗ lực xác định vị thế quốc gia và sức mạnh toàn diện về cả kinh tế, xã hội, chính trị và quân sự [Nacht, Laderman, Beeston, 2018, tr.5-41].

Trong chuyến thăm của Tập Cận Bình tới Mỹ vào tháng 2/2012, Chủ tịch Trung Quốc đã đặt ra thuật ngữ “quan hệ cường quốc kiểu mới” (新型大国关系). Vào tháng 7/2013, trong hội nghị thượng đỉnh với Tổng thống Obama tại California, Chủ tịch Tập Cận Bình đã vạch ra ba thành phần chính của mối quan hệ “cường quốc kiểu mới” là “không xung đột”, “không đối đầu”, tôn trọng lẫn nhau và hợp tác đôi bên cùng có lợi [Zhang, 2016, 45-60]. Mỹ luôn nhấn mạnh vai trò như một cường quốc lãnh đạo của khu vực Đông Nam Á, trong khi Trung Quốc chưa đủ khả năng tham gia chạy đua vũ trang hoặc cạnh tranh địa - chính trị với Mỹ. Tuy nhiên, một khi chạy đua vũ trang diễn ra thì chiến lược hiện diện quân sự của Mỹ có thể không giúp ngăn chặn sự leo thang xung đột mà khiến các đồng minh, đối tác ở khu vực lo lắng. Chiến lược của Mỹ tại Đông Nam Á nhận được sự ủng hộ của các nước trong khu vực lẫn cộng đồng quốc tế. Về cơ bản, các lợi ích của Mỹ là không thay đổi [Manyin, Daggett, Dolven, Lawrence, Martin, O'Rourke, Vaughn, 2012, tr.4]. Thể chế chính trị - xã hội của Đông Nam Á và sự muôn màu muôn vẻ với các thể chế khác nhau [Trần Anh Phương, 2004, tr.24-26]. Tuy vậy, khu vực có đặc trưng về việc thiếu hụt cân bằng thể chế hay các cơ chế ngăn ngừa xung đột, đặc biệt là các kênh đối thoại [Hu, 2009, tr.16]. Những chiến lược của Mỹ không chỉ tạo thế “gọng kìm” “bao vây” Trung Quốc nhằm ngăn chặn nước này mà còn muốn biến Trung Quốc thành “một cỗ đồng có trách nhiệm” và phải đưa ra những lựa chọn chiến lược “đúng đắn” [Trần Khánh, 2008b, tr.11-19].

Trong quan hệ với Trung Quốc, chính quyền Obama nhấn mạnh nước Mỹ “cạnh tranh với Trung Quốc trong một số lĩnh vực và hợp tác trong những lĩnh vực khác” đi liền với thách thức là xây dựng mối quan hệ với Trung Quốc [Obama, 2009, tr. 5]. Đồng thời, Mỹ vừa mở rộng hợp tác và vừa tăng cường khả năng cạnh tranh với Trung Quốc, trong bối cảnh sự phát triển năng lực quân sự của Trung Quốc ở khu vực đã làm dấy lên nhiều lo ngại. Những tuyên bố chính sách đối ngoại của Tổng thống Obama về các động thái của Trung Quốc và ảnh hưởng của nước Mỹ ở Đông Nam Á thường xuyên

được lặp lại. Đây là báo hiệu một sự thay đổi từ một chính sách phòng ngừa rủi ro đến cam kết kiềm chế Trung Quốc về mặt chiến lược. Nói cách khác, chiến lược “Tái cân bằng” và “Xoay trục” không phải là chiến lược ngăn chặn vì không xem Trung Quốc là đối thủ kiểu Chiến tranh Lạnh mà đúng hơn là một đối thủ tiềm năng [Castro, 2018a, tr.259-283]. Chiến lược “Tái cân bằng” cũng phản ánh quyết định của chính quyền Obama đi theo con đường giữa ngăn chặn và nhân nhượng sau khi chính sách kiềm chế Trung Quốc qua con đường ngoại giao thất bại [Castro, 2018b, tr.179–208]. Đặc biệt, ở nhiệm kỳ thứ hai, chính quyền Obama khiến khu vực trở thành tâm điểm chú ý chiến lược của nước Mỹ khi tuyên bố chính sách “xoay trục” mà mục tiêu thể hiện rõ là hạn chế ảnh hưởng của Trung Quốc [Castro, 2018a, tr.259-283]. Báo cáo của Cơ quan Nghiên cứu Quốc hội Mỹ nhấn mạnh: “Nội dung cơ bản trong chính sách của Obama là thách thức lâu dài trong việc quản lý căng thẳng ở quan hệ Mỹ - Trung thông qua việc khuyến khích Trung Quốc tăng cường hội nhập vào cộng đồng quốc tế” [Manyin, 2012, tr.4]. Tuy vậy, chính Obama cũng khẳng định thúc đẩy chương trình nghị sự và chỉ có thể đạt được nếu cả Mỹ và Trung Quốc sửa đổi chính sách của chính mình. Trong khi đó, Trung Quốc xem lợi ích của Mỹ là mối đe dọa đối với an ninh quốc gia và ổn định của nước này [Mazza, 2018, tr.1]. Theo đó, Mỹ có sự chuyển dịch về kinh tế, ngoại giao lẫn quân sự từ các nơi khác trên thế giới đến châu Á. Vì vậy, sách “xoay trục” hay “Tái cân bằng” hướng tới châu Á là sáng kiến liên quan đến các yếu tố tạo thành sức mạnh của nước Mỹ [Denmark, 2013, tr. 2].

Dưới thời kỳ Trump, Mỹ chính thức gọi Trung Quốc là “đối thủ chiến lược” và cạnh tranh Mỹ - Trung được xem là “cạnh tranh chiến lược”. Trong Chiến lược an ninh quốc gia năm 2017 và Bản tóm tắt Chiến lược phòng thủ quốc gia năm 2018 của Bộ Quốc phòng, chính quyền Trump đề cập Trung Quốc là một quốc gia theo chủ nghĩa xét lại và đối thủ cạnh tranh chiến lược [White House, 2017b; U.S. Department of Defense, 2018]. Việc sử dụng những thuật ngữ trên như một bước ngoặt trong chiến lược của Mỹ đối với Trung Quốc [Li, 2019, tr.54–80; Zhao, 2019, tr.372]. Quan hệ Mỹ - Trung đã trở nên xấu hơn dưới thời chính quyền Trump khi Mỹ chuyển từ chính sách can dự trong suốt 4 thập kỷ sang đối đầu [Zongyou, Yunhan, 2021, 157–178]. Mỹ xem Trung Quốc là một cường quốc theo chủ nghĩa xét lại có ý định đảo ngược trật tự khu vực và thế giới, áp đặt thuế quan đối với hàng hóa Trung Quốc, tăng cường giám sát

đầu tư và ảnh hưởng của Trung Quốc tại Mỹ và bắt đầu sự tách rời một phần giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới. Chính quyền Trump đưa ra một chiến lược “Án Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Rộng mở” nhằm cân bằng hoặc thậm chí kiềm chế ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc trong khu vực [White House, 2021]. Về công khai, Trump có rất ít cuộc gặp song phương với những người đứng đầu chính phủ Đông Nam Á. Sự cạnh tranh Mỹ - Trung gia tăng mang lại một số lợi ích cho các quốc gia Đông Nam Á. Điều khiến Trung Quốc bất đồng là Mỹ tiếp tục thực hiện quyền tự do hàng hải ở Biển Đông. Trong khi đó, những nước nhỏ ở Đông Nam Á cũng không muốn thể hiện sự ủng hộ Mỹ công khai vì ngại đối đầu trực diện với Trung Quốc.

Tầm nhìn chiến lược của chủ tịch Tập Cận Bình về quan hệ Mỹ - Trung dựa trên sự nắm bắt vững chắc các xu hướng toàn cầu và khu vực [Jiemian, 2017, 357–375]. Các nhà phân tích Trung Quốc tin rằng tình hình chính trị nội bộ Mỹ có tính phân cực cao. Điều này trở thành một trong những động lực chính trị trong nước này đang ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại, trong đó có lập trường đối với Trung Quốc. Trung Quốc cho rằng cuộc chiến thương mại của chính quyền Trump với Trung Quốc phản ánh sự phân cực này và cuộc chiến thương mại ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ song phương [Mishra, 2022]. Trung Quốc tiếp tục thúc đẩy “Mối quan hệ nước lớn kiểu mới” trên nguyên tắc “tôn trọng lẫn nhau (相互尊重).” Đáng chú ý, dưới thời chính quyền Tập Cận Bình, “tôn trọng lẫn nhau” được ưu tiên thấp hơn và được thay thế bằng “không xung đột” hoặc “không đối đầu” (不冲突、不对抗) là ưu tiên đầu tiên. Sự thay đổi ưu tiên này ở “Mối quan hệ nước lớn kiểu mới” Mỹ - Trung nhằm mục đích quản lý sự cạnh tranh giữa hai nước. Có thể thấy, vốn dĩ Trung Quốc đã ra tín hiệu sẵn sàng khi chính quyền Trump kiên quyết yêu cầu các nước đảm bảo lợi ích quốc gia của Mỹ. Theo Yang Jiemian, “Hợp tác giữa Mỹ và Trung Quốc là một cần thiết lịch sử trong bối cảnh ưu tiên của quốc gia là lợi ích” và thậm chí “hai nước đã hình thành một cộng đồng lợi ích” trong lĩnh vực kinh tế và tài chính [Yang, 2017].

Từ khoảng năm 2019, Trung Quốc bắt đầu xây dựng chiến lược phát triển và các chính sách xoay quanh chính sách cạnh tranh chiến lược của Mỹ với Trung Quốc. Trung Quốc tự tin về tầm nhìn chiến lược khi Chủ tịch Tập Cận Bình tuyên bố rằng “Có hàng ngàn lý do để thúc đẩy quan hệ Mỹ - Trung thành công và không có một lý do nào để

phá vỡ nó” [Xi, 2017b] Trên hết, Trung Quốc có xu hướng quan tâm đến các vấn đề thế giới hiện tại và quan hệ Trung-Mỹ từ góc độ toàn diện, có hệ thống và lâu dài. Thực chất, Trung Quốc thể hiện sự quan tâm nhiều hơn đến bản chất của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung chứ không phải chiến dịch tranh cử hay hùng biện chính trị của ông Trump. Khi làm việc với Tổng thống Donald Trump, Trung Quốc thúc đẩy quan hệ song phương với Mỹ thông qua các cuộc thảo luận chuyên sâu hơn và cấp cao theo bốn hướng khác nhau: (i), Đối thoại ngoại giao và an ninh; (ii), Đối thoại kinh tế toàn diện; (iii), Đối thoại về thực thi pháp luật và an ninh mạng; (iv), Đối thoại về các vấn đề văn hóa và xã hội. Bên cạnh đó, Trung Quốc giữ vững 4 nguyên tắc sau. (i), Trung Quốc tuân thủ nguyên tắc một Trung Quốc; (ii), Trung Quốc tuân thủ nguyên tắc về sự hợp tác; (iii), Trung Quốc tuân thủ nguyên tắc gánh vác trách nhiệm nước lớn; (iv), Trung Quốc tuân thủ nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của Mỹ [Yang, 2017, 357–375]. Tuy nhiên, Trung Quốc xử lý vấn đề lãnh đạo thế giới một cách thận trọng trước các chính sách đối ngoại của chính quyền Trump trên phạm vi toàn cầu. Một số quan điểm cho rằng trên nền tảng trật tự quốc tế do Mỹ và phương Tây nắm vai trò chủ đạo, Trung Quốc định hình trật tự hướng tới mối quan hệ cộng sinh (共生). Bởi lẽ Trung Quốc nhìn nhận quan hệ Mỹ - Trung chứa đựng nhiều vấn đề phức tạp. Mỹ vẫn là một trong những nước quan trọng nhất trên thế giới và tiếp tục định hình quỹ đạo của chính trị và kinh tế toàn cầu. Trước các thách thức từ Mỹ, Trung Quốc bày tỏ sự sẵn sàng “làm việc với phía Mỹ để tăng cường và mở rộng hơn nữa hợp tác kinh tế và thương mại, đồng thời mang lại nhiều lợi ích hơn cho hai nước và phần còn lại của thế giới” [PRC Ministry of Foreign Affairs, 2017]. Mặc dù Trung Quốc mong muốn điều tốt nhất cho quan hệ kinh tế Mỹ - Trung, nước này chuẩn bị cho tình huống xấu nhất. Hơn nữa, Trung Quốc nỗ lực giải quyết những khác biệt kinh tế với Mỹ thông qua các kênh thông thường và các cuộc họp trực tiếp, hạn chế ảnh hưởng từ các chiến lược lớn của Mỹ. Có thể thấy, quan điểm của Trung Quốc và chính sách đối ngoại liên quan của Trump và chính quyền Trump đều có xu hướng tránh đưa ra những nhận xét thù địch hoặc đối đầu. Thay vào đó, Trung Quốc thường chỉ lặp lại lập trường chính sách lâu dài, tiêu chuẩn đối với vấn đề đang được đề cập, cảnh báo Mỹ không nên thực hiện các hành động có thể gây tổn hại đến mối quan hệ song phương. Trước nhiều động thái trực diện của chính quyền Trump, Trung Quốc đáp lại tương đối thận trọng này thậm chí có nhiều

tuyên bố mang tính chỉ trích cao từ Trump hoặc các quan chức Mỹ. Do đó, khi chính quyền Trump áp dụng lập trường đối đầu với Trung Quốc dựa trên sự công nhận của nước này về cạnh tranh chiến lược. Đáp lại, Trung Quốc điều chỉnh các chiến lược và chính sách của mình với Mỹ. Tuy vậy, những động thái của Trung Quốc lại thúc đẩy đối đầu nhiều hơn cạnh tranh chiến lược.

Bất chấp những biến động nhất thời trong quan hệ, sự đối đầu Mỹ - Trung mang tính cấu trúc, mặc dù không mang hình thức đối đầu quân sự nhưng lan sang các lĩnh vực mới, thể hiện ở các lĩnh vực như công nghệ, ngoại giao hoặc cơ sở hạ tầng, cùng những lĩnh vực khác. Quan hệ Mỹ - Trung thậm chí còn trở nên căng thẳng hơn trong nhiệm kỳ tổng thống của Donald Trump, như được phản ánh trong các tài liệu chiến lược của Mỹ. Như được chỉ ra trong Chiến lược An ninh Quốc gia được công bố vào tháng 12/2017 của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, “Trung Quốc và Nga thách thức sức mạnh, ảnh hưởng và lợi ích của Mỹ, cố gắng làm xói mòn an ninh và thịnh vượng của Mỹ”. Các chính sách của chính quyền của Mỹ nhằm biến Trung Quốc trở thành “các bên liên quan có trách nhiệm”. Đồng thời, Tổng thống Donald Trump liên tục nhắc đến động thái “gây hấn kinh tế” của Trung Quốc và kích động tư tưởng dân tộc chủ nghĩa bài Trung Quốc tại Mỹ [Ishak, 2018, 2-8]. Không chỉ vậy, gọi Mỹ gọi Trung Quốc là “cường quốc theo chủ nghĩa xét lại” và “đối thủ cạnh tranh chiến lược”. Do đó, có thể thấy hai quốc gia không thể hiện thiện chí hợp tác để ngăn ngừa xung đột. Thay vào đó, hai nước bắt đầu thực hiện nhiều động thái ganh đua, tranh giành ảnh hưởng tại khu vực.

Chiến lược An ninh Quốc gia (NSS) của chính quyền Trump, được công bố vào tháng 12/2017, đánh dấu một bước quan trọng trong việc điều chỉnh chiến lược của Mỹ. NSS mô tả “một cuộc cạnh tranh địa chính trị giữa tầm nhìn tự do và đàn áp về trật tự thế giới” ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Trong đó, Trung Quốc “thách thức quyền lực, ảnh hưởng và lợi ích của Mỹ, cố gắng làm xói mòn an ninh và thịnh vượng của Mỹ”. Kết quả là, “Hoa Kỳ phải tập trung ý chí và khả năng để cạnh tranh và ngăn chặn những thay đổi bất lợi ở Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương” và giữ cho khu vực “Tự do và Rộng mở” [White House, 2017]. NSS xác định chính xác những thách thức chính của khu vực từ các chủ thể nhà nước và nhấn mạnh một cách đúng đắn các

mối quan hệ liên minh của Mỹ. Biển Đông được đề cập một cách nổi bật trong bối cảnh cuộc thảo luận về thách thức của Trung Quốc, nhưng Đông Nam Á dường như là một vấn đề cân cân nhắc. Đông Nam Á chiếm một đoạn ngắn trong tổng quan khu vực, nhưng sự phù hợp với tư duy lớn hơn của chính quyền về châu Á thì không rõ ràng [Mazza, 2018, tr.3]. Mỹ xác định Trung Quốc là đối thủ chiến lược vào năm 2017 và triển khai nhiều chiến lược lớn tại khu vực. Trung Quốc đã có nhiều động thái xoa dịu với Mỹ nhưng cũng có nhiều hành động làm căng thẳng thêm xung đột tại Biển Đông. Do đó, một mặt, các nước ASEAN vẫn chủ trương phát triển quan hệ với Trung Quốc, chủ yếu là quan hệ kinh tế - thương mại; mặt khác, các nước này lại tăng cường quan hệ với Mỹ và hoan nghênh sự hiện diện (chủ yếu là sự hiện diện quân sự) của Mỹ tại khu vực như là cách để đối trọng với Trung Quốc, nhằm cân bằng lại quyền lực ở khu vực này. Trên cơ sở đó, Mỹ đẩy tiếp tục duy trì can dự tại khu vực Đông Nam Á và tập hợp lực lượng để đối phó với một Trung Quốc đang trỗi dậy. Chính sách của chính quyền Trump đối với Trung Quốc có thể được mô tả là mang tính đối địch, với Chiến lược quốc phòng quốc gia năm 2018 coi Trung Quốc là “đối thủ cạnh tranh chiến lược” nhằm đạt được “quyền bá chủ khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương trong thời gian tới và thay thế Mỹ [Department of Defense, 2018, 1–2]. Các nhà phân tích đã cảnh báo rằng “một kiểu Chiến tranh Lạnh mới” hiện đang diễn ra, với lập trường ngày càng đối đầu gay gắt, thậm chí Trump đã nhiều lần gọi virus corona là “virus Trung Quốc” [Rogers, Jakes, Swanson, 2020]. Cam kết quốc phòng của Mỹ với các quốc gia Đông Nam Á đã được tăng cường dưới thời Trump. Theo chiến lược “Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương: Tự do và Mở rộng” (FOIP), Mỹ thúc đẩy một khu vực kết nối được tạo thành từ các liên minh song phương, quan hệ đối tác và các thỏa thuận đa phương. Mỹ cũng đã tìm cách tăng doanh số bán vũ khí cho khu vực Đông Nam Á trong khi cố gắng thuyết phục các quốc gia trong khu vực chấm dứt việc mua thiết bị quốc phòng từ Nga và Trung Quốc. Mỹ - với vị thế là cường quốc lãnh đạo - gia tăng quan hệ đồng minh, thiết lập và nâng cấp quan hệ đối tác với các nước liên quan để tạo thế gọng kìm đối với sự phát triển của Trung Quốc. Trong khi đó, Trung Quốc luôn nỗ lực để tránh đẩy quan hệ với Mỹ trở nên căng thẳng hay thù địch. Để giảm bớt phản ứng tiêu cực từ Mỹ và công luận quốc tế, chính phủ Trung Quốc thực hiện chiến lược “Tấn công quyền rũ” (“Charm Offensive” strategy) kêu gọi thế giới “chung sống hòa bình”. Trung Quốc

cũng thể hiện tinh thần sẵn sàng hội nhập với Mỹ và các nước phương Tây. Chủ tịch Tập Cận Bình từng hứa rằng Trung Quốc sẽ là người bảo vệ, thúc đẩy và lãnh đạo chủ nghĩa tư bản toàn cầu và thương mại tự do và minh chứng là BRI [Xi, 2017c]. Theo đó, BRI xây dựng các khu vực thương mại tự do như một phần của việc đẩy nhanh chiến lược thương mại tự do khu vực, duy trì cơ chế thương mại đa phương cũng như tạo thuận lợi cho thương mại và đầu tư [Xinhua, 2017].

Ở lĩnh vực chính trị - ngoại giao, hai cường quốc đã công khai nhiều chiến lược, chính sách. Trong khi đó, Trung Quốc nỗ lực để xây dựng một trật tự quốc tế có lợi cho mình mà không phải bị ràng buộc bởi các thể chế và quy tắc của “Pax Americana” [Layne, 2018, 89–111]. Trong khi Mỹ đang suy yếu tương đối thì sự trỗi dậy nhanh chóng của Trung Quốc sẽ dẫn đến sự xói mòn quyền lực bá chủ của Mỹ [Graaff, Apeldoorn, 2018, 113–131]. Khi chiến tranh thương mại hai nước diễn ra, chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa dân túy tăng cao để bảo vệ nền sản xuất quốc gia bằng cách áp đặt thuế quan, hạn chế nhập khẩu và cạnh tranh nước ngoài, xuất phát từ Mỹ lan sang các quốc gia khác. Điều này dẫn đến sự trở lại của chủ nghĩa bảo hộ và sự trỗi dậy của các làn sóng dân túy, dân tộc chủ nghĩa và chống toàn cầu hóa. Hơn nữa, thuế quan của Trump không chỉ ảnh hưởng đến Trung Quốc, mà còn cả Canada và Liên minh Châu Âu khi Anh áp đặt thuế quan đối với hàng nhập khẩu của Trung Quốc và Trung Quốc trả đũa bằng cách áp thuế đối với danh sách hàng hóa nhập khẩu lớn của Mỹ. Một Trung Quốc đang tìm không gian để trỗi dậy và phát triển tại khu vực mình chiếm ưu thế đang thách thức quyền bá chủ của Mỹ, vì vậy, Mỹ sẽ thực hiện các hình thức răn đe để củng cố và khẳng định vị thế thống trị toàn cầu. Hai cường quốc đều nỗ lực khẳng định vị thế bá chủ mà khởi nguồn từ cuộc chiến tranh thương mại, nhưng việc tái cấu trúc thương mại có thể dẫn đến tái cấu trúc an ninh, tái cấu trúc chính trị ở các nước nhỏ trong khu vực.

Những đánh giá của Mỹ về chính sách của Trung Quốc thể hiện trong các chiến lược đã nhanh chóng được chuyển thành hành động thực tế. Chính quyền Trump còn bắt đầu đưa ra các yêu cầu mạnh mẽ hơn đối với Trung Quốc để giảm thâm hụt thương mại. Sau nhiều tháng áp dụng thuế quan đối với các sản phẩm tiếp theo và các cuộc đàm phán khó khăn, vào giữa tháng 1/2020, hai bên đã ký kết thỏa thuận thương mại

“giai đoạn đầu tiên”, đáp ứng một số yêu cầu của Mỹ. Tuy nhiên, những hòa hoãn tạm thời về các vấn đề thương mại, căng thẳng trong quan hệ Mỹ - Trung lại leo thang trong bối cảnh Trung Quốc phải chịu trách nhiệm về sự bùng phát của đại dịch COVID-19 toàn cầu. Đại dịch COVID-19 bắt nguồn từ Vũ Hán đã đẩy nhanh sự thay đổi mang tính kiến tạo trong mối quan hệ Mỹ - Trung. Sự cạnh tranh Mỹ - Trung cũng đang bước vào lĩnh vực ngoại giao toàn cầu. Trung Quốc. Ảnh hưởng lớn hơn của Trung Quốc trong các tổ chức của hệ thống Liên hợp quốc có thể gây ra nhiều vấn đề hơn đối với Mỹ và phương Tây nói chung. Mỹ phải đối mặt với những thách thức trong việc ứng phó trước sự trỗi dậy của Trung Quốc. Để bảo đảm vị trí lãnh đạo toàn cầu, Mỹ thực hiện nhiều biện pháp mạnh mẽ. Bởi lẽ, với sự lớn mạnh của hai cường quốc, cả Mỹ lẫn Trung Quốc đều ngày càng tích cực trên trường quốc tế và thực hiện các chiến lược, chính sách và hoạt động ngoại giao mới. Hai nước đều tranh thủ ảnh hưởng và tích cực thể hiện vai trò ở Liên Hợp Quốc và Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), đặc biệt khi đại dịch Covid-19 xuất hiện và lan rộng. Tại Liên hợp quốc, cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung đã diễn ra trong Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU), tổ chức chịu trách nhiệm về lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông. Tổ chức này đặt ra các tiêu chuẩn quốc tế về liên lạc từ điện thoại di động đến vệ tinh liên lạc, bao gồm các tiêu chuẩn cho mạng 5G và 6G. Hai cách tiếp cận tới tương lai của Internet hiện đang xung đột: (i), cách tiếp cận của phương Tây – dựa trên mô hình tự do và (ii), cách tiếp cận “chủ quyền” – được thúc đẩy bởi Trung Quốc và Nga, cùng với các nước khác với giả định mức độ kiểm soát nhà nước cao đối với nội dung Internet và người sử dụng. Việc thúc đẩy tầm nhìn “chủ quyền” trong ITU được thực hiện bởi Tổng Thư ký Houlin Zhao (赵厚麟). Trong giai đoạn này, giới lãnh đạo người Trung Quốc của tổ chức mở rộng nhiệm vụ của ITU đối với các tiêu chuẩn liên quan đến Internet, tăng cường tuyên dụng người Trung Quốc trong Tổ chức hoặc đưa ra các sáng kiến nhằm chuyển đổi các tiêu chuẩn Trung Quốc thành các tiêu chuẩn phổ quát.

Vào tháng 5/2020, chính quyền Trump tuyên bố Mỹ rời khỏi WHO, cáo buộc tổ chức này “quản lý sai lầm đối với đại dịch” và có quan điểm thân Trung Quốc trong việc đánh giá các hành động của Trung Quốc khi bắt đầu đại dịch và nguồn của virus. Trong khi đó, Trung Quốc rất quan tâm đến việc định hình vị thế trên trường quốc tế, thể hiện Trung Quốc là một cường quốc có trách nhiệm và là người ủng hộ lợi ích của

các nước đang phát triển. Do đó, ngay từ đầu, Trung Quốc đã phủ nhận mọi trách nhiệm về sự lây lan của đại dịch Covid-19 từ Trung Quốc ra nước ngoài và thậm chí còn tạo dựng hình ảnh như một nước đi đầu toàn cầu trong việc chống lại đại dịch, phân phối bộ xét nghiệm, khẩu trang và vắc xin cho các nước trên thế giới. Tuy nhiên, viện trợ của Trung Quốc phần lớn mang tính chất thương mại và ở dạng viện trợ không hoàn lại nhằm đạt được các mục tiêu chính trị và tuyên truyền. Tác động từ cả Mỹ lẫn Trung Quốc làm tăng cường động lực cạnh tranh và làm trầm trọng thêm tình thế tiến thoái lưỡng nan về an ninh giữa hai nước ở Đông Nam Á. Khi Mỹ và Bắc Kinh tranh giành nhau và bắt các nước Đông Nam Á phải đưa ra lựa chọn về một trong hai cường quốc, kết quả có thể xảy ra là một Đông Nam Á trở nên căng thẳng và bất ổn hơn. Một cuộc chiến thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc và sự suy thoái kinh tế toàn cầu không thể tránh khỏi sau đó làm tăng thêm những khó khăn cho khu vực, do sự hội nhập của khu vực này vào mạng lưới sản xuất toàn cầu hóa phụ thuộc vào thị trường và vốn của Mỹ và Trung Quốc. Với quy mô và năng lực tương đối nhỏ hơn, thách thức trong việc phối hợp bất kỳ hình thức hành động tập thể nào - thậm chí thông qua ASEAN - và nỗ lực của các cường quốc nhằm khắc phục những rạn nứt.

Ở giai đoạn này, cả Mỹ lẫn Trung Quốc đều tương ứng giai đoạn cầm quyền của hai nhà lãnh đạo ở hai cường quốc. Cụ thể với Mỹ là Tổng thống Barack Obama (từ năm 2009 đến năm 2017) và Tổng thống Donald Trump (từ năm 2017 đến năm 2020). Trong khi đó, ở Trung Quốc là giai đoạn cầm quyền của hai nhà lãnh đạo là Chủ tịch Hồ Cẩm Đào (từ năm 2009 đến năm 2012)¹⁹ và Chủ tịch Tập Cận Bình (từ năm 2017). Dấu ấn cá nhân của những nhà lãnh đạo này đều thể hiện rõ nét trong chiến lược, chính sách đối ngoại của hai nước và cuộc cạnh tranh chiến lược. Phân tích sâu hơn vào các giai đoạn, có thể thấy những sự đối đầu, tranh giành ảnh hưởng chiến lược của Mỹ và Trung Quốc lại liên quan đến các nhà lãnh đạo khác nhau. Nguyên nhân chính là do nhiệm kỳ lãnh đạo của hai quốc gia không trùng khớp. Cụ thể thể hiện ở Bảng 3.1. Trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2017, khi Mỹ chuẩn bị “quay trở lại” châu Á, đặc biệt là Đông Nam Á, Trung Quốc đã đẩy nhanh nhiều hoạt động nhằm gia tăng ưu thế tại khu vực. Ở giai đoạn này, Trung Quốc có phần thắng thế trên nhiều lĩnh vực.

¹⁹ Nhà lãnh đạo Hồ Cẩm Đào là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa từ năm 2002 đến năm 2012.

Điều này khiến Mỹ nhận thấy sự phát triển từ Trung Quốc có thể ảnh hưởng đến lợi ích chiến lược của mình, do đó, từ năm 2017, Mỹ cùng Tổng thống Donald Trump thực hiện nhiều chính sách tấn công, đối đầu trực diện với Trung Quốc tại Đông Nam Á. Trung Quốc và Mỹ không đưa ra các chiến lược hay chính sách đối ngoại về cạnh tranh chiến lược cụ thể mà điều này thể hiện thông qua các chiến lược phát triển chung của đất nước và chính sách đối ngoại đối với các khu vực và lĩnh vực cụ thể.

Bảng 3.1. Chiến lược, chính sách đối ngoại và người lãnh đạo của Mỹ và Trung Quốc từ năm 2009 đến năm 2020 - Nguồn: Tác giả tổng hợp

2009-2012			
Mỹ		Trung Quốc	
Chiến lược, Chính sách đối ngoại	Lãnh đạo	Lãnh đạo	Chiến lược, Chính sách đối ngoại
- Chính sách “Xoay trục”, “Tái cân bằng” về châu Á - Thái Bình Dương”	Barack Obama	Hồ Cẩm Đào	- “Trỗi dậy hòa bình” mà sau đó là “Phát triển hòa bình” - Thế giới hài hòa - Cộng đồng chung vận mệnh
2012-2017			
Chiến lược, Chính sách đối ngoại	Lãnh đạo	Lãnh đạo	Chiến lược, Chính sách đối ngoại
- Chính sách “Xoay trục”, “Tái cân bằng” về châu Á - Thái Bình Dương” - Thúc đẩy Hiệp định TPP	Barack Obama	Tập Cận Bình	- “Giác mộng Trung Hoa” - “Cộng đồng chung vận mệnh” - “Một Vành đai, Một Con đường”, sau đó đổi thành “Vành đai, Con đường” - Sáng kiến “Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ 21” - Ngân hàng AIIB - Hiệp định RCEP
2017 -2020			
Chiến lược, Chính sách đối ngoại	Lãnh đạo	Lãnh đạo	Chiến lược, Chính sách đối ngoại

<ul style="list-style-type: none"> - Rút khỏi Hiệp định TPP - “Nước Mỹ trên hết” - “Ân Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Rộng mở” - Phát động Chiến tranh thương mại. - Xác định Trung Quốc là “đối thủ chiến lược” và quan hệ của Mỹ với Trung Quốc là “cạnh tranh chiến lược” 	<p>Donald Trump</p>	<p>Tập Cận Bình</p>	<ul style="list-style-type: none"> - “Giác mộng Trung Hoa” - “Cộng đồng chung vận mệnh” - “Một Vành đai, Một Con đường”, sau đó đổi thành “Vành đai, Con đường” - Sáng kiến “Con đường tơ lụa trên biển thế kỷ 21” - Ngân hàng AIIB - Hiệp định RCEP - Trả đũa Chiến tranh thương mại
---	---------------------	---------------------	--

3.3. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng

An ninh - quốc phòng là lĩnh vực cạnh tranh chiến lược lớn trong quan hệ Mỹ - Trung. Từ năm 2009, Trung Quốc có nhiều lập trường quyết đoán hơn trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng ở mức độ song phương, khu vực Đông Nam Á lẫn toàn cầu. Đặc biệt, những nỗ lực thúc đẩy các tuyên bố chủ quyền hàng hải của Trung Quốc ở Biển Đông gây ảnh hưởng tiêu cực đáng kể cho những nỗ lực của Trung Quốc khi thuyết phục về sự trỗi dậy hòa bình. Trong khi đó, thông qua chính sách “Tái cân bằng”, Mỹ nỗ lực trấn an các đồng minh và đối tác về khả năng và sự duy trì sự hiện diện về mặt quân sự ở khu vực trong dài hạn, đồng thời không gây lo lắng cho các nhà lãnh đạo Trung Quốc đến mức phải bỏ hợp tác với Mỹ [Saunders, 2014, 19-55]. “Tái cân bằng” sang châu Á thể hiện các ưu tiên toàn cầu của Mỹ nhằm cân bằng các cam kết về các nguồn lực ngoại giao, kinh tế và quân sự toàn cầu của Mỹ với việc mở rộng các lợi ích chính trị, kinh tế và an ninh của Mỹ ở châu Á. Chính quyền Obama đã khẳng định mong muốn mở rộng và tăng cường vai trò quan trọng ở châu Á - Thái Bình Dương [Manyin et al, 2012, tr.1]. Chính quyền Obama thúc đẩy quan hệ với các nước đồng minh ở Đông Nam Á và hướng tới sự hiện diện quân đội linh hoạt và bền vững hơn. Mỹ thúc đẩy sự hiện diện tại Biển Đông thông qua các hoạt động tuần tra hàng hải [Manyin et al, 2016, tr.12]. Bên cạnh đó, Bộ Quốc phòng Mỹ tăng cường và đa dạng hóa khả năng triển khai sức mạnh quân sự thông qua phát triển sáng kiến chiến lược có tên là “Tác chiến Thủy - Không” (tiếng Anh: Air-Sea Battle, viết tắt là ASB). Chiến lược hướng tới tăng hiệu

quả điều hành chung cho các đơn vị hải quân và không quân Mỹ để chống lại các hệ thống vũ khí và sự phát triển quân sự của Trung Quốc [Etzioni, 2014, tr.577- 596], đặc biệt là trong các hoạt động chống lại “chiến lược chống tiếp cận” [Manyin, 2016]. Sự gia tăng hiện diện và sức mạnh quân sự của Mỹ và Trung Quốc bắt nguồn cho cuộc chạy đua vũ trang và thế lưỡng an ninh về an ninh ở khu vực Đông Nam Á. Thực tế, trong giai đoạn này, Trung Quốc đã đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa quân sự. Theo đó, khi sử dụng sức mạnh kinh tế và quân sự để thúc đẩy một trật tự khu vực cho phép các quốc gia Đông Nam Á tự do đứng về phía một trong hai cường quốc là Trung Quốc hay Mỹ [Odgaard, 2007, tr.54].

Với vị thế là nền kinh tế đứng hàng thứ hai thế giới, Trung Quốc chuyển từ “giấu mình chờ thời” sang “hành động nước lớn”. Tại Đại hội XIX của Đảng Cộng sản Trung Quốc (2017), Tập Cận Bình tuyên bố với thế giới rằng, Trung Quốc đã bước vào “thời đại mới” và tiến gần đến việc trở thành trung tâm của vũ đài quốc tế và trở thành “cường quốc xã hội chủ nghĩa hiện đại” với một lực lượng quân đội hiện đại hàng đầu thế giới vào giữa thế kỷ XXI. Động thái này như một lời thách đấu đối với địa vị lãnh đạo thế giới của siêu cường Mỹ, buộc Mỹ phải đánh giá lại về mối đe dọa toàn cầu từ Trung Quốc, dẫn tới việc đẩy cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc lên hình thái mới đối đầu toàn diện. Việc áp dụng “Bầy Thucydides” trong diễn ngôn chính sách đối ngoại của Trung Quốc là sự phản ánh chân thực nỗ lực của Trung Quốc nhằm tránh xung đột quân sự với Mỹ [Rachman, 2017]. Quân đội Trung Quốc và các ngành công nghiệp quốc phòng đóng vai trò tích cực trong nghiên cứu và thử nghiệm. Quân đội Trung Quốc có sự kết hợp giữa quân sự và dân sự, thiết bị quân sự nước ngoài và thiết bị sản xuất trong nước. Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLA) đã được xếp hạng trong số những quân đội hàng đầu về nhiều công nghệ bao gồm cả trí tuệ nhân tạo. Feigenbaum lập luận rằng Trung Quốc đã khai thác chuyên môn và công nghệ của Mỹ từ sự hợp tác hoặc trao đổi với các doanh nghiệp và tổ chức nghiên cứu nước ngoài [Feigenbaum, 2020]. Tuy nhiên, khi cuộc cạnh tranh an ninh - quốc phòng giữa Mỹ và Trung Quốc diễn ra, ưu thế công nghệ định hình cuộc cạnh tranh chiến lược song phương và ảnh hưởng đến an ninh và ổn định toàn cầu thông qua khả năng phổ biến tiềm năng của các hệ thống và khả năng vũ khí mới [Kania, 2020].

Trong khi Mỹ nhấn mạnh quyền tự do hàng hải, các hành động của Trung Quốc ở Biển Đông thể hiện một mối đe dọa rõ ràng đối với các quốc gia Đông Nam Á. Các hành động quyết đoán của Trung Quốc làm dấy lên lo ngại về sự kiểm chế của Trung Quốc khi khả năng quân sự được cải thiện và sức mạnh kinh tế và ngoại giao tăng lên [Saunders, 2014, 19-55]. Đáng chú ý, cách tiếp cận của Mỹ đối với can dự quân sự với Trung Quốc là thúc đẩy hợp tác, cạnh tranh quyền lực và gia tăng ảnh hưởng. Đáp lại,

Trung Quốc coi chính sách “Tái cân bằng” của Mỹ là một thách thức chiến lược lớn cần phải đối mặt bằng phản ứng kiên quyết và kiên nhẫn [Zhang, 2016, 45-60]. Chủ tịch Tập Cận Bình chủ trương tìm kiếm sự ổn định lâu dài với Mỹ với đề xuất xây dựng một mô hình “quan hệ cường quốc kiểu mới”. Tuy nhiên, tại Đông Nam Á, Trung Quốc thay đổi chiến lược và kiên quyết với các yêu sách trên Biển Đông. Những chiến lược phản công gián tiếp này cho thấy tính mới và tầm quan trọng của phản ứng nhiều mặt của Trung Quốc đối với chính sách tái cân bằng của Mỹ. Sự “phòng ngừa” của Mỹ chống lại sức mạnh quân sự ngày càng tăng của Trung Quốc đã được thể hiện trong các thời điểm Trung Quốc liên quan đến các yêu sách lãnh thổ trên biển [Christensen, 2011, tr. 54-57]. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung có nguy cơ dẫn đến “thế tiến thoái lưỡng nan ở Malacca” và chạy đua vũ trang ở Biển Đông để hạn chế chính sách đối ngoại của Trung Quốc [Ke, 2017, tr.85–106].

Để duy trì hòa bình và ổn định ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Mỹ theo đuổi sự phát triển khả năng răn đe và lực lượng phòng thủ của Mỹ nhằm có thể giải quyết mọi khía cạnh của xung đột, bao gồm cả cái gọi là giai đoạn vùng xám - nơi không có xung đột vũ trang. Trong khi đó, Trung Quốc đáp trả bằng các yêu sách lãnh thổ ngày càng cứng rắn ở Biển Đông cũng như những nỗ lực đơn phương nhằm thiết lập niềm tin. Trung Quốc đã liên tục tiến hành chương trình hiện đại hóa của quân đội và mong muốn xây dựng một quân đội “đẳng cấp thế giới” để bảo vệ lợi ích quốc gia [DOD, 2022]. Kể từ khi Trump nhậm chức, quan hệ quốc phòng Mỹ-Thái đã được bình thường hóa, trong khi quan hệ an ninh với Việt Nam, Singapore và Indonesia đã được củng cố hơn nữa. Do khuynh hướng thân Trung Quốc và chống Mỹ của Tổng thống Duterte, liên minh Mỹ-Philippines đã trở nên căng thẳng, mặc dù cơ sở an ninh quốc gia của nước này phần lớn đã thành công trong việc duy trì quan hệ quốc phòng với Mỹ. Đáng kể nhất, vào tháng 6/2020, chính quyền Duterte đã đình chỉ từ 6 đến 12 tháng

quyết định chấm dứt Thỏa thuận Lực lượng Thăm viếng (tháng 2/1998). Quan hệ Philippines-Mỹ dưới thời chính quyền Duterte được cải thiện khi Tổng thống Trump lên thay thế Tổng thống Obama. Quan hệ quân sự với Campuchia, Myanmar và Lào vẫn còn hạn chế do lệnh trừng phạt của Mỹ. Trong bối cảnh có những thay đổi trong nhận thức về mối đe dọa từ quân đội Trung Quốc, Mỹ thúc đẩy các hoạt động nhằm phát triển lực lượng và kỹ thuật quân đội theo hướng công nghệ cao. Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mark Esper đã chỉ thị cho Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân phát triển Khái niệm chiến đấu chung (Joint Warfighting Concept, JWC) cho toàn bộ lực lượng Mỹ vào tháng 7 năm 2019. Tiếp đó, Mỹ phát triển hệ thống chỉ huy và kiểm soát thế hệ tiếp theo được gọi là hệ thống Chỉ huy và kiểm soát chung (JADC2) (Joint All Domain Command and Control, JADC2), sử dụng công nghệ AI. Mục tiêu của JADC2 là kết hợp các cảm biến và khả năng tấn công của tất cả các lực lượng của Mỹ, cho phép xử lý chuỗi tiêu diệt ngay lập tức và hiệu quả mục tiêu, thông qua hệ thống mạng liên lạc không lò giống như đám mây [Hoehn, 2020].

Chiến thuật ăn miếng trả miếng của Trung Quốc và việc hai quốc gia không đạt được thỏa thuận về cách tiếp cận thay thế để giải quyết những khác biệt đã thúc đẩy chính quyền Trump thực hiện biện pháp răn đe xuyên biên bằng cách gây áp lực an ninh và chính trị đối với Trung Quốc. Mỹ đã tham gia vào các cuộc tuần tra tự do hàng hải thường xuyên hơn ở Biển Đông. Bất chấp sự phản đối của Trung Quốc đại lục, Trump đã tỏ ra sẵn sàng bán vũ khí hơn cho Đài Loan, nơi mà Trung Quốc từ lâu đã khẳng định là một phần không thể chia cắt của Trung Quốc. Chính quyền Trump huy động các nguồn lực liên minh rộng lớn để cô lập Trung Quốc, cả trong lĩnh vực an ninh. Tăng cường hiện diện tại Đông Nam Á, thực tế, dù nhiều thời điểm căng thẳng leo thang, xung đột quân sự trực diện giữa hai nước vẫn ở mức nhỏ dưới thời chính quyền Trump. Bởi lẽ, với cả Mỹ lẫn Trung Quốc, việc lựa chọn một cuộc xung đột quân sự là rất thấp trong chương trình nghị sự. Ngoài ra, bất kỳ sự thay đổi căn bản nào đối với quan hệ hai nước và hòa bình khu vực đều không phải là lựa chọn của hai nước. Thực tế, vấn đề Biển Đông là một tranh chấp quốc tế chứ không phải là xung đột vũ trang quốc tế [Dutton, 2023, 19-35]. Điều này xảy ra khi các quốc gia tranh chấp quyền tài phán trên biển [Dutton, 2020]. Các tranh chấp ranh giới liên quan đến việc áp dụng các quy tắc cho một khu vực địa lý nhất định cùng những bất đồng cơ bản về đường cơ bản

với mục đích tạo ra ranh giới, là cơ sở để tính chiều rộng của các vùng trên biển, cụ thể là vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa và còn làm cơ sở xác định vùng nội thủy giáp ranh với đất liền. Hiện tượng mới này được gọi là vùng xám chiến lược, liên quan đến việc Trung Quốc sử dụng cường chế phi quân sự hóa để xác định lại tình trạng pháp lý của 1,39 triệu dặm vuông không gian đại dương tuyên bố yêu sách và củng cố quyền lực [Dutton, 2023, 19-35].

Đồng thời, việc Biển Đông trở thành điểm nóng an ninh khiến các quốc gia đều nỗ lực “xây dựng lòng tin” thông qua các thỏa thuận về phối hợp hoạt động, trao đổi thông tin, tuần tra chung và diễn tập các lực lượng chuyên trách trên biển, phối hợp kiểm soát an toàn hoàng hải. Thực tế, tranh chấp biên giới lãnh thổ chính là một trong những nguyên nhân căn bản mang tính tiềm tàng đe dọa sự bất ổn định của khu vực trong bối cảnh hậu Chiến tranh Lạnh [Betts, 1993/94, 34-77]. Do mâu thuẫn, xung đột đều từ Trung Quốc nên các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á bị cuốn theo. Đáng chú ý rằng vấn đề chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ luôn là yếu tố nhạy cảm trong tư duy của các nhà hoạch định chính sách của các quốc gia trong khu vực. Đồng thời, lợi dụng sự suy yếu tương đối của Mỹ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu (2007-2008), Trung Quốc đã tận dụng cơ hội chiến lược này để gia tăng ảnh hưởng, chiếm lĩnh nhiều “không gian chiến lược” mà Mỹ đã từng bỏ trống ở khu vực. Trung Quốc đơn phương đưa ra các tuyên bố chủ quyền lãnh thổ dựa trên sự “thêu dệt ký ức lịch sử” [Hayton, 2014] bằng các loại chứng cứ, bản đồ, rồi hợp thức hóa bằng các hoạt động quân sự như các vụ cải tạo đất và quân sự hóa các bãi đá thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam ở Biển Đông [Hiebert, Poling, Cronin, 2017, tr.44]. Các đội tàu đánh cá có vũ trang của Trung Quốc được sử dụng như những “lực lượng mềm” tràn ngập Biển Đông nhằm khẳng định các yêu sách lãnh thổ ở Biển Đông.

Lợi ích của Mỹ ngày càng gặp nguy cơ ở Biển Đông do sự trỗi dậy về kinh tế và quân sự của Trung Quốc. Mỹ và các quốc gia trong khu vực có mối quan tâm sâu sắc và lâu dài đến tự do hàng hải phục vụ thương mại lẫn hoạt động quân sự hòa bình như can thiệp nhân đạo và bảo vệ bờ biển. Kể từ năm 2014, Trung Quốc đã đe dọa lợi ích của Mỹ một cách trực diện từ xây dựng trái phép các căn cứ quân sự trên đảo cho đến các yêu sách chủ quyền đối với các khu vực bên ngoài Vùng đặc quyền kinh tế [Singer,

2020, tr.8]. Việc Trung Quốc nhân tạo hóa các đảo tiền tiêu tại khu vực tranh chấp được xem như các nước này xây dựng “Vạn Lý Trường Thành Cát” (Great Wall of Sand) ở Biển Đông [Paul, 2016, tr.5-6]. Chiến lược của Trung Quốc cũng bao gồm việc đe dọa công khai các nước láng giềng và quấy rối các tàu của cả chính phủ và dân sự đi qua Biển Đông [Owens, Bowman, 2019]. Mỹ không phải là một quốc gia trực tiếp tham gia vào các tranh chấp lãnh thổ. Tuy nhiên, Mỹ quan tâm đến ổn định khu vực, an ninh hàng hải và tác động tiềm ẩn đối với quan hệ của Mỹ - Trung. Đối với vấn đề Biển Đông, chính quyền Obama không ủng hộ bất kỳ lập trường cụ thể nào và về cơ bản kiên định với quan điểm không can thiệp. Mặt khác, nhấn mạnh sự phản đối của Mỹ đối với việc sử dụng vũ lực hoặc đe dọa bởi các quốc gia liên quan hướng tới giải quyết hòa bình các tranh chấp theo cách thức phù hợp với luật pháp quốc tế được phản ánh trong Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển (UNCLOS). Mỹ thể hiện ủng hộ các tiêu chuẩn ứng xử đã được tái khẳng định trong “Tuyên bố ASEAN-Trung Quốc về cách ứng xử (DOC) của các bên ở Biển Đông” và yêu cầu các quốc gia liên quan xây dựng một “quy tắc ứng xử” mang tính ràng buộc pháp lý. Hơn nữa, nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề Biển Đông, Mỹ đã nhiều lần kêu gọi rằng Mỹ có lợi ích lớn trong việc tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về các nguyên tắc tự do hàng hải, sử dụng vùng trời và quyền tiếp cận không gian đại dương.

Các phản ứng của chính quyền Obama đối với vấn đề Biển Đông được đặc trưng bởi sự nhấn mạnh vào khuôn khổ đa quốc gia tập trung vào khu vực ASEAN. Điều này phản ánh quan điểm của Mỹ về một hệ thống khu vực hoạt động như một khuôn khổ mà trong đó Mỹ vốn không phải là một bên trong tranh chấp lãnh thổ, có thể tham gia một cách hợp pháp, và phù hợp với tư cách là một diễn đàn xây dựng quy tắc quốc tế có thể ảnh hưởng đến toàn bộ khu vực [Arakaki, 2012, tr.1]. Căng thẳng gia tăng giữa Trung Quốc và các quốc gia tranh chấp khác là ưu thế cho chính quyền Obama tham gia vào điểm nóng của khu vực. Việc tái can dự trên thúc đẩy các quốc gia Đông Nam Á xác định lại mối quan hệ Trung Quốc. Thông qua những động thái này, Mỹ khẳng định rõ quan điểm về tranh chấp Biển Đông và trở thành công cụ trong việc giải quyết điểm nóng an ninh của khu vực [Castro, 2013, tr.331–349]. Vì vậy, chính sách kiềm chế cho phép chính quyền Obama tái can dự bằng cách “giữ vòng vây” chống lại Trung Quốc đang cố gắng tái cấu trúc tại khu vực. Các nước nhỏ ở Đông Nam Á coi Mỹ là

tác nhân chính để kiềm chế một Trung Quốc đang nổi lên và với nhiều động thái quyết đoán.

Tranh chấp Biển Đông là trọng tâm chính trong chính sách Đông Nam Á của chính quyền Trump. Kể từ năm 2017, chính phủ Mỹ đã chuyển từ chỉ trích các chính sách quyết đoán của Trung Quốc ở Biển Đông sang coi các yêu sách và hoạt động của Trung Quốc là bất hợp pháp. Xuất phát từ lợi ích và những tính toán chiến lược, mối quan hệ Mỹ - Trung luôn mang tính chất thực dụng tại Biển Đông. Thực tế, các cường quốc hiện có thể đang sử dụng các chiến thuật “vùng xám” khiến Biển Đông “bên miệng hố chiến tranh” trở thành đặc điểm nổi bật trong cạnh tranh và đối đầu [Centre for Strategic and International Studies, 2018] - như một chiến lược để ngăn chặn xung đột thay vì lựa chọn thỏa hiệp, hòa giải. Một khi hợp tác không thành công và thỏa hiệp không đạt được, động cơ tranh chấp càng lớn vượt lên cả lợi ích từ việc giảm leo thang căng thẳng thông qua đàm phán, khả năng xảy ra các tính toán chiến lược sai lầm càng dễ dàng hơn. Điều này đều dẫn đến những xu hướng không khả quan cho nền chính trị khu vực lẫn việc giải quyết vấn đề Biển Đông. Biển Đông đã nổi lên như một đấu trường về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung [Congressional Research Service, 2022]. Các hành động của Trung Quốc tại Biển Đông như nhân tạo hóa các đảo - nơi đang là khu vực tranh chấp, xây dựng trên diện rộng tại các đảo mà Trung Quốc chiếm đóng ở quần đảo Hoàng Sa và một phần Trường Sa, cũng như các hoạt động của lực lượng hàng hải để khẳng định các tuyên bố của Trung Quốc chống lại các tuyên bố cạnh tranh của các nước láng giềng trong khu vực, chẳng hạn như Philippines và Việt Nam. Trong khi đó, Biển Đông là một khu vực có tầm quan trọng về chiến lược, chính trị và kinh tế đối với Mỹ cùng các đồng minh và đối tác của Mỹ. Quân đội Mỹ đã tăng đáng kể tần suất các nhiệm vụ hiện diện xung quanh Biển Đông. Từ tháng 5-8/2017, Hải quân Mỹ đã tiến hành 24 hoạt động Tự do Hàng hải (Freedom of Navigation Operations, FONOP) ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đang tranh chấp, nhiều hơn gấp sáu lần so với dưới thời chính quyền Obama. Chính sách Biển Đông cứng rắn hơn của chính quyền Trump nhìn chung đã được các bên yêu sách ở Đông Nam Á hoan nghênh. Tuy nhiên, có một số lo ngại rằng một cuộc đối đầu quân sự Mỹ - Trung trong khu vực có thể lôi kéo khu vực này vào một cuộc khủng hoảng không mong muốn. Trung Quốc coi các SRO của Mỹ làm tổn hại đến chủ quyền của Trung Quốc, mang tính chất xâm phạm và có khả

năng đe dọa an ninh của Trung Quốc. Do đó, Trung Quốc chỉ trích các động thái của Mỹ là “bất hợp pháp” và “đe dọa Trung Quốc bằng sức mạnh quân sự của Mỹ” [Yisheng, 2015].

Tất cả những nhận xét liên quan đến quan điểm của Trung Quốc đối với SRO đều phản ánh quan điểm rằng biển là nơi cần phải ngăn chặn các mối đe dọa và có những vùng hoặc lớp không gian trên biển đại diện cho khoảng cách có thể chấp nhận được để hải quân nước ngoài hoạt động, cũng như những lĩnh vực họ không được phép hoạt động [Yung, Dong, tr.1-20]. Mặc dù Mỹ ủng hộ các cuộc đàm phán giữa ASEAN và Trung Quốc về Bộ quy tắc ứng xử (CoC) ở Biển Đông, nhưng Mỹ khẳng định rằng thỏa thuận cuối cùng phải được tất cả các bên liên quan chấp nhận và đảm bảo các quyền hàng hải được quy định trong Luật Biển. Điều này nhằm đáp lại một điều khoản của Trung Quốc trong văn bản đàm phán dự thảo chung giữa ASEAN và Trung Quốc về CoC, trong đó, Trung Quốc tìm cách sử dụng quyền phủ quyết đối với các cuộc tập trận quân sự giữa các quốc gia ASEAN và các nước khác ở Biển Đông, và điều này rõ ràng nhằm mục đích hạn chế các mối quan hệ quân sự của Mỹ trong khu vực.

Trong khi đó, ở giai đoạn này, Trung Quốc triển khai chiến thuật với chiến thuật “tranh chấp mở rộng với cường độ thấp” trên cơ sở kiềm chế sử dụng các lực lượng quân sự, chú trọng tăng cường sự hiện diện, kiểm soát của lực lượng dân sự và bán quân sự ở tất cả các khu vực bên trong đường lưỡi bò; đẩy mạnh hứa hẹn hợp tác đầu tư đối với các quốc gia ASEAN, đặc biệt là các nước không tranh chấp cũng như tăng cường áp lực ngoại giao đối với các nước có tranh chấp để ngăn cản ASEAN hình thành một lập trường chung về Biển Đông sẽ bất lợi cho Trung Quốc. Và lớn hơn, thông qua đó, Trung Quốc sẽ hạn chế tối đa sự can dự của Mỹ vào vấn đề Biển Đông. Để có thể kiểm soát mặt biển, cần phải gây dựng một lực lượng hải quân mạnh, sẵn sàng bảo vệ các khu vực biển mang tính chiến lược ảnh hưởng mạnh mẽ tới lợi ích quốc gia mà đối với Trung Quốc là các “giá trị cốt lõi”. Đồng thời với việc tăng cường sức mạnh của Hạm đội Nam Hải, một chiến thuật được Trung Quốc sử dụng rất thường xuyên trong thời

gian này chính là “chiến lược cải bắp”²⁰. “Chiến lược cải bắp” sử dụng nhiều lớp tàu khác nhau với mục tiêu “tằm ăn dâu”²¹ chủ quyền của những quốc gia khác nằm trong tranh chấp: lớp đầu tiên chính là các tàu cá; lớp thứ hai là các tàu bán quân sự của các lực lượng chấp pháp biển của các cơ quan mang tính dân sự [International Crisis Group, 2012]; và cuối cùng mới là lực lượng hải quân chuyên nghiệp. “Chiến lược cải bắp”, cùng với chiến lược “Chống tiếp cận/ngăn chặn xâm nhập” (A2/AD)²² giúp Trung Quốc kiểm soát một cách hữu hiệu hơn chủ quyền cũng như các nút thắt chiến lược như Hoàng Sa hay Trường Sa tại vùng phía Nam của Chuỗi đảo thứ nhất. Sự phức tạp về địa chính trị thể hiện rõ nét qua sự trỗi dậy của Trung Quốc tại khu vực. Tại Biển Đông, Trung Quốc lựa chọn cách tiếp cận thận trọng hơn mặc dù thường là bên gây hấn trước. Trong một số trường hợp, Trung Quốc áp dụng các biện pháp gây hấn quyết liệt và mạnh mẽ²³. Sự trỗi dậy của Trung Quốc cùng những điểm nóng về an ninh là nguyên nhân chính khiến nguy cơ xung đột có thể xảy ra bất kỳ lúc nào. Ngoài ra, việc Trung Quốc đe dọa, ngăn cản các công ty dầu mỏ và khí đốt quốc tế, trong đó có các tập đoàn dầu khí Mỹ, có quan hệ hợp tác với các nước ASEAN cũng buộc Mỹ dựa vào quan điểm “hoạt động thương mại không bị cản trở” để duy trì sự hiện diện và quyết tâm hơn trong việc bảo vệ lợi ích của nước Mỹ ở Biển Đông. Tuy nhiên, việc Mỹ chưa gia nhập Công ước Luật Biển 1982 đã làm hạn chế tính chính danh của Mỹ khi chỉ trích các quốc gia khác không tôn trọng luật biển, và khiến Mỹ dễ rơi vào tình thế khó xử khi tiến hành các hoạt động quân sự trên Biển Đông nhằm răn đe Trung Quốc ở Biển Đông.

Sau một thời gian áp dụng chính sách “mềm mỏng” trong lập trường Biển Đông. Từ đầu năm 2020, lợi dụng các nước trên thế giới và khu vực đang tập trung chống đại

²⁰ Chiến lược cải bắp (tiếng Trung: 卷心菜策略, tiếng Anh: cabbage strategy) là một sách lược chính trị của Trung Quốc được sử dụng trong tranh chấp lãnh hải với các quốc gia láng giềng. Chiến lược này được xem là một phần của một chiến lược lớn hơn là Tằm ăn dâu.

²¹ Tằm ăn dâu (tiếng Trung: 蚕食策略) là một sách lược chính trị mà Trung Quốc sử dụng liên quan các biện pháp và hành động xâm lấn dài hạn đối với yêu sách lãnh thổ và lãnh hải đang tranh chấp với các nước láng giềng.

²² Chống tiếp cận/ngăn chặn xâm nhập (A2/AD) là chiến lược biển được xây dựng nhằm ngăn không cho lực lượng hải quân đối phương tự do di chuyển trong một không gian chiến đấu.

²³ Bắc Kinh đã cưỡng chiếm hoàn toàn quần đảo Hoàng Sa (1974) của Việt Nam, cũng như đánh chiếm một số bãi cạn tại Trường Sa (1988) nhằm mục tiêu khống chế một bộ phận rất quan trọng trong Chuỗi đảo thứ nhất. Đây là bước đầu tiên trong chuỗi các hành động nhằm chiếm lấy các điểm nút chiến lược, hay nói cách khác là chiếm được các vị trí mang tính chiến lược bên trong khu vực chuỗi đảo thứ nhất.

dịch Covid-19, Trung Quốc đẩy mạnh các hoạt động cả trên mặt trận pháp lý lẫn trực tiếp gây căng thẳng ở Biển Đông. Thực tế, đại dịch Covid-19 không làm khó cho Trung Quốc nhưng gây ra tác động lớn tới sự tập trung của các nước trong khu vực với vấn đề Biển Đông, đặc biệt là các nước ASEAN. Tuy nhiên, Biển Đông với vai trò thông thương hai đại dương, vị trí địa chiến lược, kinh tế, tài nguyên vẫn không nằm ngoài sự chú ý của dư luận quốc tế, đặc biệt là Mỹ. Trên hành động leo thang đột biến của Trung Quốc, chính quyền của Tổng thống Donald Trump đã phản ứng mạnh mẽ. Chính phủ Mỹ muốn nhấn mạnh một nước Mỹ mạnh mẽ, sẽ tiếp tục cam kết hiện diện Biển Đông, đảm bảo duy trì luật pháp quốc tế, và không để bất cứ bên nào độc chiếm vùng biển quan trọng này. Cụ thể, Mỹ gia tăng hoạt động quân sự tại Biển Đông, điều chỉnh quan điểm chính sách theo hướng tán thành phán quyết của Tòa trọng tài năm 2016, và tiến hành trừng phạt thực tế công dân và các công ty Trung Quốc hoạt động trái phép trên Biển Đông... Có thể nói, cạnh tranh Mỹ - Trung trong năm 2020 diễn ra quyết liệt thông qua các hình thức ngoại giao công hàm, ngoại giao pháo hạm, ngoại giao chiến lang trên Biển Đông. Dự kiến, Biển Đông tiếp tục là “chiến trường” trọng điểm trong cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á, là nơi sẽ quyết định yếu tố “quyền lực” thực sự của Mỹ và Trung Quốc ở khu vực này trong thập niên tiếp theo.

3.4. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á trong lĩnh vực kinh tế - thương mại

Mỹ bổ sung ngân sách cho kinh tế trong khu vực đóng góp tích cực cho sự phát triển của khu vực. Đồng thời, các biện pháp phòng vệ thương mại của Mỹ chống lại Trung Quốc dẫn đến sự dịch chuyển đầu tư từ Trung Quốc sang Đông Nam Á. Tuy nhiên, việc Mỹ chuyển từ hợp tác sang tranh chấp với Trung Quốc – trong nỗ lực thay đổi hành vi của Trung Quốc được cho là có hại cho lợi ích của Mỹ – đang thách thức lợi ích chiến lược cốt lõi của các quốc gia Đông Nam Á. Trong khi đó, Trung Quốc tìm cách thay thế Mỹ trở thành cường quốc thống trị bằng cách sử dụng các công cụ địa kinh tế cũng như chủ nghĩa xét lại lãnh thổ và hàng hải để thực thi học thuyết Monroe phiên bản thế kỷ 21 - một chính sách của Mỹ thế kỷ 19 cảnh báo các cường quốc khác tránh xa Mỹ Latinh. Trung Quốc đang thách thức Mỹ về vị trí dẫn đầu về công nghệ và địa chính trị. Chủ tịch Tập Cận Bình nỗ lực thực hiện “giấc mơ Trung Hoa” thống trị toàn cầu. Ngay cả khi áp lực của Mỹ leo thang, Trung Quốc áp dụng chiến lược “hai

bước tiến, một bước lùi” để thúc đẩy tham vọng của mình. Trong lĩnh vực ra quyết định về chính sách đối ngoại và an ninh, những cải cách thể chế của Chủ tịch Tập Cận Bình cũng có thể được hiểu là kết quả của nhận thức của Trung Quốc về những rủi ro an ninh ngày càng tăng mà nước này đang phải đối mặt cũng như nhu cầu giải quyết tốt hơn các nhiệm vụ và trách nhiệm quốc tế. Mặt khác, khi Trung Quốc trở thành một cường quốc thế giới cạnh tranh trong một trò chơi lưỡng cực mới với Mỹ, thì cần phải đưa ra các quy trình ra quyết định nhanh chóng và hiệu quả hơn cũng như điều phối việc thực thi chính sách tốt hơn.

Trước đó, Mỹ thể hiện ủng hộ sự hội nhập kinh tế quốc tế của Trung Quốc và sự trỗi dậy của nước này vì Mỹ mong muốn đảm bảo lợi ích tuyệt đối từ thương mại. Đồng thời, Mỹ cho rằng Trung Quốc là đối thủ tương đối yếu và không có khả năng đe dọa Mỹ, tuy nhiên, sức mạnh ngày càng tăng của Trung Quốc khiến Mỹ lo lắng [Tellis, 2020, tr.1-43]. Điều này khiến giai đoạn này, Mỹ ở trong tình thế khó khăn khi đối đầu với sức mạnh kinh tế và các ưu thế của Trung Quốc ở Đông Nam Á. Mỹ gặp thách thức trước mối liên kết kinh tế của Trung Quốc với các nước láng giềng và sự tham gia của Trung Quốc vào một số diễn đàn khu vực [Gil, 2004, tr.124–64; Ross, 2009, tr.87–115]. Do đó, Mỹ thúc đẩy ký kết hiệp định thương mại tự do đưa Mỹ vào các vòng đàm phán của Hiệp định “Đối tác xuyên Thái Bình Dương” (TPP), thiết lập quan hệ đối tác mới với Việt Nam. Theo đó, Hiệp định “Đối tác xuyên Thái Bình Dương” là hiệp định thương mại đầy tham vọng, phản ánh các ưu tiên và giá trị kinh tế của Mỹ. Tổng thống Barack Obama rằng Trung Quốc đang tìm cách “viết ra luật lệ” cho nền kinh tế khu vực khi không có Hiệp định “Đối tác xuyên Thái Bình Dương” [White House, 2015]. TPP đưa ra các lựa chọn thay thế thương mại cho các quốc gia châu Á nhằm thoát khỏi sự phụ thuộc của họ vào Trung Quốc, điều này dẫn tới những áp lực địa chính trị của Trung Quốc. Động thái này của chính quyền Trump cũng dẫn đến thế lưỡng nan về an ninh cho các quốc gia của khu vực [Vivek, 2019, tr.58–69]. Đặc biệt, định hướng của Hiệp định là trở thành hiệp định thương mại “chất lượng cao” đặt ra các tiêu chuẩn cao về các quy định về môi trường, lao động, bảo vệ sở hữu trí tuệ, dịch vụ tài chính, tài chính công và chính sách cạnh tranh. Trong quá trình đàm phán, Mỹ đóng vai trò quan trọng khi thay đổi nhận thức của các nước Đông Nam Á. Vì đều là các quốc gia đang phát triển, các nước nhỏ của Đông Nam Á tiếp nhận các chính sách từ Trung Quốc và

dần lệ thuộc nhiều vào đầu tư của nước này. Tiếng nói chung của Đông Nam Á, được thể chế hóa dưới hình thức ASEAN, dễ bị chia rẽ thông qua việc sử dụng các công cụ ngoại giao kinh tế. Một số sự kiện tương tự đã từng diễn ra liên quan đến các tranh chấp ở Biển Đông đã cảnh báo tình trạng này. Các nỗ lực này là minh chứng cho các nỗ lực của chính quyền Obama trong bối cảnh triển khai chiến lược “xoay trục” và thúc đẩy “tái cân bằng” ở khu vực thông qua sự can dự của Mỹ.

Đáp lại, khai thác sức mạnh trong các lĩnh vực sản xuất và tài chính, Trung Quốc duy trì tình trạng “cân bằng không ổn định” mà không làm suy yếu ưu thế của Mỹ trong khu vực [Odgaard, 2007, tr.54]. Trung Quốc đã làm suy yếu chính sách của Mỹ [International Crisis Group, 2012, tr.28] bằng việc áp dụng các biện pháp cụ thể như: (i), làm sâu sắc thêm sự phụ thuộc kinh tế của các nước có tranh chấp chủ quyền với Trung Quốc; (ii), ngăn cản các quốc gia này phát triển tài nguyên ở khu vực tranh chấp; (iii), tránh đối đầu trực diện với Mỹ và tiếp tục phát triển sức mạnh hải quân của Trung Quốc. Do đó, các nước Đông Nam Á không thể hình thành một khối ngoại giao để kiềm chế Trung Quốc vì sự lệ thuộc kinh tế ngay cả có sự thúc đẩy của Mỹ [Blumenthal, 2010]. Trung Quốc cũng nỗ lực tìm kiếm giải pháp và thúc đẩy các thể chế kinh tế mới đặc biệt là Ngân hàng Đầu tư Cơ sở Hạ tầng Châu Á (AIIB) và Hiệp định “Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực” (RCEP). Trung Quốc trong thời gian dài là đối tác thương mại chính của mọi nền kinh tế Đông Nam Á. Đồng thời, Trung Quốc là nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn trong thời gian này. Sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế giữa Trung Quốc và Đông Nam Á đã được nâng cao thông qua Sáng kiến “Vành đai, Con đường” và Ngân hàng Đầu tư Cơ sở Hạ tầng Châu Á. Về mặt thương mại, Trung Quốc là nước ủng hộ chính cho Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực trở thành “siêu FTA” [Aggarwal, 2013]. Trong quá khứ, Trung Quốc đã theo đuổi các FTA được coi là “chất lượng thấp” - tức là các hiệp định ít ràng buộc, bỏ qua các điều khoản liên quan đến bảo hộ lao động hay chính sách hỗ trợ cho đầu tư nước ngoài. Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực được cho là một FTA “chất lượng thấp” so với Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương [Morimoto, 2016].

Các vấn đề liên quan đến kinh doanh và các vấn đề kinh tế được khai thác triệt để trong cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung dưới thời Trump. Với nền tảng là người

làm kinh doanh, Trump coi trọng lợi ích kinh tế và an ninh là “trên hết” và xem đây là “lợi ích cốt lõi”, giá trị “chủ nghĩa phổ quát” của nước Mỹ [Fangfei, 2019, tr.1-27]. Các vấn đề liên quan đến kinh doanh và các vấn đề kinh tế được khai thác triệt để trong cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung. Khi quan hệ thương mại hai nước bị gián đoạn và việc áp thuế quan khắc nghiệt đối với Trung Quốc. Vào tháng 3/2018, Tổng thống Donald Trump thông báo Mỹ tuyên bố áp thuế 50 tỷ USD đối với các sản phẩm cụ thể của Trung Quốc và khởi xướng cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, với lý do là Trung Quốc đã tạo ra một môi trường thương mại không công bằng cho chính phủ và các doanh nghiệp Mỹ [White House, 2018]. Khi quan hệ thương mại hai nước bị gián đoạn và việc áp thuế quan khắc nghiệt đối với Trung Quốc, sự mất lòng tin giữa Mỹ và Trung Quốc đạt đỉnh điểm khi Chiến lược Quốc phòng năm 2018 của Mỹ coi Trung Quốc là một trong những mối đe dọa lớn nhất đối với Mỹ. Đồng thời, Trung Quốc cũng phản ứng bằng cách trả đũa thương mại thông qua áp thuế ngược lại với các sản phẩm có xuất xứ từ Mỹ. Hệ quả bước đầu là thương mại toàn cầu đã giảm sút nghiêm trọng sau khi cuộc chiến thương mại này chính thức diễn ra và hầu hết tất cả các quốc gia đều bị ảnh hưởng một cách bất lợi, nhất là những nền kinh tế dễ tổn thương của các nước đang phát triển. Đáng chú ý, Trump thể hiện tư tưởng từ chối vai trò lãnh đạo của nước Mỹ trên thế giới [Sloan, 2022, tr.3-4], nhưng lại đặc biệt quan tâm đến cuộc cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc (Xem thêm Bảng 2). Niall Ferguson đã mô tả một cách nổi tiếng mối quan hệ kinh tế cộng sinh giữa Mỹ và Trung Quốc là “Chimerica” [Ferguson, Schularick, 2007, tr.215–239]. Một trong những đặc điểm nổi bật nhất của hệ thống quốc tế đương đại là số phận kinh tế của hai nền kinh tế lớn nhất thế giới đã trở nên hội nhập và phụ thuộc lẫn nhau sâu sắc [Beeson, 2020, tr10-27].

Sự chuyển đổi cơ cấu của nền kinh tế quốc tế một cách lâu dài chính là điều mà các chính sách của Mỹ mong muốn đạt được. Chính quyền Trump đặc biệt lo ngại về mối đe dọa an ninh được cho là do công ty viễn thông Trung Quốc Huawei gây ra vì mối liên hệ chặt chẽ với nhà nước. Cuộc chiến thương mại diễn ra mạnh vào năm 2019 nhưng đến cuối năm này, hai nước có sự “hòa hoãn” dẫn đến Thỏa thuận Giai đoạn I (Phase One Agreement) được ký vào tháng 1/2020. Theo Simon và Kukartseva (2019), sự bùng phát của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung là một trong những biểu hiện của Chiến tranh lạnh kiểu mới phức tạp, nhiều rủi ro hơn và sự khủng hoảng của trật tự thế

giới toàn cầu [Simons, Kukartseva, 2019, tr.77–79]. Hệ quả là thương mại toàn cầu đã giảm sút nghiêm trọng sau khi cuộc chiến thương mại này chính thức diễn ra và hầu hết tất cả các quốc gia đều bị ảnh hưởng một cách bất lợi, nhất là những nền kinh tế dễ tổn thương của các nước đang phát triển.

Trong khi Trump sử dụng thuế quan làm đòn bẩy để đạt được các thỏa thuận với các đồng minh và đối tác, thì các mức thuế mà Mỹ áp đặt đối với Trung Quốc kéo dài trong nhiều năm để buộc Trung Quốc từ bỏ hành vi trọng thương. Chính quyền Trump sử dụng các thỏa thuận thương mại sửa đổi để cô lập Trung Quốc và buộc nước này từ bỏ các hoạt động thương mại quan trọng, bao gồm cả việc ép buộc chuyển giao công nghệ. Một vấn đề mang tính cơ cấu lâu dài đối với các nhà hoạch định chính sách Mỹ là điều gì sẽ xảy ra với dòng USD được sử dụng để thanh toán cho hàng xuất khẩu của Trung Quốc. Trung Quốc xử lý nhiều khoản trong số đó thành nợ chính phủ Mỹ hoặc trái phiếu kho bạc. Với lãi suất ở mức thấp, đây không phải là những khoản đầu tư tốt, nhưng được nhiều người cho là an toàn do các hoạt động thương mại và sự thao túng tiền tệ của Trung Quốc [Steinberg, Shih, 2012, 1405–1434]. Trong khi mối quan hệ kinh tế và chiến lược vẫn ổn định thì cả hai bên đều có lợi, Mỹ tiếp cận với nguồn tín dụng giá rẻ. Nếu Mỹ cho phép đồng USD giảm giá để giải quyết các vấn đề trong nước và cố gắng khôi phục khả năng cạnh tranh [Beeson, Broome, 2010, 479–495], thì các khoản đầu tư của Trung Quốc có giá trị thấp hơn. Mỹ được hưởng những lợi thế lớn từ việc có đồng tiền dự trữ, trong đó ít nhất là khả năng thanh toán các khoản nợ bằng cách in thêm tiền nếu thấy cần thiết [Kirshner, 2008, 418–438]. Nếu Trung Quốc lo lắng và muốn rút tiền đầu tư, Trung Quốc có thể gây ra một cuộc khủng hoảng tài chính lớn. Đây là điều mà Larry Summers đã mô tả một cách nổi tiếng là “cân bằng khủng bố tài chính” [Summers, 2006]. Tuy nhiên, sự phụ thuộc kinh tế ngày càng tăng vào Trung Quốc đang đặt ra những hạn chế thực sự đối với các lựa chọn chính sách đối ngoại [Cohen, DeLong, 2010]. Chính quyền Trump đã gán cho Trung Quốc là “người thao túng tiền tệ”, nhưng điều này không ngăn được Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc cho phép đồng nhân dân tệ suy yếu hoặc đổ lỗi cho chủ nghĩa đơn phương và chủ nghĩa bảo hộ của Mỹ [Swanson, Stevenson, Smialek, 2019].

Cô lập Trung Quốc thông qua nỗ lực phối hợp của Mỹ và các đồng minh gây khó khăn cho nền kinh tế Trung Quốc. Trump cũng bắt đầu thực hiện việc tách rời hai nền kinh tế lớn nhất thế giới. Sự thay đổi chính sách để tìm kiếm các đòn bẩy kinh tế nhằm giảm bớt chiến lược bành trướng và thống trị toàn cầu của Trung Quốc. Hai cường quốc còn đẩy mạnh sự cạnh tranh trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng ở các nước đang phát triển. Trong khi Mỹ thúc đẩy “Đôi tác vì Đầu tư và Cơ sở hạ tầng toàn cầu” (Partnership for Global Infrastructure and Investment) thì Trung Quốc đẩy mạnh hợp tác về cơ sở hạ tầng trong khuôn khổ BRI. Sự cạnh tranh này liên quan đến sự chòng chẹo của địa chính trị, địa kinh tế và địa kỹ thuật [Zhao, 2023, tr.45–77]. Hai cường quốc có thể mở rộng hợp tác quân sự đã diễn ra trong lĩnh vực hàng hải. Mối quan hệ Mỹ - Trung đã trải qua quá trình biến đổi trước khi virus COVID-19 có nguồn gốc từ Trung Quốc tạo ra một đại dịch trên toàn cầu. Đại dịch dường như đang đẩy nhanh sự chuyển đổi đó. Mối quan hệ đó ngày nay đang trải qua những thay đổi cơ bản có ý nghĩa lâu dài đối với sự cân bằng quyền lực, ổn định và an ninh trên thế giới, đặc biệt là khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Thất bại trong nỗ lực tái tranh cử của Tổng thống Mỹ Donald Trump ở nhiệm kỳ thứ hai cũng khó có thể cản trở sự thay đổi đó.

Mỹ lẫn Trung Quốc đều là hai nền kinh tế lớn nhất thế giới hiện nay. Thương mại quốc tế chính là việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa hai hay nhiều quốc gia có hàng hóa xuất nhập khẩu. Chiến tranh thương mại là cuộc chiến giữa hai hay nhiều quốc gia liên quan đến việc bổ sung, áp đặt các loại thuế và thuế quan đối với hàng hóa của nhau. Từ góc độ kinh tế, hai lý do chính dẫn đến một cuộc chiến thương mại bao gồm: mất cân đối thương mại và cơ cấu công nghiệp chòng chẹo lên nhau [Blackwell, Al-Rubaei, Osmandzikovic, 2020]. Đồng thời, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có khả năng giảm tổng sản phẩm của xã hội theo thời gian và kìm hãm sự tiến bộ nói chung [Cheong, Tongzon, 2018, tr.265–279; Georgiadis, Gräb, 2016, tr.1050–1080]. Xem xét sâu về cạnh tranh thương mại Mỹ - Trung mà đỉnh điểm là phát động chiến tranh thương mại và cuộc cạnh tranh công nghệ thì các động thái trên liên quan nhiều hơn đến cạnh tranh địa chính trị, cạnh tranh chiến lược của hai nước. Khi Mỹ quyết định áp đặt thuế quan gần như các sản phẩm xuất xứ từ Trung Quốc là khi Mỹ cảm thấy bị đe dọa trước sự trỗi dậy ngày càng lớn mạnh từ nền kinh tế mới nổi. Bên cạnh các cáo buộc về thương mại, chính quyền Trump còn cáo buộc Trung Quốc về hoạt động gián điệp công nghệ quân

sự, ăn cắp tài sản trí tuệ của các công ty Mỹ [Sanger, Benner, 2018]. Sự lo ngại về thâm hụt thương mại khiến chính quyền Trump áp đặt chính sách thuế quan đối với Trung Quốc nhằm hạn chế Trung Quốc tiếp cận với các sản phẩm công nghệ cao của Mỹ cũng như các nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Thậm chí, cạnh tranh thương mại Mỹ - Trung do chính quyền Trump phát động có thể bắt đầu một cuộc chiến tranh lạnh kiểu mới [Huang, 2021]. Hai cường quốc đều nỗ lực khẳng định vị thế bá chủ mà khởi nguồn từ cuộc chiến tranh thương mại, nhưng việc tái cấu trúc thương mại có thể dẫn đến tái cấu trúc an ninh, tái cấu trúc chính trị. Cạnh tranh gay gắt giữa Mỹ - Trung từ kinh tế lan rộng sang các vấn đề khác sẽ thúc đẩy những nước nhỏ cảm thấy cần phải đưa ra các lựa chọn nhằm đảm bảo các lợi ích cơ bản về “sinh tồn, phát triển, ảnh hưởng” có thể dẫn đến một cục diện chiến tranh lạnh mới.

Phát động chiến tranh thương mại Mỹ - Trung là tín hiệu cho những bất ổn cho khu vực Đông Nam Á. Thực chất, Mỹ đang đánh đồng chiến tranh địa chiến lược với cạnh tranh kinh tế [Swenson, Woo, 2019, 1–28]. Bởi lẽ, “hệ thống kinh tế chính trị của Mỹ được hình thành dựa trên tiền đề rằng mục đích chính của hoạt động kinh tế là mang lại lợi ích cho người tiêu dùng trong khi tối đa hóa việc tạo ra của cải” [Gilpin, 2001, tr.150]. Yukon Huang (2021) đánh giá cuộc chiến thương mại do Donald Trump phát động không đem lại thắng lợi kinh tế lớn cho cả Mỹ và Trung Quốc [Huang, 2021] nhưng là tín hiệu khởi đầu cho cuộc cạnh tranh chiến lược của hai cường quốc. Thậm chí, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung chính là cuộc chiến cạnh tranh chiến lược không thể tránh khỏi [Nguyen, 2023, tr.1-8]. Sau khi phát động chiến tranh thương mại giữa hai nền kinh tế, những động thái của cả Mỹ lẫn Trung Quốc đều dự báo chiến tranh địa kinh tế mở rộng, đi liền với nhiều tác động ngắn hạn và dài hạn đối với kinh tế khu vực và toàn cầu. Không chỉ vậy, từ những gián đoạn trong quản trị kinh tế toàn cầu [Bayer, 2019, tr.25–38] dẫn đến sự gia tăng bất bình đẳng ở các quốc gia đang phát triển - những nước nhỏ tại khu vực [Ahluwalia, 2019, tr.11–24]. Đối với một hệ thống tái phân phối quyền lực trong một thế giới đa cực [Efsthopoulos, 2016, tr.3–21], hệ thống toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng theo hướng bất ổn [Vlados, 2020, tr.4–23]. Khi cấu trúc lại quan hệ giữa hai nền kinh tế hàng đầu thế giới, các mối quan hệ quốc tế ở các cấp độ đều phải bước vào quá trình định hình lại cấu trúc. Cạnh tranh thương mại Mỹ - Trung liên quan chủ yếu đến cạnh tranh chiến lược của hai cường quốc trong

bối cảnh mới. Những vận động trên khiến cho chính phủ những nước nhỏ rơi vào tình thế “lưỡng nan về an ninh”. Một trật tự ổn định, thịnh vượng chung dường như chưa được tạo điều kiện và nếu xem xét từ tiến trình toàn cầu hóa, thì dường như không thể đạt được [Friedman, 1999; Rodrik, 2011]. Các quốc gia liên quan tại Đông Nam Á vừa phải đối mặt với sự trỗi dậy cùng sức ép từ cường quốc mới nổi Trung Quốc, lẫn “sức mạnh thông minh” từ cường quốc đương nhiệm Mỹ.

Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung bắt đầu từ năm 2018 và tiếp tục gia tăng vào năm 2019 gây thiệt hại nhiều hơn trong thời gian gần đây và thậm chí đã bắt đầu xuất hiện nguy cơ nổ ra cuộc chiến tiền tệ. Đây là một phần của cuộc chiến trả đũa của Mỹ với Trung Quốc khi ngày càng áp đặt hạn ngạch và thuế quan ngày càng cao. Với Chương trình “Made in China 2025” (Sản xuất tại Trung Quốc 2025), “China Standards 2035” (Tiêu chuẩn Trung Quốc 2035), Trung Quốc lên kế hoạch trở thành quốc gia dẫn đầu thế giới trong các ngành công nghiệp, bao gồm trí tuệ nhân tạo, người máy, linh kiện máy bay và tàu cao tốc. Có thể nói, Mỹ và Trung Quốc đang tham gia vào một cuộc chiến thương mại mà cho đến nay vẫn chưa có nhiều triển vọng trong việc tìm kiếm một giải pháp tích cực. Đồng thời, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến khu vực Đông Nam Á, đến từng quốc gia trong tổ chức ASEAN. Theo báo cáo khảo sát của Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (ISEAS-Yusof Ishak Institute), Trung Quốc được coi là cường quốc kinh tế có ảnh hưởng nhất ở khu vực Đông Nam Á trong năm 2020, với tỷ lệ cao hơn so với cuộc thăm dò dư luận được thực hiện vào năm 2019. Với những ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế của khu vực, Trung Quốc đã tạo ra sự “song trùng lợi ích” với nhiều quốc gia trong ASEAN. Có thể thấy, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á đều nhận thấy lợi ích thiết thực trong việc xích lại gần Bắc Kinh, ít nhất trong lĩnh vực kinh tế - thương mại, trong đó cũng vì gắn với các dự án BRI của Trung Quốc. Mặc dù vậy, hầu hết các nước ASEAN ngày càng cảnh giác trước ý đồ và tham vọng của Trung Quốc. Trong khi đó, các cuộc điều tra dư luận cho thấy phần lớn người dân ở nhiều nước Đông Nam Á vẫn có những nhận thức tích cực về Mỹ, trong đó có ảnh hưởng về kinh tế của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á. Do đó, xét thực tế, cuộc cạnh tranh trên lĩnh vực kinh tế - thương mại Mỹ - Trung, cụ thể ở khu vực Đông Nam Á, chưa thể kết luận thắng thua.

3.5. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á trong lĩnh vực khoa học - công nghệ

Cuộc cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc ở Đông Nam Á mở rộng sang lĩnh vực khoa học và công nghệ, nơi cả hai nước đều tìm cách nâng cao ảnh hưởng và định hình bối cảnh công nghệ của khu vực. Sự trỗi dậy về khoa học công nghệ của Trung Quốc tạo nền móng cho một “đế chế mới” khi Trung Quốc đã làm chủ các công nghệ chính yếu, thống lĩnh an ninh mạng, Internet và viễn thông, mà Huawei là trường hợp điển hình trong cạnh tranh công nghệ Mỹ - Trung [Nguyễn Hồng Bắc, 2021, tr.183]. Cách mạng công nghệ và toàn cầu hóa tạo ra một thời đại mạng và thay đổi cách thức sáng tạo và phổ biến công nghệ [Trần Văn Tùng, 2007, tr.29]. Mặc dù Mỹ vẫn giữ vị trí số 1 thế giới về khoa học - công nghệ, nhưng năng lực của Trung Quốc so với Mỹ trong một số lĩnh vực đáng kể [Nguyễn Việt Lâm, Lê Trung Kiên, 2020, tr.12]. Trên cơ sở đó, cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á trên lĩnh vực khoa học công nghệ được xem xét trên các nội dung chính sau: (i), Triển khai công nghệ 5G; (ii), Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật số; (iii), An ninh mạng và quản trị dữ liệu. Sự cạnh tranh của Mỹ - Trung tại Đông Nam Á có tính chiến lược quan trọng bởi lẽ công nghệ là yếu tố then chốt cho mọi sự phát triển, làm chủ công nghệ là làm chủ tương lai [Nguyễn Ngọc Anh, 2019, tr.23].

3.5.1. Triển khai công nghệ 5G

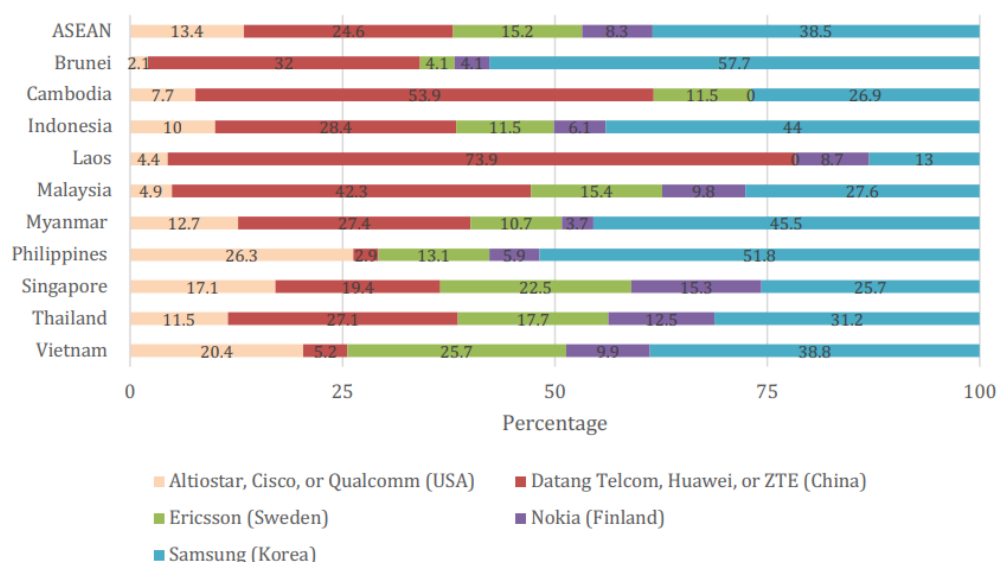
Việc triển khai công nghệ 5G đã trở thành tâm điểm cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc ở Đông Nam Á. Đặc biệt, công nghệ 5G đại diện cho sự nâng cấp một lần trong một thập kỷ đối với các hệ thống không dây. Nói cách khác, đây là mạng di động thế hệ thứ năm. Với 5G, liên kết sẽ gần như trực tiếp giữa điện thoại di động với điện thoại di động, nâng cao kết nối ở các địa điểm từ xa, đồng thời cho phép kết nối các cảm biến và robot. Đồng thời, 5G cho phép các phương tiện, hệ thống điều khiển giao thông và các nhà máy trở nên tự chủ hơn. Từ đó, đây là công nghệ thúc đẩy các thành phố thông minh và nền kinh tế kỹ thuật số, trở thành động lực chính tiếp theo của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Không chỉ vậy, thiết bị quân sự được gắn thiết bị liên lạc 5G cũng trở nên hiệu quả hơn. Mặc dù, sự phát triển về công nghệ 5G rất mạnh mẽ từ cả Mỹ và Trung Quốc, tuy Trung Quốc chiếm ưu thế nhất định nhưng Mỹ vẫn giữ vững vai trò

hàng đầu trong phát triển khoa học - công nghệ [Deng, Li, 2022]. Sự cạnh tranh gay gắt giữa Mỹ và Trung Quốc trong lĩnh vực này xoay quanh Huawei - công ty Trung Quốc chiếm thị phần lớn nhất trên thị trường 5G. Trong khi đó, Mỹ hoài nghi về Huawei và luôn coi đây là công cụ của Trung Quốc phá hoại mạng viễn thông của mình. Theo đó, thiết bị do Huawei cung cấp có thể được sử dụng để phá hoại kết nối hoặc từ chối truy cập các thao tác. Nhận thức về mối đe dọa ngày càng nghiêm trọng đến mức theo thông tin bị rò rỉ bởi Edward Snowden, Tổng thống Donald Trump, vào tháng 8/2018, đã ký Đạo luật Ủy quyền Quốc phòng 2019. Trong đó, Mỹ hạn chế các công ty nước này mua sắm các công cụ liên quan đến công nghệ từ các công ty Trung Quốc [Jaisal, 2020, tr.67]. Ý nghĩa kinh tế của việc triển khai 5G rất lớn, thậm chí, 5G nắm giữ chìa khóa để định hình tương lai của hầu hết mọi ngành công nghiệp bằng cách chuyển đổi mạnh mẽ thông qua hình thức tự động [Poliakine, 2021]. Vì vậy, 5G không chỉ là thế hệ mạng di động tiếp theo mà còn là thành phần công nghệ thiết yếu trong quá trình chuyển đổi kỹ thuật số của xã hội và nền kinh tế ở các nước tiên tiến nhất trong thập kỷ tới [Robles-Carrillo, 2021, tr.1-14].

Mối quan hệ kinh tế-an ninh là cốt lõi của cạnh tranh công nghệ Mỹ - Trung và công nghệ là yếu tố quyết định biến mối quan hệ này thành lợi thế (Kuik, 2024). Thông qua 5G, nền kinh tế kỹ thuật số của Trung Quốc đang xâm nhập vào Đông Nam Á [Chen và các cộng sự, 2023, tr.71]. Tại Đông Nam Á, Huawei của Trung Quốc và các công ty viễn thông khác của Trung Quốc đã tích cực quảng bá cơ sở hạ tầng và dịch vụ 5G của họ trong khu vực, đưa ra mức giá cạnh tranh và khả năng công nghệ. Đồng thời, Mỹ bày tỏ lo ngại về tác động an ninh của thiết bị do Trung Quốc sản xuất và kêu gọi các nước Đông Nam Á xem xét lại quan hệ đối tác của họ với các công ty Trung Quốc trong lĩnh vực này. Các nền tảng của Trung Quốc đã bắt đầu xâm nhập vào Đông Nam Á với tên gọi Con đường tơ lụa kỹ thuật số (DSR). Hoạt động này được thúc đẩy với mục đích củng cố và mở rộng sức mạnh thương mại của Trung Quốc với tư cách là nhà cung cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật số như cáp quang và cáp dưới biển, thiết bị và dịch vụ mạng di động 5G và lưu trữ dữ liệu [Rolf, Schindler, 2023, tr.263]. Đông Nam Á là trung tâm của cuộc cạnh tranh này nên các quốc gia nhỏ phải đối mặt với cả cơ hội và rủi ro. Việt Nam và Singapore đã phòng ngừa rủi ro nhiều hơn (so với Indonesia,

Malaysia và các quốc gia khác) bằng cách hạn chế Trung Quốc khỏi mạng 5G như Hình 3.1.

Hình 3.1. Sử dụng mạng 5G ở các nước Đông Nam Á (Nguồn: ISEAS, 2020)



Sự cạnh tranh ngày càng tăng Mỹ và Trung Quốc thông qua việc triển khai 5G liên quan đến sự kết nối chủ yếu doanh nghiệp nhà nước của Trung Quốc với các yếu tố địa chính trị. Trung Quốc đã mở rộng phạm vi hoạt động với các động lực của kinh tế chính trị khi cạnh tranh ngày càng gia tăng, cả thông qua tỷ trọng ngày càng tăng của các doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế [Liu, Tsai, 2021, tr.235-267] lẫn việc tăng cường kiểm soát khu vực tư nhân [Pearson và các cộng sự, 2021, tr.207-213). Đáp lại, Mỹ đi theo hướng tương tự để triển khai 5G. Sau khi phát động chiến tranh thương mại, một trong những hoạt động Mỹ triển khai là hạn chế các doanh nghiệp Trung Quốc và thay thế Trung Quốc cung cấp 5G. Các công ty Mỹ như Qualcomm, Intel, Cisco, Amazon và Google là những công ty dẫn đầu toàn cầu về phát triển mạng thế hệ tiếp theo. Tuy nhiên, cách tiếp cận do nhà nước chỉ đạo của Trung Quốc đang làm xói mòn sự thống trị của Mỹ. Các mạng di động 5G mới phát triển trên toàn cầu tăng tốc độ đường truyền và phát triển các ứng dụng mới như ô tô không người lái, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo và thành phố thông minh. Mỹ ban hành lệnh hành pháp cấm các công ty viễn thông Mỹ lắp đặt các thiết bị do nước ngoài sản xuất, để ngăn chặn một số tập đoàn viễn thông Trung Quốc mua linh kiện và công nghệ của Mỹ mà không có sự chấp thuận của chính phủ. Những động thái này là sự leo thang trong cuộc cạnh tranh

giữa Mỹ và Trung Quốc để giành vị trí thống trị trong việc tạo ra mạng 5G trên toàn cầu.

3.5.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật số

Cả Mỹ và Trung Quốc đều đang đầu tư vào các dự án cơ sở hạ tầng kỹ thuật số ở Đông Nam Á như một phần trong chiến lược kinh tế và địa chính trị. Sự hợp tác giữa Trung Quốc và các nước Đông Nam Á trong xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật số là tạo các nền tảng xây dựng thành phố thông minh. Trong giai đoạn này, Trung Quốc vẫn đóng vai trò ưu thế về tốc độ phát triển ở Đông Nam Á [Chatys, 2021, tr.1], nhưng Mỹ có nền tảng tại khu vực từ lâu. Mục tiêu của Trung Quốc là có thể thay thế các công nghệ phương Tây bằng các nguồn cung nội sinh [Lê Đình Tĩnh, Nguyễn Đức Chính, 2020, tr.20]. Sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc bao gồm các thành phần cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, như mạng cáp quang và trung tâm dữ liệu, nhằm tăng cường kết nối và tạo điều kiện phát triển kinh tế. Con đường tơ lụa kỹ thuật số là một phần của Sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc nhằm mục đích đưa Trung Quốc trở thành siêu cường công nghệ toàn cầu [Mochinaga, 2020]. Con đường Tơ lụa Kỹ thuật số bao gồm bốn sáng kiến tập trung vào công nghệ là (i), Trung Quốc đầu tư ra nước ngoài vào về cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, bao gồm mạng di động thế hệ tiếp theo, cáp quang và trung tâm dữ liệu; (ii), Trung Quốc tập trung vào việc phát triển các công nghệ tiên tiến phục vụ cho sự phát triển sức mạnh kinh tế và quân sự toàn cầu. Những công nghệ tiên tiến này bao gồm hệ thống định vị vệ tinh, trí tuệ nhân tạo và điện toán lượng tử; (iii), Con đường tơ lụa kỹ thuật số thúc đẩy thương mại điện tử thông qua các khu vực thương mại tự do kỹ thuật số; (iv), Ngoại giao và quản trị kỹ thuật số thông qua các thể chế đa phương là chìa khóa để Trung Quốc tạo ra môi trường kỹ thuật số quốc tế lý tưởng [Cheney, 2019, tr.iv].

Việc xây dựng nền tảng thành phố thông minh rất phức tạp vì đòi hỏi phải triển khai một số giải pháp công nghệ tiên tiến tạo nên nền tảng thành phố thông minh. Các giải pháp này bao gồm giám sát (CCTV, nhận dạng khuôn mặt), cơ sở hạ tầng mạng (5G, Wi-Fi), dữ liệu lớn (mạng đám mây, trung tâm dữ liệu, máy chủ), fintech, năng lượng, nền tảng tích hợp (như thành phố an toàn) và một nền tảng rộng lớn. loạt các dịch vụ đô thị. Trong trường hợp nền tảng tích hợp, nhà cung cấp chính các giải pháp

đó là các công ty Trung Quốc như Huawei, ZTE, Dahua, Alibaba, Kedacom, Thâm Quyển ZNV. Để đảm bảo thành công trong cuộc đua công nghệ, Trung Quốc tập trung về Đông Nam Á [Zhang, Khanal, 2024, tr. 21-34]. Mỹ đã tìm cách chống lại ảnh hưởng của Trung Quốc bằng cách thúc đẩy các dự án cơ sở hạ tầng kỹ thuật số thay thế và quan hệ đối tác với các nước Đông Nam Á. Trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, kinh tế số được thúc đẩy khi quá trình kinh tế, sản xuất, trao đổi, tiêu dùng trên các nền tảng kỹ thuật số để quá trình kinh tế diễn ra nhanh chóng, hiệu quả. Trung Quốc và Philippines đã thiết lập một số dự án nhằm cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật số và các nền tảng tiên tiến cho thành phố số. Tuy nhiên, trường hợp của Việt Nam chứng minh rằng xu hướng này có thể bị đảo ngược khi mô hình hợp tác trong lĩnh vực này giữa Trung Quốc và Việt Nam là không đáng kể. Đáng chú ý, những công ty công nghệ lớn có xuất xứ từ Mỹ và xuất hiện ở Đông Nam Á tương đối sớm. Thực tế, Microsoft và Yahoo đã có hàng trăm triệu người dùng từ năm 2007. Chiến lược của các công ty Mỹ theo cách truyền thống dựa trên hợp tác với các đối tác, tập trung đầu tư và mua lại các công ty bản địa ở quy mô lớn.

Ngược lại, các công ty công nghệ Trung Quốc coi Đông Nam Á là một thị trường để mở rộng và có xu hướng theo đuổi chiến lược mua lại trong khu vực. Đồng thời, chiến lược của Trung Quốc ảnh hưởng đến hoạt động của các công ty Mỹ và các giao dịch kinh doanh quy mô lớn. Việc Facebook và PayPal đầu tư vào siêu ứng dụng Gojek của Indonesia hay khoản đầu tư chiến lược của Microsoft vào công ty gọi xe Grab có trụ sở tại Singapore đều phản ánh xu hướng này. Đồng thời, trong một số trường hợp, các công ty công nghệ lớn có trụ sở tại Mỹ và Trung Quốc lại là cổ đông của cùng các công ty khởi nghiệp ở Đông Nam Á, chẳng hạn như Google, Tencent và JD.com là đồng sở hữu của Gojek. Điều này cũng nhấn mạnh thực tế là hoạt động của các công ty công nghệ lớn của Mỹ và Trung Quốc trong khu vực chủ yếu được thúc đẩy bởi lợi ích thị trường hơn là địa chính trị. Tại Đông Nam Á, các ứng dụng phổ biến được sử dụng chủ yếu có nguồn gốc từ Mỹ như Google, Google Chrome, Facebook, Messenger, Youtube, Twitter... Trong đó, chỉ có Shopee có cổ phần của Trung Quốc. Các hoạt động kinh doanh của công ty của Trung Quốc liên quan đến cơ sở hạ tầng của nền tảng. Đối tượng hướng đến của các nền tảng kỹ thuật số Trung Quốc ở khu vực Đông Nam Á là cộng đồng người Hoa hải ngoại. Tuy nhiên, nội dung và chất lượng của ứng dụng

chiếm ưu thế. Mặc dù các nền tảng của Trung Quốc không được công nhận rộng rãi khi đối mặt với các ứng dụng phương Tây” hùng mạnh như Facebook, WhatsApp, YouTube,... nhưng mô hình kinh doanh của các công ty Trung Quốc gây ra sự phá hủy tính sáng tạo và các vấn đề về bản quyền [Keane, Yu, 2019, tr.4636]. Đồng thời, trí tuệ nhân tạo (AI) cũng diễn ra trên nhiều lĩnh vực từ kinh tế, thương mại... đến công nghệ có tính dẫn dắt và trở thành lĩnh vực cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc, với việc dẫn đầu của các tập đoàn lớn của hai cường quốc như Google, Twitter, Facebook, Amazon, Baidu, Weibo, Tencent, Alibaba [Nguyễn Việt Lâm, 2022b, tr.99].

3.5.3. An ninh mạng và quản trị dữ liệu

Trong nền kinh tế số, mạng lưới chuỗi cung ứng phức tạp bao gồm việc thu mua nguyên liệu, sản xuất và phân phối sản phẩm cuối cùng, tất cả đều được lưu trữ trong các bộ dữ liệu ngày càng phức tạp. Công nghệ dữ liệu lớn trong Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường hơn nữa công tác quản lý dữ liệu trong quản lý chuỗi cung ứng. Tuy nhiên, tất cả những điều này dẫn đến rủi ro không chắc chắn ngày càng tăng và tính dễ bị tổn thương ở các nước Đông Nam Á khi phải lệ thuộc vào các cường quốc công nghệ như Mỹ và Trung Quốc. Trung Quốc bị cáo buộc tham gia vào hoạt động gián điệp mạng và trộm cắp tài sản trí tuệ, khiến Mỹ và các quốc gia khác phải phản ứng nhằm tăng cường các biện pháp an ninh mạng và bảo vệ thông tin nhạy cảm. Các nước Đông Nam Á phải đối mặt với thách thức cân bằng các cơ hội kinh tế với rủi ro an ninh mạng, khi tìm cách khai thác lợi ích của chuyển đổi kỹ thuật số đồng thời bảo vệ lợi ích an ninh quốc gia. Trong đó, các vấn đề an ninh mạng chính là: (i), gián điệp; (ii), sự can thiệp của nước ngoài trong thời kỳ bất ổn chính trị; (iii), những lo ngại liên quan đến bầu cử; (iv), sự phổ biến của thông tin sai lệch; (v), các trường hợp về chủ nghĩa độc tài của chính phủ. Những thách thức này cũng có thể thể hiện ở mức độ đan xen và phức tạp cao [Socquet-Clerc và các cộng sự, 2023, tr.17]. Không chỉ vậy, thông tin tình báo và các vấn đề hậu cần là những yếu tố phụ nhưng có vai trò lớn trong việc hoạch định mọi chiến lược quân sự của mỗi quốc gia [Jym, 2022, tr.41]. Sự gia tăng nhanh chóng của các thiết bị Internet vạn vật (IoT)²⁴

²⁴ IoT (Internet of Things) nghĩa là Internet vạn vật. Là mạng kết nối các thiết bị thông qua cảm biến, phần mềm và các công nghệ khác, cho phép các thiết bị thu thập và trao đổi dữ liệu với nhau. Internet vạn vật lan tỏa lợi ích của mạng Internet tới mọi thiết bị được kết nối. Khi một đồ vật được kết nối với Internet sẽ trở nên thông minh

phần lớn không an toàn này đang tạo ra vô số điểm dễ bị tổn thương để thu thập thông tin tình báo, tấn công mạng, kiểm soát công nghiệp hoặc kiểm duyệt. Thông qua các sản phẩm và dịch vụ IoT, các công ty Trung Quốc có thể chuyển dữ liệu từ người tiêu dùng Mỹ sang Trung Quốc, nơi chính phủ nắm giữ quyền hạn rộng rãi để thu thập và khai thác dữ liệu mà ít quan tâm đến quyền riêng tư hoặc quyền sở hữu.

Khi Mỹ và Trung Quốc tranh giành ảnh hưởng ở Đông Nam Á, các mối đe dọa an ninh mạng đã trở thành một công cụ trong cuộc cạnh tranh địa chính trị này. Cả hai quốc gia có thể tham gia vào các chiến dịch gián điệp, đột nhập và ăn cắp dữ liệu và tung thông tin sai lệch trên mạng để thu thập thông tin tình báo, gây ảnh hưởng đến dư luận và đạt được lợi thế chiến lược. Các quốc gia Đông Nam Á bị cuốn vào giữa cuộc cạnh tranh này phải đối mặt với nguy cơ gia tăng các cuộc tấn công mạng nhắm vào các cơ quan chính phủ, cơ sở hạ tầng quan trọng và các thực thể thuộc khu vực tư nhân. Sự phổ biến của công nghệ kỹ thuật số đã làm dấy lên mối lo ngại về an ninh mạng và quản trị dữ liệu ở Đông Nam Á. Với sự phụ thuộc ngày càng tăng vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật số và nền tảng trực tuyến, Đông Nam Á ngày càng trở nên dễ bị tổn thương hơn trước các mối đe dọa an ninh mạng như tấn công mạng, xâm nhập dữ liệu. Những mối đe dọa này có thể nhắm mục tiêu vào các cơ quan chính phủ, doanh nghiệp, cơ sở hạ tầng quan trọng và người dùng cá nhân, dẫn đến tổn thất tài chính, gián đoạn dịch vụ và xâm phạm thông tin nhạy cảm. Việc thu thập và xử lý dữ liệu của các nền tảng kỹ thuật số và các công ty công nghệ đã làm dấy lên mối lo ngại về quản trị dữ liệu và chủ quyền ở Đông Nam Á. Mỹ và Trung Quốc, với tư cách là những người chơi chính trong nền kinh tế kỹ thuật số, đang tìm cách tận dụng dữ liệu cho các mục đích kinh tế, công nghệ và chiến lược. Tuy nhiên, có những lo ngại về việc bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư và lợi ích an ninh quốc gia cũng như khả năng chính phủ nước ngoài truy cập hoặc kiểm soát thông tin nhạy cảm được lưu trữ. Không chỉ vậy, các vấn đề quản trị thông tin cá nhân người dùng các ứng dụng cũng là thách thức lớn. Thực tế, các ứng dụng di động khác nhau của Trung Quốc có chính sách khác nhau về bảo vệ dữ liệu và

nhờ khả năng gửi hoặc nhận thông tin và tự động hoạt động dựa trên các thông tin đó. Các thiết bị IoT có thể là đồ vật được gắn thêm cảm biến để thu thập dữ liệu về môi trường xung quanh, các máy tính/bộ điều khiển tiếp nhận dữ liệu và ra lệnh cho các thiết bị khác, hoặc cũng có thể là các đồ vật được tích hợp cả hai tính năng trên. Tiềm năng ứng dụng của Internet vạn vật (IoT) trải rộng trên mọi lĩnh vực. Tuy nhiên, mọi hệ thống IoT hoàn chỉnh đều có đủ 4 bước: thu thập dữ liệu, chia sẻ dữ liệu, xử lý dữ liệu và đưa ra quyết định.

quyền riêng tư, thậm chí có sự khác biệt ở phiên bản trong nước và quốc tế của cùng một ứng dụng, như Baidu, các ứng dụng của ByteDance (TopBuzz/Toutiao, TikTok/Douyin), WeChat/Wexin của Tencent [Jia, Ruan, 2020, tr.13]. Việc thu thập, lưu trữ và xử lý dữ liệu cá nhân đã trở nên phổ biến ở Đông Nam Á, được thúc đẩy bởi sự phát triển của thương mại điện tử, thanh toán kỹ thuật số, phương tiện truyền thông xã hội và ứng dụng di động. Mối lo ngại về quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu ngày càng tăng khi các cá nhân và tổ chức phải vật lộn với các vấn đề liên quan đến sự đồng ý, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và việc các công ty và chính phủ lạm dụng thông tin cá nhân.

Các nước Đông Nam Á đối mặt với thách thức là cân bằng giữa lợi ích của đổi mới kỹ thuật số với rủi ro về các mối đe dọa an ninh mạng và vi phạm quyền riêng tư dữ liệu. Các quốc gia có thể áp dụng các biện pháp quản lý, chẳng hạn như luật bảo vệ dữ liệu, tiêu chuẩn an ninh mạng và hạn chế đối với các nhà cung cấp công nghệ nước ngoài, để giải quyết những lo ngại này. Tuy nhiên, các lựa chọn chính sách trên có thể bị ảnh hưởng bởi sự cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc, khi nỗ lực tìm cách điều hướng giữa các lợi ích cạnh tranh và áp lực địa chính trị. Nâng cao năng lực an ninh mạng và thúc đẩy sự hợp tác giữa các chính phủ, các bên liên quan trong ngành và xã hội dân sự là điều cần thiết để giải quyết các thách thức an ninh mạng ở Đông Nam Á. Mỹ và Trung Quốc có thể cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, chương trình đào tạo và sáng kiến hợp tác an ninh mạng để xây dựng quan hệ đối tác và tác động đến động lực khu vực. Tuy nhiên, những hành động trên nhằm đạt được lợi thế chiến lược và mở rộng ảnh hưởng trong khu vực. Cuộc cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc ở Đông Nam Á có ý nghĩa địa chính trị rộng lớn hơn đối với an ninh mạng và quản trị dữ liệu. Điều này có thể dẫn đến sự phân mảnh của hệ sinh thái kỹ thuật số toàn cầu, khi các quốc gia tự điều chỉnh theo các tiêu chuẩn công nghệ và liên minh cạnh tranh. Các nước Đông Nam Á có thể phải đối mặt với áp lực phải chọn phe trong cuộc cạnh tranh này, điều này có thể gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, lợi ích kinh tế và chủ quyền.

Sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc mở rộng đến việc thiết lập các khuôn khổ và tiêu chuẩn pháp lý cho các công nghệ mới ở Đông Nam Á. Cả hai nước đều đang cạnh tranh ảnh hưởng trong việc định hình các chuẩn mực và tiêu chuẩn khu vực liên

quan đến các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và thương mại kỹ thuật số. Các nước Đông Nam Á phải đối mặt với thách thức trong việc điều hướng các cơ chế quản lý cạnh tranh và áp dụng các tiêu chuẩn phục vụ tốt nhất cho lợi ích quốc gia và ưu tiên phát triển của họ. Cuộc cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc ở Đông Nam Á trong lĩnh vực khoa học và công nghệ rất đa dạng và năng động, bao gồm các vấn đề như cơ sở hạ tầng viễn thông, kết nối kỹ thuật số, an ninh mạng, hợp tác nghiên cứu và các tiêu chuẩn quản lý. Các nước Đông Nam Á đóng một vai trò quan trọng trong việc điều hướng sự cạnh tranh này và xác định quỹ đạo phát triển công nghệ trong tương lai trong khu vực. Nhiều quốc gia ở Đông Nam Á đã giới thiệu hoặc cập nhật khung pháp lý để giải quyết các thách thức về an ninh mạng và quản trị dữ liệu. Các quy định này có thể bao gồm luật bảo vệ dữ liệu, tiêu chuẩn an ninh mạng, yêu cầu báo cáo sự cố và hướng dẫn bảo mật cơ sở hạ tầng quan trọng. Tuy nhiên, việc triển khai và thực thi khác nhau giữa các khu vực, dẫn đến những lỗ hổng và sự không nhất quán trong thực tiễn an ninh mạng.

3.6. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á trong lĩnh vực khác

Tương quan sức mạnh giữa Mỹ và Trung Quốc liên tục thay đổi dẫn đến cạnh tranh chiến lược ngày càng nổi trội với xu hướng tập hợp lực lượng linh hoạt, đan xen và đa dạng, từ đó, xuất hiện những tập hợp lực lượng, liên kết mới tại khu vực Đông Nam Á. Ở các nước khác nhau và các lĩnh vực khác nhau, Mỹ và Trung Quốc nỗ lực phát huy tối đa lợi thế của mình, đồng thời hạn chế khả năng mở rộng và gia tăng ảnh hưởng của đối thủ [Trần Khánh, 2023, tr.28]. Đồng thời, cả Mỹ và Trung Quốc đang bị mắc kẹt trong một cuộc cạnh tranh chiến lược toàn diện kéo dài liên quan đến quyền lực và ảnh hưởng [Shambaugh, 2018, tr.85–127].

3.6.1. Tập hợp lực lượng

Từ năm 2009, Mỹ phát triển mô hình “trục và nan hoa” truyền thống thành một mạng lưới an ninh đa tầng nấc do Mỹ dẫn đầu, tập trung vào các đồng minh và đối tác cùng chia sẻ những lợi ích chung với Mỹ hoặc tồn tại tranh chấp, bất đồng, lo ngại đối với Trung Quốc để hình thành lực lượng ngăn chặn, kiềm chế Trung Quốc. Trung Quốc đẩy mạnh xây dựng “mạng lưới quan hệ đối tác toàn cầu”, chú trọng vào những nước Mỹ có bất đồng, mâu thuẫn hoặc ít quan tâm đồng thời chia rẽ, lôi kéo các đồng minh

và đối tác truyền thống, quan trọng của Mỹ chủ yếu bằng phương tiện kinh tế để tập hợp lực lượng đối trọng với Mỹ. Theo đó, với Đông Nam Á, chính quyền Trump có khoảng thời gian nhiều tháng không có hoặc có rất ít tương tác cấp cao, thời điểm khác lại có các đợt bùng nổ “ngoại giao nhảy dù” của các quan chức Mỹ đi liền với những bài phát biểu trấn an về cam kết và quyết tâm tiếp tục của Mỹ [Shambaugh, 2021, p.62]. Bởi lẽ, thực tế, Mỹ đã có nhiều bước tiến trong thúc đẩy quan hệ toàn diện với các quốc gia Đông Nam Á mà được thể hiện rõ hơn khi thiết lập và nâng cấp quan hệ với những quốc gia không phải là đồng minh ở khu vực như Bảng 3.3.

Bảng 3.2. Cấp độ quan hệ của Mỹ với các quốc gia Đông Nam Á (2009-2020)
(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Quốc gia	Mỹ	Trung Quốc
Brunei	Quan hệ ngoại giao	Đối tác hợp tác chiến lược (2013)
Campuchia	Quan hệ ngoại giao	Đối tác chiến lược toàn diện (2010) Cộng đồng chung vận mệnh (2018)
Indonesia	Đối tác toàn diện (2010); Đối tác chiến lược (2015)	Đối tác chiến lược toàn diện (2013)
Lào	Đối tác toàn diện (2016)	Đối tác Hợp tác và Chiến lược Toàn diện (2009) Cộng đồng chung vận mệnh (2017)
Malaysia	Đối tác toàn diện (2016)	Đối tác chiến lược toàn diện (2013)
Myanmar	Đại diện lâm thời Mỹ ở Myanmar (từ tháng 12/2022)	Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện (2013) Cộng đồng chung vận mệnh (2020)
Philippines	Đồng minh truyền thống	Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện (2018)
Singapore	Thiết lập Đối thoại Đối tác chiến lược (từ 2012)	Đối tác hợp tác toàn diện cùng thời đại (2015) ²⁵

²⁵ Đối tác toàn diện chất lượng cao hướng tới tương lai (năm 2023).

Thái Lan	Đồng minh chiến lược	Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện (2012)
Timor Leste	Quan hệ ngoại giao	Đối tác toàn diện láng giềng hữu nghị, tin tưởng lẫn nhau và cùng có lợi (2014)
Việt Nam	Quan hệ Đối tác toàn diện (2013) ²⁶	Đối tác chiến lược toàn diện (2008)
ASEAN	Quan hệ Đối tác chiến lược Mỹ - ASEAN (2022)	Quan hệ đối tác chiến lược vì hòa bình và thịnh vượng Trung Quốc - ASEAN (2003)

Có thể thấy, tại Đông Nam Á, cấp độ xét lại thể hiện rõ trong quan hệ Mỹ - Trung trên nhiều cấp độ ở mức độ tối thiểu và trung bình, một số lĩnh vực thể hiện cấp độ gay gắt liên quan đến vấn đề lãnh thổ [Mazarr, Frederick, Crane, 2022, tr.24]. Mỹ nỗ lực xây dựng thế giới đồng minh - đa đối tác, siết chặt hệ thống trục - nan hoa bao quanh Trung Quốc. Đáng chú ý, Mỹ có xu hướng lựa chọn cách tiếp cận và khai thác tập hợp lực lượng với các đồng minh và đối tác dựa trên lợi ích của Mỹ nhằm tạo thế cân bằng ở khu vực [Nguyễn Thị Phương Thảo, Vũ Thành Đạt, 2020, tr.38]. Bên cạnh đó, chính sách tái can dự ở Đông Nam Á giúp Mỹ thúc đẩy cách thức và thắt chặt quan hệ với các nước trong khu vực. Các quốc gia trong khu vực mở rộng quan hệ song phương vì lợi ích chung. Do đó, Mỹ phải củng cố vai trò lãnh đạo của Mỹ ở khu vực bằng cách tăng cường can dự vào các vấn đề Đông Nam Á [Clinton, 2010, tr.2]. Đối với chính quyền Obama, việc tái can dự tạo ra các cơ hội để hình thành các mục tiêu chính sách đối ngoại bên cạnh việc cân bằng quyền lực, đồng thời quản lý an ninh khu vực đã phần nào thay đổi [Limaye, 2010, 312-313], đặc biệt ở các điểm nóng an ninh như Biển Đông [Castro, 2013, 331-349]. Chính những động thái gia tăng căng thẳng của Trung Quốc tại các điểm nóng an ninh với các quốc gia có tranh chấp về chủ quyền trên biển là lý do khiến các nước nhỏ ở Đông Nam Á ủng hộ sự hiện diện của Mỹ ở khu vực. Vì vậy, khi xem xét cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020, giai đoạn của Tổng thống Barack Obama được mô tả như cú “đắm gió” [Lasher,

²⁶ Thiết lập Đối tác Chiến lược Toàn diện vì Hòa bình và Phát triển Bền vững (năm 2023).

2016, tr.850-888] như một hình thức luyện tập trước khi lên đấu trường của môn thể thao quyền anh. Chính quyền Obama tìm cách tăng cường sự tham gia của ASEAN nhằm ghi nhận tầm quan trọng ngày càng tăng của tổ chức này với tư cách là một chủ thể kinh tế hùng mạnh khi 10 quốc gia ASEAN đại diện cho đối tác thương mại lớn thứ tư của Mỹ [White House, 2015]. Mối quan hệ ASEAN-Mỹ được nâng lên thành đối tác chiến lược vào tháng 11/2015. Trong chương trình nghị sự có các cuộc thảo luận liên quan đến việc tăng cường quan hệ đối tác thương mại và kinh tế, cũng như tăng cường hợp tác an ninh, đặc biệt là liên quan đến Biển Đông. Nhìn chung, Tổng thống Obama đã đạt được mức độ thành công cao trong việc tăng cường sự tham gia của khu vực. Điều này nhìn chung mang lại lợi ích cho cả Mỹ và các quốc gia trong khu vực, những quốc gia đã đạt được lợi ích kinh tế và an ninh nhờ vai trò của Mỹ. Vì vậy, bằng cách thúc đẩy can dự ở khu vực, chính quyền Obama làm gia tăng căng thẳng với Trung Quốc.

Trong khi đó, giai đoạn của Tổng thống Donald Trump được xem là giai đoạn “tỷ thí” (competition) của hai người chơi là Mỹ và Trung Quốc. Hai bên lần lượt đưa ra các “cú đấm” thể hiện quyền uy, sức mạnh và chiếm lấy ưu thế. Đáng chú ý, “cuộc chơi” này phải nằm trong khuôn khổ của luật pháp quốc tế và tôn trọng trật tự, hòa bình của nhân loại. Mặc dù Mỹ đã cố gắng trấn an các nước Đông Nam Á rằng nước này cam kết coi ASEAN là trung tâm. Với việc Trump không thích các chuyến bay dài và các cuộc họp đa phương là một điểm bất lợi cho Mỹ khi Tập Cận Bình chưa từng bỏ lỡ hội nghị thượng đỉnh G-20 và chưa bao giờ tham dự EAS. FOIP và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung đặt ra vấn đề sâu sắc hơn cho vai trò trung tâm của ASEAN so với việc Tổng thống Mỹ vắng mặt tại EAS và Hội nghị thượng đỉnh Mỹ-ASEAN. Kể từ năm 2013, Indonesia đã nỗ lực tìm kiếm thỏa thuận của ASEAN về khái niệm Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương dựa trên việc tăng cường EAS nhưng không thành công. Việc các khái niệm Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương chòng chèo của Mỹ, Nhật Bản, Úc và Ấn Độ có nghĩa là ASEAN đã mất khả năng dẫn dắt sự phát triển và sử dụng khái niệm này để gắn kết các cường quốc chặt chẽ hơn với cấu trúc khu vực do ASEAN lãnh đạo. FOIP của chính quyền Trump là sự gia tăng cạnh tranh Mỹ - Trung ở Đông Nam Á và tiếp tục kéo dài. Mặc dù điều này đã được dự đoán trước đối với quan hệ thương mại và kinh tế, nhưng ít người dự đoán rằng sự ưu tiên trong chính sách đối đầu của Trung

Quốc ở Đông Nam Á, đặc biệt là Biển Đông. Cách tiếp cận của chính quyền dựa trên niềm tin của Trump và các cố vấn thân cận là Mỹ và Trung Quốc bị mắc kẹt trong một cuộc cạnh tranh quyền lực lớn. Động lực này dễ dàng nhận thấy nhất trong những căng thẳng hiện có giữa hai nước về các hoạt động trinh sát và giám sát của Hải quân Mỹ (U.S. Navy surveillance and reconnaissance operations, SRO). Mỹ coi mình có quyền điều khiển máy bay giám sát hoặc điều khiển tàu giám sát ở bên ngoài lãnh hải và vùng tiếp giáp của Trung Quốc. Từ quan điểm của Mỹ, điều này phù hợp với luật pháp quốc tế, thể hiện việc hoạch định chiến lược và quân sự thận trọng trong trường hợp có thể xảy ra xung đột tại các điểm nóng an ninh. Hơn nữa, Mỹ cho rằng an ninh quốc gia được phục vụ tốt nhất bởi việc giám sát và xử lý các mối đe dọa trước khi các điểm nóng vượt quá khả năng kiểm soát của Mỹ. Tuy nhiên, những vấn đề nội bộ chuyển hướng sự chú ý của Mỹ khỏi khu vực Đông Nam Á. Quyết định rút khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương của chính quyền Trump tác động lớn đến vai trò lãnh đạo khu vực của Mỹ. Những thay đổi trên khiến các nước Đông Nam Á có lý do để coi Mỹ là một đồng minh khu vực không đáng tin cậy [Liu, 2020, tr.18]. Ngoài ra, cuộc tập trận Vành đai Thái Bình Dương (Rim of the Pacific, RIMPAC) đóng vai trò là nền tảng cho sự tham gia của Trung Quốc. Ngoài ra, Mỹ nên xem xét mời Trung Quốc tham gia các cuộc tập trận xa hơn về phía tây, chẳng hạn như cuộc tập trận Hợp tác sẵn sàng và huấn luyện trên biển (Cooperation Afloat Readiness and Training, CARAT) mà Mỹ tiến hành hàng năm với quân đội Đông Nam Á. Vì vậy, các nỗ lực lôi kéo, tập hợp lực lượng của Mỹ đối với các quốc gia Đông Nam Á càng thể hiện rõ nét thực tế Mỹ không thể duy trì được cấu trúc quyền lực hiện trạng và địa vị bá quyền nếu không có quyền lực vượt trội trong so sánh với các chủ thể còn lại trong quan hệ quốc tế [Nguyễn Ngọc Anh, 2019, tr.24].

Trong khi đó, Trung Quốc đẩy mạnh “cộng đồng chung vận mệnh” cùng phương châm ngoại giao xung quanh là “thân thiện với láng giềng, coi láng giềng là đối tác”. Tuy nhiên, hành động của Mỹ và Trung Quốc tập trung nhiều ở khu vực vùng xám, tức là hành động tại ranh giới của các lợi ích cốt lõi, lợi ích chiến lược. Sutter đánh đồng quyền lực với ảnh hưởng và quan tâm nhiều hơn về tác động của Trung Quốc đối với các nước Đông Nam Á, đánh giá ảnh hưởng tương đối của Mỹ và Trung Quốc thông qua sự tương tác với các nước trong khu vực [Lin et al., 2020]. Trung Quốc nỗ lực cải

thiện quan hệ với các nước ở khu vực thông qua thiết lập các cấp độ đối tác. Ảnh hưởng của Trung Quốc ở Đông Nam Á tăng lên nhưng không phải điều này nhận được sự ủng hộ của các quốc gia Đông Nam Á. Hơn nữa, Biển Đông có thể giúp Trung Quốc bảo vệ bờ biển của mình tốt hơn với “Chuỗi đảo thứ nhất” đảm bảo lối đi tới Thái Bình Dương cho các tàu ngầm mang tên lửa đạn đạo của nước này. Sự vượt trội ở Đông Nam Á cũng cho phép Trung Quốc gây áp lực lên Đài Loan và các đồng minh chủ chốt của Mỹ như Nhật Bản và Hàn Quốc. Việc Trung Quốc nhấn mạnh vào đầu tư thông qua “Sáng kiến Vành đai và Con đường” (BRI) đặc trưng của Tập Cận Bình là một phương tiện để Trung Quốc củng cố vị thế dẫn đầu ở Đông Nam Á. Các dự án BRI xây dựng dựa trên vai trò của Trung Quốc là đối tác thương mại hàng đầu của Đông Nam Á bằng cách ràng buộc sự phát triển cơ sở hạ tầng quan trọng và thúc đẩy phát triển ở các quốc gia Đông Nam Á thông qua ngoại giao “bẫy nợ”. Theo Trung tâm Phát triển Toàn cầu, Lào hiện nằm trong số 8 quốc gia có tỷ lệ nợ cao nhất trong số 68 quốc gia được tài trợ theo BRI [Hurley, Morris, Portelance, 2018]. Lào và Campuchia dường như là những quốc gia đầu tiên ký kết hành động song phương kế hoạch với Trung Quốc nhằm chính thức xác nhận tầm nhìn khu vực của Trung Quốc về một cộng đồng có vận mệnh chung.

Thực chất, nhiều học giả khẳng định, MSR được xây dựng nhằm hợp thức hóa cho chiến lược “Chuỗi ngọc trai” của Trung Quốc từ thời cầm quyền của ông Hồ Cẩm Đào.²⁷ Để tiến hành dự án này, Trung Quốc đã liên tục gây căng thẳng thông qua các yêu sách chủ quyền vô lý ở Biển Đông, đẩy tình hình tại vùng biển này không ngừng leo thang căng thẳng, đe dọa không chỉ an ninh và chủ quyền của các quốc gia ở Biển Đông vốn có quyền lợi trực tiếp ở Biển Đông. Có thể nói, BRI được Chính phủ Trung Quốc triển khai mạnh mẽ đã đẩy cuộc cạnh tranh chiến lược Trung - Mỹ lên một nấc thang mới và nếu viễn cảnh này trở thành hiện thực thì sẽ là một bước chuyển tiếp mềm cho quá trình chuyển giao quyền lực để sắp xếp lại bàn cờ chính trị thế giới, mà trước mắt là tại khu vực Đông Nam Á. Trung Quốc có nhiều dự tính về việc hiện đại hóa lực lượng quân đội và thực hiện nhiều động thái gia tăng căng thẳng ở Biển Đông. Những

²⁷ Trung Quốc xây dựng chiến lược “Chuỗi ngọc trai” muốn mở rộng ảnh hưởng của mình từ đảo Hải Nam ở biển Đông xuyên qua những tuyến đường biển nhộn nhịp nhất thế giới, hướng tới vịnh Ba Tư, mục tiêu chủ yếu là kiềm chế Ấn Độ, bảo đảm an ninh năng lượng và kiểm soát những tuyến hàng hải quan trọng. Thông qua Chiến lược “Chuỗi ngọc trai”, Trung Quốc nhằm hướng đến việc gia tăng sức mạnh năng lượng, kinh tế và quân sự của họ trong tương lai [Marantidou, 2014, tr.1-39; Mahan, 2019].

chia rẽ này tiềm ẩn nhiều vấn đề hơn so với những chia rẽ phát sinh từ các tranh chấp lãnh thổ giữa Trung Quốc và bốn bên yêu sách ASEAN ở Biển Đông. Liên quan đến vấn đề này, tâm lý gia tăng trong khu vực là do ASEAN tập trung quá nhiều vào “biển” nên quên mất “đất liền” và có những tác động nghiêm trọng hơn đối với sự thống nhất của ASEAN về lâu dài. Ảnh hưởng kinh tế ngày càng tăng của Trung Quốc đã khiến một số nước Mê Kông, đặc biệt là Campuchia và Lào, có quan điểm dễ chịu hơn đối với Trung Quốc khi Biển Đông được thảo luận tại các hội nghị thượng đỉnh ASEAN và các cuộc thảo luận liên quan.

3.6.2. Gia tăng ảnh hưởng về văn hóa

Các sáng kiến về văn hóa và quyền lực mềm cũng được cả Mỹ và Trung Quốc sử dụng để tăng cường ảnh hưởng ở Đông Nam Á. Cuộc cạnh tranh “thể chế-giá trị” đã trở thành tâm điểm của chiến lược của Mỹ đối với cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung giai đoạn 2009–2016 [Wang, 2022, tr.1-30]. Trong đó, căng thẳng Mỹ - Trung Quốc bắt đầu kể từ khi Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình lên nắm quyền sau Đại hội XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc (2012). Mặc dù, cả hai cường quốc đều hướng tới xây dựng một trật tự dựa trên luật lệ, nhưng Trung Quốc thể hiện mong muốn có tiếng nói mạnh hơn và cải tổ hệ thống quản trị toàn cầu để giải quyết các vấn đề chung [Lê Đình Tĩnh, Nguyễn Đức Chính, 2020, tr.17]. Không chỉ vậy, sự cạnh tranh về hệ thống quản trị giữa hai cường quốc cũng xuất hiện và trở thành chủ đề cạnh tranh. Từ góc độ nước Mỹ, mô hình nhà nước pháp quyền, chính phủ đại diện, đa sắc tộc, tự do tôn giáo, báo chí... là những giá trị Mỹ đặc trưng, trong khi đó, Trung Quốc cho rằng Mỹ vẫn tồn tại các quan điểm về ý thức hệ [Trịnh Thị Hoa, Lê Quang Mạnh, 2022, tr.109]. Theo đó, sự cạnh tranh của Mỹ và Trung Quốc trong lĩnh vực văn hóa xoay quanh những vấn đề chính: (i), sự cạnh tranh giữa văn hóa Nho giáo của Trung Quốc và văn hóa phương Tây do Mỹ chủ đạo; (ii), sự khác biệt trong các chuẩn mực và thể chế xã hội; (iii), cuộc cạnh tranh về ý thức hệ giữa các nền dân chủ tự do và vai trò của cộng sản trong thể chế chính trị ở Trung Quốc. Cả Trung Quốc và Mỹ đều sử dụng các chiến lược tiếp cận truyền thông để phổ biến các câu chuyện, quan điểm và giá trị ở Đông Nam Á. Trung Quốc đầu tư vào các phương tiện truyền thông tiếng Trung, phát sóng tin tức, chương trình và phim tài liệu tiếng Trung cho khán giả trong khu vực. Mỹ thúc đẩy tự do báo

chí, báo chí độc lập và khả năng tiếp cận thông tin như những giá trị cơ bản thông qua nỗ lực tương tác với giới truyền thông. Trung Quốc và Mỹ tiến hành các chiến dịch ngoại giao công chúng, các sự kiện ngoại giao văn hóa và các sáng kiến tiếp cận cộng đồng để thu hút cộng đồng địa phương, các nhà lãnh đạo dư luận và giới trẻ ở Đông Nam Á. Bằng cách thúc đẩy ngoại giao nhân dân, thúc đẩy trao đổi văn hóa và xây dựng mối quan hệ, cả hai quốc gia đều tìm cách tăng cường quyền lực mềm và ảnh hưởng của mình trong khu vực.

Bên cạnh quyền lực kinh tế, Mỹ luôn mong muốn củng cố ảnh hưởng chính trị và văn hóa lên các quốc gia khác [Nguyễn Thái Yên Hương, 2008, tr.48]. Văn hóa - chính trị Mỹ có sức lan tỏa nhanh chóng, đưa những “giá trị Mỹ” phổ biến khắp thế giới. Mặc dù như vậy, thực tế Mỹ và các quốc gia Đông Nam Á thiếu sự gắn gũi về mặt địa lý và văn hóa để có thể gắn kết về chiều sâu [Ba, 2009, tr.373-374]. Do đó, từ rất sớm, Mỹ tài trợ cho Chương trình Fulbright, cung cấp học bổng cho sinh viên, học giả và chuyên gia từ Đông Nam Á đến học tập, nghiên cứu hoặc giảng dạy tại Mỹ. Chương trình trao đổi này thúc đẩy trao đổi học thuật và văn hóa, thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau và tăng cường mối quan hệ giữa Mỹ và các nước Đông Nam Á. Trong hoạt động thúc đẩy các hoạt động trao đổi giáo dục trong thời gian này, chương trình Fulbright được đánh giá là một trong những chương trình nổi bật nhất của Chính phủ Mỹ. Bên cạnh đó, Mỹ cũng tham gia vào các nỗ lực ngoại giao công chúng, chẳng hạn như các lễ hội văn hóa, triển lãm nghệ thuật và các chương trình thanh thiếu niên, để gắn kết với các cộng đồng Đông Nam Á và thúc đẩy sự hiểu biết đa văn hóa. Thông qua các sáng kiến như Sáng kiến Thủ lĩnh Trẻ Đông Nam Á (YSEALI), Mỹ thúc đẩy sự phát triển khả năng lãnh đạo, sự tham gia của người dân và hợp tác khu vực trong giới trẻ ở Đông Nam Á. Không chỉ vậy, phim ảnh, âm nhạc, chương trình truyền hình và nội dung số của Mỹ được ưa chuộng rộng rãi ở Đông Nam Á, định hình sở thích văn hóa và ảnh hưởng đến các chuẩn mực xã hội. Mỹ tận dụng ngành công nghiệp giải trí của mình để truyền tải các giá trị, lý tưởng và lối sống của Mỹ góp phần nâng cao quyền lực mềm và ảnh hưởng văn hóa. Theo đó, Mỹ tiếp tục truyền bá các giá trị Mỹ, nhất là tự do, dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, đưa văn hóa Mỹ thâm nhập ngày càng mạnh mẽ vào khu vực [Trương Công Vĩnh Khanh, 2017, tr.47].

Theo Nye (2023), quyền lực mềm của Trung Quốc không chỉ mới ở giai đoạn đầu hình thành mà nền văn hóa lâu đời và có sức hấp dẫn ở các nước đang phát triển [Nye, 2023, tr.101]. Nền văn minh Trung Quốc từ lâu đã có ảnh hưởng khá sâu rộng đến nhiều nước trong khu vực. Cùng với xu hướng tập trung vào “quyền lực mềm”, những năm đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc là sử dụng quyền lực mềm để tạo dựng một thế lực cường quốc thế giới vừa bền vững, thân thiện, vừa “phát triển hòa bình”. Trên cơ sở đó, Trung Quốc đã thúc đẩy trao đổi ngôn ngữ, văn hóa và giáo dục thông qua các chương trình như Viện Khổng Tử, trong khi Mỹ nhấn mạnh các giá trị dân chủ, tự do và nhân quyền. Cả hai quốc gia đều sử dụng phương tiện truyền thông, giải trí và ngoại giao công chúng để định hình nhận thức và nâng cao sức hấp dẫn của mình trong khu vực. Trong khi Trung Quốc nỗ lực xây dựng hình ảnh một Trung Quốc thịnh vượng, hào phóng, nghĩa hiệp và có trách nhiệm, thì Mỹ tấn công Trung Quốc về sức mạnh mềm để cộng đồng thế giới nhận thấy khoảng cách giữa lời nói và hành động của Trung Quốc, từ đó gửi tín hiệu cảnh báo tới các quốc gia khác về những hậu quả trong quan hệ với Trung Quốc [Nguyễn Ngọc Anh, 2019, tr.24]. Trung Quốc thành lập Viện Khổng Tử trên khắp Đông Nam Á, cung cấp các khóa học tiếng Trung, sự kiện văn hóa và chương trình giáo dục. Các viện này đóng vai trò là nền tảng để quảng bá ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, thúc đẩy trao đổi học thuật và xây dựng mối quan hệ với các tổ chức học thuật địa phương. Học viện Khổng Tử như một kênh tác động trực tiếp sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc tại khu vực [Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Thu Phương, 2015, tr.90]. Mặc dù Trung Quốc rất nỗ lực thúc đẩy phổ biến Học viện Khổng Tử và Lớp học Khổng Tử nhưng do những sắc thái mang tính chính trị nhạy cảm nên về cơ bản các Học viện này chưa đạt được hiệu quả như kỳ vọng [Lê Hoàng Anh, 2022, tr.39]. Đồng thời, Trung Quốc cung cấp học bổng, trợ cấp và nguồn lực để hỗ trợ giáo dục ngôn ngữ Trung Quốc tại các trường học và đại học ở Đông Nam Á. Bằng cách khuyến khích học tiếng Quan Thoại, Trung Quốc nhằm mục đích nâng cao ảnh hưởng ngôn ngữ của mình và nuôi dưỡng một thế hệ người nói tiếng Trung Quốc mới trong khu vực. Không chỉ vậy, Trung Quốc tổ chức trao đổi văn hóa, triển lãm nghệ thuật và biểu diễn để giới thiệu di sản văn hóa và truyền thống nghệ thuật của mình ở Đông Nam Á. Những sự kiện này góp phần tăng cường hiểu biết văn hóa, gắn kết nhân dân và thiện chí giữa Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á.

Điểm mạnh của Trung Quốc nằm ở sự gần gũi về mặt địa lý, ngoại giao song phương và đa phương sâu sắc cùng môi liên kết văn hóa với các quốc gia Đông Nam Á. Quyền lực mềm của Trung Quốc có sự gia tăng ở khu vực thể hiện mức độ thành công trong chiến lược ở lĩnh vực văn hóa với sự lan rộng và chấp nhận của văn hóa Trung Quốc, đặc biệt có thể xoa dịu lo lắng về một Trung Quốc đang trỗi dậy. Quyền lực mềm của Trung Quốc có thể có tác động ngược lại và gây ra tác động tiêu cực. Mô hình của Trung Quốc hướng tới theo kiểu “Đòng thuận Bắc Kinh” để thay thế cho “sự đồng thuận của Washington”. Tuy nhiên, Trung Quốc gặp nhiều khó khăn trong việc hiện thực hóa tham vọng về sức mạnh mềm văn hóa, nhất là khi nước này gia tăng các hành vi cứng rắn tại khu vực nhằm đẩy mạnh hơn chiến lược cường quốc biển của mình. Các cách tiếp cận chính trị cùng chiến lược tuyên truyền của Trung Quốc không thể đạt được lòng tin của các quốc gia Đông Nam Á trước những áp lực thường xuyên của nước này ở lĩnh vực an ninh - quân sự và các yêu sách chủ quyền bất hợp pháp và việc xây dựng, nhân tạo hóa đảo ở Biển Đông. Không chỉ vậy, chính sách ngoại giao bầy nợ trong kinh tế càng làm suy yếu sức mạnh mềm của Trung Quốc. Các hoạt động hợp tác văn hóa và quyền lực mềm đóng vai trò quan trọng trong cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á. Cả hai nước đều triển khai một loạt chiến thuật, bao gồm giáo dục ngôn ngữ, trao đổi văn hóa, tương tác với truyền thông và ngoại giao công chúng, để tăng cường ảnh hưởng, định hình nhận thức và thúc đẩy lợi ích của họ trong khu vực. Khi cạnh tranh ngày càng gia tăng, ngoại giao văn hóa là công cụ quan trọng của cả Mỹ và Trung Quốc trong nỗ lực giành được sự ủng hộ và gia tăng ảnh hưởng ở các nước Đông Nam Á. Dù chiếm ưu thế về nền văn hóa nhiều tương đồng với các quốc gia Đông Nam Á, ảnh hưởng của sức mạnh mềm và ảnh hưởng văn hóa của Trung Quốc phổ biến nhiều hơn, tuy vậy, chưa chiếm ưu thế bằng văn hóa Mỹ vì nhiều lý do khách quan lẫn chủ quan [Huang, Ding, 2006, tr.22-44]. Các vấn đề về lịch sử, văn hóa và bản chất xung đột với các cuộc đấu tranh giành ảnh hưởng và quyền lực trong khu vực đều trở thành các nhân tố ảnh hưởng lớn đến cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á trên lĩnh vực văn hóa.

Tiểu kết

Từ năm 2009 đến năm 2020, cả Mỹ lẫn Trung Quốc đều có sự thay đổi về chính sách đối ngoại đối với khu vực Đông Nam Á. Với mong muốn duy trì sức mạnh và chuẩn bị đối với một Trung Quốc đang trỗi dậy, Mỹ thúc đẩy mạng lưới quan hệ đối tác an ninh và khẳng định cần đảm bảo rằng hòa bình và an ninh ở Đông Nam Á là một trong những ưu tiên trong chương trình nghị sự ngoại giao và an ninh của nước này. Trong khi đó, Trung Quốc thể hiện mong muốn tái cấu trúc một trật tự có lợi cho sự phát triển bằng các biện pháp về cả chính trị, kinh tế lẫn quân sự. Hai cường quốc đều thận trọng dẫn đến các “sai lầm” về chiến lược Mỹ và Trung Quốc cùng chia sẻ nhiều lợi ích ở Đông Nam Á. Sự thay đổi trong chiến lược cùng tinh thần sẵn sàng cạnh tranh trực diện của Mỹ với Trung Quốc ở Đông Nam Á càng thể hiện quan tâm và ưu tiên của khu vực đối với cả hai cường quốc. Các động thái của Mỹ và Trung Quốc trên các lĩnh vực như chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại, an ninh - quốc phòng, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác đều thể hiện tầm quan trọng của Đông Nam Á trong bàn cờ chiến lược. Điều này thể hiện rõ ở các mục tiêu nhằm bảo vệ các lợi ích chiến lược từ cả hai cường quốc và mang tính toàn diện, đa chiều và đặc trưng bởi căng thẳng và cạnh tranh. Ý nghĩa địa chính trị, tiềm năng kinh tế và vị trí chiến lược của khu vực khiến trở thành chiến trường quan trọng về ảnh hưởng và quyền lực giữa hai siêu cường. Trung Quốc đã có nhiều chiến lược phù hợp để giảm khoảng cách phát triển với Mỹ và đối phó với chiến lược thay đổi từ siêu cường duy nhất hiện nay.

CHƯƠNG 4

NHẬN XÉT VỀ CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC MỸ - TRUNG TẠI ĐÔNG NAM Á TỪ NĂM 2009 ĐẾN NĂM 2020, DỰ BÁO XU HƯỚNG VẬN ĐỘNG, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH VÀ KIẾN NGHỊ CHO ASEAN VÀ VIỆT NAM

4.1. Nhận xét về kết quả cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020

Giai đoạn 2009-2020 là thời gian mà Mỹ và Trung Quốc triển khai thực hiện nhiều chiến lược, chính sách thúc đẩy và ủng hộ với cạnh tranh chiến lược ở Đông Nam Á. Cả hai nước đều thực hiện nhiều chiến lược và chính sách khác nhau nhằm thúc đẩy lợi ích riêng và mở rộng ảnh hưởng trong khu vực. Đồng thời, “cạnh tranh chiến lược” đã trở thành phương thức chủ đạo trong quan hệ song phương Mỹ - Trung [Wang, 2022, tr.1-30]. Đông Nam Á là một trong những khu vực quan trọng nhất trong cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung. Cả Trung Quốc và Mỹ đều phải đối mặt với những khó khăn trong việc thiết lập vai trò lãnh đạo ở Đông Nam Á. Quan hệ của Mỹ và Trung Quốc từ năm 2009 đến năm 2020 thường được mô tả là không phải bạn cũng không phải kẻ thù. Đó là sự mô tả đơn giản nhưng phù hợp về mối quan hệ song phương giữa hai cường quốc. Tuy vậy, cả Mỹ lẫn Trung Quốc đều sử dụng nhiều cơ chế và đã để lại dấu ấn sâu sắc ở khu vực Đông Nam Á so với sự hiện diện kinh tế và quân sự. Mặc dù mỗi cường quốc đều có những lợi thế so sánh riêng, nhưng cả hai đều sở hữu và triển khai một loạt công cụ trong nhiều lĩnh vực – chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại, an ninh - quốc phòng... với những khả năng toàn diện. Quan hệ song phương Mỹ - Trung là mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau và gây nhiều tranh cãi trong bối cảnh Trung Quốc trở nên quyết đoán hơn ở khu vực. Quan hệ Mỹ - Trung dưới thời Trump ở tình trạng bấp bênh khi hai cường quốc phụ thuộc lẫn nhau hơn nhưng cũng có nhiều tranh chấp hơn. Bên cạnh đó, việc xem quyền lực là tiêu chí và các đo lường sức mạnh để đánh giá ảnh hưởng vẫn còn là nội dung gây tranh cãi trong nghiên cứu cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung [Dahl, 1957, tr.203]. Điều này dẫn đến các nhận định khác nhau ở cùng một vấn đề. Tuy nhiên, Sutter nhấn mạnh sự thất bại của Mỹ khi thay đổi cách thể hiện quan điểm hướng tới việc cộng đồng dễ dẫn đến nhận định

là Trung Quốc đang lên và Mỹ đang suy thoái [Sutter, 2021, tr. 6]. Ngược lại, Shambaugh bác bỏ nhận thức sai lầm khi cho Mỹ đang suy yếu, vì vậy Mỹ là một “cường quốc bị đánh giá thấp”, trong khi Trung Quốc lại được đánh giá quá cao [Shambaugh, 2021, tr. 5]. Những quan điểm khác nhau này phản ánh hai cách tiếp cận khác nhau về phân tích quyền lực [Baldwin, 2016, tr.50]. Cụ thể, Shambaugh có xu hướng đi theo cách tiếp cận quyền lực như tài nguyên và gắn kết nhiều hơn về khả năng vật chất [Teixeira, 2021, tr.536–539].

Trong suốt thời kỳ này, cuộc cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc ở Đông Nam Á diễn ra trên nhiều lĩnh vực, bao gồm chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng, kinh tế - thương mại, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác. Nhiều phân tích về cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung dẫn đến sự khác biệt trong nhận định trong những quan điểm cạnh tranh, sự hòa hợp giữa các cường quốc và cụ thể là một trật tự bá quyền do Trung Quốc hoặc Mỹ dẫn đầu [Zha, 2023, 241–261]. Về chính trị - ngoại giao, ảnh hưởng của Trung Quốc nhìn chung vượt trội hơn Mỹ ở nhiều quốc gia Đông Nam Á trong khi ảnh hưởng kinh tế - thương mại và quốc phòng - an ninh ngày một lớn hơn [Trần Khánh, 2023, tr.35]. Trung Quốc có lợi thế trong lĩnh vực kinh tế - thương mại và chính trị - ngoại giao và có nhiều ảnh hưởng hơn đối với khu vực nhờ vị trí địa lý. Trong khi đó, Shambaugh và Sutter cho rằng Mỹ chiếm ưu thế về kinh tế và quân sự [Shambaugh, 2021, tr.5, tr.78; Sutter, 2021, tr. 1–11]. Theo Ford, một điểm yếu của chính quyền Tổng thống Donald Trump là cố gắng kết hợp giữa cạnh tranh chiến lược với chủ nghĩa dân tộc trong “Nước Mỹ trên hết” [Ford, 2020, tr.11]. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung trong giai đoạn này làm nổi bật sức mạnh quân sự - quyền lực cứng - của Mỹ và sức mạnh kinh tế - quyền lực mềm - của Trung Quốc là biểu tượng cho vai trò tương ứng của hai cường quốc cạnh tranh nơi hai cường quốc gặp nhau ở Đông Nam Á [Shambaugh, 2021, tr.xix]. Yếu tố thúc đẩy cách tiếp cận của Mỹ với Đông Nam Á dưới thời Trump là sự hiện diện ngày càng mở rộng và sâu sắc của Trung Quốc trên khắp khu vực. “Trung Quốc đang sử dụng các biện pháp khuyến dụ và trừng phạt kinh tế, các hoạt động gây ảnh hưởng và ngụ ý đe dọa quân sự để thuyết phục các quốc gia khác tuân thủ chương trình nghị sự của mình” [Department of Defense, 2019, tr.9]. Với nhiều động thái bảo vệ yêu sách trên biển với các quốc gia ở Biển Đông và gây nguy hại đến tự do hàng hải, Mỹ xem Trung Quốc là “cường quốc theo chủ nghĩa xét lại”. Một trong những lo ngại của Mỹ là các quốc gia ở Đông Nam Á đang chọn Trung Quốc thay vì Mỹ và Mỹ đang “mất” khu vực vào tay Trung Quốc. Trong khi đó,

tình trạng bất ổn trong nước cũng có thể chuyển hướng sự chú ý của Mỹ khỏi khu vực khiến các cam kết Mỹ đề ra có thể không thể thực hiện trên thực tế. Tổng thống Donald Trump đã tác động mạnh mẽ đến quan hệ Trung-Mỹ. Chính quyền Trump đã chơi trò chơi có tổng bằng 0 và đặc điểm nổi bật của quan hệ Trung-Mỹ giai đoạn này là cạnh tranh chiến lược. Hai nước bắt đầu cạnh tranh chiến lược về thương mại, công nghệ cũng như sự thống trị về quân sự và chính trị.

4.1.1. Trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao

Quan điểm mang tính hệ thống đóng vai trò quan trọng trong việc xác định những xu hướng trong chính sách Đông Nam Á của Mỹ lẫn Trung Quốc. Từ năm 2009 đến năm 2020, Mỹ đã từng bước thực hiện các chiến lược với các chính sách đối ngoại ngày càng mạnh mẽ hơn với Trung Quốc và xem Trung Quốc là một đối thủ cạnh tranh chiến lược. Đặc biệt, Trung Quốc coi mối quan hệ với Mỹ là một trong những mối quan hệ quan trọng nhất trên thế giới và tin rằng mối quan hệ này sẽ tiếp tục định hình quỹ đạo của chính trị và kinh tế toàn cầu trong nhiều năm tới. Đặc biệt, cạnh tranh chiến lược đã trở thành mô hình mới trong quan hệ Mỹ - Trung khi chính quyền Mỹ đã mô tả Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh chiến lược từ năm 2017. Căng thẳng gia tăng về các vấn đề như tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông, mất cân bằng thương mại và lo ngại về nhân quyền. Dù đã dành nhiều nỗ lực cho trọng tâm là Đông Nam Á trong chiến lược tại châu Á - Thái Bình Dương. Được khởi xướng từ năm 2009 bởi Tổng thống Barack Obama, tính chất của cạnh tranh chiến lược đã xuất hiện và được kế thừa, thậm chí phát triển mạnh ở thời Tổng thống kế nhiệm là Donald Trump. Chiến lược kiềm chế Trung Quốc của Mỹ có thể được xem là công khai bắt đầu từ thời Tổng thống Barack Obama khi thực hiện chính sách “Xoay trục” nhằm xây dựng hệ thống liên minh - đối tác để bao vây Trung Quốc [Nguyễn Ngọc Anh, 2019, tr.16]. Mục tiêu chính sách là tương đồng nhưng cách tiếp cận chính sách của hai vị Tổng thống khác nhau khi Obama tập trung vào vai trò hợp tác, thì Trump nhấn mạnh đến sự rắn đe và kiềm chế [Nguyễn Đăng Khoa, tr.32]. Về bản chất, đây là cuộc cạnh tranh giữa một cường quốc đang lên và một cường quốc tại vị vì một mục đích chung là trở thành siêu cường có ưu thế vượt trội trên thế giới [Lê Đình Tĩnh, Nguyễn Đức Chính, 2020, tr.16].

Đồng thời, dù muốn hay không dường như Mỹ vẫn bị mắc kẹt trong một cuộc cạnh tranh có tính hợp tác với Trung Quốc [Nye, 2023]. Mỹ ưu tiên duy trì sự hiện diện và vai

trò lãnh đạo ở Đông Nam Á thông qua chính sách tái cân bằng hướng tới khu vực châu Á – Thái Bình Dương và sau đó là Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Rộng mở. Điều này bao gồm việc củng cố các liên minh an ninh, thúc đẩy quan hệ đối tác kinh tế và tham gia vào các sáng kiến ngoại giao nhằm duy trì trật tự dựa trên luật lệ và chống lại sự quyết đoán ngày càng tăng của Trung Quốc. Mỹ phải đối mặt với những thách thức trong việc cân bằng các cam kết của mình với khu vực trong bối cảnh các ưu tiên toàn cầu và những lo ngại trong nước đang cạnh tranh nhau. Xét về khả năng tương đối và phạm vi thực hiện các nghĩa vụ toàn cầu của Mỹ, các chính quyền Mỹ có sự chuyển dịch qua các cách tiếp cận đơn phương, hoặc tập trung các quốc gia “có cùng chí hướng”. Nhưng đây là cách tiếp cận khiến nhiều nước Đông Nam Á tránh né [Pempel, 2019, tr.256–65; Huong Le Thu, 2021, tr.48–53]. Hơn nữa, sự mất cân bằng đáng kể giữa lợi ích giữa Mỹ và Trung Quốc làm suy yếu uy tín về khả năng răn đe của Mỹ và khả năng thực hiện cam kết của Mỹ với các nước trong khu vực. Mỹ đã có những tính toán sai lầm về chiến lược trong những giai đoạn trước và khiến cục diện đối đầu trong quan hệ Mỹ - Trung là không thể tránh khỏi dưới thời Trump. Tuy nhiên, định hướng cuộc cạnh tranh chiến lược của chính quyền Obama chưa đạt được thành công hoàn toàn như kỳ vọng dù việc chuyển trọng tâm sang châu Á được xem là một quyết định đúng đắn của chính quyền Obama. Tiếp đó, đến thời Tổng thống Trump, Mỹ lại chưa thể kiểm soát tốt phản ứng của Trung Quốc cũng như thiếu các giải pháp dự phòng cho các động thái từ Trung Quốc. Nếu Mỹ sử dụng chính sách ngoại giao thận trọng và nhất quán phối hợp với các đồng minh, đối tác tại Đông Nam Á, thường xuyên phản ứng thiết thực các chính sách mạnh mẽ của Trung Quốc từ sớm, Trung Quốc khi đó tiềm lực còn yếu có thể đã rút lui và một trạng thái cân bằng sơ bộ có thể đã được thiết lập và duy trì trong các lĩnh vực hợp tác chính. Đồng thời, trong trường hợp Trung Quốc đi theo con đường đối đầu, khi ấy, Mỹ ở vị thế cao hơn có thể phản ứng mạnh mẽ hơn. Với sự phức tạp của các tranh chấp chồng chéo liên quan đến địa chiến lược lẫn tranh chấp chủ quyền về biển đảo tại Biển Đông, các hoạt động của Mỹ dưới thời kỳ Obama vẫn chưa thể hiện vai trò lãnh đạo rõ nét. Chính quyền Obama bị chỉ trích vì tính hiệu quả của việc triển khai các hoạt động tại đây. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung dưới thời Obama trong hầu hết các lĩnh vực đều chưa được thể hiện rõ nét. Đáng chú ý, chính quyền Donald Trump áp dụng một chính sách an ninh mạnh mẽ hơn đối với khu vực so với chính sách của người tiền nhiệm. Tuy vậy, các ứng xử mạnh mẽ và có phần bộc trực

như tính cách của Tổng thống Donald Trump lại đối lập với những người Đông Nam Á dè dặt. Cách hành xử của Tổng thống Donald Trump trong một số trường hợp ngoại giao đã làm phức tạp thêm nỗ lực nhằm xây dựng sự phối hợp chặt chẽ hơn với các đồng minh và đối tác thân cận của Mỹ trong khu vực.

Xét một cách tổng thể, Trung Quốc đang có tương quan ngày càng cân bằng hơn với Mỹ tại khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn 2009-2020 [Lê Đình Tĩnh, Nguyễn Đức Chính, 2020, tr.21]. Evan Medeiros và các cộng sự cho rằng Trung Quốc đã đạt được một sức ảnh hưởng thụ động và chưa đạt được “ảnh hưởng tấn công” khi ảnh hưởng của Trung Quốc không thể làm suy yếu các mối quan hệ liên minh với Mỹ [Medeiros et al., 2008, tr.xvi]. Trong khi đó, Trung Quốc chọn một chiến lược “vừa sức” khi kết hợp các biện pháp mềm mỏng và nỗ lực củng cố nội lực để đối phó với Mỹ [Lê Đình Tĩnh, Nguyễn Đức Chính, 2020, tr.20]. Giới lãnh đạo Trung Quốc đặt nhiều quan tâm vào chính sách ngoại giao láng giềng, với tiền đề rằng quan hệ láng giềng ổn định là điều kiện tiên quyết để Trung Quốc đạt được “Hai mục tiêu thế kỷ” và hiện thực hóa sự phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa [Xi, 2013]. Theo quan điểm thế giới quan hài hòa, Trung Quốc đã áp dụng chính sách “láng giềng tốt” với “năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình” (和平共处五项原则) làm nền tảng cho việc hình thành một nền môi trường quốc tế hòa bình. Sau đó, tiếp tục phát triển thành “cộng đồng chung cùng chia sẻ tương lai” dành cho các quốc gia láng giềng. Trung Quốc theo đuổi một chương trình nghị sự đầy tham vọng nhằm tăng cường ảnh hưởng ở Đông Nam Á thông qua các sáng kiến như Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI). Các khoản đầu tư kinh tế, các dự án cơ sở hạ tầng và hoạt động ngoại giao của Trung Quốc nhằm mục đích củng cố quan hệ đối tác chiến lược và tăng cường ảnh hưởng đối với các vấn đề khu vực. Bất chấp phải đối mặt với sự hoài nghi và phản kháng từ một số nước Đông Nam Á, sức mạnh kinh tế ngày càng tăng và hành vi quyết đoán của Trung Quốc trong các tranh chấp lãnh thổ đã định hình lại động lực khu vực. Trung Quốc tập trung vào tầm nhìn “Cộng đồng chung vận mệnh” và ba sáng kiến là BRI, An ninh toàn cầu (GSI) và Phát triển toàn cầu (GDI). Những sáng kiến này khi triển khai đều được chú trọng thực hiện ở Đông Nam Á đầu tiên thể hiện sự ưu tiên lớn của khu vực đối với Trung Quốc [Trần Ngọc Dũng, Nguyễn Duy Thái, 2023, tr.61].

4.1.2. Trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng

Trong thời gian dài, Mỹ đã định hình trật tự ở Đông Nam Á dựa trên ưu thế quân sự bởi một mạng lưới các liên minh - đối tác. Mỹ trở thành đất nước dẫn dắt vì nước này mang lại an ninh, ổn định bền vững, hỗ trợ nền kinh tế thị trường và duy trì quan hệ đối tác với nhiều chủ thể chính trị trong khu vực. Tuy vậy, điều này dần thay đổi bởi sự trỗi dậy của Trung Quốc và dẫn đến việc thúc đẩy sự cân bằng quyền lực địa chính trị mới. Với trật tự do Mỹ chiếu ưu thế đã được hình thành, Trung Quốc không có nhiều tiếng nói trong trật tự chính trị quốc tế. Trong khi đó, sự trỗi dậy của Trung Quốc về mặt quân sự tạo ra động lực cạnh tranh cho trật tự châu Á. Cả Mỹ lẫn Trung Quốc đều có sự gia tăng cường độ về các hoạt động hàng hải ở Biển Đông. Trong nhiều thời điểm leo thang căng thẳng, một cuộc tranh chấp quân sự đã thực sự đã không xảy ra. Trong khi đó, bất đồng nảy sinh liên quan đến lĩnh vực an ninh và hàng hải ở Đông Nam Á liên quan đến các hành động của Trung Quốc trên biển là lý do hợp tác của Mỹ với các quốc gia Đông Nam Á có nhiều biến chuyển hợp tác đi vào chiều sâu.

Không chỉ vậy, những động thái quyết liệt mở rộng ảnh hưởng ở khu vực của Trung Quốc cũng vấp phải sự phản đối của Mỹ [Puri, 2022]. Thực tế, nhiều chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc ở Biển Đông đã chuyển sang răn đe [Nguyen, 2016]. Chiến lược của Mỹ tại Đông Nam Á không có tính nhất quán cao và khó đoán, khi có lúc thể hiện sự lơ là nhưng có những thời điểm hoạt động quân sự mạnh mẽ [Mauzy, Job, 2007, tr.622–41; Graham, 2013, tr.305–332; Dalpino, 2017, tr.3–8]. Mỹ bắt đầu tiến trình tái can dự ở khu vực, Mỹ không đối đầu với Trung Quốc nhưng áp dụng một chiến lược phòng ngừa rủi ro nhằm chủ động để quản lý [Castro, 2013, tr.331–349]. Về mặt chiến lược, Mỹ duy trì các mối quan hệ liên minh với Philippines và Thái Lan, sự hiện diện quân sự và mối quan hệ an ninh hợp tác với Singapore, cũng như các hoạt động trao đổi quân sự và an ninh tích cực khác với Việt Nam, Malaysia và Indonesia. Các đồng minh của Mỹ là Nhật Bản, Úc và đối tác thân cận là Ấn Độ trong Bộ tứ Kim cương theo đuổi những nỗ lực bổ sung nhằm xây dựng năng lực chiến lược với các nước Đông Nam Á nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hàng hải trước thách thức bởi Trung Quốc. Chiến lược phòng ngừa rủi ro giả định rằng trong số các cường quốc mới nổi, Trung Quốc có tiềm năng lớn nhất để cạnh tranh quân sự với Mỹ trong tương lai. Cách tiếp cận này đôi khi tạo điều kiện thuận lợi và mở rộng cơ hội cho Trung Quốc khắc sâu khoảng cách giữa Mỹ và các đồng minh và làm suy yếu mạng lưới an ninh khu vực. Điều này dẫn đến nhận định Mỹ có vẻ như đã tìm ra cách để chung

sống với những gì Trung Quốc đã làm ở vùng biển tranh chấp ở Đông Nam Á [Bisley, 2020, tr.161-176].

Mặc dù các kế hoạch BRI và AIIB do Trung Quốc dẫn đầu vẫn chưa giúp tăng cường sức mạnh của Trung Quốc trong khu vực, tuy nhiên một số quốc gia vẫn lo ngại rằng những sáng kiến này có tiềm năng lớn giúp Trung Quốc mở rộng phạm vi ảnh hưởng và tăng cường triển khai sức mạnh hàng hải. Đồng thời, Trung Quốc đã thực hiện quá trình hiện đại hóa quân sự và có nhiều động thái tại Biển Đông - khu vực biển nhiều tranh chấp của Đông Nam Á. Trung Quốc gọi chiến dịch này là “các cuộc đấu tranh bảo vệ quyền hàng hải cường độ thấp” [Erickson, 2019]. Những động thái mạnh mẽ trên biển của Trung Quốc chỉ tập trung ở một số điểm nóng thay vì toàn khu vực. Các quốc gia Đông Nam Á có tranh chấp trên biển với Trung Quốc có xu hướng duy trì hợp tác an ninh chặt chẽ với Mỹ. Vì vậy, quá trình “xoay trục” của chính quyền Obama bị chỉ trích là “khẩu pháo rỗng” vì dường như đã không thể giành được thành công như mục tiêu đã đề ra, thậm chí, ở giai đoạn này, Trung Quốc thành công quá trình “nhân tạo hóa” các khu vực tranh chấp trên Biển Đông, hay chiếm ưu thế hơn Philippines ngay sau phán quyết của Tòa án Trọng tài Hague mà kết quả nghiêng về Philippines [Shambaugh, 2021, tr.11]. Thực tế, đây là chiến lược “vùng xám” vì không thể nhận định rõ ràng và không phải là một chiến lược hòa bình [Dutton, 2023, tr.19-35]. Vì sức mạnh quân sự dựa trên nền tảng kinh tế và công nghệ, cả Trung Quốc và Mỹ đều rất chú trọng đến sự phát triển của nhau. Khả năng quân sự phát triển mạnh mẽ của hai cường quốc thúc đẩy hai nước không ngừng theo đuổi lợi thế cạnh tranh. Theo Allison, Mỹ Trung Quốc đã rơi vào bẫy Thucydides, trong đó chiến tranh dễ xảy ra hơn khi một cường quốc đương nhiệm (Mỹ) cảm thấy bị đe dọa trước sự trỗi dậy của một cường quốc mới nổi (Trung Quốc). Tuy vậy, với sức mạnh quân sự lớn, Mỹ vẫn là quốc gia đứng đầu thế giới trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng và là sự lựa chọn tối ưu đối với các quốc gia Đông Nam Á. Hệ thống phân cấp an ninh do Mỹ đứng đầu tiếp tục thống trị. Các nước Đông Nam Á tiếp tục hướng tới Mỹ để đảm bảo an ninh và tăng cường năng lực quân sự như một biện pháp răn đe khiến Trung Quốc phải có những động thái thích hợp và sự lựa chọn chiến lược phù hợp với an ninh và đảm bảo hòa bình của khu vực.

4.1.3. Trong lĩnh vực kinh tế - thương mại

Trật tự kinh tế của Đông Nam Á được định hình nhờ các hiệp ước, thể chế do Mỹ đứng đầu. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế vượt trội và sự mở rộng thương mại khu vực, Trung Quốc trở thành một phần không thể thiếu trong trật tự toàn cầu. Đáng chú ý, Trung Quốc đã trở dậy về mặt kinh tế bằng cách tận dụng trật tự cũ thông qua các hiệp định thương mại, đầu tư và đa phương trong khu vực. Khi hợp tác kinh tế và thương mại đa phương phát triển ở Đông Nam Á, các dấu hiệu của cuộc tranh giành quyền lực lớn giữa Trung Quốc và Mỹ cũng tăng theo. Hệ thống phân cấp kinh tế bị chi phối bởi Trung Quốc được hình thành. Trong khi đó, hầu hết các nước trong khu vực đều gắn bó chặt chẽ với Trung Quốc trong các vấn đề hợp tác kinh tế và thương mại. Trước đó, hầu hết các quốc gia đều có Mỹ là đối tác thương mại lớn. Trong giai đoạn 2009-2020, Trung Quốc dần trở thành đối tác thương mại hàng đầu của các nền kinh tế Đông Nam Á. Điều này cho thấy dù Mỹ vẫn là nền kinh tế lớn nhất thế giới nhưng trung tâm kinh tế của châu Á lại là Trung Quốc.

Trong suốt hai nhiệm kỳ của Barack Obama, Mỹ bắt đầu coi cạnh tranh chiến lược là định hướng cơ bản đối với Trung Quốc trong thời kỳ hậu khủng hoảng tài chính, được quyết định bởi logic vĩ mô mới của địa chính trị bắt nguồn từ tương phản về sức mạnh giữa Mỹ và Trung Quốc và những thay đổi trong các lựa chọn chiến lược tương ứng của cả hai nước [Wang, 2022, tr.1-30]. Tiếp đó, chính quyền Trump có đường lối cứng rắn đối với Trung Quốc trong hầu hết mọi vấn đề quan trọng trong mối quan hệ song phương. Trong khi đó, hành vi quyết đoán hơn trong khu vực của Trung Quốc một phần do việc hiểu sai các xu hướng quyền lực toàn cầu, như việc xem khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 làm thay đổi cơ bản trong cán cân quyền lực tương đối giữa Mỹ và Trung Quốc [Przystup, Saunders, 2017, tr.30]. Mô hình kinh tế thành công của Trung Quốc cần phải được điều chỉnh để đáp ứng những cải cách cần thiết. Hơn nữa, những nỗ lực nhằm kích thích nền kinh tế sau cuộc khủng hoảng tài chính đã tạo ra gánh nặng nợ ở nhiều cấp độ khác nhau trong hệ thống tài chính Trung Quốc, làm tăng nguy cơ xảy ra một cuộc khủng hoảng tài chính lớn.

Đồng thời, chính quyền Trump tiếp cận chính sách đối với Trung Quốc và Đông Nam Á thay đổi hoàn toàn chiến lược cơ bản mà Mỹ đã theo đuổi trong nhiều thập kỷ. Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của chính quyền Trump liên quan đến thương mại, đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng, nhưng mức độ tiếp nhận của các nước trong khu vực

khác nhau tùy theo lĩnh vực vấn đề. Trong đó cơ sở hạ tầng và đầu tư được đón nhận tích cực còn thương mại lại không. Trong khu vực Đông Nam Á, Mỹ muốn thúc đẩy môi trường đầu tư, tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân và khuyến khích tinh thần kinh doanh và đổi mới. Mặc dù không có xung đột rõ ràng giữa các chính sách đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng ở Đông Nam Á, nhưng cả Mỹ và các quốc gia Đông Nam Á đều không quá mặn mà dẫn đến các cơ cấu quản trị bị phân tán hơn [Pitakdumrongkit, 2019, tr.2]. Cấu trúc quản trị ở đây là cấu trúc tổng thể của các tổ chức công và tư bao gồm các tổ chức, nguyên tắc, chuẩn mực, quy định và thủ tục ra quyết định trong một lĩnh vực vấn đề nhất định của quan hệ quốc tế [Biermann và các cộng sự, 2009, tr.15]. Đồng thời, Mỹ thể hiện mong muốn hợp tác với những bên tham gia có cùng chí hướng để xây dựng hệ thống thương mại toàn cầu nhằm nâng cao mức sống cho cả công dân Mỹ và thế giới nói chung. Đối với Mỹ, việc tạo ra các quy tắc tốt tạo thuận lợi cho đầu tư giữa Mỹ và các nền kinh tế khu vực sẽ không chỉ nâng cao thương mại và đầu tư mà còn thúc đẩy sự thịnh vượng cho tất cả các bên liên quan và đôi bên cùng có lợi. Về cơ sở hạ tầng/kết nối, chính quyền Mỹ muốn thúc đẩy quản trị tốt, đặc biệt liên quan đến việc tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở hạ tầng chất lượng cao, các dự án kết nối có giá trị tốt nhất hoặc hiệu quả về mặt chi phí và phát triển bền vững [NSS, 2017, tr.47]. Ngoài ra, chính quyền Trump muốn củng cố và tăng cường quan hệ đối tác với các bên tham gia và tổ chức trong khu vực để xác định, tài trợ và thực hiện các dự án kết nối hợp lý về mặt tài chính. Đáng chú ý, chính sách này của Mỹ đặt Đông Nam Á ở giữa hoặc “trung tâm” của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, mở đường cho vai trò nâng cao của khu vực này trong việc thay đổi sự phát triển trong tương lai của cấu trúc khu vực. Điều này cũng thể hiện mong muốn của Mỹ trong việc tận dụng các cơ chế khu vực để tăng cường hơn nữa sự hợp tác kinh tế giữa Mỹ và các bên trong khu vực. Tuy vậy, chính sách này không đạt được thành quả như kì vọng bởi ảnh hưởng của BRI từ Trung Quốc cũng như do sự thiếu nhất quán trong triển khai chính sách từ Mỹ trong thời gian dài.

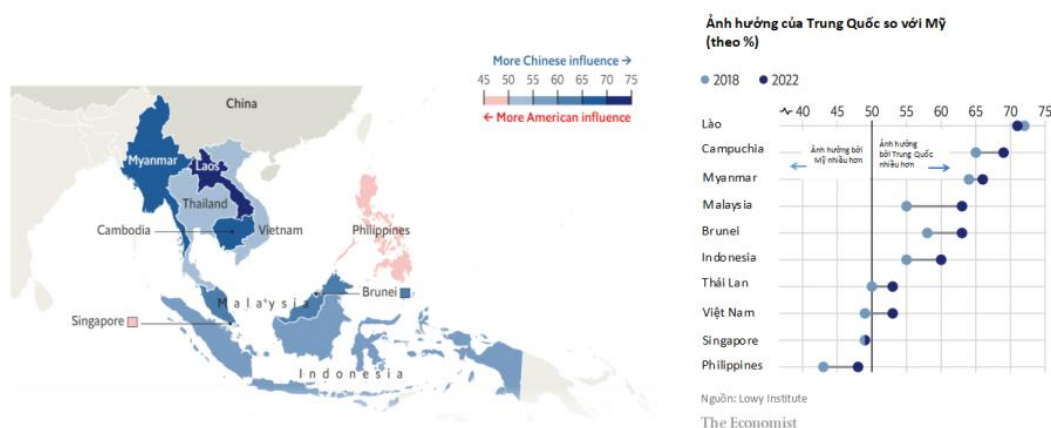
Trong khi đó, Tổng thống Trump rút khỏi TPP - một nỗ lực lớn của Obama đối với khu vực - được xem là một thiếu sót khi thiếu những phân tích nghiêm túc về những lợi ích địa kinh tế và địa chính trị đáng kể của TPP đối với Mỹ. Với chính sách hai mặt khi vừa tăng cường hợp tác Mỹ - Trung vừa tăng cường sự hiện diện quân sự của Mỹ đã thúc đẩy sự phản kháng và “trả đũa” từ Trung Quốc, khiến căng thẳng leo thang ở khu vực và

một số phản ứng của Mỹ cũng thiếu hiệu quả trước sự leo thang này. Việc chính quyền Trump quyết định rút khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương đã làm các quốc gia Đông Nam Á nghi ngờ cam kết thực hiện vai trò lãnh đạo khu vực của Mỹ. Theo Shaun Narine, Mỹ rút khỏi TPP liên quan đến việc các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã dễ dàng trở thành mục tiêu cho sự phẫn nộ của người dân và sự bất mãn trước tình trạng bất bình đẳng về kinh tế, xã hội và chính trị trong nước ở các tiểu bang [Narine, 2018, tr.58]. Trong khi đó, sự chia rẽ về ý thức hệ, văn hóa và xã hội khiến Mỹ trở thành quốc gia có nhiều vấn đề nội bộ. Narine cho rằng khi Mỹ khó có thể theo đuổi bất kỳ FTA đa phương mới nào, do đó, các nước Đông Nam Á có lý do để nhận thức về Mỹ với tư cách là một đồng minh khu vực không đáng tin cậy [Narine, 2018, tr.63; Liu, 2020, tr.18]. Ngoài ra, Mỹ đưa ra các sáng kiến, cơ chế hợp tác đối trọng, trọng tâm là an ninh và mở rộng dần ra các lĩnh vực khác như Tầm nhìn về một khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Mở rộng (IPS); Nhận thức trong lĩnh vực hàng hải (IPMPA); Khuôn khổ kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì sự Thịnh vượng (IPEF). Theo Haas, chính sách không nhất quán của Mỹ khiến Đông Nam Á rơi vào tình trạng lúng túng, bề ngoài ổn định nhưng không chắc chắn về tương lai [Manyin et al, 2012, tr.9]. Ý nghĩa rộng hơn của điều này là Mỹ dần đánh mất danh tiếng như một chủ thể khu vực đáng tin cậy, dẫn đến sự mất tín nhiệm từ các quốc gia tại khu vực. Vì vậy, các nước Đông Nam Á cảm thấy Mỹ thiếu sự quan tâm lâu dài đến khu vực, cách tiếp cận đơn phương và thiên về các vấn đề kinh tế bên lề.

Ở quá khứ, Mỹ được coi là cường quốc chiến lược quan trọng nhất và là cường quốc kinh tế hàng đầu trong khu vực, nhưng ở giai đoạn này, Trung Quốc đã trở thành nước có ảnh hưởng nhiều hơn [ISEAS, 2020; ISEAS, 2021]. Trong khi đó, Trung Quốc được xem là động lực tăng trưởng kinh tế cho khu vực. Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) cung cấp nguồn tài chính và năng lực xây dựng rất cần thiết đối với các nước đang phát triển. Không chỉ vậy, nước này gây ảnh hưởng mạnh mẽ lên các chính phủ khiến sự phụ thuộc vào giao thông, thông tin liên lạc và cơ sở hạ tầng khác của Trung Quốc ngày càng tăng ở Đông Nam Á. Khi Mỹ chuyển trọng tâm từ các vấn đề toàn cầu sang các vấn đề đối nội thông qua chính sách “Nước Mỹ trên hết” của Trump, điều này gần như làm giảm vai trò quốc tế của nước này. Trung Quốc đã cố gắng lấp đầy khoảng trống bằng cách theo đuổi BRI, thiết lập sự thống trị ở Biển Đông và dẫn đầu một sự thay đổi mang tính quyết định trong cán cân quyền lực toàn cầu. Mỹ chỉ trích BRI là “ngoại giao bẫy nợ” có thể ảnh

hưởng đến các quyết định chính sách đối ngoại của các quốc gia mắc nợ nhiều, khiến họ bỏ phiếu cho Trung Quốc trong các tổ chức quốc tế. Trump đã gây nhiều áp lực kinh tế lên Trung Quốc để thay đổi các tập quán thương mại. Chính quyền Trump đã gây áp lực lên Trung Quốc và cảnh báo về mối đe dọa ngày càng tăng mà Trung Quốc đặt ra đối với lợi ích quốc gia và các giá trị dân chủ của Mỹ. Sự chuyển dịch và thay đổi về mức độ ảnh hưởng kinh tế của Trung Quốc đã được gia tăng mạnh mẽ thể hiện ở Hình 4.1.

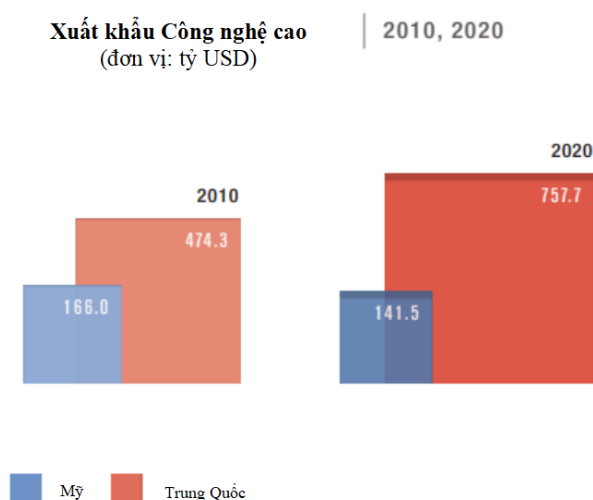
Hình 4.1. Sự thay đổi ảnh hưởng của Mỹ và Trung Quốc ở Đông Nam Á trong lĩnh vực kinh tế (The Economist, 2023)



4.1.4. Trong lĩnh vực khoa học - công nghệ

Sự cạnh tranh giành quyền thống trị trong các ngành công nghệ cao của lĩnh vực khoa học - công nghệ có tính chất quyết định quốc gia nào sẽ dẫn đầu về kinh tế và quân sự thế giới. Mỹ thực hiện nhiều chính sách toàn diện để tìm cách chống lại các thách thức từ Trung Quốc và ngăn chặn sự thống trị của Trung Quốc cùng tác động tiêu cực đối với an ninh và phúc lợi của Mỹ [Sutter, 2020, tr.1-2]. Ở giai đoạn này, Trung Quốc dù chưa thể đuổi kịp Mỹ về tiềm lực, sức mạnh quân sự, từ công nghệ đến khả năng tác chiến trên không, biển, vũ trụ, và ở quy mô toàn cầu. Tuy vậy, Trung Quốc đã đuổi kịp Mỹ trong một số lĩnh vực như: viễn thông mạng 5G hay một phần của trí tuệ nhân tạo. Đáng chú ý, Mỹ vẫn vượt trội về công nghệ nguồn và có cơ sở nền tảng vững chắc hơn Trung Quốc trong cuộc đua này. Đáng chú ý, Trung Quốc thống trị trong lĩnh vực sản xuất với xuất khẩu công nghệ cao tăng trưởng ổn định, trong khi Mỹ lại tụt lại phía sau như Hình 4.2.

Hình 4.2. Xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao của Mỹ và Trung Quốc năm 2010 và 2020 (Mazarr và các cộng sự, 2022, tr.17)



Nhận thức được vấn đề này, Donald Trump phát động cuộc chiến thương mại với trận chiến đầu tiên trên lĩnh vực khoa học - công nghệ. Xung đột về công nghệ, cơ sở hạ tầng và sở hữu trí tuệ đã leo thang cũng là sự khởi đầu của cuộc suy thoái toàn cầu tiếp theo. Cụ thể, vào năm 2018, Mỹ cấm các nhà cung cấp dịch vụ 5G của Trung Quốc và lên đến đỉnh điểm là Bộ Thương mại Mỹ đưa Huawei Technologies của Trung Quốc vào Danh sách công ty đã tham gia vào các hoạt động trái với lợi ích an ninh quốc gia hoặc chính sách đối ngoại của Mỹ [ISB, 2019]. Tranh chấp Huawei phản ánh bản chất cuộc cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc cùng các vấn đề tiềm ẩn mang tính chiến lược. Một phần nguyên nhân gây ra cuộc chiến thương mại là cuộc chiến công nghệ có tác động sâu sắc đến toàn bộ nền kinh tế toàn cầu.

Trong số các vấn đề gây tranh cãi nhất ở cuộc chiến công nghệ là sự tham gia của Huawei vào cơ sở hạ tầng 5G, kế hoạch sản xuất chiến lược của Trung Quốc “Made in China 2025”, hoạt động gián điệp mạng có động cơ kinh tế, cuộc đua làm chủ trí tuệ nhân tạo (AI) và việc bắt giữ các chuyên gia. Giám đốc tài chính Huawei Mạnh Văn Châu theo yêu cầu dẫn độ tạm thời của chính phủ Canada đối với Mỹ. Chính quyền Trump coi Huawei là mối đe dọa an ninh quốc gia. Mặc dù Huawei tuyên bố hoạt động độc lập với chính phủ Trung Quốc. Trên thực tế, Trung Quốc đã thể hiện rõ ràng về sự hợp nhất dân sự-quân sự, nghĩa là lợi ích của các công ty tư nhân phụ thuộc vào các mục tiêu quân sự. Một trong

những dự án lớn đầu tiên của Huawei là xây dựng cơ sở hạ tầng truyền thông cho Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc. Sau khi khuyến khích các nước trên toàn thế giới từ chối thiết bị của Huawei khi Huawei xây dựng mạng lưới truyền thông thế hệ tiếp theo, chính quyền Trump bắt đầu bổ sung các nỗ lực ngoại giao của mình nhằm ngăn chặn sự thống trị của Trung Quốc trong cơ sở hạ tầng toàn cầu bằng việc sử dụng mạnh mẽ sức mạnh kinh tế. Ví dụ, Mỹ cắt quyền truy cập của công ty vào các nguồn cung cấp quan trọng. Dịch vụ có giá trị nhất của Huawei, liên lạc không dây 5G, dựa vào phần cứng yêu cầu chip máy tính vật lý. Năm 2019, chính quyền Trump đã chặn việc bán chip do Mỹ sản xuất cho Huawei. Mỹ tuyên bố rằng các con chip được sản xuất bằng thiết bị từ Mỹ ở bất kỳ nơi nào trên thế giới đều không thể được bán hợp pháp cho Huawei [Chuanying, Huppenbauer, 2019, tr.36-39]. Bên cạnh đó, Trung Quốc nổi lên như nước dẫn đầu toàn cầu trong việc triển khai công nghệ 5G, cung cấp cơ sở hạ tầng và thiết bị cho các nước Đông Nam Á với giá cả cạnh tranh. Các công ty viễn thông Trung Quốc, như Huawei và ZTE, đã giành được hợp đồng xây dựng mạng 5G ở một số quốc gia Đông Nam Á, làm dấy lên mối lo ngại của các nhà hoạch định chính sách Mỹ về rủi ro bảo mật dữ liệu và quyền riêng tư. Mỹ tìm cách chống lại ảnh hưởng của Trung Quốc trong lĩnh vực viễn thông bằng cách thúc đẩy các lựa chọn thay thế cho thiết bị của Trung Quốc và ủng hộ việc áp dụng các tiêu chuẩn phương Tây cho mạng 5G. Tuy nhiên, Mỹ phải đối mặt với thách thức trong việc thuyết phục các nước Đông Nam Á loại các công ty Trung Quốc khỏi kế hoạch cơ sở hạ tầng 5G của họ.

Thực tế, sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc đã tạo điều kiện đầu tư rộng rãi vào cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ ở các nước Đông Nam Á. Trung Quốc tài trợ cho các dự án như mạng lưới đường sắt cao tốc, mạng viễn thông và thành phố thông minh, thúc đẩy việc áp dụng công nghệ và tiêu chuẩn của Trung Quốc trong khu vực. Đồng thời, nhận thấy tầm quan trọng chiến lược của khoa học và công nghệ, Mỹ đã tăng cường hợp tác với các nước Đông Nam Á thông qua các sáng kiến như Sáng kiến Hạ lưu sông Mê Kông và Ủy ban Hợp tác chung Khoa học và Công nghệ Mỹ-ASEAN. Những nỗ lực này nhằm mục đích thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực như an ninh mạng, khả năng phục hồi sau thảm họa và bảo tồn môi trường. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đã có tác động tích cực đến sự phát triển chung của các nước Đông Nam Á.

Ngoài ra, cả Mỹ và Trung Quốc đều tham gia vào các sáng kiến an ninh mạng và nỗ lực xây dựng năng lực ở Đông Nam Á nhằm tăng cường quản trị kỹ thuật số và chống lại các mối đe dọa mạng. Mỹ cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, chương trình đào tạo và nguồn lực an ninh mạng để giúp các quốc gia Đông Nam Á tăng cường phòng thủ mạng và giải quyết các thách thức mới nổi. Trong khi đó, Trung Quốc đã cung cấp kiến thức chuyên môn về an ninh mạng và quản trị kỹ thuật số cho các nước Đông Nam Á thông qua các hiệp định và khuôn khổ hợp tác song phương. Các công ty Trung Quốc cũng cung cấp các giải pháp an ninh mạng và dịch vụ cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, định vị Trung Quốc là đối tác quan trọng trong quá trình chuyển đổi kỹ thuật số của khu vực. Đồng thời, Mỹ và Trung Quốc cạnh tranh ảnh hưởng ở Đông Nam Á thông qua các sáng kiến hợp tác nghiên cứu và đổi mới. Trung Quốc cung cấp các khoản tài trợ nghiên cứu, học bổng và các dự án nghiên cứu chung cho các trường đại học và tổ chức nghiên cứu ở Đông Nam Á, thúc đẩy trao đổi học thuật và chia sẻ kiến thức. Song song các hoạt động trên, Mỹ thúc đẩy hợp tác nghiên cứu trong các lĩnh vực ưu tiên như y tế công cộng, biến đổi khí hậu và công nghệ nông nghiệp, tận dụng chuyên môn khoa học và nguồn tài trợ để hỗ trợ các nhà nghiên cứu Đông Nam Á và giải quyết các thách thức trong khu vực. Vì vậy, cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020 đã dẫn đến gia tăng đầu tư, hợp tác và cạnh tranh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Trong khi Trung Quốc đã có những bước tiến đáng kể trong việc thúc đẩy năng lực công nghệ và mở rộng ảnh hưởng trong khu vực, thì Mỹ lại tìm cách duy trì vị trí dẫn đầu về khoa học và công nghệ và định hình bối cảnh công nghệ khu vực phù hợp với lợi ích chiến lược của mình. Kết quả của cuộc cạnh tranh này có ý nghĩa sâu sắc đối với tương lai kỹ thuật số và sự phát triển công nghệ của Đông Nam Á.

4.1.5. Trong các lĩnh vực khác

4.1.5.1. Tập hợp lực lượng

Căng thẳng leo thang giữa Mỹ và Trung Quốc do các yếu tố mang tính cơ cấu và sự thay đổi quyền lực có hệ thống, tạo ra sự ngờ vực lẫn nhau. Mỹ coi Trung Quốc là mối đe dọa toàn cầu đối với lợi ích, tầm quan trọng và vai trò lãnh đạo của nước này. Ngược lại,

Trung Quốc coi Mỹ đang nỗ lực ngăn chặn Trung Quốc nổi lên như một cường quốc toàn cầu. Chính vì vậy, hai cường quốc muốn tập hợp lực lượng, lôi kéo các quốc gia ở Đông Nam Á ủng hộ vai trò và sự hiện diện của mình ở khu vực. Trung Quốc có những lợi thế với sự gần gũi về mặt địa lý và chia sẻ đường biên giới dài với các nước láng giềng cùng sự kiểm soát các con sông lớn có tầm quan trọng đối với các quốc gia Đông Nam Á. Ảnh hưởng của Trung Quốc đã tăng lên với sức mạnh ngày càng lớn và Mỹ gia tăng động thái để kiềm chế Trung Quốc. Đồng thời, với sự phát triển của Trung Quốc, Mỹ chưa điều phối tốt các thể chế của khu vực kết hợp với vai trò của luật pháp quốc tế để thúc đẩy sự phát triển chung của khu vực và giải quyết các tranh chấp trên biển [Cohen, 2019, tr.124-165].

Trong giai đoạn này, cả hai quốc gia tuyên bố áp dụng lập trường trung lập trong cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, mà cụ thể là “chiến lược phòng ngừa”, hoặc “vùng thích ứng” hay “vùng giữa”, tương ứng với một số phương án “tối đa hóa lợi nhuận” và một số phương án “dự phòng rủi ro” [Alan, 2016, tr.259–282]. Trên ngoại giao, thay vì tập hợp một chiến lược tập thể thống nhất hơn để duy trì sự cởi mở và ổn định trong khu vực, Trump lại sử dụng lời lẽ mang tính đối đầu đối với các đồng minh cũng như đối thủ. Trump thường xuyên chỉ trích các đồng minh trong khu vực về các vấn đề từ chi phí hỗ trợ cho đến thương mại [Ford, 2020, tr.1]. Trong khi đó, các quốc gia Đông Nam Á cũng lo ngại Mỹ đối đầu trực diện với Trung Quốc và hai cường quốc đi đến dàn xếp các vấn đề khu vực dựa trên lợi ích của chính mình. Nếu Mỹ đạt được một thỏa thuận thuận lợi về thương mại và đầu tư song phương và dùng đây như một nội dung trao đổi để Trung Quốc có nhiều không gian chiến lược hơn. Những lo ngại này không phải là thiếu căn cứ khi Mỹ trong giai đoạn này không tuân thủ nhất quán các giá trị và nguyên tắc của chính mình, từ đó, phần nào đã làm suy yếu quyền lực mềm của nước này tại khu vực.

Các nước Đông Nam Á đều có những kỳ vọng lâu dài về trách nhiệm mà các cường quốc lớn đảm nhận đối với sự phát triển của các nước nhỏ và những vấn đề di sản lịch sử [Ba, 2014, tr.158]. Mức độ đe dọa, theo sự cân bằng của lý thuyết mối đe dọa, bị ảnh hưởng bởi địa lý ở khoảng cách gần, khả năng tấn công và nhận thức của Trung Quốc về khu vực đã khiến các quốc gia Đông Nam Á lo ngại [Walt, 1987, tr.5]. Vấn đề lãnh thổ chưa được giải quyết đi liền với tranh chấp ở Biển Đông cùng các cuộc xung đột trong lịch sử với Trung Quốc khiến nhiều nước Đông Nam Á coi Trung Quốc là mối đe dọa nghiêm trọng

và không muốn chấp nhận vai trò lãnh đạo của Trung Quốc [Weitz, 2011, tr.6–14; Chen, Yang, 2013, tr.273; Cho, Park, 2013, tr. 83–85]. Trung Quốc có nhiều động thái quyết đoán hơn ở Đông Nam Á và thi hành chủ nghĩa trọng thương trong các chính sách kinh tế và độc đoán hơn ở chính trị trong nước. Các tác nhân trong quan hệ của Trung Quốc với các nước Đông Nam Á gây ra xung đột song phương và chủ nghĩa bài Trung [Han, 2021]. Một số quốc gia như Campuchia, Lào, Myanmar, Malaysia và Philippines đã chứng minh các chính phủ và xã hội dân sự thể hiện sự phản đối với sự hiện diện của Trung Quốc [Reeves, 2013, tr.139–49; Camba, 2022, tr. 2010–2035; Yeo, Gloria, 2023, tr.43–50]. Tuy nhiên, sự trỗi dậy của Trung Quốc là một sự phát triển không đồng đều [Ross, 2006, tr.392], không phải tất cả các quốc gia Đông Nam Á đều phản đối sự phát triển Trung Quốc. Vì vậy, cán cân quyền lực tại Đông Nam Á trong một số trường hợp lại thay đổi theo hướng có lợi cho Trung Quốc [Zha, 2023, 245].

4.1.5.2. Gia tăng ảnh hưởng về văn hóa

Cả hai nước đều tìm cách tận dụng các công cụ quyền lực mềm, như ngoại giao văn hóa và ảnh hưởng của truyền thông, để định hình nhận thức và thu hút sự ủng hộ ở Đông Nam Á. Theo Stromseth (2019), ảnh hưởng của Trung Quốc đối với các nước Đông Nam Á ngày càng phổ biến và còn có khả năng vượt qua Mỹ [Stromseth, 2019, tr.1]. Tuy nhiên, một số công trình cho thấy tầm ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc không thể sánh được với tầm ảnh hưởng của Mỹ và sự hấp dẫn với mô hình phát triển của Trung Quốc vẫn còn hạn chế [Huang, Ding, 2006, tr.22–44; Lai, 2020, tr.167–185; Kuo, Huang, Chu, 2022, 72–85]. Sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc đã dẫn đến xung đột về giá trị, trong đó mỗi quốc gia đều đề cao các nguyên tắc và chuẩn mực riêng của mình ở Đông Nam Á. Mỹ nhấn mạnh các giá trị như dân chủ, nhân quyền, pháp quyền và minh bạch, tìm cách thúc đẩy các nguyên tắc này thông qua các cam kết ngoại giao, hỗ trợ phát triển và hỗ trợ cho các tổ chức xã hội dân sự ở các nước Đông Nam Á. Mặt khác, Trung Quốc đã thúc đẩy các giá trị riêng về không can thiệp, chủ quyền và phát triển kinh tế, định hình sự can dự của nước này với Đông Nam Á như một mối quan hệ đối tác dựa trên lợi ích chung và tôn trọng chủ quyền quốc gia. Không chỉ vậy, Mỹ và Trung Quốc đã tìm cách thiết lập và gây ảnh hưởng đến các thể chế và khuôn khổ khu vực ở Đông Nam Á để thúc đẩy các lợi ích chiến lược. Mỹ đã hỗ trợ các tổ chức như ASEAN và thúc đẩy các sáng kiến như Chiến lược Ấn Độ

Dương-Thái Bình Dương nhằm tăng cường hợp tác khu vực, duy trì trật tự dựa trên luật lệ và chống lại ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc. Trong khi đó, Trung Quốc đã tìm cách mở rộng ảnh hưởng của mình trong các thể chế khu vực hiện có và tạo ra các cơ chế mới, chẳng hạn như Cơ chế hợp tác Lan Thương-Mekong và Ngân hàng Đầu tư Cơ sở Hạ tầng Châu Á (AIIB), để tăng cường sự hiện diện kinh tế và ngoại giao ở Đông Nam Á. Trung Quốc cũng đã bắt đầu xây dựng các con đập để tiêu thụ năng lượng trên sông Mekong, điều này đã gây tác động tiêu cực đến hạ lưu ở Đông Nam Á. Trung Quốc tham gia vào dự án do Ngân hàng Phát triển Châu Á hỗ trợ nhằm sản xuất thủy điện bằng cách xây dựng các đập trên sông Mekong, cũng như cải thiện liên kết giao thông. Những con đập này đã hạn chế dòng nước chảy xuống hạ lưu Lào, Việt Nam và Campuchia, gây ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến nguồn cung cấp lương thực của Campuchia.

Sự cạnh tranh về ý thức hệ giữa Mỹ và Trung Quốc đã thể hiện trong các cuộc tranh luận về mô hình quản trị, hệ thống chính trị và các giá trị xã hội ở Đông Nam Á. Mỹ ủng hộ nền dân chủ tự do và hệ thống kinh tế định hướng thị trường, thể hiện mình là hình mẫu cho sự phát triển và tiến bộ ở Đông Nam Á. Trung Quốc lại thúc đẩy mô hình của mình, nêu bật những thành tựu kinh tế và sự ổn định của nước này. Đặc biệt, cả Mỹ và Trung Quốc đều sử dụng ngoại giao văn hóa, tiếp cận truyền thông và trao đổi giáo dục để gây ảnh hưởng và định hình nhận thức ở Đông Nam Á. Mỹ đã thúc đẩy văn hóa, giá trị và lý tưởng Mỹ thông qua các sáng kiến như chương trình trao đổi văn hóa, giáo dục tiếng Anh và phổ biến các phương tiện truyền thông và giải trí Mỹ. Trung Quốc đã mở rộng ảnh hưởng văn hóa của mình ở Đông Nam Á thông qua các sáng kiến như Viện Khổng Tử, giáo dục ngôn ngữ Trung Quốc và quảng bá phim ảnh, âm nhạc và văn học Trung Quốc. Nhìn chung, kết quả của cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ 2009 đến 2020 rất đa dạng, định hình các giá trị, thể chế, hệ tư tưởng và động lực văn hóa trong khu vực. Khi cạnh tranh ngày càng gia tăng, các nước Đông Nam Á phải đối mặt với áp lực ngày càng tăng trong việc điều hướng giữa các tầm nhìn và lợi ích cạnh tranh nhau, đồng thời nỗ lực bảo vệ chủ quyền, bản sắc và quyền tự chủ của mình trong bối cảnh địa chính trị đang phát triển nhanh chóng. Mặc dù, Mỹ vẫn nỗ lực giữ vững vị thế tại khu vực nhưng Trung Quốc đã giành được nhiều ưu thế trong nhiều lĩnh vực quan trọng ở cuộc cạnh tranh chiến lược này.

4.2. Nhận xét về tác động cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung đến Đông Nam Á từ năm 2009 đến năm 2020

Tác động của ảnh hưởng ngày càng tăng của Mỹ và Trung Quốc đối với khu vực Đông Nam Á là nội dung nhận được sự quan tâm lớn. Đông Nam Á không phải là một quốc gia, một nền kinh tế, mà đây là một trong những khu vực đa dạng về dân tộc, chính trị và kinh tế và bao gồm 11 quốc gia độc lập. Mười quốc gia trong số này thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung có những tác động ở mức độ khác nhau ở các quốc gia Đông Nam Á khác nhau. Hầu hết các quốc gia ở Đông Nam Á không mong muốn phải đối mặt với sự lựa chọn bên trong cuộc cạnh tranh của các cường quốc.

4.2.1. Trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao

Dù đồng thuận về sự ảnh hưởng của của cạnh tranh chiến lược của hai cường quốc, sự bất đồng về mức độ sự cạnh tranh và ảnh hưởng đến khu vực vẫn rất lớn. Đáng chú ý, có quan điểm cho rằng ảnh hưởng của Trung Quốc đối với các nước Đông Nam Á dần vượt qua Mỹ [Stromseth, 2019, tr.1]. Việc hoạch định chính sách của Mỹ ở Đông Nam Á thay đổi để hướng trọng tâm về khu vực này. Trước sự cạnh tranh Mỹ - Trung ở khu vực ngày càng gay gắt cùng sự điều chỉnh chiến lược của hai cường quốc làm gia tăng vị thế chính trị của khu vực. Cả Mỹ lẫn Trung Quốc thúc đẩy việc thiết lập và nâng tầm quan hệ đối tác với các nước Đông Nam Á. Không chỉ vậy, điều này tạo thêm điều kiện, vị thế cho khu vực tham gia vào các vấn đề lớn của quốc tế và đưa hợp tác đi về hướng toàn diện và chiều sâu. Cả hai cường quốc đều mong muốn tập hợp lực lượng thông qua ngoại giao để tạo thành thế cân bằng chiến lược ở khu vực. Do đó, các quốc gia Đông Nam Á đã tìm cách cân bằng mối quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc, gắn kết chiến lược với cả hai cường quốc để tối đa hóa lợi ích. Sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc đã dẫn đến các hoạt động ngoại giao của các nước Đông Nam Á, khi điều hướng giữa hai cường quốc để đảm bảo lợi ích kinh tế và đảm bảo an ninh.

Đồng thời, hai cường quốc là Mỹ và Trung Quốc cạnh tranh lôi kéo các quốc gia trong khu vực vào các sáng kiến, cơ chế hợp tác có sự đối trọng nhau tại khu vực Đông Nam Á. Mỹ đã thúc đẩy các sáng kiến khu vực như Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

và Sáng kiến Hạ lưu sông Mê Kông nhằm tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á và chống lại ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc. Trong khi đó, Trung Quốc đã mở rộng can dự ngoại giao ở Đông Nam Á thông qua các sáng kiến như Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) và Cơ chế hợp tác Lancang-Mekong, đưa ra các ưu đãi kinh tế và đầu tư cơ sở hạ tầng để tăng cường quan hệ đối tác chiến lược trong khu vực. Mỹ nhấn mạnh cách tiếp cận đa phương đối với các vấn đề khu vực, ủng hộ vai trò trung tâm của ASEAN và thúc đẩy trật tự dựa trên luật lệ ở Đông Nam Á. Trung Quốc đã theo đuổi sự kết hợp giữa các cam kết song phương và đa phương, cung cấp hỗ trợ kinh tế và hỗ trợ ngoại giao cho từng quốc gia, đồng thời tham gia vào các diễn đàn và sáng kiến khu vực. Cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung đã góp phần gây ra sự bất ổn và bất ổn trong khu vực, khi các nước Đông Nam Á phải vật lộn với những tác động của sự cạnh tranh quyền lực và căng thẳng địa chính trị. Những lo ngại về leo thang quân sự, cưỡng ép và hành vi gây bất ổn trong khu vực đã làm gia tăng lo lắng giữa các quốc gia Đông Nam Á, thúc đẩy các lời kêu gọi đối thoại, giải quyết xung đột và các biện pháp xây dựng lòng tin. Tuy vậy, các quốc gia Đông Nam Á đều có quyền tự quyết đáng kể, cho phép theo đuổi những lựa chọn đa dạng, thay vì chọn Mỹ hoặc Trung Quốc. Các quốc gia hoặc khu vực đang cố gắng tránh bị trừng phạt bởi sự gia tăng của cuộc cạnh tranh Mỹ - Trung. Thậm chí các quốc gia Đông Nam Á còn trở thành thách thức với hai cường quốc khi nỗ lực bảo vệ lợi ích của chính họ [Tellis, Szalwinski, Wills, 2020, tr.32]. Cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á từ 2009 đến 2020 đã định hình lại cục diện chính trị và ngoại giao của khu vực, ảnh hưởng đến các liên minh, động lực an ninh và nỗ lực hợp tác khu vực. Khi cạnh tranh ngày càng gia tăng, các nước Đông Nam Á phải đối mặt với những thách thức phức tạp trong việc điều hướng mối quan hệ với Mỹ và Trung Quốc trong khi vẫn bảo vệ chủ quyền và lợi ích. Sự tham gia, đối thoại và hợp tác ngoại giao sẽ rất quan trọng để quản lý căng thẳng và thúc đẩy sự ổn định trong khu vực trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa hai cường quốc.

4.2.2. Trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng

Tranh chấp Biển Đông là tâm điểm của cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á, khi cả hai cường quốc đều khẳng định lợi ích của mình trong khu vực. Mỹ đã tiến hành các hoạt động tự do hàng hải ở Biển Đông để thách thức các yêu sách hàng hải của

Trung Quốc và duy trì luật pháp quốc tế, trong khi Trung Quốc xây dựng các đảo nhân tạo và các thực thể quân sự ở vùng biển tranh chấp. Trung Quốc kiểm soát và khẳng định các yêu sách đối với hầu hết Biển Đông trước khả năng yếu hơn của các bên yêu sách ở Đông Nam Á [Shambaugh, 2021, tr.179-246]. Các nước Đông Nam Á đã bị kẹt giữa những căng thẳng này, khi họ tìm cách duy trì chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, đồng thời tránh bị lôi kéo vào cuộc xung đột giữa Mỹ và Trung Quốc. Các tranh chấp ở Biển Đông là tâm điểm của cạnh tranh an ninh, với việc cả Mỹ và Trung Quốc đều khẳng định lợi ích của mình và có hành vi quyết đoán ở vùng biển tranh chấp. Mỹ đã tiến hành các hoạt động tự do hàng hải để thách thức các yêu sách hàng hải của Trung Quốc và ủng hộ tự do hàng hải, trong khi Trung Quốc xây dựng và quân sự hóa các đảo nhân tạo, triển khai dân quân hàng hải và tiến hành tuần tra để khẳng định các yêu sách lãnh thổ. Các quốc gia Đông Nam Á có yêu sách ở Biển Đông đang phải đối mặt với áp lực ngày càng tăng nhằm cân bằng mối quan hệ với Mỹ và Trung Quốc trong khi bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc đã thúc đẩy xu hướng hiện đại hóa quân sự ở Đông Nam Á, trong đó các nước trong khu vực đang tìm cách tăng cường khả năng phòng thủ để chống lại các mối đe dọa tiềm tàng và duy trì cán cân quyền lực. Các quốc gia Đông Nam Á đã tăng chi tiêu quốc phòng, mua vũ khí tiên tiến và mở rộng khả năng quân sự để đối phó với căng thẳng ngày càng gia tăng và nhận thấy những thách thức an ninh nảy sinh từ sự cạnh tranh Mỹ - Trung. Đây cũng là cơ hội để các quốc gia nhỏ ở Đông Nam Á được hỗ trợ để tăng cường quan hệ hợp tác an ninh - quốc phòng, mua sắm trang thiết bị quân sự, hiện đại hóa quân đội. Việc đẩy mạnh hợp tác quốc phòng - an ninh tạo điều kiện trong đào tạo nguồn nhân lực và thúc đẩy hợp tác an ninh với bên thứ ba, đặc biệt trong nội khối ASEAN. Khi Mỹ có thêm nhiều cơ chế can dự vào khu vực cũng là giải pháp kiểm chế Trung Quốc để nước này điều chỉnh hành xử phù hợp với trật tự an ninh và hoạt động vì hòa bình của khu vực.

Vào thời điểm sức mạnh quân sự của Trung Quốc ở giai đoạn này dù đang phát triển nhưng vẫn yếu hơn Mỹ. Nếu như Mỹ thể hiện vai trò an ninh, Trung Quốc không thể đạt được thành công dễ dàng [Tellis, Szalwinski, Wills, 2020, tr.32]. Mỹ đã tìm cách tăng cường các liên minh và quan hệ đối tác an ninh ở Đông Nam Á, cung cấp hỗ trợ quân sự, tập trận chung và các chương trình hợp tác an ninh nhằm tăng cường khả năng phòng thủ của các đồng minh và đối tác trong khu vực. Trung Quốc cũng đã mở rộng các cam kết an

ninh ở Đông Nam Á thông qua trao đổi quân sự, bán vũ khí và ngoại giao quốc phòng, tìm cách vun đắp quan hệ đối tác chiến lược và giảm sự phụ thuộc vào các liên minh an ninh của Mỹ. Ngoài các mối đe dọa an ninh truyền thống, Đông Nam Á còn phải đối mặt với hàng loạt thách thức an ninh phi truyền thống, bao gồm tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố, mối đe dọa mạng và thiên tai. Mỹ và Trung Quốc đã hỗ trợ và hỗ trợ các nước Đông Nam Á trong việc giải quyết những thách thức này, cạnh tranh để thể hiện cam kết của họ đối với an ninh và ổn định khu vực. Cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung đã dẫn đến sự cạnh tranh gia tăng về ảnh hưởng chiến lược và triển khai sức mạnh ở Đông Nam Á, khi cả hai cường quốc đều tìm cách mở rộng sự hiện diện và ảnh hưởng của mình thông qua việc triển khai quân sự, thỏa thuận tiếp cận căn cứ và các chương trình hỗ trợ an ninh. Các nước Đông Nam Á đã trở thành chiến trường cho sự cạnh tranh Mỹ - Trung, khi hai cường quốc tranh giành quyền tiếp cận các vị trí chiến lược, cơ sở quân sự và quan hệ đối tác khu vực. Nhìn chung, cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á đã làm gia tăng căng thẳng an ninh, định hình lại động lực liên minh và ảnh hưởng đến các chính sách quốc phòng trong khu vực. Khi cạnh tranh ngày càng gia tăng, các nước Đông Nam Á phải đối mặt với những thách thức phức tạp trong việc quản lý rủi ro an ninh, cân bằng lợi ích cạnh tranh và giữ gìn ổn định khu vực trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc. Cam kết ngoại giao, đối thoại và hợp tác đa phương sẽ rất cần thiết để giải quyết các thách thức an ninh và thúc đẩy hòa bình và an ninh ở Đông Nam Á.

4.2.3. Trong lĩnh vực kinh tế - thương mại

Thuế quan và đặc biệt cuộc chiến thương mại của Mỹ với Trung Quốc cũng tác động trực tiếp đến Đông Nam Á, khi một số công ty Mỹ bắt đầu tái cơ cấu chuỗi cung ứng và di dời một số cơ sở sản xuất từ Trung Quốc sang khu vực Đông Nam Á mà chủ yếu là Việt Nam, Indonesia và Malaysia. Tranh chấp thương mại ngày càng mở rộng ảnh hưởng lớn đến chuỗi cung ứng toàn cầu và hệ thống đổi mới toàn cầu. Thay vì tìm kiếm phương thức đối thoại chiến lược lâu dài với Trung Quốc, chính quyền Trump đã công khai đưa ra các chính sách đối đầu với Trung Quốc. Nếu hai cường quốc không ngăn chặn chiều hướng đi

xuống trong mối quan hệ song phương và rơi vào tình trạng đối đầu căng thẳng kéo dài hoặc thậm chí xung đột, thì người dân Mỹ và Trung Quốc lẫn các nền kinh tế dễ tổn thương như các quốc gia Đông Nam Á đều phải chịu ảnh hưởng từ chính sách này. Điều này bao gồm nguy cơ gián đoạn trong chuỗi thương mại và cung ứng hoặc các tác động tiêu cực do sự phụ thuộc quá mức về kinh tế hoặc công nghệ do sự tăng cường của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung [Grano, 2023, tr.15]. Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất cho phát triển cơ sở hạ tầng ở Đông Nam Á. Các quốc gia Đông Nam Á chịu ảnh hưởng lớn bởi Trung Quốc trong khi đầu tư của Trung Quốc vào khu vực đã tăng trưởng mạnh trong thập kỷ qua. Các nước Đông Nam Á đã bị kẹt giữa cuộc cạnh tranh thương mại Mỹ - Trung, khi cả hai cường quốc đều là đối tác thương mại và nhà đầu tư lớn trong khu vực. Trung Quốc đã nổi lên như một đối tác kinh tế quan trọng của nhiều nước Đông Nam Á, với quan hệ thương mại sâu rộng, dòng vốn đầu tư và các dự án cơ sở hạ tầng theo các sáng kiến như Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI). Mỹ đã tìm cách chống lại ảnh hưởng kinh tế của Trung Quốc ở Đông Nam Á bằng cách thúc đẩy quan hệ đối tác kinh tế, hiệp định thương mại và sáng kiến đầu tư với các nước trong khu vực, nhằm mở rộng khả năng tiếp cận thị trường, nâng cao khả năng cạnh tranh và giảm sự phụ thuộc vào đầu tư và thương mại của Trung Quốc.

Cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung đã ảnh hưởng đến các nỗ lực hội nhập kinh tế khu vực ở Đông Nam Á, định hình quỹ đạo của các hiệp định thương mại và khuôn khổ kinh tế khu vực. Trung Quốc đã thúc đẩy các sáng kiến kinh tế khu vực của riêng mình, như Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) và Ngân hàng Đầu tư Cơ sở Hạ tầng Châu Á (AIIB), để mở rộng ảnh hưởng kinh tế và đưa các nước Đông Nam Á vào quỹ đạo kinh tế của mình. Mỹ đã theo đuổi các khuôn khổ kinh tế thay thế, như Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), nhằm chống lại ảnh hưởng của Trung Quốc và thúc đẩy tự do hóa kinh tế, tiếp cận thị trường và các tiêu chuẩn pháp lý ở Đông Nam Á. Châu Á. BRI của Trung Quốc đã thu hút dòng vốn đầu tư đáng kể vào Đông Nam Á, tài trợ cho các dự án cơ sở hạ tầng như cảng, đường sắt, đường bộ và cơ sở năng lượng ở các nước trong khu vực. Mỹ đã tìm cách cung cấp các giải pháp thay thế cho đầu tư của Trung Quốc thông qua các sáng kiến như Tập đoàn Tài chính Phát triển Quốc tế Mỹ (DFC) và Đạo luật Xây dựng, cung cấp tài chính và hỗ trợ để phát triển cơ sở hạ tầng, các dự án năng lượng và kết nối

kỹ thuật số ở Đông Nam Á. Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung đã khiến các công ty đánh giá lại chuỗi cung ứng và mạng lưới sản xuất của họ ở Đông Nam Á, dẫn đến những thay đổi trong các quyết định sản xuất, tìm nguồn cung ứng và đầu tư. Các nước Đông Nam Á đã tìm cách tận dụng những thay đổi này bằng cách định vị mình là điểm đến đầu tư và trung tâm sản xuất thay thế, thu hút đầu tư từ các tập đoàn đa quốc gia đang tìm cách đa dạng hóa hoạt động ngoài Trung Quốc. Trong khi các yếu tố cạnh tranh thúc đẩy thay đổi cấu trúc cơ bản của quan hệ kinh tế tại khu vực Đông Nam Á, cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung vẫn không thể tái cơ cấu một cách triệt để các mối quan hệ kinh tế cơ bản vốn dĩ vận hành thời gian qua. Nguyên nhân xuất phát từ chi phí tái cơ cấu các liên kết kinh tế là rất lớn và phần lớn các quốc gia Đông Nam Á bị ảnh hưởng nhiều do sự trỗi dậy của Trung Quốc đe dọa cũng tìm cách tránh chịu ảnh hưởng tiêu cực nếu có thể. Các đồng minh và đối tác của Mỹ đều muốn hệ thống thương mại toàn cầu, với các chuỗi cung ứng được kết nối rộng rãi, được bảo vệ ở mức độ có thể vì lợi ích mà mỗi bên [Tellis, Szalwinski, Wills, 2020, tr.42]. Cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á đã định hình lại cục diện kinh tế khu vực, ảnh hưởng đến mô hình thương mại, dòng đầu tư và nỗ lực hội nhập kinh tế khu vực. Khi cạnh tranh ngày càng gia tăng, các nước Đông Nam Á phải đối mặt với những thách thức và cơ hội trong việc điều hướng mối quan hệ kinh tế với Mỹ và Trung Quốc, cân bằng lợi ích kinh tế với các cân nhắc về địa chính trị và tối đa hóa lợi ích từ các sáng kiến hội nhập và hợp tác kinh tế khu vực. Cam kết ngoại giao, đối thoại và hợp tác đa phương sẽ rất cần thiết để giải quyết các thách thức kinh tế và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững và toàn diện ở Đông Nam Á trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc.

4.2.4. Trong lĩnh vực khoa học - công nghệ

Cả Mỹ và Trung Quốc đều tìm cách mở rộng ảnh hưởng công nghệ của mình ở Đông Nam Á thông qua đầu tư, quan hệ đối tác và các sáng kiến hợp tác. Hai cường quốc nỗ lực cạnh tranh chi phối thị trường công nghệ tại khu vực Đông Nam Á. Trung Quốc đặc biệt tích cực trong việc thúc đẩy năng lực công nghệ của mình ở Đông Nam Á, đầu tư vào các lĩnh vực như viễn thông, trí tuệ nhân tạo và cơ sở hạ tầng kỹ thuật số thông qua các sáng kiến như Con đường tơ lụa kỹ thuật số và các dự án liên quan đến BRI. Cuộc đối đầu hiện nay về công nghệ 5G và “Con đường tơ lụa kỹ thuật số” là biểu hiện của mối nguy hiểm

sâu sắc rằng Trung Quốc có thể sử dụng các công ty của mình để xây dựng mạng lưới cơ sở hạ tầng điện tử mới nhằm ngăn chặn phương Tây hoặc tích hợp các lỗ hổng có chủ ý mà chính phủ Trung Quốc có thể khai thác trong thời điểm bình thường lẫn khủng hoảng [Kaska, Beckvard, Minárik, 2019]. Mỹ đã chống lại ảnh hưởng công nghệ của Trung Quốc bằng cách thúc đẩy quan hệ đối tác với các nước Đông Nam Á trong các lĩnh vực như an ninh mạng, quản trị kỹ thuật số và tiêu chuẩn công nghệ, nhằm tăng cường khả năng phục hồi và năng lực của khu vực trước các mối đe dọa kỹ thuật số ngày càng tăng. Cuộc cạnh tranh Mỹ - Trung đã thúc đẩy các nước Đông Nam Á đầu tư vào các dự án kết nối và cơ sở hạ tầng kỹ thuật số nhằm tạo điều kiện tăng trưởng kinh tế và tiến bộ công nghệ. BRI của Trung Quốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các dự án cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, bao gồm kết nối internet, mạng viễn thông và nền tảng thương mại điện tử, góp phần chuyển đổi kỹ thuật số của các nền kinh tế Đông Nam Á. Đồng thời, Mỹ đã thúc đẩy các sáng kiến cơ sở hạ tầng kỹ thuật số thay thế, chẳng hạn như Đối tác kết nối kỹ thuật số và an ninh mạng (DCCP), để cung cấp các giải pháp thay thế cho các dự án do Trung Quốc dẫn đầu và tăng cường kết nối kỹ thuật số, an ninh mạng và quản trị dữ liệu ở Đông Nam Á.

Sự cạnh tranh Mỹ - Trung đã ảnh hưởng đến các cuộc tranh luận về tiêu chuẩn công nghệ, khuôn khổ quản trị và chính sách pháp lý ở Đông Nam Á, khi các nước tìm cách điều hướng giữa tầm nhìn và lợi ích cạnh tranh. Trung Quốc đã thúc đẩy các tiêu chuẩn công nghệ và mô hình quản trị của riêng mình, ủng hộ các nguyên tắc như nội địa hóa dữ liệu, chủ quyền kỹ thuật số và kiểm duyệt Internet ở Đông Nam Á. Mỹ đã thúc đẩy các cách tiếp cận thay thế dựa trên các nguyên tắc như dữ liệu mở, khả năng tương tác và tính minh bạch, đồng thời kêu gọi các nước Đông Nam Á áp dụng các thông lệ và chuẩn mực quốc tế tốt nhất trong các lĩnh vực như quyền riêng tư dữ liệu, an ninh mạng và thương mại kỹ thuật số. Cuộc cạnh tranh Mỹ - Trung đã kích thích các hệ sinh thái đổi mới và sáng kiến phát triển nhân tài ở Đông Nam Á, khi các nước tìm cách xây dựng lợi thế cạnh tranh trong các ngành công nghiệp và công nghệ mới nổi. Các nước Đông Nam Á đã đầu tư vào các chương trình giáo dục, nghiên cứu và phát triển kỹ năng để đào tạo lực lượng lao động lành nghề và thúc đẩy nền kinh tế theo định hướng đổi mới, tận dụng quan hệ đối tác với cả Mỹ và Trung Quốc để tiếp cận chuyên môn, nguồn lực và cơ hội. Mỹ đã hỗ trợ các sáng kiến như giáo dục STEM, khởi nghiệp và vườn ươm khởi nghiệp ở Đông Nam Á nhằm nuôi

dưỡng văn hóa đổi mới và khởi nghiệp, nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh và khả năng phục hồi của khu vực trước sự gián đoạn công nghệ. Nhìn chung, cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á đã định hình lại bối cảnh công nghệ của khu vực, ảnh hưởng đến các ưu tiên đầu tư, khung pháp lý và chiến lược đổi mới. Khi cạnh tranh ngày càng gay gắt, các nước Đông Nam Á phải đối mặt với những thách thức và cơ hội trong việc khai thác tiềm năng khoa học và công nghệ để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết các thách thức xã hội và nâng cao khả năng cạnh tranh khu vực trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc. Cam kết ngoại giao, đối thoại và hợp tác đa phương sẽ rất cần thiết để giải quyết những thách thức này và thúc đẩy phát triển công nghệ có trách nhiệm và toàn diện ở Đông Nam Á.

4.2.5. Trong các lĩnh vực khác

4.2.5.1. Tập hợp lực lượng

Cạnh tranh chiến lược giữa hai cường quốc là Mỹ và Trung Quốc ngày càng gay gắt trên phạm vi toàn cầu, và một trong số chiến trường chính là Đông Nam Á. Đặc biệt, Đông Nam Á nằm ở trung tâm khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, tại điểm nối giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, bao gồm các khu vực hàng hải quan trọng như eo biển Malacca và Biển Đông. Với tầm quan trọng về mặt chiến lược và kinh tế, Đông Nam Á là đối tác thiết yếu để Mỹ và Nhật Bản hiện thực hóa “Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương tự do và rộng mở”. Đồng thời, Trung Quốc cũng coi trọng việc mở rộng mối quan hệ với nước láng giềng Đông Nam Á, nơi có các khu vực hàng hải quan trọng. Trung Quốc đã cung cấp hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng cho khu vực như một trong những lĩnh vực mục tiêu chính của Sáng kiến Vành đai và Con đường. Tuy nhiên, giữa Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á đang có tranh chấp về yêu sách lãnh thổ ở Biển Đông. Đối với Đông Nam Á, Trung Quốc đại diện cho cả cơ hội kinh tế lẫn thách thức an ninh nghiêm trọng. Khi cuộc đối đầu Mỹ - Trung leo thang, một cuộc cạnh tranh nhằm giành được sự hỗ trợ từ Đông Nam Á diễn ra giữa một bên là Mỹ và Nhật Bản và một bên là Trung Quốc.

Ngoài tầm quan trọng về địa chính trị, các nước trong khu vực còn có sự hiện diện quốc tế ngày càng tăng, đạt được sự phát triển kinh tế ổn định được hỗ trợ bởi các khu vực thương mại tự do tập trung vào Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Cùng với

chiến lược cân bằng quyền lực lớn của ASEAN, sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc là khó tránh khỏi [Ming-Te, Liu, 2011, tr.105]. Tính trung lập bên ngoài của ASEAN gắn liền với việc không can thiệp. Các thành viên ASEAN ở giai đoạn đầu mới thành lập của quá trình hội nhập quốc gia và chủ yếu là người gốc Hoa dễ bị ảnh hưởng bởi Trung Quốc. Trung Quốc đã gia tăng ảnh hưởng lớn hơn đối với cộng đồng người gốc Hoa quan trọng ở Đông Nam Á, sử dụng đòn bẩy này để thúc đẩy các mục tiêu của mình. Do đó, ASEAN đã mở rộng phạm vi của ZOPFAN để giảm bớt ảnh hưởng bên ngoài không chỉ ở khu vực Đông Nam Á mà còn ở từng quốc gia thành viên. Với tư cách là một tập thể, các quốc gia châu Á (ASEAN) tìm cách duy trì sự cân bằng giữa hai bên và kiềm chế tối đa việc đứng về phía Mỹ hoặc Trung Quốc. Đây cũng là diễn đàn quan trọng mà hai cường quốc sử dụng để xây dựng niềm tin và tăng cường ảnh hưởng.

4.2.5.2. Gia tăng ảnh hưởng về văn hóa

Ngoài những bước nhảy vọt về kinh tế và khả năng ngày càng tăng có thể thấy từ sự trỗi dậy của Trung Quốc, có lẽ tác động lớn nhất của Trung Quốc đối với trật tự khu vực là hệ tư tưởng [Ming-Te, Liu, 2011, tr.100]. Cả Mỹ và Trung Quốc đều tìm cách mở rộng ảnh hưởng thể chế ở Đông Nam Á thông qua nhiều sáng kiến và quan hệ đối tác khác nhau. Trung Quốc đã thành lập các thể chế kinh tế như Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á (AIIB) và Ngân hàng Phát triển Mới (NDB), cung cấp các nguồn tài trợ thay thế cho các dự án cơ sở hạ tầng ở Đông Nam Á và thách thức sự thống trị của các tổ chức do phương Tây lãnh đạo như Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Thế giới. IMF. Mỹ đã thúc đẩy các khuôn khổ thể chế của riêng mình, bao gồm Chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương và Sáng kiến Hạ lưu sông Mê Kông, nhằm tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á và chống lại ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc trong khu vực. Mỹ và Trung Quốc đã tìm cách thúc đẩy các hệ tư tưởng và giá trị tương ứng của họ ở Đông Nam Á, nhằm định hình nhận thức trong khu vực và thu hút sự ủng hộ cho các mục tiêu chiến lược. Trung Quốc đã thúc đẩy mô hình chủ nghĩa tư bản độc tài, nhấn mạnh tăng trưởng kinh tế, ổn định và phát triển do nhà nước lãnh đạo như một giải pháp thay thế khả thi cho chủ nghĩa tự do và dân chủ kiểu phương Tây. Mỹ ủng hộ các giá trị dân chủ, nhân quyền và pháp quyền ở Đông Nam Á, ủng hộ các nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm giải trình và quản trị tốt là điều cần thiết cho sự phát triển bền vững và ổn định khu vực. Cả Mỹ và Trung

Quốc đều sử dụng ngoại giao văn hóa và các sáng kiến quyền lực mềm để tăng cường ảnh hưởng ở Đông Nam Á, tận dụng văn hóa, nền tảng truyền thông và trao đổi giáo dục để định hình nhận thức trong khu vực. Trung Quốc đã quảng bá ngôn ngữ, văn hóa và di sản của mình thông qua các sáng kiến như Viện Khổng Tử, lễ hội văn hóa và quan hệ đối tác truyền thông, thúc đẩy sự hiểu biết và mối quan hệ văn hóa giữa người dân Đông Nam Á. Mỹ đã tận dụng văn hóa đại chúng, ngành công nghiệp giải trí và trao đổi giáo dục để quảng bá các giá trị, lối sống và lý tưởng của Mỹ, nâng cao sức hấp dẫn văn hóa và quyền lực mềm ở Đông Nam Á.

Sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc đã dẫn đến sự cạnh tranh về các giá trị và chuẩn mực ở Đông Nam Á, khi các quốc gia điều hướng giữa các tầm nhìn cạnh tranh nhau về quản trị, phát triển và trật tự quốc tế. Trung Quốc đã thúc đẩy tầm nhìn về một “cộng đồng chung vận mệnh” và trật tự thế giới đa cực, ủng hộ các nguyên tắc không can thiệp, tôn trọng lẫn nhau và hợp tác cùng có lợi trong các vấn đề quốc tế. Mỹ đã đấu tranh cho các giá trị dân chủ, tự do và nhân quyền, nhấn mạnh tầm quan trọng của các chuẩn mực tự do, quyền tự do cá nhân và xã hội cởi mở là nền tảng cho hòa bình, thịnh vượng và tiến bộ ở Đông Nam Á. Nhìn chung, cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á đã tăng cường nỗ lực của cả hai cường quốc nhằm tăng cường ảnh hưởng về thể chế, tư tưởng, giá trị và văn hóa trong khu vực. Khi cạnh tranh tiếp tục diễn ra, các nước Đông Nam Á phải đối mặt với những lựa chọn phức tạp và sự đánh đổi trong việc điều hướng giữa tầm nhìn và lợi ích cạnh tranh, cân bằng giữa các nhóm giá trị và chuẩn mực khác nhau, đồng thời bảo vệ quyền tự chủ và quyền tự chủ của mình trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc. Cam kết ngoại giao, đối thoại và hợp tác đa phương sẽ rất cần thiết để quản lý những căng thẳng này và thúc đẩy sự ổn định, khả năng phục hồi và thịnh vượng trong khu vực ở Đông Nam Á.

4.3. Dự báo về xu hướng vận động của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á trong tương lai và tầm nhìn đến năm 2045

4.3.1. Cơ sở dự báo: Mô hình “Lăng kính cạnh tranh” của Mason

Lý thuyết là sự tổng kết thực tiễn, hay nói cách khác, đó là quá trình lý thuyết hóa thực tiễn, tuy nhiên, thực tiễn luôn đa dạng, phức tạp và vận động không ngừng [Hoàng Khắc

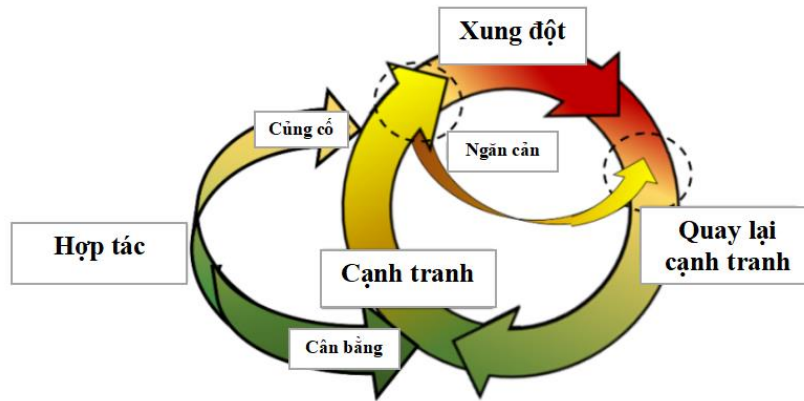
Nam, 2022, tr.11]. Mô hình hóa hay “hình học hóa” để mô tả tính chất về quan hệ của các chủ thể trở nên phổ biến. Sự phức tạp khi xác định bằng phương pháp “tuyến tính” mà vẫn thể hiện rõ quá trình dẫn đến xung đột hay góp phần hình thành hòa bình là một trong các nội dung của nghiên cứu quan hệ quốc tế. Tính liên tục của cạnh tranh có thể được thể hiện bằng một phạm vi đi từ hợp tác, cạnh tranh dưới hình thức xung đột quân sự, đến xung đột quân sự. Sự kết hợp giữa hợp tác, cạnh tranh dưới xung đột quân sự và xung đột quân sự không phải là mới. Tuy nhiên, cách tiếp cận này là sự thay đổi so với học thuyết và các mô hình tư duy đã được sử dụng để định hình các mức độ liên quan đến việc sử dụng sức mạnh quân sự. Theo đó, Mỹ có thể tiến tới xung đột quân sự, răn đe hoặc hợp tác nhưng phân quang phổ tượng trưng cho hòa bình đã không xuất hiện như Hình 4.3.

Hình 4.3. Cường độ cạnh tranh của Mỹ trong quan hệ với các chủ thể khác

(Nguồn: McCoy, 2018)



Hình 4.4. Trận chiến đa miền (Nguồn: McCoy, 2018)



Trong khi đó, theo hình 4.4, Trận chiến đa miền thể hiện hợp tác, cạnh tranh luôn ở dạng tuần hoàn, lặp lại mà tất cả đều nhằm hướng tới việc chiến thắng trong xung đột vũ trang hoặc xung đột quân sự. Nói cách khác, Trận chiến đa miền tập trung vào một giả định quan trọng liên quan đến khả năng răn đe và leo thang là chiến thắng trong cạnh tranh đòi hỏi khả năng chiến thắng trong xung đột.

Mô hình “Lãng kính cạnh tranh” của Grant Mason được công bố vào năm 2019 đã thể hiện rõ sự phức tạp đa chiều của các chủ thể [Begley, 2020, tr.9-10] với sự kế thừa từ quang phổ trong cường độ cạnh tranh và trận chiến đa miền. Đồng thời, Mason xem cạnh tranh như trạng thái căng thẳng thường xuyên của nhiều nhân tố liên quan đến cộng tác, hợp tác, cạnh tranh, đối đầu, thỏa hiệp và xung đột bạo lực cùng tồn tại. Theo Mason (2019), đối với sự phức tạp của quan hệ chiến lược, về cốt lõi “Lãng kính cạnh tranh” bị ảnh hưởng bởi môi trường địa chính trị. Trong mô hình trên, các chủ thể có xu hướng cộng tác hay hợp tác với nhau thay vì trực tiếp đối đầu vũ trang. “Lãng kính cạnh tranh” cần được xem xét và mô tả trong mối quan hệ theo hai chiều của hai chủ thể cạnh tranh và đặt trong bối cảnh mà nhiều tác nhân cùng hoạt động đan xen. Trong khi hòa bình là xu thế chung của thế giới, các quốc gia đều ưu tiên hợp tác và hạn chế các xung đột quân sự hay đấu tranh vũ trang. Xung đột có thể diễn ra nhưng ở mức độ thấp ở đỉnh tam giác và xu hướng hợp tác vẫn chiếm vai trò chủ đạo ở đáy tam giác. Xét quan hệ về cạnh tranh chiến lược, hai cường quốc có thể cùng hợp tác để ngăn chặn xung đột thông qua các thỏa hiệp và cộng tác, nhưng vẫn có thể ở vùng xám giữa sự ganh đua và chạm trán. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, một khi vượt qua “ngưỡng xung đột”, xung đột vũ trang vẫn xảy ra ở trạng thái cục bộ liên quan đến “những tính toán sai lầm về mặt chiến lược”. Thực tế, các khái

niệm cũng liên quan đến mô hình “Lăng kính cạnh tranh” của Mason cũng chưa được chính tác giả định nghĩa cụ thể và chi tiết. Đặt trong bối cảnh nghiên cứu của Mason, các khái niệm được tiếp cận theo nghĩa phổ quát trong môi trường quan hệ quốc tế theo các quan điểm của chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa tự do, trong đó chủ nghĩa hiện thực là chủ đạo theo Hình 2.6.

Hình 4.5. Mô hình “Lăng kính cạnh tranh” của Mason (Nguồn: Mason, 2019)



Trong bối cảnh phức tạp và có chiều hướng gia tăng căng thẳng do các yếu tố địa chính trị, các mối đe dọa, công nghệ và các lĩnh vực khác, sự lựa chọn của các chủ thể sẽ quyết định tình trạng khu vực là hợp tác hay xung đột. Mô hình phân tích hình tam giác phân định bởi ngưỡng xung đột bạo lực và không có ngưỡng xung đột, từ đó đưa ra các hình thức theo cấp độ như: cộng tác, thỏa hiệp hay tranh cãi và chạm trán. Đặc biệt, những tính toán sai lầm về chiến lược có thể dẫn đến xung đột bạo lực. Quan hệ chiến lược, theo Hình 4.5, còn được xem xét trong bối cảnh phức tạp về địa chính trị. Đây là một trong những đặc biệt của mô hình khi vừa xem xét quan hệ chiến lược với các yếu tố nội tại lẫn ngoại cảnh. Bởi lẽ, bối cảnh thế giới và tình hình khu vực là nhân tố thúc đẩy hợp tác hoặc cạnh tranh. Theo cách tiếp cận cấu trúc - hệ thống, các chủ thể không nằm ngoài những “luật chơi chung” của quan hệ quốc tế và các thể chế, thiết chế khu vực. Khi lựa chọn “Lăng kính cạnh tranh” như khung phân tích cho quan hệ cạnh tranh chiến lược, các nhà nghiên cứu quan hệ quốc tế cần có cách tiếp cận đa chiều từ các quan điểm của cả chủ nghĩa hiện thực lẫn chủ nghĩa tự do. Theo đó, xung đột, nếu có, chỉ dừng lại ở mức độ thấp trong phạm vi nhất định. Tuy vậy, mô hình còn thiếu những tiêu chí cụ thể để xác định tính chất của các động thái khi có sự chồng chéo về hợp tác và đấu tranh của hai chủ thể. Những yếu tố

để xác định “ngưỡng xung đột bạo lực” cũng chưa được Mason đề cập cụ thể. Dù còn một số hạn chế, nhưng nhìn chung, mô hình trên phù hợp trong phân tích và dự báo xu hướng vận động của cạnh tranh chiến lược, luận án sử dụng Mô hình “Lãng kính cạnh tranh” của Mason để dự báo xu hướng vận động của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á tầm nhìn đến năm 2045.

4.3.2. Xu hướng vận động của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á và tầm nhìn đến năm 2045

Có thể nói, “cạnh tranh chiến lược” hiện đã trở thành chuẩn mực và Mỹ quyết tâm ngăn chặn nỗ lực của Trung Quốc “thống trị châu Á và phá hoại trật tự dựa trên luật lệ” [Glaser, 2020, tr.11]. Đặc biệt, trong bối cảnh Trung Quốc đẩy mạnh ảnh hưởng với tham vọng thôn tính vùng biển này thông qua xây dựng các tiền đồn quân sự hay còn gọi là “đảo hóa” nhiều thực thể đá ở Biển Đông đã làm tăng sự nguy hiểm và tính linh hoạt chiến lược, đe dọa nghiêm trọng đến an ninh khu vực, qua đó đụng đến lợi ích quốc gia của Mỹ [Lê Quý Quỳnh, Trần Thị Phương Thảo, 2015, 71-98]. Đối với viễn cảnh Trung Quốc hành xử ở Biển Đông như một người theo chủ nghĩa hiện thực sẽ là xu hướng nguy hiểm đối với an ninh khu vực, bởi lẽ, theo đó, nếu nước này đang hiện thực tham vọng bá chủ khu vực thì sẽ có khả năng sẵn sàng thực hiện các hành động quân sự tích cực để đạt được mục tiêu đó. Trong khi đó, nếu Trung Quốc lựa chọn tư tưởng hiện thực phòng thủ nghĩa là chủ thể này dễ dàng hơn trong hợp tác để giải quyết các tranh chấp lãnh thổ liên quan đến chủ quyền biển, đảo ở khu vực. Những người theo chủ nghĩa hiện thực cũng lo lắng rằng ngay cả khi các xu hướng lạc quan nhất, việc nỗ lực đảm bảo an ninh của chính họ có thể vô tình đe dọa quốc gia khác - một tình huống được gọi là “thế lưỡng nan về an ninh”. Đáp lại, Mỹ sẽ thực hiện những động thái nhằm làm suy yếu quyền lực hoặc các nguồn lực chủ chốt sản sinh ra quyền lực của Trung Quốc [Nguyễn Ngọc Anh, 2019, tr.27].

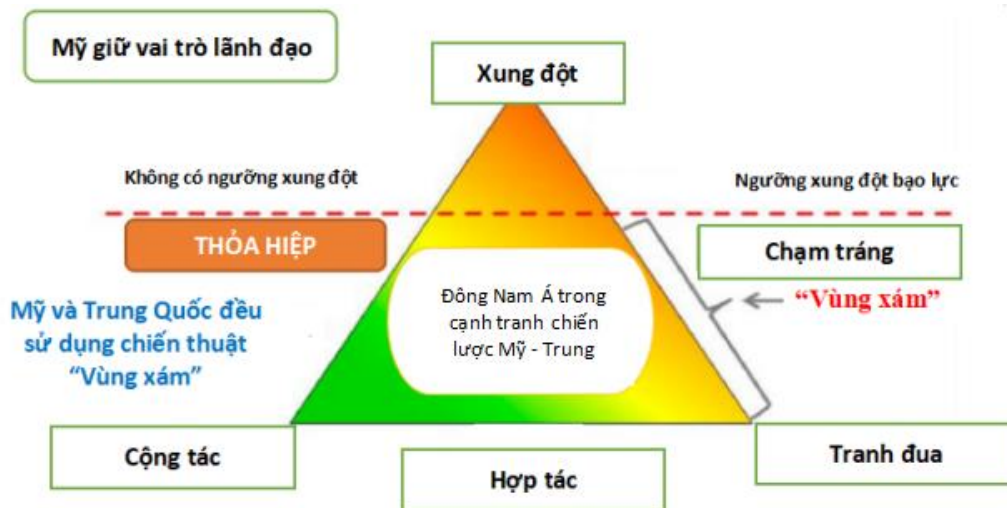
Thực tế, trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược có nhiều rủi ro hơn, đi kèm với khả năng xảy ra tình huống khó xử về an ninh, năng lực phòng thủ không thể phân biệt được với năng lực tấn công. Bởi vì, cùng một loại vũ khí và thiết bị có thể được sử dụng hiệu quả như nhau để gây hấn cũng như để phòng thủ, chi phí tiềm năng của việc hợp tác cao hơn. Ngược lại, tình thế tiến thoái lưỡng nan về an ninh được giảm thiểu khi có thể phân biệt được giữa phòng thủ và tấn công. Sự cạnh tranh chiến lược của Mỹ - Trung tại Đông Nam

Á là không thể tránh khỏi. Thực tế này sẽ dẫn đến tình trạng tiến thoái lưỡng nan về an ninh cho các nước trong khu vực. Lợi ích về an ninh và kinh tế chồng chéo nhau, cùng những di sản do lịch sử để lại dễ tạo châm ngòi cho leo thang căng thẳng, bộc phát những xung đột, thậm chí là xung đột tại khu vực. Vấn đề lãnh thổ chưa được giải quyết tiếp tục khiến quan hệ hợp tác khu vực trở nên khó khăn hơn. Một số viễn cảnh về cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á theo “Lăng kính cạnh tranh” của Grant Mason có thể kể đến như sau:

4.3.2.1. Xu hướng 1: Ưu thế nghiêng về phía Mỹ

Đối với xu hướng đầu tiên, Mỹ sẽ giữ vai trò trung tâm của mình và đảm bảo hòa bình, ổn định của khu vực thông qua quan hệ an ninh song phương và quan hệ kinh tế đa phương. Các bên tiếp tục gia tăng ảnh hưởng nhưng cố gắng không vượt “ngưỡng xung đột bạo lực”, sử dụng chiến thuật “Vùng xám” như một hình thức răn đe. Giả định liên quan đến việc Mỹ vẫn tham gia đầy đủ vào các vấn đề khu vực, thực hiện tốt cam kết cùng sự hiện diện quân đội đáng kể tại Đông Nam Á, có can thiệp ngoại giao và thậm chí, trong nhiều tình huống sẽ có can thiệp quân sự để giảm leo thang căng thẳng liên quan đến tranh chấp lãnh thổ. Hệ thống trục - nan hoa, đồng minh - đối tác tiếp tục được củng cố mà mở rộng đến các đối tác mới, mà ở đó Mỹ là trung tâm. Điều này nghĩa là Mỹ sẽ duy trì và củng cố liên minh và đối tác với các quốc gia ở Đông Nam Á. Đồng thời, Mỹ cũng tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với Trung Quốc để dễ kiểm soát nước này và đảm bảo Trung Quốc sẽ không chạm đến “ngưỡng xung đột bạo lực”.

Hình 4.6. Mỹ và Trung Quốc tại Đông Nam Á khi Mỹ chiếm ưu thế trong “Lăng kính cạnh tranh” của Grant Mason (Nguồn: Tác giả thực hiện theo “Lăng kính cạnh tranh” của Grant Mason)



Theo Hình 4.6, trong trường hợp Mỹ giữ vai trò lãnh đạo và cả Mỹ lẫn Trung Quốc đều triển khai chiến thuật “Vùng xám” thì triển vọng hai nước sẽ đi đến “thỏa hiệp” để cùng phát triển. Chiến thuật “Vùng xám” có thể đem lại lợi thế cho cả hai nước khi vừa duy trì trật tự hiện có, vừa theo dõi động thái và chuẩn bị trong trường hợp cần thiết có thể chuyển qua “chạm trán” và đạt “ngưỡng xung đột bạo lực”. Tuy vậy, khi Mỹ tiếp tục duy trì vị thế đứng đầu, khả năng “chạm trán” hay có “xung đột” về quân sự sẽ ở mức độ thấp.

Để thực sự duy trì vị thế lãnh đạo, Mỹ cần kết hợp nhiều biện pháp từ răn đe, can dự, đến trấn an để ngăn cản thách thức của chủ nghĩa xét lại, khuyến khích sự hợp tác tích cực không ảnh hưởng đến hòa bình khu vực. Nói cách khác, Mỹ sẽ duy trì “Vùng xám” và thuyết phục Trung Quốc thành công vận động dưới cấu trúc an ninh do Mỹ đứng đầu. Sự chênh lệch về quyền lực chính là điều kiện thuận lợi để Mỹ khẳng định tiếng nói, duy trì trật tự của siêu cường duy nhất của thế giới. Mỹ cần khiến các quốc gia trong khu vực, nhất là Trung Quốc cảm thấy sự phát triển của mình là tích cực và sẵn sàng chịu ảnh hưởng. Nếu Mỹ sử dụng các biện pháp đơn phương quá cứng rắn, độc đoán hay ép buộc có thể khiến các quốc gia nghi ngại và chuyển hướng. Không chỉ vậy, Mỹ cần chứng minh việc hỗ trợ và nắm giữ vị trí lãnh đạo có thể đem lại thịnh vượng chung và an ninh của chủ thể sẽ được đảm bảo tốt nhất thông qua việc tham gia các cơ chế do nước này đứng đầu. Thậm chí, Mỹ cần trở thành người giảng hòa, người dàn xếp và kiểm chế tốt các quốc gia liên quan đến các tranh chấp tại Biển Đông.

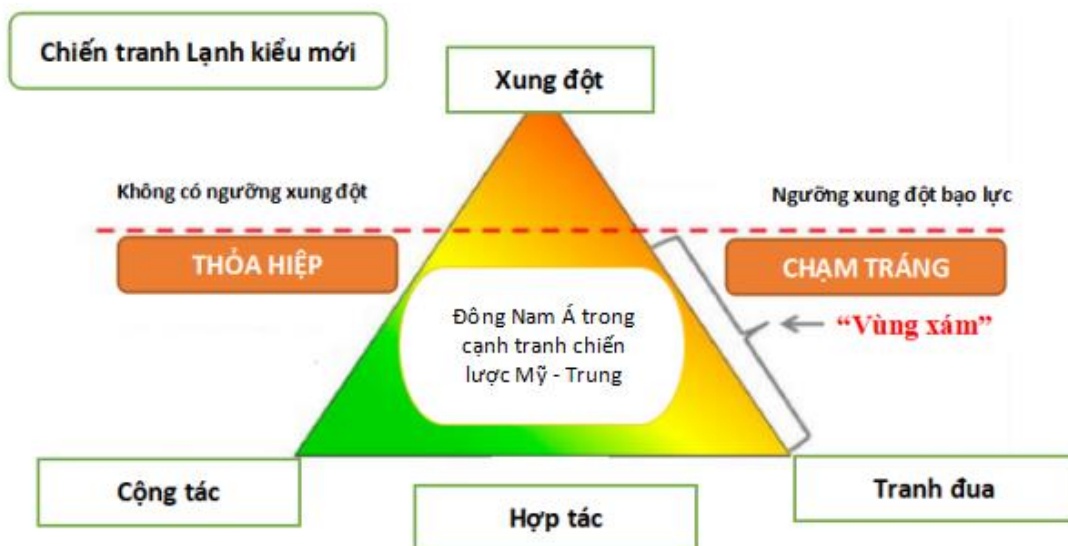
Đối với xu hướng Mỹ giữ vai trò lãnh đạo tại Đông Nam Á, điều này có nghĩa Mỹ tiếp tục thể hiện vai trò đứng đầu trong tất cả các lĩnh vực từ kinh tế đến an ninh chính trị. Điểm đáng chú ý ở xu hướng này là cả Mỹ và Trung Quốc đều lựa chọn chiến lược “vùng xám” đồng nghĩa với việc Trung Quốc vẫn có một vị trí đáng kể ở khu vực. Điều này có nghĩa Trung Quốc tiếp tục duy trì ảnh hưởng lớn thứ hai sau Mỹ tại khu vực. Tuy vậy, Trung Quốc có lợi thế khi là một cường quốc có vị trí địa lý liền kề với Đông Nam Á. Do đó, dù Mỹ nắm giữ vai trò lãnh đạo về mọi mặt, nhưng với những mâu thuẫn chiến lược, Trung Quốc vẫn có thể tiếp tục thực hiện các động thái về quân sự trên các khu vực tranh chấp tại điểm nóng Biển Đông. Để nắm chắc vai trò lãnh đạo tại khu vực, Mỹ cần triển khai hiệu quả các chiến lược nhằm tạo ưu thế so với Trung Quốc. Bởi lẽ, thực trạng hiện nay tại Đông Nam Á, trong thời gian Mỹ suy yếu tạm thời đã tạo điều kiện cho sự “trỗi dậy” của Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI. Một khi xu hướng Mỹ giành được ưu thế toàn diện và tạo thế “gọng kiềm” đối với Trung Quốc được thiết lập, Trung Quốc có thể sẽ gặp nhiều khó khăn với nền kinh tế khổng lồ đang tăng trưởng nhanh của mình. Ở xu hướng này, hai cường quốc sẽ cạnh tranh công khai trong lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là công nghệ cao ở mức độ công khai. Những xung đột, va chạm kinh tế liên quan đến chất bán dẫn, dây chuyền sản xuất linh kiện, sở hữu trí tuệ... tiếp tục sẽ trở thành vấn đề lớn của hai nước. Trong khi đó, ở mức độ tiềm ẩn, hai cường quốc vẫn có nhiều mâu thuẫn liên quan đến yếu tố chiến lược và phạm vi phát triển. Những gây hấn, hay động thái thăm dò dư luận của Trung Quốc có thể tiếp tục diễn ra. Phát huy lợi thế về vị trí địa lý, Trung Quốc có thể tiếp tục gây sức ép đối với các nước nhỏ trong khu vực để hợp tác với nước này. Ngoài ra, không loại trừ khả năng Trung Quốc quyết định hợp tác với các cường quốc khác nhằm tạo thế đối trọng với Mỹ. Dù Mỹ ở vai trò đứng đầu, nhưng các mâu thuẫn và tranh chấp lợi ích ở mức độ tiềm ẩn vẫn tồn tại, thậm chí ngày càng phức tạp theo thời gian. Đồng thời, xu hướng Mỹ lãnh đạo khu vực khi cả Mỹ - Trung tiếp tục duy trì chiến lược “vùng xám” có thể đảm bảo sự ổn định về an ninh của khu vực trong thời gian gần. Tuy vậy, những mâu thuẫn khi Trung Quốc “trỗi dậy” và muốn “xét lại” trật tự, vị thế tại khu vực sẽ khiến các vấn đề tiềm ẩn trở thành nguy cơ an ninh lớn và dễ dàng trở thành “xung đột” ở mức độ công khai trong một số tình huống cụ thể. Đặc biệt, không phải là một quốc gia có lãnh thổ gần về mặt địa lý với Đông Nam Á chính là bất lợi của Mỹ. Ngoài ra, trên bàn cờ chính

trị của các nước lớn, việc “thỏa hiệp” hay “dàn xếp” của hai cường quốc có thể xảy ra nhằm tối đa hóa lợi ích của các bên và có thể ảnh hưởng xấu đến các nước nhỏ tại Biển Đông.

4.3.2.2. Xu hướng 2: Ưu thế nghiêng về phía Trung Quốc và trật tự “chiến tranh Lạnh” kiểu mới hình thành

Trong hơn 5 thập kỷ, Mỹ là cường quốc thống trị ở Đông Nam Á và trật tự được tổ chức xung quanh các thỏa thuận kinh tế và an ninh do Mỹ lãnh đạo. Sự gia tăng sức mạnh tương đối của Trung Quốc đã dẫn đến sự xuất hiện của các xu hướng trong trật tự khu vực dẫn đến sự cân bằng quyền lực tương đối. Khi quyền lực đang chuyển dịch, logic của trật tự quốc tế mới đang trở nên rõ ràng. Khi Mỹ đang mất đi vị thế ưu việt, Trung Quốc đang trỗi dậy và giành được nhiều không gian hơn. Trong trường hợp ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc ở Đông Nam Á có thể mang lại lợi ích cho khu vực và quan trọng hơn là vì lợi ích của Mỹ, sự trỗi dậy và thể hiện vai trò của Trung Quốc có thể được Mỹ ủng hộ. Nói cách khác, nếu Trung Quốc thực hiện các bước đi mà Mỹ mong muốn thì Mỹ sẽ ủng hộ vị thế ngày càng tăng của nước này. Với sự ủng hộ của Mỹ, sự tham gia của Trung Quốc vào nhiều lĩnh vực khu vực và các tổ chức có thể có lợi trong việc giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống và vấn đề kinh tế. Do đó, trật tự chiến tranh lạnh kiểu mới có thể được hình thành ở Đông Nam Á một cách chủ động với sự ủng hộ của Mỹ. Theo đó, một trật tự lưỡng cực của hai cường quốc là Mỹ và Trung Quốc tại Đông Nam Á được hình thành. Trong tình huống này, các cam kết liên minh sẽ cố định hơn là linh hoạt. xu hướng này còn được gọi là trật tự Chiến tranh Lạnh mới khi cả hai chủ thể đều có nhiều khác biệt về xã hội và ý thức hệ sẽ thường được nhấn mạnh trong cuộc cạnh tranh giành vị trí địa chính trị. Trật tự hai cực có thể sẽ diễn ra khi Trung Quốc đảm bảo tăng trưởng kinh tế và có sự chuyển dịch các nguồn lực thành khả năng quân sự hiện đại hơn. Do đó, các chiến lược khu vực có thể được “diễn giải” trong khuôn khổ “logic” của Chiến tranh Lạnh, do đó cản trở hợp tác an ninh khu vực kể từ chiến tranh lạnh theo logic của chủ nghĩa hiện thực ngụ ý xung đột trong khi chủ nghĩa toàn cầu duy tâm hậu Chiến tranh Lạnh có hàm ý hợp tác [Doyle, Rumley, 2019, tr.45]. Trật tự chiến tranh lạnh kiểu mới là sự “tự thí” để cùng phát triển và Trung Quốc trở thành một cường quốc có trách nhiệm ở khu vực với sự kiểm soát của Mỹ thông qua việc tôn trọng luật lệ quốc tế.

Hình 4.7. Mỹ và Trung Quốc tại Đông Nam Á khi Mỹ chiếm ưu thế trong “Lăng kính cạnh tranh” của Grant Mason (Nguồn: Tác giả thực hiện theo “Lăng kính cạnh tranh” của Mason)



Để hình thành trật tự chiến tranh lạnh kiểu mới như Hình 4.7, Trung Quốc cần có sự phát triển mạnh hơn và Mỹ suy yếu tại khu vực. Thế nhưng, trong bối cảnh nước Mỹ nhân mạnh sự quay trở lại không chỉ ở châu Á - Thái Bình Dương mà mở rộng thành “Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương” nhằm tạo thế đối trọng với chiến lược “Hai đại dương” (“Two-oceans” Strategy) của Trung Quốc thì sự phát triển của Trung Quốc ngày càng khó khăn. Thông qua chiến lược trên, Trung Quốc nhấn mạnh đến tầm quan trọng địa chính trị và địa chiến lược của khu vực [Kyaw, 2020, 77-102]. Do đó, Biển Đông của Đông Nam Á sẽ có nguy cơ trở thành điểm nóng an ninh của khu vực. Khả năng “thỏa hiệp” vẫn có nhưng khả năng “chạm trán” có nguy cơ cao hơn. Ở xu hướng này, hai cường quốc sẽ tăng cường “tranh đua”, lôi kéo các quốc gia liên quan ở Đông Nam Á về “cực” mà mình lãnh đạo. Tuy Trung Quốc có nhiều bước phát triển trong thời gian qua, nhưng Mỹ vẫn có lợi thế tương đối đáng kể của một cường quốc truyền thống như quy mô kinh tế, khả năng công nghệ và các hệ thống quân sự. Trung Quốc có thể thu hẹp khoảng cách đó, nhưng cần nhiều thời gian để đuổi kịp. Khi Trung Quốc tìm cách thách thức tính hợp pháp của hệ thống khu vực do Mỹ thống trị và đề xuất phương án thay thế, hệ thống này cần nhận được sự ủng hộ của các quốc gia khác trong khu vực. Đáp lại, Mỹ có thể củng cố trật tự vốn có bằng cách chuyển từ chiến lược can dự thành một cuộc đối đầu chống lại Trung Quốc.

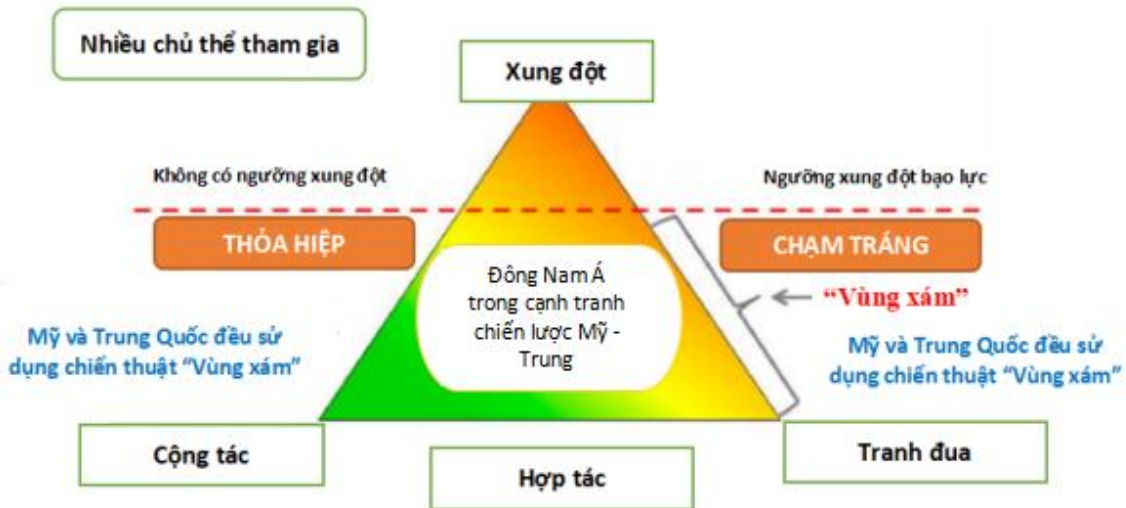
Thậm chí, Doyle và Rumley (2019) từng đề cập tới một cuộc “Chiến tranh Lạnh đa diện kiểu mới”, thậm chí đưa ra Ma trận chiến tranh lạnh kiểu mới [Doyle, Rumley, 2019, tr.45-67] thể hiện sự phức tạp, chông chéo nhau về lợi ích chiến lược và các tranh chấp tại khu vực. Vì vậy, xu hướng về cuộc Chiến tranh Lạnh kiểu mới cũng sẽ đem lại nhiều nguy cơ lẫn lo ngại về nền hòa bình tại Đông Nam Á.

Mỹ và Trung Quốc sẽ công khai công kích nhau trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao và xung đột công khai ở mức độ cao trên lĩnh vực kinh tế. Tại bối cảnh này, Mỹ nỗ lực giành lại vị trí dẫn đầu tại Đông Nam Á nhằm khẳng định sức mạnh và vị thế siêu cường duy nhất trên thế giới. Trong khi đó, Trung Quốc cũng cố gắng thực hiện “Giấc mộng Trung Hoa” và chuẩn bị cho sự chuyển giao, thậm chí chiếm lĩnh khoảng trống quyền lực do Mỹ để lại ở giai đoạn trước đó. Chính vì vậy, dù vẫn hợp tác và cạnh tranh đan xen, nhưng cả Mỹ lẫn Trung Quốc, ở mức độ công khai, sẽ vẫn không ngại va chạm nhằm duy trì, bảo vệ và giành lấy các lợi ích cốt lõi của chính mình. Đồng thời, hai cường quốc đang cạnh tranh ảnh hưởng sẽ lôi kéo các nước nhỏ có lợi ích hay tranh chấp tại Đông Nam Á về phía mình. Các cường quốc có thể đưa ra các nguồn lực về kinh tế, chính trị để thuyết phục các nước nhỏ. Không chỉ vậy, bản chất vấn đề Đông Nam Á cũng tồn tại nhiều tranh chấp phức tạp, chông chéo của các quốc gia tuyên bố chủ quyền trên biển. Trong xu hướng về cuộc Chiến tranh Lạnh kiểu mới, những vấn đề chủ quyền có thể trở nên nóng hơn nếu có sự cạnh tranh giữa hai khối do Mỹ và Trung Quốc dẫn đầu. Chính vì vậy, tính ổn định của Chiến tranh Lạnh kiểu mới hay liệu có giải pháp hòa bình được hình thành khi Chiến tranh Lạnh kiểu mới được thiết lập hay không vẫn là nghi vấn lớn. Những vấn đề tiềm ẩn về an ninh, chiến lược, chủ quyền sẽ là những chất xúc tác lớn dễ tạo đến các xung đột quân sự ở mức độ công khai khi hai cường quốc nỗ lực tìm kiếm vị thế dẫn đầu.

4.3.2.3. Xu hướng 3: Đông Nam Á phức tạp với sự tham gia của nhiều chủ thể

Một trong những xu hướng tương lai ở Đông Nam Á là trật tự đa cực sẽ thay thế trật tự do Mỹ đứng đầu [Wealth, 1993/94, 34–77]. Các chủ thể vẫn ở “Vùng xám” vì vẫn diễn ra sự cạnh tranh và ganh đua thay vì thỏa hiệp hay hợp tác hướng tới hòa bình. Tuy vậy, việc hình thành trật tự đa cực ở Đông Nam Á nghĩa là có sự đa phương hóa, thậm chí là có quan điểm quốc tế hóa các tranh chấp tại Biển Đông. Điều này sẽ đòi hỏi những chuyển đổi đáng kể trong chính sách đối ngoại và vị thế quyền lực của các bên trong khu vực.

Hình 4.8. Đông Nam Á phức tạp với sự tham gia của nhiều chủ thể trong “Lăng kính cạnh tranh” của Mason (Nguồn: Tác giả thực hiện theo “Lăng kính cạnh tranh” của Mason)



Theo Hình 4.8, vị thế đối với Trung Quốc sẽ cần những cải thiện nhất định trong hiện đại hóa kinh tế và khả năng quân sự, cũng như duy trì sự ổn định chính trị. Nếu xu hướng này diễn ra, điều này có nghĩa Mỹ sẽ suy yếu tại khu vực, nhiều cường quốc khác sẽ thể hiện nhiều vai trò hơn, kể cả Liên Bang Nga và Ấn Độ. Những xung đột nhỏ tại Biển Đông có thể leo thang thành những xung đột lớn hơn khi các quốc gia nhận thấy khả năng giải quyết hoặc giành lợi thế thông qua sự phủ đầu. Xu hướng lâu dài để cân bằng quyền lực làm cho đa cực trở thành tương lai hợp lý. Tuy nhiên, cần phải có những thay đổi đáng kể để đạt được điều này, và khi đến đó, triển vọng về sự ổn định đối với vấn đề phức tạp như Biển Đông là không chắc chắn khi cuộc cạnh tranh chiến lược tại Đông Nam Á không phải chỉ liên quan đến Mỹ và Trung Quốc mà đã trở thành cuộc cạnh tranh chiến lược lớn với sự tham gia của nhiều chủ thể.

Nếu xu hướng này diễn ra theo Hình 4.8, Đông Nam Á sẽ ngày càng trở nên phức tạp và khó đoán định khi Mỹ và Trung Quốc tiếp tục ở “Vùng xám” nhưng có sự tham gia của nhiều chủ thể. Bối cảnh này đưa ra nhiều sức ép cho cả Mỹ lẫn Trung Quốc khi có sự can dự của các cường quốc khác khiến cho việc “thỏa hiệp” giữa hai nước trở nên khó khăn hơn. Giai đoạn đầu, Trung Quốc sẽ có những lợi thế nhất định nhưng khi điểm nóng an

ninh Biển Đông bị “quốc tế hóa”, sự chông chéo về lợi ích giữa nhiều chủ thể ngày càng trở nên phức tạp, cả Mỹ lẫn Trung Quốc đều khó đạt được một kết quả có lợi nhất cho cả hai phía. Ở giai đoạn này có thể dẫn đến hai viễn cảnh.

Thứ nhất, Mỹ và Trung Quốc tiếp tục duy trì chiến lược “vùng xám”: Trong bối cảnh các chủ thể khác tham gia vào Đông Nam Á liên tục gây sức ép để có kết quả có lợi cho họ, Mỹ lẫn Trung Quốc đều bị thiệt hại tại Đông Nam Á. Bởi lẽ, lợi ích chiến lược của cả hai nước phải chia sẻ cho các chủ thể khác. Xu hướng này khiến Đông Nam Á dễ rơi vào tình trạng luôn căng thẳng và có thể trở thành điểm nóng của an ninh khu vực bất kỳ lúc nào.

Thứ hai, Mỹ hoặc Trung Quốc quyết định dừng lại chiến lược “vùng xám” để đạt thế thượng phong trong cuộc cạnh tranh chiến lược ở phiên bản mở rộng.

(i), Nếu Mỹ thành công và nắm giữ vai trò lãnh đạo thì Đông Nam Á sẽ quay lại xu hướng 1 - Mỹ và Trung Quốc ở “vùng xám” và Mỹ nắm giữ vai trò lãnh đạo.

(ii), Nếu Trung Quốc quyết định dừng lại chiến lược “vùng xám” để tìm thế chủ động, điều này chỉ có thể đạt được khi Trung Quốc phát triển mạnh đủ để trở thành người lãnh đạo tại khu vực. Tuy nhiên, xu hướng này khó xảy ra và nếu muốn Trung Quốc cần hợp tác với các cường quốc khác như Nga để đảm bảo sự thành công. Trong trường hợp Trung Quốc thành công với sự hậu thuẫn của các cường quốc khác, dù ở vị trí lãnh đạo, Trung Quốc sẽ vẫn phải chịu sự khống chế hay áp lực của các cường quốc giúp đỡ mình. Điều này có nghĩa Trung Quốc khó có thể trở thành người lãnh đạo thực sự mà cần dựa vào liên minh, như Trung - Nga như Tchakarova đề xuất là quan hệ Gấu-Rồng (DragonBear)²⁸ - hai biểu tượng của Nga và Trung Quốc. Đây là đề xuất mà Nga đang thuyết phục Trung Quốc [Tchakarova, 2022, 9-18]. Nếu Trung Quốc thực sự chuyển sang hợp tác và tham gia hình thành khối DragonBear với Nga [Johnson, Adams, Grant, Murphy, 2022, tr.16], một trật tự kinh tế-chính trị mới “Pax Sinica” với sự hậu thuẫn của Nga.

Đối với xu hướng này như Hình 4.8, cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung vẫn ở mức độ vừa cạnh tranh, vừa hợp tác nhưng nỗ lực không chạm tới “ngưỡng xung đột” ở “mức độ

²⁸ Thuật ngữ "DragonBear" được Velina Tchakarova đưa ra vào năm 2015 để mô tả một phương thức mới của quan hệ song phương Trung-Nga nhằm định hình trật tự toàn cầu trong thế kỷ 21.

công khai” nhưng có sự tham gia của nhiều chủ thể, Đông Nam Á trở nên phức tạp hơn. Đối với xu hướng này, Mỹ, Trung Quốc và các chủ thể khác đều thể hiện mong muốn tạo ảnh hưởng ở mức độ công khai. Trong khi đó, Mỹ và Trung Quốc lẫn các chủ thể mới vẫn tồn tại nhiều mâu thuẫn tiềm ẩn, chủ yếu đều liên quan đến các lợi ích chiến lược. Điều này khiến Biển Đông dễ dàng trở thành “vùng đệm” để các nước lớn, thậm chí là những nước nằm ngoài khu vực, cạnh tranh ảnh hưởng lẫn nhau. Đây là một trong những xu hướng phức tạp, chứa nhiều bất ổn đối với khu vực Đông Nam Á. Những mâu thuẫn về chính trị - an ninh ở mức độ tiềm ẩn nhưng có thể tạo thành nhiều biến động, xáo trộn tình hình khu vực. Thậm chí, nếu không thể xác định được chủ thể nắm vai trò lãnh đạo hoặc chủ chốt, Đông Nam Á có thể trở thành môi trường “vô chính phủ”. Từ đó, dẫn đến nhiều hệ lụy như chạy đua vũ trang, dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực. Khi điều này xảy ra, Đông Nam Á thực sự trở thành điểm nóng an ninh của khu vực.

Đồng thời, xu hướng này cũng có thể tạo ra các khoảng trống quyền lực, các chủ thể có thể tranh thủ thời cơ này để tìm vị thế có lợi. Mặc dù nhiều nguy cơ, đây cũng là thời cơ cho các chủ thể đặc biệt - thể chế khu vực như ASEAN thể hiện vai trò. Thậm chí, vai trò trung tâm của ASEAN trong hợp tác an ninh - chính trị ở khu vực có thể tăng lên khi ASEAN có kết nối bên ngoài và bên trong ngày một chắc chắn [Lê Lêna, 2018, tr.139-140]. Các hợp tác đa phương của ASEAN với các cường quốc, như ASEAN+, sẽ cung cấp thêm những cách tiếp cận mới để thảo luận và tìm kiếm giải pháp hòa bình cho Đông Nam Á. Do đó, việc các nước tập trung ưu tiên vào khu vực cũng là nguyên nhân khách quan giúp thúc đẩy vai trò trung tâm của ASEAN. Tác động rõ rệt nhất là các nước lớn sẽ có nhu cầu thúc đẩy hợp tác với ASEAN, đồng thời xu hướng gia tăng cạnh tranh, kiềm chế lẫn nhau giữa các cường quốc cũng tạo ra không gian lớn hơn để ASEAN phát huy vai trò trung gian, điều hòa lợi ích xung đột giữa các bên [Viện Chiến lược Công An, Bộ Công An, 2020, tr.274]. Thực chất, ASEAN có ảnh hưởng lớn đến sự cạnh tranh chiến lược của các cường quốc tại châu Á [Egberink, Putten, 2010, tr.131-141]. Vì vậy, ở xu hướng Mỹ - Trung ở “vùng xám” trong cạnh tranh chiến lược tại Đông Nam Á với sự tham gia của nhiều chủ thể, Đông Nam Á trở thành khu vực khó đoán định khi hợp tác, cạnh tranh đan xen, chòng chẹo. Khả năng đạt được thỏa hiệp của các chủ thể là có nhưng ở mức độ thấp, trong khi ganh đua và cạnh tranh giữa nhiều chủ thể sẽ diễn ra. Dù không chủ thể nào mong muốn chiến tranh hay xung đột diễn ra, nhưng với nhiều nguy cơ tiềm ẩn cùng sự phức tạp

của bối cảnh trên, khả năng “chạm trán” và “xung đột” vẫn có thể xảy ra. Tuy vậy, đây cũng là thời cơ cho ASEAN - các nước nhỏ có lợi ích trực tiếp tại Đông Nam Á - thể hiện vai trò của mình đối với các vấn đề an ninh khu vực.

Cả ba xu hướng đều có thể xảy ra trong tương lai. Tuy vậy, xu hướng 1 là khả dĩ nhất trong tương lai gần. Bởi lẽ khoảng cách phát triển của Mỹ và Trung Quốc còn tương đối xa và Trung Quốc cần nỗ lực nhiều hơn để thu hẹp. Do đó, xu hướng 3 có thể diễn ra trong tương lai xa nếu Trung Quốc duy trì tốc độ phát triển cao còn Mỹ tiếp tục suy yếu. Xu hướng 2 muốn diễn ra đòi hỏi nhiều điều kiện từ các chủ thể khác nhau và khả năng các quốc gia liên quan đồng ý quốc tế hóa Biển Đông là rất thấp. Do đó, trong tương lai gần, xu hướng 1 có thể sẽ diễn ra, nhưng nếu Mỹ không thành công trong việc phục hồi và duy trì vị thế đứng đầu, xu hướng 2 và 3 sẽ có thể xảy ra trong tương lai xa.

4.4. Hàm ý chính sách và kiến nghị cho ASEAN và Việt Nam

Tương lai của Đông Nam Á luôn là câu hỏi lớn và là một hiện tượng quan hệ quốc tế ảnh hưởng lớn đối với đời sống chính trị thế giới. Trước đó, trật tự khu vực và toàn cầu gắn liền với một cường quốc duy nhất, đảm bảo an ninh và bảo đảm thương mại. Với sự trỗi dậy của Trung Quốc tại Đông Nam Á lại đưa ra lựa chọn cho các quốc gia nhỏ tại khu vực là hợp tác với bá chủ về quân sự là Mỹ và siêu cường kinh tế là Trung Quốc [Feigenbaum, Manning, 2012]. Động lực của trật tự này có thể thấy rõ trong các chiến lược được các quốc gia áp dụng trong quá trình chuyển giao quyền lực. Lịch sử khu vực khiến chính phủ Đông Nam Á thận trọng đối với bất kỳ sự thay đổi nào về cán cân quyền lực. Cạnh tranh Trung-Mỹ ngày càng gay gắt chắc chắn ảnh hưởng đến lựa chọn chiến lược của các nước Đông Nam Á. Với áp lực ngày càng cao của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, ASEAN và Việt Nam có xu hướng tránh thể hiện thái độ hay “chọn bên”. Tuy nhiên, lựa chọn này có thể khiến hai cường quốc Mỹ - Trung không hài lòng. Thay vào đó, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á thông qua ASEAN và Việt Nam có thể cân nhắc về sự hợp tác với Trung Quốc ở lĩnh vực kinh tế, đồng thời, khuyến khích Mỹ thúc đẩy hợp tác ở lĩnh vực an ninh - quốc phòng.

4.4.1. Hàm ý chính sách và kiến nghị cho ASEAN

Đông Nam Á có lịch sử phong phú trong việc điều hướng các động lực địa chính trị phức tạp. Khu vực này từng là chiến trường cho các lợi ích cạnh tranh trong suốt Chiến tranh Lạnh và chịu ảnh hưởng từ nhiều cường quốc bên ngoài. Đông Nam Á trong lịch sử là khu vực có nền văn hóa, ngôn ngữ và hệ thống chính trị đa dạng, việc duy trì tính trung lập giúp thúc đẩy tinh thần đoàn kết và hợp tác giữa các quốc gia có hệ tư tưởng và lợi ích khác nhau. Khi cạnh tranh giữa Trung Quốc và Mỹ ngày càng gia tăng, các nước Đông Nam Á điều hướng cẩn thận lựa chọn liên quan các vấn đề về an ninh và kinh tế của mình. Di sản lịch sử, chủ nghĩa dân tộc và tranh chấp lãnh thổ, các quốc gia trong khu vực đang nỗ lực tìm ra một chiến lược chung để duy trì hòa bình khu vực và thúc đẩy an ninh, thịnh vượng. Trong khi đó, Đông Nam Á đã trở thành trung tâm của nền kinh tế toàn cầu. Các nước trong khu vực và các cường quốc đang tìm kiếm một chiến lược nhằm nâng cao lợi ích chiến lược nhưng đồng thời duy trì sự ổn định trong khu vực. Các nước Đông Nam Á thừa nhận vai trò lớn hơn của Trung Quốc cả về thương mại lẫn an ninh. Đồng thời, các nước nhỏ hiểu rằng việc Trung Quốc phát triển và mong muốn bảo vệ các tuyến đường thương mại của mình là không thể tránh khỏi. Các nước Đông Nam Á cũng nhận thức được rằng một Trung Quốc đang trỗi dậy chắc chắn sẽ nỗ lực xây dựng một quân đội hiện đại khi nước này mong muốn trở thành một cường quốc hàng hải. Do đó, các quốc gia láng giềng ở khu vực muốn Trung Quốc sử dụng ảnh hưởng và năng lực ngày càng tăng một cách kiềm chế và hợp pháp.

Trong khi đó, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) cung cấp một diễn đàn đối thoại và hợp tác giữa các quốc gia thành viên và các đối tác bên ngoài như Mỹ. Các cơ chế do ASEAN chủ trì như Hội nghị thượng đỉnh Đông Á và Diễn đàn khu vực ASEAN đóng vai trò là nền tảng để thảo luận các vấn đề an ninh khu vực và xây dựng các biện pháp xây dựng lòng tin giữa các quốc gia có lợi ích cạnh tranh nhau. Bằng cách tham gia vào các diễn đàn đa phương, các quốc gia Đông Nam Á có thể đưa tiếng nói của mình trên trường quốc tế và định hình quỹ đạo cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung trong khu vực. Với các cơ chế của mình, ASEAN có thể đóng góp tích cực trong nỗ lực tìm kiếm sự cân bằng tại khu vực trước sự cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc ngày càng gay gắt. Đặc biệt, ASEAN cần hợp tác kinh tế với Trung Quốc vì thực tế Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của khu vực và cũng là quốc gia có khả năng cung cấp tài chính cho cơ sở hạ tầng quy mô lớn tốt nhất trong tương lai. Tuy nhiên, các nước thành viên ASEAN đều

không muốn phụ thuộc quá nhiều vào Trung Quốc. Điều này đã tạo không gian cho Mỹ tác động đến diễn ngôn về mô hình kinh tế của Trung Quốc. Bất chấp những tranh luận chỉ trích sau đó, Trung Quốc vẫn tiếp tục thúc đẩy BRI và tham gia vào các dự án cơ sở hạ tầng sâu rộng dựa trên sự hợp tác chung. Bên cạnh đó, vai trò Mỹ rất quan trọng trong việc định hướng tầm nhìn chiến lược. Rất ít quốc gia mong muốn một trật tự được đặc trưng bởi sự thống trị của Trung Quốc, nhưng ngay cả trong bối cảnh cạnh tranh lưỡng cực đang nổi lên, các chiến lược của Mỹ thúc đẩy sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, cùng với hỗ trợ sâu sắc hơn cho các đối tác của Mỹ, mang lại sự đảm bảo lớn hơn rằng các mục tiêu Mỹ sẽ được thực hiện [Tellis, Szalwinski, Wills, 2020, tr.32].

Khi sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc ngày càng gia tăng, các nước Đông Nam Á nhận thức vai trò ở vị trí then chốt của khu vực. Thay vì là những nhà quan sát thụ động, các quốc gia này có cơ hội tận dụng ASEAN để đóng vai trò chủ động trong việc định hình động lực của cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung. Một trong những thế mạnh lớn nhất của ASEAN nằm ở khả năng cung cấp một nền tảng trung lập cho đối thoại và gắn kết giữa các quốc gia thành viên và đối tác bên ngoài. Bằng cách tận dụng sức mạnh triệu tập của ASEAN, các nước Đông Nam Á có thể tạo điều kiện cho cuộc đối thoại mang tính xây dựng giữa Mỹ và Trung Quốc, thúc đẩy sự hiểu biết, giảm căng thẳng và thúc đẩy hợp tác trong các thách thức chung như an ninh khu vực, phát triển kinh tế và bền vững môi trường. Đặc biệt, ASEAN đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy một trật tự dựa trên luật lệ ở Đông Nam Á và khu vực châu Á - Thái Bình Dương rộng lớn hơn. Bằng cách đề cao các nguyên tắc như tôn trọng chủ quyền, không can thiệp và giải quyết tranh chấp một cách hòa bình, ASEAN giúp ngăn ngừa xung đột và duy trì ổn định trong khu vực. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, các nước Đông Nam Á có thể ủng hộ việc tuân thủ luật pháp và chuẩn mực quốc tế, từ đó giảm thiểu nguy cơ leo thang và thúc đẩy chung sống hòa bình giữa hai cường quốc.

Hội nhập kinh tế là trụ cột chính trong chương trình nghị sự của ASEAN, với các sáng kiến như Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) nhằm thúc đẩy hợp tác thương mại, đầu tư và kinh tế giữa các quốc gia thành viên. Bằng cách tăng cường hội nhập kinh tế trong ASEAN và tăng cường quan hệ với các đối tác bên ngoài, các nước Đông Nam Á có thể tăng cường khả năng phục hồi trước những cú sốc bên ngoài và tận dụng sức mạnh kinh tế tập thể để

đàm phán các điều kiện có lợi trong cuộc cạnh tranh Mỹ - Trung. Hơn nữa, các sáng kiến do ASEAN dẫn đầu như Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) tạo nền tảng cho các nước Đông Nam Á tham gia với cả Hoa Kỳ và Trung Quốc về các vấn đề thương mại và đầu tư. Không chỉ vậy, ASEAN là một diễn đàn để các nước Đông Nam Á tham gia tìm kiếm các biện pháp xây dựng lòng tin và các sáng kiến ngoại giao nhằm giảm căng thẳng và xây dựng lòng tin giữa các quốc gia có lợi ích cạnh tranh. Thông qua các cơ chế như Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) và Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS), các nước Đông Nam Á có thể thúc đẩy đối thoại, minh bạch và hợp tác trong các vấn đề an ninh, từ đó giảm nguy cơ xung đột và bất ổn trong khu vực. Hơn nữa, các sáng kiến do ASEAN dẫn đầu như Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông cung cấp một khuôn khổ để quản lý các tranh chấp và thúc đẩy giải pháp hòa bình thông qua đối thoại và đàm phán. Các nước Đông Nam Á có thể phát huy vai trò của ASEAN trong cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung bằng cách tận dụng thế mạnh của mình như một nền tảng đối thoại trung lập, thúc đẩy trật tự dựa trên luật lệ, tăng cường hội nhập kinh tế và tạo điều kiện cho các biện pháp xây dựng lòng tin. Bằng cách hợp tác cùng nhau thông qua ASEAN, các nước Đông Nam Á có thể đóng vai trò tích cực trong việc định hình động lực cạnh tranh Mỹ - Trung, thúc đẩy sự ổn định và thúc đẩy lợi ích quốc gia của chính họ trong bối cảnh địa chính trị đang thay đổi nhanh chóng.

4.4.2. Hàm ý chính sách và kiến nghị cho Việt Nam

Nếu cách tiếp cận của hai cường quốc khiến Việt Nam bị ép buộc phải lựa chọn giữa việc hợp tác với Mỹ hay Trung Quốc, thì chính các cường quốc sẽ khó có thể đạt được thành công lâu dài. Những hàm ý chính sách và khuyến nghị cho Việt Nam bao gồm các nội dung sau: Đầu tiên, Việt Nam có thể chọn tăng cường hợp tác hiện có với Mỹ khi mối đe dọa từ Trung Quốc gia tăng. Thứ hai, Việt Nam có thể chọn chiến lược trung lập. Thứ ba, Việt Nam có thể theo đuổi chiến lược phòng ngừa rủi ro.

4.4.2.1. Tăng cường hợp tác với Mỹ

Đối với Việt Nam, sự trỗi dậy của Trung Quốc mang lại cả thách thức và cơ hội. Một mặt, tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đã mang lại sự gia tăng thương mại và đầu tư cho khu vực, thúc đẩy sự phát triển và thịnh vượng. Mặt khác, sự quyết đoán của Trung Quốc

trong các tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông và sự hiện diện quân sự ngày càng mở rộng của nước này đã làm dấy lên mối lo ngại về ý định của nước này và làm dấy lên lo ngại về sự bất ổn trong khu vực. Trong bối cảnh đó, Việt Nam có thể ngày càng tìm cách tăng cường hợp tác với Mỹ như một đối trọng trước ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc. Mỹ từ lâu đã là đối tác an ninh quan trọng của nhiều nước trong khu vực, cung cấp hỗ trợ quân sự, tiến hành các cuộc tập trận chung và hỗ trợ các nỗ lực duy trì tự do hàng hải ở Biển Đông. Điều này chủ yếu là do sự phụ thuộc gây ra bởi sự liên kết trong nhiều thập kỷ, tức là do trở thành một phần của hệ thống do Mỹ lãnh đạo ở khu vực. Hơn nữa, một bá quyền ở xa có thể tham gia vào việc cân bằng với nước láng giềng hùng mạnh [Levy, Thompson, 2010]. Tuy nhiên, hình thức cân bằng này mang theo những chi phí kinh tế và chính trị trong nước, dẫn đến sự xói mòn dần quyền tự chủ chiến lược.

Đồng thời, Việt Nam đã tăng cường quan hệ quốc phòng với Mỹ thông qua các hiệp định như Hiệp định Hợp tác Quốc phòng Tăng cường (EDCA) và Đối thoại Đối tác Chiến lược. Những quan hệ đối tác này không chỉ nâng cao khả năng quân sự mà còn đóng vai trò ngăn chặn hành động quyết đoán của Trung Quốc trên Biển Đông. Hơn nữa, tìm cách tăng cường hợp tác kinh tế với Mỹ cũng là cách thức để Việt Nam đa dạng hóa các đối tác thương mại và đầu tư. Mỹ vẫn là thị trường lớn cho xuất khẩu và các sáng kiến như Tầm nhìn kinh tế Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương mang lại cơ hội tham gia kinh tế và phát triển cơ sở hạ tầng trong khu vực. Ngoài quan hệ đối tác song phương, Việt Nam cũng cần tham gia ngoại giao đa phương để giải quyết các thách thức chung và thúc đẩy ổn định khu vực. Bằng cách làm sâu sắc thêm quan hệ đối tác song phương, tham gia ngoại giao đa phương và tăng cường quan hệ kinh tế, Việt Nam có thêm cách thức để bảo vệ chủ quyền, thúc đẩy ổn định khu vực và thúc đẩy lợi ích quốc gia. Khi động lực của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tiếp tục leo thang, Việt Nam càng có thể trở thành địa điểm quan trọng, nơi mà cuộc cạnh tranh chiến lược này có thể diễn ra.

4.4.2.2. Trung lập với cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung

Trước các thách thức từ cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, Việt Nam tìm cách duy trì chính sách trung lập và không liên kết, ưu tiên chủ quyền và độc lập tự quyết. Việc lựa

chọn phe trong cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung đặt ra những rủi ro và thách thức lớn cho Việt Nam. Liên kết quá chặt chẽ với một trong hai cường quốc có thể dẫn đến áp lực gia tăng, sự ép buộc về kinh tế và các mối đe dọa an ninh tiềm ẩn từ phía đối lập. Hơn nữa, việc chọn phe có thể làm suy yếu các nỗ lực hướng tới hội nhập và hợp tác khu vực của Việt Nam. Bằng cách đứng ngoài cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung, Việt Nam có thể bảo vệ quyền tự chủ và chủ quyền. Chính sách trung lập cho phép Việt Nam theo đuổi lợi ích quốc gia mà không chịu sự can thiệp hoặc thống trị từ bên ngoài. Sự độc lập này là cần thiết để thúc đẩy phát triển kinh tế, thúc đẩy ổn định xã hội và bảo vệ quyền và lợi ích quốc gia. Tính trung lập cũng góp phần ổn định khu vực bằng cách giảm căng thẳng và giảm thiểu nguy cơ xung đột. Việc tránh vướng vào các xung đột không cần thiết, Việt Nam có thể tập trung vào việc xây dựng lòng tin với các cường quốc, đối thoại và tìm kiếm các giải pháp hòa bình. Đứng ngoài cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung mở ra cơ hội kinh tế cho Việt Nam. Thông qua duy trì mối quan hệ hữu nghị với cả hai cường quốc, Việt Nam có thể tận dụng vị thế là chủ thể trung lập để thu hút đầu tư, tạo thuận lợi cho thương mại và thúc đẩy hợp tác kinh tế. Hơn nữa, tính trung lập làm giảm nguy cơ bị vướng vào các tranh chấp thương mại hoặc các biện pháp trừng phạt kinh tế, từ đó bảo vệ nền kinh tế đang phát triển của Việt Nam.

Trung lập không có nghĩa là chủ nghĩa biệt lập. Việt Nam có thể tích cực tham gia vào các diễn đàn đa phương và các sáng kiến ngoại giao nhằm giải quyết các thách thức chung và thúc đẩy hợp tác khu vực. Các thể chế như ASEAN cung cấp nền tảng cho đối thoại, đàm phán và giải quyết xung đột, cho phép các quốc gia thành viên cùng nhau hướng tới các mục tiêu chung trong khi tôn trọng chủ quyền và độc lập của nhau. Việt Nam cần lựa chọn đứng ngoài cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung bằng cách duy trì chính sách trung lập và không liên kết. Bằng cách đó, Việt Nam sẽ bảo vệ quyền tự chủ, thúc đẩy ổn định khu vực, tăng cường các cơ hội kinh tế và tham gia mang tính xây dựng vào ngoại giao đa phương. Mặc dù áp lực phải chọn phe có thể trở nên ngày càng mạnh mẽ nhưng lợi ích của tính trung lập lớn hơn rủi ro, cho phép Việt Nam có thể tự đưa ra lộ trình hướng tới hòa bình và phát triển.

4.4.2.3. Chiến lược phòng ngừa rủi ro

Thực tế cho thấy sự “suy giảm” ảnh hưởng của Mỹ đã và đang diễn ra trong dài hạn. Trong khi đó, Trung Quốc đã phát triển khả năng triển khai hàng hải tiên tiến với số lượng lớn. Vì vậy, nếu tiếp tục theo cách tương tự trong tương lai, điều này có thể làm suy yếu khả năng của Mỹ [Goldstein, 2017] và ảnh hưởng trực tiếp tới Việt Nam. Trong giai đoạn phức tạp và khó đoán định này, Việt Nam có thể xây dựng mối quan hệ mang tính xây dựng với Trung Quốc thông qua các biện pháp xây dựng lòng tin để tăng cường sự tin cậy lẫn nhau. Theo đó, về lâu dài, sự cân bằng trật tự dựa trên quyền lực ở khu vực có thể đảm bảo tính ổn định. Do đó, chiến lược mà Việt Nam có thể chú trọng trong trung hạn là chiến lược phòng ngừa rủi ro. Với các mục tiêu chông chéo giữa Mỹ và Trung Quốc, cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung có thể sẽ thể hiện sự gay gắt tại Việt Nam. Vì vậy, Việt Nam có thể thực hiện các hành động mơ hồ để hạn chế việc thể hiện thái độ trước cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung. Tuy vậy, chiến lược phòng ngừa rủi ro có thể duy trì được hay không phụ thuộc vào quá trình chuyển đổi cấu trúc an ninh của khu vực và những ưu tiên chiến lược của các cường quốc lớn [Liu, Chen, 2015, tr. 4–25].

Phòng ngừa rủi ro là một chiến lược toàn diện bao gồm các chính sách chính trị, kinh tế và an ninh. Theo Cheng-Chwee Kuik, phòng ngừa rủi ro là theo đuổi “tối đa hóa lợi nhuận”, bao gồm chủ nghĩa thực dụng kinh tế, sự tham gia ràng buộc, sự vận động hạn chế, và “nguy cơ dự phòng” [Kuik, 2008, tr.166–171; Kuik, 2013, tr.435–436; Kuik, 2016, tr.520]. Mục đích của dự phòng rủi ro là giảm tổn thất khi mọi thứ trở nên tồi tệ. Để đảm bảo chiến lược “Phòng ngừa rủi ro” thành công đòi hỏi sự hợp tác với Mỹ mà vẫn có thể đảm bảo sự cân bằng mềm với Trung Quốc. Trong đó, đầu tư quân sự, hợp tác an ninh với Mỹ và sự ràng buộc về kinh tế và ngoại giao với Trung Quốc là những chỉ số quan trọng của phòng ngừa [Jackson, 2014, tr. 331–56]. Việc Mỹ quay trở lại Đông Nam Á và sự quan tâm của Mỹ tới Việt Nam tạo cơ hội lẫn thách thức cho Việt Nam trong tiến trình phát triển. Chiến lược phòng ngừa rủi ro được thực hiện để hợp tác với Trung Quốc về mặt kinh tế trong khi vẫn duy trì hợp tác an ninh với Mỹ. Ngoài việc tăng cường hợp tác quân sự với Mỹ, Việt Nam có thể áp dụng chiến lược phòng ngừa, căng thẳng ở Biển Đông nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia - dân tộc, nhất là các vấn đề chủ quyền trên biển. Trong khi Việt Nam đang gặp tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông, nhưng Việt Nam luôn có các hành động hướng tới lợi ích chung của khu vực vì mục tiêu hòa bình và phát triển. Đồng thời, dù kiên quyết đối với vấn đề chủ quyền nhưng Việt Nam cần phản ứng hết sức thận trọng trước

các vấn đề liên quan đến Trung Quốc. Cụ thể, với tư cách là một trong những chủ thể chính trong vấn đề này, Việt Nam đã tìm cách nâng cấp tranh chấp ở Biển Đông lên cấp độ khu vực bằng cách cho rằng tranh chấp chủ quyền trong khu vực là mối đe dọa chung đối với ASEAN. Một số quốc gia như Philippines và Malaysia đã lên tiếng ủng hộ cách tiếp cận của Việt Nam, với tư cách là bên thứ ba tự thừa nhận trong tranh chấp, Indonesia cũng đã lên tiếng tuyên bố đóng vai trò là trung gian hòa giải trong vấn đề Biển Đông [Liu, Wu, 2010, tr.48-49].

Việc kết hợp các yếu tố kinh tế và chính trị hình thành nên các mô hình phòng ngừa rủi ro khác nhau. Thực tế, phòng ngừa rủi ro vừa là vị trí trung gian giữa cân bằng và lôi kéo. Theo Koga tương tác kinh tế có ý nghĩa an ninh lâu dài [Koga, 2018, tr.641]. Chiến lược phòng ngừa rủi ro được sử dụng để thu được lợi ích về chính trị và kinh tế, do đó, tham gia là các thể chế kinh tế cũng là công cụ quan trọng để Việt Nam có thể phòng ngừa rủi ro [Gerstl, 2022, tr.18–9]. Tuy nhiên, việc hạn chế phòng ngừa rủi ro trong lĩnh vực an ninh sẽ khó có thể nắm bắt được đầy đủ. Tranh chấp lãnh thổ và liên minh hiệp ước là vấn đề lớn ở Biển Đông gần như không thay đổi. Đối với phòng ngừa rủi ro, duy trì chiến lược có nghĩa là duy trì sự cân bằng động giữa chính sách tối đa hóa lợi nhuận và chính sách dự phòng rủi ro. Một số quốc gia nhỏ ở Đông Nam Á lựa chọn chiến lược phòng ngừa rủi ro theo hướng tối đa hóa lợi ích về kinh tế. Những lựa chọn như vậy được xem là “chủ nghĩa thực dụng kinh tế” như giao thương với Trung Quốc. Điều này có nghĩa là mở cửa đối với FDI của Trung Quốc nhưng tuân thủ chính sách trung lập nghiêm ngặt về chính trị và quân sự; cố gắng khuyến khích Trung Quốc tham gia vào các thể chế khu vực và quốc tế để ràng buộc Trung Quốc với các tiêu chuẩn quốc tế được chấp nhận rộng rãi; và “sự vận động có giới hạn” khi một quốc gia có thể liên kết với Trung Quốc khi các lợi ích tương ứng nhưng sẽ từ chối phục tùng Trung Quốc [Kuik, 2008, tr. 165]. Tham khảo cách ứng xử này, Việt Nam có thể cân nhắc triển khai các động thái hướng tới “cân bằng mềm” trong lĩnh vực ngoại giao và chính trị bằng cách tạo dựng mối quan hệ chặt chẽ với các cường quốc khác. Tùy thuộc vào môi trường chiến lược mà một quốc gia phải đối mặt, các lựa chọn phòng ngừa rủi ro cụ thể có thể được đưa ra để phù hợp với những tình huống nhất định.

Khi cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ngày càng gay gắt, có thể sẽ đến thời điểm mà Việt Nam sẽ phải lựa chọn giữa Mỹ hoặc Trung Quốc, bắt buộc phải đưa ra quyết định như

theo đuổi “chiến lược cân bằng” hoặc “chiến lược nhất biên đảo”. Lúc này, Việt Nam phải đối mặt với thách thức trong nhận thức về vai trò tương lai của Mỹ tại Đông Nam Á, trong khi vai trò của Trung Quốc càng gia tăng ở khu vực [Schell, Shirk, 2017, tr.16]. Mỗi quan hệ Mỹ - Trung luôn kéo theo sự kết hợp giữa hợp tác và cạnh tranh, tuy nhiên sự kết hợp đó đã thay đổi liên tục và trở nên khó đoán và bất định. Sự lựa chọn chiến lược của nước Mỹ là hết sức quan trọng, việc Mỹ quyết định trở thành một “nhân tố cân bằng ở nước ngoài” - một vai trò mà Mỹ có thể và nên đảm nhiệm [Shambaugh, 2022, tr.400], hay không sẽ thay đổi toàn bộ cục diện an ninh ở Đông Nam Á, kéo theo sự thay đổi mang tính chất bắt buộc trong chính sách của Việt Nam. Tuy nhiên, khi khoảng cách giữa năng lực hàng hải của Trung Quốc và Mỹ bị thu hẹp, so sánh tương quan lợi ích, không loại trừ khả năng Mỹ thay đổi chiến lược và có xu hướng dần dần rút khỏi Biển Đông và tập trung nhiều hơn vào liên minh với Nhật Bản và Úc, cũng như quan hệ đối tác với Ấn Độ [Layne, 2018, tr.94-95]. Việc rút lui chiến lược của Mỹ khỏi khu vực Đông Nam Á khi diễn ra sẽ đi kèm với sự thỏa hiệp chiến lược Trung-Mỹ. Một khi xu hướng này diễn ra, Việt Nam cần chuẩn bị trước những chiến lược phòng bị để đảm bảo tốt lợi ích quốc gia - dân tộc, đặc biệt là vấn đề chủ quyền trên biển tại khu vực Biển Đông.

Tiểu kết

Thực tế, tương lai của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung là câu hỏi lớn và khó có thể dễ dàng đưa ra các kiến giải, xu hướng hoàn toàn thỏa đáng. Khi siêu cường duy nhất của thế giới đối đầu với đối thủ một cường quốc trỗi dậy đang muốn xét lại, diễn biến của cuộc cạnh tranh chiến lược này sẽ định hình bối cảnh khu vực và thế giới trong tương lai. Việc áp dụng các mô hình với vai trò là khung phân tích giúp tiếp cận quan hệ cạnh tranh chiến lược rõ nét và độc đáo hơn. Trong khi đó, “Lăng kính cạnh tranh” của Grant Mason vẫn chưa hoàn thiện và cần tiếp tục nghiên cứu, cập nhật trong những nghiên cứu tiếp theo. Thông qua việc phân tích “Lăng kính cạnh tranh” của Grant Mason, ba xu hướng có thể diễn ra là: (i), Ưu thế nghiêng về phía Mỹ; (ii), Ưu thế nghiêng về phía Trung Quốc và trật tự “chiến tranh Lạnh” kiểu mới hình thành; (iii), Đông Nam Á với sự tham gia của nhiều chủ thể. Bên cạnh đó, cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc cũng làm liên tưởng đến các sự kiện diễn ra trong lịch sử như sự chuyển giao quyền lực, Chiến tranh Lạnh... Không chỉ vậy, các vấn đề về di sản lịch sử, tranh chấp chủ quyền cũng được khơi dậy sau

thời gian dài âm ỉ khi các quốc gia đều chủ trương tạm gác lại tranh chấp để tập trung phát triển kinh tế. Từ đó, thúc đẩy vai trò mạnh hơn tại an ninh khu vực là hàm ý chính sách và khuyến nghị cho ASEAN. Đối với Việt Nam, một số kiến nghị có thể cân nhắc là: tăng cường hợp tác với Mỹ, trung lập với cuộc cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung và chiến lược phòng ngừa rủi ro.

KẾT LUẬN

Chiến lược gia người Mỹ Zbigniew Brzezinski nhấn mạnh đến tầm quan trọng trong thống trị lục địa Âu - Á đối với cường quốc sẽ liên quan đến việc kiểm soát hai trong số ba khu vực sản xuất kinh tế tiên tiến nhất thế giới, từ đó giành được sự phục tùng của châu Phi, sự ủng hộ của phương Tây về địa chính trị đối với khu vực ngoại vi với trung tâm thế giới. Một vấn đề mà nhiều chiến lược gia Mỹ phải đối mặt là làm thế nào để phân tích sự cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc, vì cạnh tranh bao trùm nhiều vấn đề khác nhau giữa Mỹ và Trung Quốc. Tương tự như cách các xung đột quân sự thường có nhiều chiến trường, việc nghiên cứu cạnh tranh thành các khía cạnh có thể hữu ích hơn, thừa nhận rằng cạnh tranh trong từng khu vực phụ thuộc có thể liên quan đến các chủ thể, sự tương tác và động lực khác nhau. Động lực chính thúc đẩy cạnh tranh Mỹ - Trung là theo đuổi quyền lực và an ninh; địa vị và uy tín; sự thịnh vượng kinh tế và quyền lực; kiểm soát và tiếp cận các nguồn tài nguyên; yêu sách về lãnh thổ hoặc chủ quyền; các giá trị và hệ tư tưởng; khả năng định hình trật tự quốc tế thông qua các quy tắc, chuẩn mực và thể chế. Vì vậy, sự “bất định”, “khó dự đoán” của tình hình thế giới, khu vực và động thái của các quốc gia liên quan trong khu vực luôn là “bài toán khó” cho các nhà hoạch định chính sách đối ngoại. Các quốc gia hiện nay đều đang quan sát và điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng thận trọng, khéo léo và tranh thủ lợi thế quốc gia nhằm bảo vệ lợi ích của mình. Cả hai quốc gia Mỹ và Trung Quốc đều nhiều ảnh hưởng từ nhiều tác nhân một lúc trong cuộc cạnh tranh chiến lược ngày càng căng thẳng hiện nay. Hai chủ thể có mối quan hệ phụ thuộc về kinh tế và cần sự hợp tác về an ninh và các vấn đề toàn cầu.

Đông Nam Á phải đối mặt với một thế giới bị chia rẽ, các đường đứt gãy về chiến lược, kinh tế và tư tưởng [Grano, 2023, tr.11]. Cuộc cạnh tranh chiến lược lâu dài của Mỹ với Trung Quốc rất phức tạp và bao gồm nhiều lĩnh vực có liên quan với nhau là chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng và kinh tế - thương mại. Sau khi lên cầm quyền, chính quyền của Tổng thống Mỹ Barack Obama đã kỳ vọng tích cực can dự để đưa Trung Quốc tuân theo trật tự của thế giới như là một quốc gia có trách nhiệm. Chính quyền Tổng thống Obama triển khai “Xoay trục” hay “Tái cân bằng” trong tiếp cận với châu Á và phù hợp với chính sách chiến lược dài hạn của Mỹ. Mong muốn duy trì ưu thế chiến lược của Mỹ đã được thể hiện rất rõ ràng và gửi thông điệp đến Trung Quốc về cách phân bổ nguồn lực.

Chính sách chiến lược dài hạn của Mỹ là duy trì vị thế cường quốc thống trị ở Tây Âu, Trung Đông và Đông Á. Chính sách “Xoay trục” sang châu Á nhấn mạnh vào khu vực quan trọng nhất trên thế giới, nhằm đảm bảo rằng mục tiêu dài hạn khi đối mặt với những biến đổi do sự phát triển nhanh về kinh tế và ảnh hưởng của Trung Quốc.

Tầm nhìn của Mỹ dựa trên việc duy trì tự do và cởi mở trong khu vực cũng như đảm bảo an ninh và ổn định. Tầm nhìn của Trung Quốc là lấy nước này làm trung tâm, bao gồm mở rộng sức mạnh, thúc đẩy hội nhập khu vực và phụ thuộc vào Trung Quốc, hạn chế vai trò của các cường quốc bên ngoài và đưa Đông Nam Á dưới sự lãnh đạo của Trung Quốc. Các nhà phân tích cho rằng một “Trung Quốc trỗi dậy” chỉ tuân theo luật khi các luật lệ đó phù hợp với lợi ích của nước này và sẵn sàng va chạm và đối đầu với lợi ích của các nước khác, kể cả siêu cường Mỹ. Đồng thời, dưới chính quyền Donald Trump, ở giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020, Mỹ thách thức Trung Quốc trong năm lĩnh vực chính: (i), Kiểm soát vùng vịnh Đài Án Độ Dương - Thái Bình Dương; (ii), Thương mại và kinh tế; (iii), Tiêu chuẩn kỹ thuật; (iv), Sự thống trị về công nghệ; (vi), Sự phát triển về quân sự [Tellis, 2020, p .2]. Thay đổi quan trọng nhất trong quan hệ Mỹ - Trung là việc Mỹ thừa nhận rằng Trung Quốc đã phát triển thành một đối thủ cạnh tranh chiến lược dưới thời Tổng thống Donald Trump. Thời kỳ của Tổng thống Barack Obama cũng đã thừa nhận thực tế này nhưng chưa thừa nhận một cách công khai dù vẫn tiến hành các chiến lược phòng ngừa đối với Trung Quốc. Một tuyên bố công khai đóng vai trò quan trọng để phát động một cuộc cạnh tranh chiến lược giữa hai cường quốc. Nói cách khác, Mỹ đã chấp nhận thực tế cạnh tranh Mỹ - Trung và sự trỗi dậy của Trung Quốc đã ảnh hưởng đến lợi ích của nước Mỹ. Sự phục hồi vai trò của Mỹ ở Đông Nam Á là cần thiết và phù hợp với tình hình khu vực.

Đông Nam Á tiếp tục trở thành khu vực tăng trưởng nhanh và năng động nhất thế giới với xu thế chủ đạo là hợp tác và phát triển. Các cường quốc lẫn các quốc gia Đông Nam Á tiếp tục điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng gia tăng ảnh hưởng. Xét về các mối quan hệ của trật tự quyền lực, quan hệ Mỹ - Trung chính là mối quan hệ có ảnh hưởng lớn đến khu vực Đông Nam Á. Với xu hướng quyền lực chuyển dịch từ Tây sang Đông từ đầu thế kỷ XXI, Đông Nam Á nằm trong tâm điểm thu hút sự quan tâm của cả Mỹ và Trung Quốc với tư cách là hai nước lớn hàng đầu thế giới và khu vực. Với vị thế là giao điểm của hai đại chiến lược của Trung Quốc và Mỹ, Đông Nam Á trở thành địa bàn có ý nghĩa quyết

định sự thành bại của từng chiến lược, vì thế nó trở thành địa bàn tranh chấp, lôi kéo quyết liệt của cả Mỹ và Trung Quốc. Như vậy, sự vận động của hệ thống phân bố quyền lực khu vực Đông Nam Á liên quan nhiều đến diễn biến của mối quan hệ Mỹ - Trung hiện nay. Đồng thời, mối quan hệ Trung - Mỹ tiếp tục ảnh hưởng đến quan hệ quốc tế khu vực cũng như chính sách đối ngoại của các quốc gia trong vùng.

Về mặt quân sự, Biển Đông nổi bật như một điểm nóng. Các yêu sách lãnh thổ và việc xây dựng đảo nhân tạo của Trung Quốc đã gây tranh cãi, đặc biệt với các hoạt động tự do hàng hải dẫn đầu của Mỹ. Ở khu vực Đông Nam Á, Biển Đông được xem là khu vực trọng điểm của sự cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung. Trong khi đó, theo Alfred Thayer Mahan, “các trạm dừng chân trên đường hàng hải” nhiều khi mang “mục đích phòng thủ và chiến tranh”, đóng vai trò như các “các vị trí trọng yếu mang tính chiến lược” [Mahan, 2013, 68]. Nói cách khác, Biển Đông, với vị thế địa chiến lược, đang là trung tâm của khu vực địa chiến lược ở châu Á - Thái Bình Dương, thậm chí là lục địa Á - Âu. Mỹ và Trung Quốc có cuộc cạnh tranh căng thẳng về chiến lược với những tranh chấp lãnh hải, không vận tại Biển Đông. Trong bối cảnh phức tạp và nhiều lợi ích đan xen của khu vực, tình hình Biển Đông phức tạp hơn chứ không đơn thuần là mô hình nhị phân dựa trên “hòa bình” hoặc “xung đột” của hai đối thủ cạnh tranh chiến lược [Mason, 2019]. Theo Hayton, Biển Đông là khu vực đầu tiên tham vọng của Trung Quốc đối đầu trực tiếp với quyết tâm chiến lược của Mỹ [Hayton, 2014]. Các yêu sách chủ quyền thể hiện sự bành trướng lãnh thổ của Trung Quốc và các chiến thuật quốc gia này đang sử dụng để đạt được mục tiêu ở Biển Đông là rất quan trọng đối Mỹ và các quốc gia khác có lợi ích trong việc duy trì một trật tự thế giới hòa bình, dựa trên luật pháp và tự do thương mại, tự do hàng hải. Do đó, vùng biển trải rộng trên 3,5 triệu km² trở thành nơi mà bản chất đối lập giữa Trung Quốc và Mỹ có khả năng cao dẫn đến xung đột [Scobell, 2018, tr.199-224].

Trong lịch sử, quá trình chuyển đổi quyền lực toàn cầu đã diễn ra đầy biến động. Bấy Thucydides, một thuật ngữ do học giả Graham Allison của Harvard đặt ra, ám chỉ những căng thẳng nảy sinh khi một cường quốc đang lên đe dọa vượt qua một cường quốc hiện có, một tình huống được mô tả trong Chiến tranh Peloponnesian giữa Athens và Sparta. Đối với Mỹ và Trung Quốc, rủi ro đều cao như nhau, nhưng vũ khí hạt nhân, các nền kinh tế liên kết với nhau và các thể chế toàn cầu sẽ tạo thêm nhiều phức tạp. Về mặt kinh tế, sự

trỗi dậy ngoạn mục của Trung Quốc đã biến nước này từ một nước tham gia tương đối nhỏ thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, thách thức quyền bá chủ kinh tế của Mỹ. Sáng kiến “Vành đai và Con đường” đầy tham vọng của Trung Quốc cũng như dự án cơ sở hạ tầng rộng lớn kết nối châu Á, châu Âu và châu Phi, là minh chứng cho khát vọng toàn cầu của nước này. Mặt khác, Mỹ, cảnh giác với sức mạnh kinh tế ngày càng tăng của Trung Quốc, đã đẩy lùi các hành vi thương mại không công bằng và hành vi trộm cắp tài sản trí tuệ thông qua các cuộc chiến thương mại và lệnh trừng phạt. Khi cả hai quốc gia đều tranh giành ưu thế kinh tế, thương mại quốc tế sẽ là một chiến trường lớn. Các đồng minh và các quốc gia trung lập có thể thấy mình phải chọn phe hoặc khéo léo điều hướng mạng lưới liên minh kinh tế phức tạp, điều này có thể định hình lại chuỗi cung ứng toàn cầu và ảnh hưởng đến các thị trường mới nổi.

Tương lai của sự cạnh tranh Mỹ - Trung không nhất thiết phải dẫn đến đối đầu trực tiếp. Ngoại giao, đối thoại và tìm ra điểm chung, đặc biệt là về các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, đại dịch và phổ biến vũ khí hạt nhân, có thể mở đường cho sự hợp tác. Ngoài ra, các thể chế quốc tế có thể đóng vai trò trung gian, đảm bảo cạnh tranh được duy trì lành mạnh và không dẫn đến xung đột. Tuy nhiên, chủ nghĩa dân tộc, nhận thức sai lầm và phản ứng, hành động của bên thứ ba có thể làm leo thang căng thẳng. Vì vậy, cơ chế quản lý khủng hoảng và các kênh liên lạc mở là rất quan trọng. Tương lai cuộc cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc chắc chắn sẽ định hình của thế kỷ 21. Quỹ đạo của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung sẽ ảnh hưởng đến chính trị, kinh tế và an ninh toàn cầu. Mặc dù cạnh tranh là không thể tránh khỏi nhưng điều cần thiết đối với cả hai quốc gia và cộng đồng quốc tế là đảm bảo rằng sự cạnh tranh này vẫn ở dưới ngưỡng xung đột, nhân mạnh hợp tác hơn là đối đầu. Tương lai chung của khu vực và thế giới rất có thể phụ thuộc vào sự cân bằng này.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ

LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Thu Trang Nguyen (2023), “The United States-China Trade War—The Inevitable Strategic Competition”, An Thinh Nguyen, Thu Thuy Pham, Joon Song, Yen-Ling Lin, Manh Cuong Dong, *Contemporary Economic Issues in Asian Countries: Proceeding of CEIAC 2022* Vol. 2, Springer, Singapore, pp. 1-8.
2. Nguyễn Thu Trang (2022), “Developing strategic partnership in Vietnam-United States relations with Wilkins’s strategic partner model”, *Social Sciences and Humanities 2021*, VNU-HCMC PRESS, Ho Chi Minh City, pp. 234-243.
3. Nguyễn Thu Trang (co-author) (2023), “America and China in the Asia-Pacific: A new regional Cold War?”, *Cogent Arts & Humanities* Vol. 10(1). DOI: <https://doi.org/10.1080/23311983.2023.2220215>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Alfred Thayer Mahan (2019), *Ảnh hưởng của sức mạnh trên biển đối với lịch sử, 1660-1783*, Phạm Nguyên Trường dịch, NXB Tri Thức, Hà Nội.
2. Cù Chí Lợi (2020), “Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại khu vực châu Á và tác động tới Việt Nam”, *Tạp chí Châu Mỹ Ngày nay* (412), tr. 3-14.
3. Cù Chí Lợi (2018), *Điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc và những tác động tới quan hệ Mỹ - Trung*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Đặng Cẩm Tú (2018), “Chiến lược an ninh quốc gia Mỹ 2017 và chiều hướng quan hệ Mỹ - Trung trong thời gian tới”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế* Tập 2 (113), tr. 114-137.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Đặng Đình Quý, Nguyễn Minh Ngọc (2013), *Biển Đông: Địa chính trị, lợi ích, chính sách và hoạt động của các bên liên quan*, NXB Thế giới, Hà Nội.
7. David Shambaugh (2022), “*Đông Nam Á - Hội tụ các siêu cường Mỹ - Trung*” (Sách tham khảo nội bộ), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. Đinh Thị Hiền Lương (Chủ biên) (2022), *Sức mạnh mềm của Trung Quốc trong cạnh tranh chiến lược với Mỹ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tác động và hàm ý đối với Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
9. Đỗ Thanh Bình (2007), “Một số vấn đề do lịch sử để lại trong quan hệ giữa các nước Đông Á và ảnh hưởng của nó đến tiến trình hội nhập khu vực Đông Á”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* Tập 10 (91), tr. 13-25.
10. Đỗ Thị Ngọc Anh (2022), “Chủ nghĩa tự do và chính sách đối ngoại của Mỹ”, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới* (3), tr. 41-49.
11. Đỗ Tiến Sâm (2020), “Nhận diện đối sách của Trung Quốc với các chiến lược của Mỹ trong thời gian gần đây và kiến nghị chính sách cho Việt Nam”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội* Tập 1 (445), tr. 3-10.
12. Dương Quang Hiệp (2022), “Chính sách chống khủng bố của Hoa Kỳ ở khu vực Đông Nam Á giai đoạn 1991-2017”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay* (4), tr. 16-27.

13. G. M. Lokshin (2015), *Biển Đông Cuộc tìm kiếm đồng thuận nan giải*, Văn Thắng & Quang Anh dịch, Lê Đức Mẫn hiệu đính, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
14. Graham Allison (2019), *Định mệnh chiến tranh Mỹ và Trung Quốc có thể thoát khỏi Thucydides?*, Nguyễn Thế Phương dịch, NXB Hà Nội, Hà Nội.
15. Hoài Sa (Chủ biên) (2019), “*Xuất bản phẩm Trung Quốc về Hoàng Sa, Trường Sa và Biển Đông: Cái nhìn tổng quan*”, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
16. Hoàng Khắc Nam (2008), “Tổ chức quốc tế - chủ thể phi quốc gia trong bối cảnh quốc tế mới”, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới* Tập 8(148), tr. 10-18.
17. Hoàng Khắc Nam (2013), “Chủ nghĩa tự do trong quan hệ quốc tế: Những luận điểm chính và sự đóng góp”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Xã hội và Nhân văn* Tập 29 (1), tr. 17-26.
18. Hoàng Khắc Nam (2017a), “Điều chỉnh chiến lược của Mỹ ở Châu Á - Thái Bình Dương: Những tác động đối với mối quan hệ khu vực”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (23), tr. 14-20.
19. Hoàng Khắc Nam (2017b), “Từ Biển Đông tới quản lý xung đột của ASEAN”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* Tập 1 (202), tr. 3-11.
20. Hoàng Khắc Nam (2017c), *Lý thuyết quan hệ quốc tế*, NXB Thế giới, Hà Nội.
21. Hoàng Khắc Nam (2022), “Cân bằng trong quan hệ với các nước lớn: từ lý thuyết tới thực tiễn”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* Tập 12 (180), tr. 3-12.
22. Huỳnh Tâm Sáng (2018), “Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại biển Đông dưới góc nhìn địa chính trị”, *Tạp chí Châu Mỹ Ngày nay* Tập 6 (243), tr. 33-40.
23. Jeffrey A. Bader (2015), *Obama và sự trỗi dậy của Trung Quốc trong chiến lược châu Á của Mỹ* (Sách tham khảo), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
24. Khoa Quan hệ Quốc tế, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Viện Nghiên cứu châu Mỹ, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (2023), *Cạnh tranh Mỹ - Trung trong lĩnh vực công nghệ cao*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
25. Lại Thái Bình, Nguyễn Thùy Anh (2022), “Quan hệ Mỹ - Trung trong vấn đề Biển Đông: Nhìn từ góc độ chính sách của Mỹ”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* Tập 3 (112), tr. 37-44.

26. Lê Công Tiến, Trần Huyền Trang (2024), *Chính sách đối ngoại Mỹ dưới thời Chính quyền Joe Biden và những tác động tới quan hệ quốc tế*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
27. Lê Đình Tĩnh (2020a), “Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc và tác động đối với cục diện khu vực châu Á - Thái Bình Dương và hàm ý chính sách cho Việt Nam”, *Tạp chí Công sản* Tập 936 (2), tr. 94-100.
28. Lê Đình Tĩnh (2020b), *Chính sách đối ngoại Mỹ: Tiếp cận từ Thuyết hiện thực mới và trường hợp Việt Nam sau khi Bình thường hóa quan hệ đến nay*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
29. Lê Đình Tĩnh, Nguyễn Đức Chính (2020), “Cạnh tranh Mỹ - Trung: Tiếp cận bản chất và thực tiễn”, *Tạp chí Châu Mỹ Ngày nay* (03), tr. 15-23.
30. Lê Đức An, Trần Đức Thạnh (2012), “Vị thế biển Đông”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển* Tập 1 (90), tr. 75-85.
31. Lê Hoàng Anh (2022), “Quan hệ ASEAN - Trung Quốc trong lĩnh vực văn hóa - xã hội”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* (10), tr. 32-39.
32. Lê Khương Thùy (2003), *Chính sách của Hoa Kỳ đối với ASEAN trong và sau chiến tranh lạnh*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
33. Lê Lêna (2018), *Vai trò của ASEAN trong hợp tác an ninh-chính trị Đông Á từ góc nhìn của Lý thuyết Phân tích Mạng lưới Xã hội (1991-2015)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
34. Lê Quý Quỳnh, Trần Thị Phương Thảo (2015), “Trung Quốc bồi đắp, tôn tạo trái phép các cấu trúc địa lý trên Biển Đông: Đấu tranh của Việt Nam và phản ứng của cộng đồng quốc tế”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế* Tập 9 (102), tr. 71-98.
35. Lê Vũ Trường Giang (2012), “Biển Đông trong chiến lược phát triển của các quốc gia khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đầu thế kỷ XX”, *Tạp chí Khoa học, Đại học Huế* Tập 72A (3), tr. 87-100.
36. Lưu Việt Hà (2014), “Nhân tố ASEAN trong Chính sách đối ngoại của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế* Tập 1 (96), tr. 199-215.
37. Mgonja B. E. S., Makombe I. A. M. (2013), “Tranh luận về sự liên đới của lý thuyết quan hệ quốc tế với thế giới thứ ba”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế* Tập 2 (93), tr. 145-181.

38. Nghiêm Thị Hải Yên (2020), “Việt Nam trong cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* Tập 7 (244), tr. 54-61.
39. Ngô Chí Nguyên (2018), “Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung và tương lai của trật tự khu vực ở châu Á - Thái Bình Dương”, *Tạp chí Châu Mỹ Ngày nay* (4), tr. 23-32.
40. Ngô Hồng Điệp (2007), “Xác lập vai trò an ninh chính trị của Nhật Bản ở Đông Nam Á trong thập niên đầu thời kì sau Chiến tranh Lạnh”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á* Tập 5 (75), tr. 24-28.
41. Ngô Thị Bích Lan (2018), “Vai trò địa chính trị của khu vực Đông Nam Á đối với Hoa Kỳ trong những năm đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ* Tập 54 (3C), tr. 209-215.
42. Nguyễn Anh Cường (2011), “Chính sách của Mỹ ở Biển Đông”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay* (8), tr. 22-32.
43. Nguyễn Bá Diến (2015), “Tranh chấp Biển Đông và các phương thức giải quyết hòa bình tranh chấp quốc tế trong Luật Quốc tế hiện đại”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học* Tập 31 (3), tr. 11-25.
44. Nguyễn Cao Cường (2022), *Sự can dự về an ninh của Mỹ ở Đông Nam Á dưới thời chính quyền Bill Clinton và George W. Bush*, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội.
45. Nguyễn Đăng Khoa (2020), “Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với khu vực châu Á-Thái Bình Dương dưới thời Tổng thống Barack Obama và Donald Trump: Những điểm tương đồng và khác biệt”, *Tạp chí Khoa học Xã hội - Nhân văn - Kinh tế (XHK)* Tập 225 (15), tr. 25-33.
46. Nguyễn Đình Luân (2010), “Một số đặc điểm cạnh tranh quyền lực trong hai thập niên đầu thế kỷ 21”, *Nghiên cứu Quốc tế* Tập 1 (80), tr. 1-11.
47. Nguyễn Hồng Bắc (2021), “Cạnh tranh kinh tế Mỹ - Trung trong năm đầu đại dịch Covid-19 (2020) và hàm ý chính sách cho Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia: Cạnh tranh kinh tế trong năm đầu đại dịch Covid-19 (2020) và hàm ý chính sách cho Việt Nam*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, tr. 180-190.
48. Nguyễn Hồng Quân (2023), *Việt Nam trước cạnh tranh chiến lược giữa hai nước lớn (Sách chuyên khảo)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

49. Nguyễn Hữu Túc (2022), *Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở của Mỹ trên khía cạnh an ninh quân sự*, Luận án Tiến sĩ Quốc tế học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
50. Nguyễn Luận Quốc Anh (2015), “Chiến lược biển của Mỹ ở khu vực Đông Á-Thái Bình Dương”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* (3), tr. 3-9.
51. Nguyễn Minh Mẫn (2015), *Chính sách ngoại giao năng lượng của Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
52. Nguyễn Ngọc Anh (2017), “Quan hệ Mỹ-Trung dưới thời Tổng thống Donald Trump”, *Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài* Tập 33 (2), tr. 21-33.
53. Nguyễn Ngọc Anh (2019), “Chiến lược kiềm chế Trung Quốc của Mỹ và tác động của nó đến quan hệ Mỹ - Trung nhìn từ cấp độ hệ thống”, *Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài* Tập 35 (2), tr. 15-29.
54. Nguyễn Quang Chiến (2020), “Tam giác chiến lược Mỹ - Trung Quốc - Nga trong cục diện khu vực châu Á-Thái Bình Dương hiện nay”, *Tạp chí Công sản* (943), tr. 100.
55. Nguyễn Quang Tuấn (Chủ biên) (2021), *Chiến lược toàn cầu của Trung Quốc trong bối cảnh mới (Sách phục vụ cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
56. Nguyễn Thái Yên Hương (2008), “Tác động của nhân tố lịch sử và văn hóa đối với vấn đề mở rộng quyền lực của nước Mỹ”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* (4), tr. 39-48.
57. Nguyễn Thái Yên Hương (2011), “Quan hệ Mỹ - Trung xét dưới góc nhìn cân bằng quyền lực”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* (5), tr. 37-51.
58. Nguyễn Thái Yên Hương (2012), “Những biến động trong chính sách của Mỹ đối với châu Á – Thái Bình Dương thập niên đầu thế kỷ XXI: Cơ sở thực tiễn và lý luận”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* (4), tr. 46-77.
59. Nguyễn Thành Đồng (2014), “Châu Á – Thái Bình Dương: Tâm điểm quan hệ của các nước lớn”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (4), tr. 23-32.
60. Nguyễn Thanh Minh (2020), “Biển Đông trong vòng xoáy cạnh tranh địa chính trị 2019 và Dự báo trong thời gian tới”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* (1), tr. 60-69.
61. Nguyễn Thị Hải Yến (2016), *Ảnh hưởng cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại Đông Nam Á đến độc lập dân tộc của các nước trong khu vực từ năm 2001 đến 2015*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

62. Nguyễn Thị Hạnh (2006), “Mỹ điều chỉnh chiến lược đối với ASEAN trên lĩnh vực an ninh, quân sự và chính trị sau sự kiện 11/9/2001”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay* (1), tr. 29-38.
63. Nguyễn Thị Lệ (2007), “Đông Nam Á trong chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ sau chiến tranh lạnh”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* (3), tr. 51-57.
64. Nguyễn Thị Phương Thảo, Vũ Thành Đạt (2020), “Tập hợp lực lượng của Mỹ ở châu Á-Thái Bình Dương trong nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Donald Trump”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay* (3), tr. 35-42.
65. Nguyễn Thị Thanh Vân (2014), “Các trọng điểm trong chính sách của Mỹ ở Đông Nam Á hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam* Tập 7 (80), tr. 31-41.
66. Nguyễn Thu Mỹ (2007), “Đông Nam Á trong chiến lược toàn cầu của Mỹ sau sự kiện 11-9-2001”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* (5), tr. 55-65.
67. Nguyễn Tuấn Khanh (2022), *Hợp tác quốc tế ở Biển Đông Hai thập niên đầu thế kỷ XXI từ góc nhìn của Chủ nghĩa kiến tạo (Sách chuyên khảo)*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
68. Nguyễn Tuấn Khanh (Chủ biên) (2015), *Sự hiện diện của các cường quốc ở Biển Đông từ góc nhìn quan hệ quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
69. Nguyễn Việt Lâm (2022a), “Cạnh tranh Mỹ - Trung về công nghệ trí tuệ nhân tạo: Thực trạng và những vấn đề đặt ra hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản* Tập 983 (3), tr. 99-105.
70. Nguyễn Việt Lâm (2022b), *Bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam trong thời đại mới (Sách chuyên khảo)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
71. Nguyễn Việt Lâm, Lê Trung Kiên (2020), *Cạnh tranh công nghệ Mỹ - Trung Quốc thời đại 4.0 (Sách chuyên khảo)*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
72. Oxford Standard, The Windy (2018), *Từ điển Anh-Anh-Việt. English-English-Vietnamese Dictionary*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
73. Phạm Cao Cường (2022), *Chính Sách An Ninh Của Mỹ Với Đông Nam Á Dưới Thời Tổng Thống Donald Trump (Sách chuyên khảo)*, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội.

74. Phạm Hà (2012), “Quan hệ Trung - Mỹ 40 năm nhìn lại”, *Tạp chí Quan hệ Quốc phòng* (4), tr. 71-77.
75. Phạm Hoàng Tú Linh (2014), “Thực chất chính sách xoay trục hướng về Đông Nam Á của chính quyền Barack Obama: Nguyên nhân, nội hàm và tác động”, *Hội nghị khoa học cán bộ trẻ và học viên sau đại học năm học 2013-2014*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 578-591.
76. Phạm Hoàng Tú Linh (2015), “Chính sách tập hợp lực lượng của Mỹ ở Đông Nam Á dưới thời chính quyền Barack Obama”, *Tạp chí Khoa học Công nghệ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội* Tập 50 (5), tr. 99-106.
77. Phạm Hoàng Tú Linh (2016), *Chính sách đối với Đông Nam Á của chính quyền Tổng thống Barack Obama (2009-2016)*, Luận án Tiến sĩ Đông Nam Á học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
78. Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thị Thu Phương (2015), “Các kênh tác động của sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc ở một số nước Đông Á”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* Tập 8 (93), tr. 87-96.
79. Phạm Ngọc Anh, Trần Văn Dũng (Đồng chủ biên) (2020), *Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và an ninh quốc gia trong tình hình mới*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
80. Phạm Quang Minh (2018), *Kiến trúc an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương Thực trạng và triển vọng*, NXB Thế Giới, Hà Nội.
81. Phạm Quang Minh, Nguyễn Thị Thùy Trang (Chủ biên) (2021), *Quan hệ quốc tế ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Tự do và Mở rộng*, NXB Thế Giới, Hà Nội.
82. Phạm Quý Long (2019), “Đặc điểm tình hình quốc tế đương đại - Nhận thức từ khác biệt tư duy chiến lược trong cạnh tranh Trung - Mỹ”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (6), tr. 27-39.
83. Phan Duy Quang (2014), “Cuộc đối đầu Trung – Mỹ đằng sau căng thẳng Việt – Trung ở Biển Đông”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế* Tập 4 (99), tr. 101-118.
84. Phan Thị Diễm Huyền (2017), “Chính sách hiện đại hóa quân đội của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* Tập 7 (191), tr. 69-79.

85. Phan Thị Thu Dung (2018), “Tìm hiểu cạnh tranh quyền lực qua một số lý thuyết quan hệ quốc tế”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* Tập 11 (218), tr. 54-62.
86. Tô Anh Tuấn (Chủ biên) (2019), *Tác động của các nhân tố nội bộ đối với chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Donald Trump*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
87. Tom Miller (2018), *Giấc mộng châu Á của Trung Quốc Công cuộc xây dựng để chế độ theo con đường tư lựa mới*, Đoàn Duy dịch, Phạm Sĩ Thành hiệu đính, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
88. Trần Anh Phương (2004), “Bàn thêm về khái niệm Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương”, *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Nam Á* Tập 5 (53), tr. 24-26.
89. Trần Khánh (2006), *Những vấn đề chính trị, kinh tế Đông Nam Á thập niên đầu thế kỷ XXI*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
90. Trần Khánh (2008a), “Tác động của tính “thống nhất trong đa dạng” đối với xây dựng cộng đồng ASEAN”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* (8), tr. 30-35.
91. Trần Khánh (2008b), “Can dự và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á thập niên đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* (12), tr. 11-19.
92. Trần Khánh (Chủ biên) (2014a), *Hợp tác và cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á và tác động của chúng đối với khu vực và Việt Nam thời kỳ hậu chiến tranh lạnh (giai đoạn từ 1991 đến 2011)*, NXB Thế giới, Hà Nội.
93. Trần Khánh (2014b), “Xu hướng tái cân bằng chiến lược về kinh tế và ngoại giao của Mỹ ở Đông Nam Á từ cuối thập niên đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay* (3), tr. 15-22.
94. Trần Khánh (2014c), “Xu hướng và bản chất của quan hệ Mỹ - Trung thời kỳ sau Chiến tranh lạnh”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế* (1), tr. 103-123.
95. Trần Khánh (2023), “Cạnh tranh ảnh hưởng Mỹ - Trung ở Đông Nam Á những năm gần đây”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* (4), tr. 28-36.
96. Trần Khánh, Hồ Thị Ái Phương (2015), “Triển vọng ASEAN và sự chi phối của các nước lớn - Những thách thức đối với Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* Tập 4 (181), tr. 3-10.
97. Trần Khánh, Lê Minh Trang (2014), “Đông Nam Á trong lợi ích chiến lược của Mỹ và Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* (3), tr. 3-9.

98. Trần Minh Nguyệt (2015), “Tranh chấp thương mại Mỹ - Trung Quốc”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* Tập 7 (92), tr. 23-31.
99. Trần Nam Tiến (2013), “Lợi ích quốc gia trong chính sách đối ngoại của Việt Nam thời kỳ Đổi mới”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* Tập 10 (71), tr. 23-31.
100. Trần Nam Tiến (2021), ““Cạnh tranh chiến lược” trong quan hệ quốc tế: Phạm trù và các biến số tác động”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội* Tập 6 (462), tr. 22-30.
101. Trần Nam Tiến (Chủ biên) (2014), *Hợp tác ở Biển Đông từ góc nhìn quan hệ quốc tế*, NXB Văn hóa – Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
102. Trần Nam Tiến (Chủ biên) (2017), *Góc nhìn cận cảnh: Thế giới và Biển Đông sau phán quyết của Tòa trọng tài*, NXB Văn hóa – Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
103. Trần Ngọc Dũng, Nguyễn Duy Thái (2023), “Sự thay đổi chiến lược của Ấn Độ tại Đông Nam Á trong thế cạnh tranh với Trung Quốc sau chiến tranh lạnh”, *Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài* Tập 39 (1), tr. 59-76.
104. Trần Thị Quỳnh Nga (2017), “Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Đông Nam Á sau Chiến tranh Lạnh”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* Tập 3 (187), tr. 68-79.
105. Trần Thị Thu (2020), “Một số đặc điểm an ninh quốc tế sau Chiến tranh Lạnh”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng* Tập 18 (2), tr. 30-35.
106. Trần Thị Vinh, Hoàng Hải Hà (2005), “Đông Nam Á trong cuộc đấu tranh chống phát xít Nhật (1941-1945): Lịch sử và vấn đề”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* (5), tr. 12-18.
107. Trần Văn Tùng (2007), “Bối cảnh quốc tế và tác động của nó tới con đường phát triển kinh tế của Trung Quốc và Ấn Độ”, *Tạp chí nghiên cứu châu Phi và Trung Đông* Tập 2 (18), tr. 29-38.
108. Trình Đình Việt, Nguyễn Duy Dũng (2020), “Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung ở Biển Đông và tác động tới Việt Nam”, *Tạp chí Châu Mỹ Ngày nay* (10), tr. 33-42.
109. Trịnh Thị Hoa, Lê Quang Mạnh (2022), “Cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trên lĩnh vực an ninh - chính trị và một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản* Tập 989 (5), tr. 106-111.

110. Trương Công Vĩnh Khanh (2017), “Chính sách xoay trục của Mỹ và những tác động của nó đến lợi ích chiến lược ở khu vực Đông Nam Á trong quan hệ Mỹ - Trung”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng* Tập 04 (113), tr. 45-49.
111. Trường Lưu (2018), “Quan hệ Trung - Mỹ: Hiện tình và triển vọng”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (6), tr. 33-45.
112. Trường Lưu (2020), “Cạnh tranh chiến lược Trung - Mỹ trong giai đoạn mới: Tác động đối với cộng đồng ASEAN”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* Tập 8 (28), tr. 27-34.
113. Trương Minh Huy Vũ, Lê Thành Lâm (2015), “Vai trò của “thể chế hóa” trong tranh chấp Biển Đông và lựa chọn chiến lược cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển* Tập 6-7 (104-105), tr. 143-159.
114. Viện Chiến lược Công An, Bộ Công An (2020), *ASEAN trong chiến lược nước lớn*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
115. Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Lê Văn Mỹ (Chủ biên) (2020), *Trung Quốc và Mỹ với an ninh Đông Á từ sau Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc: Tác động và dự báo*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
116. Võ Xuân Vinh (2021), “Về cạnh tranh chiến lược trong quan hệ quốc tế”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội* (5), tr. 32-46.
117. Vũ Đức Cường (2022), “Quan điểm của Mỹ, Nhật Bản về vấn đề Biển Đông và hàm ý chính sách cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á* (6), tr. 52-59.
118. Vũ Dương Huân (2011), “Một vài nhận thức về hệ thống quan hệ quốc tế”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế* Tập 11(84), tr. 175-244.
119. Vũ Thị Hương (2017), “Nhìn lại sự kiện nâng cấp quan hệ Mỹ - ASEAN lên tầm đối tác chiến lược”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay* (11), tr. 22-29.
120. Vũ Vân Anh (2021), “Cạnh tranh chiến lược trong quan hệ quốc tế”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội* (4), tr. 91-100.
121. Vũ Vân Anh, Nguyễn Xuân Cường (2022), “Vai trò của Mỹ và Trung Quốc trong hệ thống quốc tế đương đại (1991-2022) - Nhìn từ lý thuyết của phương Tây”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* Tập 10 (254), tr. 62-71.

122. Zbigniew Brzezinski (1997), *The Grand Chessboard: American Primacy and Its Geostrategic Imperatives - Bàn cờ lớn Vị thế đứng đầu và những đòi hỏi địa chiến lược đối với Hoa Kỳ*, Nguyễn Thanh Xuân dịch, NXB Hà Nội, Hà Nội.

Tiếng Anh

123. Acharya A. (2004), *America's Role in Asia and the South China Sea*, The Asia Foundation, USA.
124. Acharya A. (2008), "Theoretical Perspectives on International Relations in Asia", Shambaugh D., Yahuda Y., *International Relations of Asia*, Rowman & Littlefield Publishers, Maryland, pp. 57-82.
125. Ahluwalia M.S. (2019), "How to deal with inequality: What policymakers should know?", *Global Journal of Emerging Market Economies* Vol. 10 (1-3), pp. 11-24.
126. Albana A., Fiori A. (2021), "China and the BRI: Challenges and Opportunities for Southeast Asia", Jaiswal P., Bhatt D.P., *Rebalancing Asia*, Springer Nature, Singapore, pp. 149-159.
127. Ali A.M. (2017), *US-China Strategic Triangles Examining Indo-Pacific Insecurity*, Springer, Singapore.
128. Anam A. (2014), "Great Power Rivalry in a New Asia Pacific Order: Examining the Great Power Concert Model for Asia Pacific", *Jurnal Hubungan Internasional* Vol. 3 (2), pp. 125-130.
129. Anam S. (2020), "Examining The International Relations Theory of The Asia Pacific", *Jurnal Hubungan Internasional* Vol. 3 (2), pp. 134-148.
130. Anderson N.D., Cha V.D. (2017), "The Case of the Pivot to Asia: System Effects and the Origins of Strategy", *Political Science Quarterly* Vol. 132 (4), pp. 595-617.
131. Andrade T. (2016), *The Gunpowder Age: China, Military Innovation, and the Rise of the West in World History*, Princeton University Press, New Jersey.
132. Arakaki H. (2012), *Briefing Memorandum Obama Administration's Approach towards the South China Sea dispute*, The National Institute for Defense Studies News (161).
133. Arase D. (2016), *China's Rise and Changing Order in East Asia*, Palgrave Macmillan, London.

134. Arezina S. (2020), “U.S.-China Relations under the Trump Administration: Changes and Challenges”, *China Quarterly of International Strategic Studies* Vol. 5 (3), pp. 289–315.
135. Ba A. (2009), “Systemic Neglect? A Reconsideration of US-Southeast Asia Policy”, *Contemporary Southeast Asia* Vol. 31 (3), pp. 369-98.
136. Ba A.D. (2014), “Is China Leading? China, Southeast Asia and East Asian Integration”, *Political Science* Vol. 66 (2), pp. 143-165.
137. Bader J. (2010), *Obama and China’s Rise: In Insider’s Account of America’s Asia Strategy*, Brookings Institution Press, United States.
138. Baldwin D.A. (2016), *Power and International Relations: A Conceptual Approach*, Princeton University Press, Princeton, Oxford.
139. Bayer K. (2019), “Disruption in global economic governance”, *Global Journal of Emerging Market Economies* Vol. 10 (1–3), pp. 25–38.
140. Beer F.A., Hariman R. (2018), “Realism, Post-realism and ISIS”, Orsi D., Avgustin J.R., Nurnus M., *Realism in Practice An Appraisal*, E-International Relations Publishing, Bristol.
141. Beeson M. (2020), “Donald Trump and Post-Pivot Asia: The Implications of a “Transactional” Approach to Foreign Policy”, *Asian Studies Review* Vol. 44 (1), pp. 10-27.
142. Beeson M., Broome A. (2010), “Hegemonic instability and East Asia: Contradictions, crises and US power”, *Globalizations* Vol. 7 (4), pp. 479–495.
143. Bellamy R., Kornprobst M., Reh C. (2012), “Introduction: Meeting in the Middle”, *Government and Opposition* Vol. 47 (3), pp. 275–295.
144. Betts R.K. (1993/94), “Wealth, Power, and Instability: East Asia and the United States after the Cold War”, *International Security* Vol. 18 (3), pp. 34-77.
145. Bieliński T. (2018), “Competition Between Chinese and United States Companies in the Internet Market”, *International Studies, Interdisciplinary Political and Cultural Journal* Vol. 22 (1), pp. 137–152.
146. Biermann F., Pattberg P., Asselt H.V. (2009), “The Fragmentation of Global Governance Architectures: A Framework for Analysis”, *Global Environmental Politics* Vol. 9 (4), pp. 14–40.

147. Bisley N. (2020), "Security policy in Asia from Obama to Trump: Autopilot, neglect or worse?", Bisley N., Turner O., Parmar I., *The United States in the Indo-Pacific Obama's Legacy and the Trump Transition*, Manchester University Press, Manchester, pp. 161-176.
148. Blackwill R.D., Harris J.M. (2016), *War by Other Means: Geoeconomics and Statecraft*, Harvard University Press, Cambridge.
149. Bloomfield A. (2016), "To Balance or to Bandwagon? Adjusting to China's Rise during Australia's Rudd-Gillard era", *Pacific Review* Vol. 26 (2), pp. 259–282.
150. Boon H.T. (2017), "Xi Jinping's Calibration of Chinese Foreign Policy", Boon H.T., *Chinese foreign policy under Xi*, Routledge, London, New York, pp. 3-16.
151. Burchill S. (2001), *Theories of International Relations*, Palgrave Macmillan, New York.
152. Burelli C. (2021), "A Realistic Conception of Politics: Conflict, Order and Political Realism", *Critical Review of International Social and Political Philosophy* Vol. 20 (3), pp. 977-999.
153. Burkhart D., Woody A., "Strategic Competition: Beyond Peace and War", *Joint Force Quarterly* Vol. 86 (2017), pp. 20–27.
154. Buszynski L. (2012), "The South China Sea: oil, maritime claims, and US–China strategic rivalry", *The Washington Quarterly* Vol. 35 (2), pp. 139-156.
155. Callahan W.A. (2016), "China's 'Asia Dream': The Belt and Road Initiative and the New Regional Order", *Asian Journal of Comparative Politics* Vol. 1 (3), pp. 226-243.
156. Camba A. (2022), "How Chinese Firms Approach Investment Risk: Strong Leaders, Cancellation, and Pushback", *Review of International Political Economy* Vol. 29 (6), pp. 2010–2035.
157. Castro R.C.D. (2013), "The Obama Administration's Strategic Pivot to Asia: From a Diplomatic to a Strategic Constraintment of an Emergent China?", *The Korean Journal of Defense Analysis* Vol. 25 (3), pp. 331–349.
158. Castro R.C.D. (2018), "The Obama Administration's Strategic Rebalancing to Asia: Quo Vadis in 2017?", *Pacific Focus* Vol. XXXIII (2), pp. 179–208.
159. Cha V.D. (2020), "Allied Decoupling in an Era of US–China Strategic

- Competition”, *The Chinese Journal of International Politics* Vol. 13 (4), pp. 509–36.
160. Chair Independent Task Force on Southeast Asia (2001), “U.S. Policy toward Southeast Asia”, Memorandum to the President, Kerrey J.R., Manning R.A. (2001), *The United States and Southeast Asia A Policy Agenda for the New Administration, Report of an Independent Task Force Sponsored by the Council on Foreign Relations*, Council on Foreign Relations, United States of America, pp. 1-13.
 161. Chambers M. (2008), “China’s Military Rise to Great Power Status”, Goh E., Simon S., *China, the United States, and Southeast Asia: Contending Perspectives on Politics, Security, and Economics*, Routledge, New York, pp. 167-184.
 162. Chen B., Chen H., Cheng Q., Li Y. (2023), “The Development of China’s Digital Economy and its Implications for China-ASEAN Cooperation”, *East Asian Policy* Vol. 15 (03), pp. 49-81.
 163. Chen I.T.Y., Yang A.H. (2013), “A Harmonized Southeast Asia? Explanatory Typologies of ASEAN Countries’ Strategies to the Rise of China”, *The Pacific Review* Vol. 26 (3), pp. 265-288.
 164. Cheong I., Tongzon J. (2018), “The economic impact of a rise in US trade protectionism on East Asia”, *Journal of Korea Trade* Vol. 22 (3), pp. 265–279.
 165. Cho I.H., Park S.H. (2013), “The Rise of China and Varying Sentiments in Southeast Asia toward Great Powers”, *Strategic Studies Quarterly* Vol. 7 (2), pp. 69–92.
 166. Christensen T. (2011), “The Advantages of an Assertive China: Responding to Beijing’s Abrasive Foreign Policy”, *Foreign Affairs* Vol. 90 (2), pp. 54-57.
 167. Christina L. (2020), “Soft Power Is Not So Soft: Is a Reconciliation between China’s Core Interests and Foreign Policy Practices Possible?”, *Political Science* Vol. 72 (3), pp. 167–185.
 168. Chuanying L., Huppenbauer N. (2019), “What the Huawei Case Can Teach Us about the US–China Power Game”, Goodman M. P., Dongxiao C., *Perspectives on the Global Economic Order*, Centre for Strategic and International Studies, Washington DC., pp. 36–39.
 169. Clinton H.R. (2010), “America’s Engagement in the Asia-Pacific”, *Speech delivered to the East-West Center*, Kahala Hotel, Honolulu, Hawaii, October 28, 2010.

170. Cohen J.A. (2019), "Law and Power in China's International Relations", *International Law and Politics* Vol. 52 (123), pp. 124-165.
171. Cohen S.S., DeLong J.B. (2010), *The end of influence: What happens when other countries have the money*, Basic Books, New York.
172. Collins G.B., Andrew S., Erickson A.S. (2021), *U.S.-China Competition Enters the Decade of Maximum Danger: Policy Ideas to Avoid Losing the 2020s*, Baker Institute for Public Policy, Rice University, Houston.
173. Congressional Research Service (2022), *U.S.-China Strategic Competition in South and East China Seas: Background and Issues for Congress*, R42784, January 26, 2022.
174. Dahl R.A. (1957), "The Concept of Power", *Behavioral Science* Vol. 2 (3), pp. 201-215.
175. Dalpino C. (2017), "US Security Relations with Southeast Asia in the Trump Administration", *Contemporary Southeast Asia* Vol. 39 (1), pp. 3-8.
176. Dascal M. (2001), "How rational can a polemic across the analytic-continental 'divide' be?", *International Journal of Philosophical Studies* Vol. 9(3), pp. 313-339.
177. Deni J.R. (2013), "Strategic Landpower in the Indo-Asia-Pacific", *Parameters* Vol. 43 (3), pp. 77-86.
178. Denmark A.M. (2013), "Regional Perspectives on US Strategic Rebalancing", *Asia Policy* (15), pp. 1-44.
179. Department of Defense (2019), *Indo-Pacific Strategy Report: Preparedness, Partnerships, and Promoting a Networked Region*, Department of Defense, Washington DC.
180. DOD (2022), *Military and Security Developments Involving the People's Republic of China 2022*, 2022 CMPR, pp. 1-4.
181. Doty R.L. (1993), "The Bounds of 'Race' in International Relations", *Millennium: Journal of International Studies* Vol. 22 (3), pp. 450-461.
182. Doyle M.W. (1986), "Liberalism and World Politics", *The American Political Science Review* Vol. 80 (4), pp. 1151-1169.

183. Doyle T., Rumley D. (2019), *The Rise and Return of the Indo-Pacific*, Oxford University Press, Oxford.
184. Dutton P.A. (2023), “Conceptualizing China’s Maritime Gray Zone Operations”, Erickson A.S. (2023), *Maritime Gray Zone Operations Challenges and Countermeasures in the Indo-Pacific*, Routledge, New York, pp. 19-35.
185. Efsthopoulos C. (2016), “Reformist multipolarity and global trade governance in an era of systemic power redistribution”, *Global Journal of Emerging Market Economies* Vol. 8 (1), pp. 3–21.
186. Egberink F., Putten F.P. (2010), “ASEAN and Strategic Rivalry among the Great Powers in Asia”, *Journal of Current Southeast Asian Affairs* Vol. 29 (3), pp. 131-141.
187. Envall H.D.P., Hall I. (2016), “Asia Strategic Partnerships: New Practices and Regional Security Governance”, *Asian Politics & Policy* Vol. 8 (1), pp. 87-105.
188. Erickson A.S. (2023), *Maritime Gray Zone Operations Challenges and Countermeasures in the Indo-Pacific*, Routledge, New York.
189. Erickson A.S., Goldstein L.J., Lord C. (2009), *China Goes to Sea: Maritime Transformation in Comparative Historical Perspective*, China Maritime Studies Institute, Naval Institute Press, United States.
190. Erickson A.S., Goldstein L.J., Li N. (2010), *China, the United States, and 21st-Century Sea Power: Defining a Maritime Security Partnership*, Naval Institute Press, Annapolis.
191. Etzioni A. (2014), “The Air-Sea Battle ‘concept’: A Critique”, *International Politics* Vol. 51 (5), pp. 577- 596.
192. Fakhreddin S., Saeid N., Reza E. A. (2015), “Levels of analysis in international relations and regional security complex theory”, *Journal of Public Administration and Governance* Vol. 4 (4), pp. 166-171.
193. Fangfei J. (2019), “The nature of Trump’s China Policy: An Evolution of the US “hedging strategy” toward China”, *International Journal of International Relations, Media and Mass Communication Studies* Vol. 5 (5), pp. 1-27.
194. Fargo T. (2012), “The Military Side of Strategic Rebalancing”, *Asia Policy* (14), pp. 26–30.

195. Feng H., He K. (2018), *US-China Competition and South China Sea Disputes*, Routledge, New York.
196. Ferguson N., Schularick M. (2007), “Chimerica” and the global asset market boom”, *International Finance* Vol. 10 (3), pp. 215–239.
197. Finlev T. (2012), “Future Peace: Breaking Cycles of Violence through Futures thinking”, *Journal of Futures Studies* Vol. 16 (3), pp. 47-62.
198. Ford L. (2020), *The Trump administration and the ‘Free and Open Indo-Pacific’*, Foreign Policy, Brookings.
199. Friedman T.L. (1999), *The Lexus and the olive tree: Understanding globalization*, Simon and Schuster, New York.
200. Galeotti M. (2019), *Russian Political War: Moving Beyond the Hybrid*, Routledge, Abingdon.
201. Georgiadis G., Gräß J. (2016), “Growth, real exchange rates and trade protectionism since the financial crisis”, *Review of International Economics* Vol. 24 (5), pp. 1050–1080.
202. Gerstl A. (2022), *Hedging Strategies in Southeast Asia: ASEAN, Malaysia, the Philippines, and Vietnam and Their Relations with China*, Routledge, London, New York.
203. Gill B. (2004), “China as a Regional Military Power”, Buzan B., Foot R., *Does China Matter? A Reassessment*, Routledge, London, New York, pp. 124–164.
204. Gilley B. (2013), “The Rise of China and Middle Powers”, Paper presented at the KAIS-KF International Conference, The Role of Middle Power in the 21st Century International Relations, Korean Association of International Studies and Korea Foundation, Seoul.
205. Gilpin R.G. (2001), *Global Political Economy: Understanding the International Economic Order*, Princeton University Press, Princeton.
206. Glaser B.S. (2020), “The Deteriorating US-China Relationship and the Indo-Pacific”, Huxley T., Kuok L., Choong W. (2020), *Asia-Pacific Regional Security Assessment 2020*. International Institute for Strategic Studies, London, p. 11.
207. Goh E. (2007), “Great Powers and Hierarchical Order in Southeast Asia: Analyzing Regional Security Strategies”, *International Security* Vol. 32 (3), pp. 113-157.

208. Goldstein L. (2017), “The US-China Naval Balance in the Asia-Pacific: An Overview”, *China Quarterly* Vol. 232 (910), pp. 920–921.
209. Goreczky P. (2022), “Southeast Asia in the US-China Tech Rivalry I”, *The Business Sector in Focus, KKI Policy Brief*, Institute for Foreign Affairs and Trade, Budapest.
210. Graaff N.D., Apeldoorn B.V. (2018), “US–China relations and the liberal world order: Contending elites, colliding visions?”, *International Affairs* Vol. 94 (1), pp. 113–131.
211. Graham E. (2013), “Southeast Asia in the U.S. Rebalance: Perceptions from a Divided Region”, *Contemporary Southeast Asia* Vol. 35 (3), pp. 305–332.
212. Graham E. (2015), “Southeast Asia in the US Rebalance: Perceptions from a Divided Region”, Ooi K.B., Das S.B., Chong T. (2015), *The 3rd ASEAN Reader*, ISEAS Publishing, Singapore, pp. 126-130.
213. Grano S.A., Huang D.W.F. (2023), *China-US Competition: Impact on Small and Middle Powers' Strategic Choices*, Palgrave Macmillan, London.
214. Green M., Hicks K., Cancian M. (2016), *Asia-Pacific Rebalance 2025: Capabilities, Presence, and Partnership, An Independent Review of U.S. Defense Strategy in the Asia-Pacific*, Center for Strategic and International Studies, Washington D.C.
215. Hamilton D.S. (2014), “The American Way of Partnership”, *ESPO Working paper* (6), FRIDE and Egmont Institute, Madrid/Brussels.
216. Harknett R.J., Yalcin H. (2012), “The Struggle for Autonomy: A Realist Structural Theory of International Relations”, *International Studies Review Volume* (14), pp. 499-521.
217. Hayden C. (2012), *The Rhetoric of Soft Power*, Lexington Books, Plymouth.
218. Hayton B. (2014), *The South China Sea: The Struggle for Power in Asia*, Yale University Press, London.
219. He K.(2008), “Institutional Balancing and International Relations Theory: Economic Interdependence and Balance of Power Strategies in Southeast Asia”, *European Journal of International Relations* Vol. 14 (3), pp. 489–518.

220. He K., Li M. (2020), “Understanding the dynamics of the Indo-Pacific: US-China strategic competition, regional actors, and beyond”, *International Affairs* Vol. 96 (1), pp. 1–7.
221. Hiebert M., Poling G.B., Cronin C. (2017), *In the Wake of Arbitration: Papers from the Sixth Annual CSIS South China Sea Conference*, The Center for Strategic and International Studies (CSIS), New York.
222. Hiebert M. (2020), *Under Beijing’s Shadow: Southeast Asia’s China Challenge*, Rowman & Littlefield, Lanham.
223. Hoehn J.R. (2020), “Joint All-Domain Command and Control (JADC2)”, *CRS In Focus*, IF11493, Congressional Research Service, December 9, 2020.
224. Hong C.M., Um J. (2022), “US Space Power Augmentation and Security Strategy against China”, *Korean Journal of Defense Analysis* Vol. 34 (1), pp. 59–79.
225. Hopf T. (1998), “The Promise of Constructivism in International Relations Theory”, *International Security* Vol. 23 (1), pp. 171-200.
226. Horner C. (2009), *Rising China and Its Postmodern Fate: Memories of Empire in a New Global Context*. University of Georgia Press.
227. Huang Y., Ding S. (2006), “Dragon’s Underbelly: An Analysis of China’s Soft Power”, *East Asia* Vol. 23 (4), pp. 22–44.
228. Institute of Southeast Asian Studies (2004), *Developing ASEAN-China Relations Realities and Prospects: A Brief Report on the ASEAN-China Forum*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore.
229. Irfan M. (2014), “The Contemporary Strategic Competition: Barriers and Opportunities for USA”, *Journal of International Relations and Foreign Policy* Vol. 2 (3&4), pp. 51-65.
230. Ishak Y. (2018), “Southeast Asia Outlook 2018”, *PERSPECTIVE* (1), pp. 2-8.
231. Jackson V. (2014), “Power, Trust, and Network Complexity: Three Logics of Hedging in Asian Security”, *International Relations of the Asia-Pacific* Vol. 14 (3), pp. 331–356.
232. Jaisal E.K. (2020), “The US, China and Huawei Debate on 5G Telecom Technology: Global Apprehensions and the Indian Scenario”, *Open Political Science* (3), pp. 66–72.
233. Jason B.J. (2020), *Winning Strategic Competition in the Indo-Pacific*, National

Security Fellowship Program, Belfer Center for Science and International Affairs, Harvard Kennedy School.

234. Jervis R. (2018), “President Trump and International Relations Theory”, Jervis R., Gavin F.J., Rovner J., Labrosse D.N. (2018), *Chaos in the Liberal Order: The Trump Presidency and International Politics in the Twenty-First Century*, Columbia University Press, New York.
235. Jia L., Ruan L. (2020), “Going global: Comparing Chinese mobile applications’ data and user privacy governance at home and abroad”, *Internet Policy Review* Vol. 9 (3), pp. 1-22.
236. Jiemian Y. (2017), “Managing China-U.S. Relations in the Trump Era Approaches and Policies”, *China Quarterly of International Strategic Studies* Vol. 3 (3), pp. 357–375.
237. Johnson J., Adams J., Grant J., Murphy D. (2022), *Stumbling bear, soaring dragon Russia, China and the geopolitics of global science*, Mossavar-Rahmani Center for Business and Government, Harvard Kennedy School.
238. Jones D.M., Jenne N. (2022), “Hedging and grand strategy in Southeast Asian foreign policy”, *International Relations of the Asia-Pacific* Vol. 22 (2), pp. 205–235.
239. Jym L.J. (2022), “Military Strategy: Exploitation of Military Logistics Intelligence for the Malaysian Armed Forces”, *The Journal of Defence and Security* Vol. 16 (1), pp. 39-58.
240. Kaplan R.D. (2014), *Asia’s Cauldron: The South China Sea and the End of a Stable Pacific*, Random House, New York.
241. Ke X. (2017), “The Challenges of Maritime Security Cooperation in the Straits of Malacca: Another Singapore Perspective”, Tarling N., Chen X.C., *Maritime Security in East and Southeast Asia*, Palgrave Macmillan, London, pp. 85–106.
242. Keane M., Yu H. (2019), “A Digital Empire in the Making: China’s Outbound Digital Platforms”, *International Journal of Communication* (13), pp. 4624–4641.
243. Kegley C.W., Raymond G.A. (2010), *The Global Future: A Brief Introduction to World Politics*, Wadsworth, Boston.
244. Keller W.W., Rawski T.G. (2009), *Southeast Asia in the Sino - US Strategic Balance*, Southeast Asian Affairs, Singapore ISEAS, Singapore.

245. Keller W.W., Rawski T.G. (2007), *China's Rise and the Balance of Influence in Asia*, University of Pittsburgh Press, Pennsylvania.
246. Kelley C. (2022), "The Trump presidency: Democratic fatigue or fascism?", *Communication Research and Practice* Vol. 8 (1), pp. 4-18.
247. Khurana G.S. (2018), "Trump's New Cold War Alliance in Asia is Dangerous", *New Perspectives Quarterly* Vol. 35 (1), pp. 7-10.
248. Kirshner J. (2008), "Dollar primacy and American power: What's at stake?", *Review of International Political Economy* Vol. 15 (3), pp. 418-438.
249. Klemensits P. (2018), "Geopolitical Consequences of the 21st Century New Maritime Silk Road for Southeast Asian Countries", *Contemporary Chinese Political Economy and Strategic Relations: An International Journal* Vol 4 (1), pp. 107-138.
250. Koga K. (2018), "The Concept of 'Hedging' Revisited: The Case of Japan's Foreign Policy Strategy in East Asia's Power Shift", *International Studies Review* Vol. 20 (4), pp. 633-660.
251. Kristof N.D. (1993), "The Rise of China", *Foreign Affairs* Vol. 72 (5), pp. 59-74.
252. Kuik C.C. (2008), "The Essence of hedging: Malaysia and Singapore's response to a rising China", *Contemporary Southeast Asia* Vol. 30 (2), pp. 159-185.
253. Kuik C.C. (2013), "Making Sense of Malaysia's China Policy: Asymmetry, Proximity, and Elite's Domestic Authority", *The Chinese Journal of International Politics* Vol. 6 (4), pp. 429-467.
254. Kuik C.C. (2016), "How Do Weaker States Hedge? Unpacking ASEAN States' Alignment Behavior towards China", *Journal of Contemporary China* Vol. 25 (100), pp. 500-514.
255. Kuo J., Huang M.H., Chu Y.H. (2022), "Maritime Territorial Disputes and China's Soft Power in East Asia", *Journal of Contemporary China* Vol. 31 (133), pp. 72-85.
256. Kyaw A. (2020), "China's Rising Influence in Myanmar: Implications, Responses, and Future Strategy", Chirathivat S., Rutchatorn B., Nakawiroj W., *China's Rise in Mainland ASEAN*, World Scientific Publishing, Singapore, pp. 77-102.
257. Lanteigne M. (2016), *Chinese Foreign Policy: An Introduction*, Routledge, New

York.

258. Lasher K.J., Rinehart C.S. (2016), “The Shadowboxer: The Obama Administration and Foreign Policy Grand Strategy”, *Politics & Policy* Vol. 44 (5), pp. 850-888.
259. Layne C. (2018), “The US-Chinese Power Shift and the End of the Pax Americana”, *International Affairs* Vol. 94 (1), pp. 89-111.
260. Leoni Z. (2022), “The Economy-security Conundrum in American Grand Strategy: Foreign Economic Policy toward China from Obama to Biden”, *China International Strategy Review* Vol. 4 (5). DOI:[10.1007/s42533-022-00120-3](https://doi.org/10.1007/s42533-022-00120-3).
261. Levy J. (2003), “Balances and Balancing: Concepts, Propositions, and Research Designs”, Vasquez J.A., Elman C., *Realism and the Balancing of Power*, Pearson Education, Upper Saddle River.
262. Levy J.S., Thompson W.R. (2010), “Balancing on Land and at Sea: Do States Ally Against the Leading Global Power?”, *International Security* Vol. 35 (1), pp. 7-43.
263. Li A.H.F. (2017), “China Facing the Trump Presidency Opportunities for Global Power Projection?”, *China Perspectives* (2), pp. 69-73.
264. Li W. (2019), “From Engagement to Competition: The Transformation of US Economic Strategy towards China”, *Foreign Affairs Review* (5), pp. 54–80.
265. Libicki M. (2011), “The Strategic Uses of Ambiguity in Cyberspace”, *Military and Strategic Affairs* Vol. 3 (3), pp. 3-10.
266. Limaye S. (2010), “Introduction: America’s Bilateral Relations with Southeast Asia - Constraints and Promise”, *Contemporary Southeast Asia* Vol. 32 (3), pp. 312-313.
267. Lin B., Chase M.S., Blank J., Cooper III C.A., Grossman D., Harold S.W., Moroney J.D.P., Morris L.J., Ma L., Orner P., Shih A., Kim S. (2020), *Regional Responses to U.S.-China Competition in the Indo-Pacific: Study Overview and Conclusions*, RAND Corporation, Santa Monica, https://www.rand.org/pubs/research_reports/RR4412.html.
268. Liu F. (2020), “The Recalibration of Chinese Assertiveness: China’s Response to the Indo-Pacific Challenge”, *International Affairs* Vol. 96 (1), pp. 9-28.
269. Liu F., Chen Z. (2015), “East Asian Responses to the Rise of China: A Neoclassical Realist Explanation”, *Journal of Contemporary Asia-Pacific Studies* (4), pp. 4–25.

270. Liu F.K., Shicun W. (2010), *2010 Survey Report of the South China Sea*, Institute of International Relations, National Chengchi University, Taipei.
271. Liu M., Tsai K.S. (2021), “Structural power, hegemony, and state capitalism: Limits to China’s global economic power”, *Politics & Society* Vol. 49 (2), pp. 235–267.
272. Lowther A. (2013), “Thinking about the Asia-Pacific”, Raton B., *The Asia-Pacific Century: Challenges and Opportunities*, Taylor & Francis, Boca Raton, London, New York, pp. 25-44.
273. Luis M.C., Afsarmanesh H. (2008), “Concept of Collaboration”, Putnik G.D., Cunha M.M., *Encyclopedia of Networked and Virtual Organizations*. Information Science Reference, Hershey, New York.
274. Manyin M.E. (2016), “Pivot to the Pacific? The Obama Administration’s “Rebalancing” Towards Asia”, *Congressional Research Service Report for Congress*, 7-5700.
275. Manyin M.E., Daggett S., Dolven B., Lawrence S.V., Martin M.F., O’Rourke R., Vaughn B. (2012), “Pivot to the Pacific? The Obama Administration’s “Rebalancing” Toward Asia”, *Congressional Research Service*, R42448, 7-5700.
276. Marantidou V. (2014), “Revisiting China’s “String of Pearls” strategy: Places “with Chinese Characteristics” and their security implications”, *Issues & Insights* Vol. 14 (7), pp. 1-39.
277. Marciel S. (2023), *Imperfect Partners: The United States and Southeast Asia*, Rowman & Littlefield, Lanham.
278. Mauzy D.K, Job B. L. (2007), “U.S. Policy in Southeast Asia: Limited Re-engagement after Years of Benign Neglect”, *Asian Survey* Vol. 47 (4), pp. 622–641.
279. Mazarr M.J., Frederick B.A., Crane Y.K. (2022), *Understanding a New Era of Strategic Competition*, RAND, Santa Monica.
280. Mazza M. (2018), *An American Strategy for Southeast Asia*, American Enterprise Institute.
281. McCaslin I.B., Erickson A.S. (2018), “The impact of Xi-era Reforms on the Chinese Navy”, Saunders P.C., Ding A.S., Scobell A., Yang A.N.D., Wuthnow J., *Chairman Xi Remakes the PLA: Assessing Chinese Military Reforms*, National

- Defense University Press, Washington DC, pp. 125–170.
282. McCaslin I.B., Erickson, A.S. (2018), “The impact of Xi-era Reforms on the Chinese Navy”, Saunders P.C., Ding A.S., Scobell A., Yang A.N.D., Wuthnow J., *Chairman Xi Remakes the PLA: Assessing Chinese Military Reforms*, National Defense University Press, Washington DC, pp. 125–170.
283. McDonald L.C.S. (2020), “戰略競爭? - Strategic Competition?”, *Journal of Indo-Pacific Affairs* (Winter), pp. 3-16.
284. Mearsheimer J.J. (2014), *The Tragedy of Great Power Politics*, Norton, New York.
285. Medeiros E. (2021), “Major Power Rivalry in East Asia”, *Discussion Paper Series on Managing Global Disorder* (3), Council on Foreign Relations.
286. Men, H.H. (2007a), “Assessment Report on the Soft Power of China (Part 1)”, *International Review* (2), pp. 37-46.
287. Men, H.H. (2007b), “Assessment Report on the Soft Power of China (Part 2)”, *International Review* (3), pp. 15-26.
288. Ming-Te H., Liu T.T. (2011), “Sino-U.S. Strategic Competition in Southeast Asia: China’s Rise and U.S. Foreign Policy Transformation since 9/11”, *Political Perspectives* Vol. 5 (3), pp. 96-119.
289. Mishra R. (2014), “The US Rebalancing Strategy: Responses from Southeast Asia”, Muni S.D., Chadha V. (2014), *Asian Strategic Review 2014 US Pivot and Asian Security*, Pentagon Press, New Delhi, pp. 149-174.
290. Mitchell D.J. (2018), “Expanding the ‘Strategic Periphery’: A History of China’s Interaction with the Developing World”, Eisenman J., Heginbotham E (Eds.), *China Steps Out*, Routledge, New York, pp. 23-43.
291. Mochinaga D. (2020), “The Expansion of China’s Digital Silk Road and Japan’s Response”, *Asia Policy* Vol. 15 (1), pp. 41–60.
292. Mohammed D., Laouni M., Tahi A. (2019), “An Empirical Study on the Impact of Trade War on Both the US and Chinese Economies, Based on the Value-at-risk Approach”, *Applied Science and Innovative Research* Vol. 4 (3), pp. 279-296.
293. Morton K. (2016), “China’s ambition in the South China Sea: is a legitimate maritime order possible?”, *International Affairs* Vol. 92 (4), pp. 909–940.
294. Musioł M. (2019), “Power Analysis and Geopolitical Codes of South China Sea

- States in the Context of Contemporary Geopolitics”, *Polish Political Science Yearbook* Vol. 48 (3), pp. 407–430.
295. Mutia R.T.N. (2023), “BRI: Xi Jinping’s Path to Complete His Historical Task”, Tambunan S.M.G., *AHS-APRISH 2019, ASSEHR 753*, pp. 637–649.
296. Nacht M., Laderman S., Beeston J. (2018), *Strategic Competition in China-US Relations*, Lawrence Livermore National Laboratory, Center for Global Security Research.
297. Nadkarni V. (2010), *Strategic Partnerships in Asia: Balancing Without Alliances*, Routledge, London.
298. Nagy S.R. (2022), “US-China Strategic Competition and Converging Middle Power Cooperation in the Indo-Pacific”, *Strategic Analysis* Vol. 46 (3), pp. 260-276.
299. Narine S. (2018), “US Domestic Politics and America’s Withdrawal from the Trans-Pacific Partnership: Implications for Southeast Asia”, *Contemporary Southeast Asia* Vol. 40 (1), pp. 50-76.
300. Nguyen H. (2016), “The Obama Administration and Southeast Asia: Dynamics of a New Engagement”, *Indian Journal of Asian Affairs* Vol. 29 (1/2), pp. 39–56.
301. Nguyen P. (2016), “Deciphering the Shift in America’s South China Sea Policy”, *Contemporary Southeast Asia*, 38 (3), pp. 389–421.
302. Nguyen T.T. (2023), “The United States-China Trade War—The Inevitable Strategic Competition”, Nguyen A. T., Pham T. T., Song J., Lin Y.-L., Dong M. C., *Contemporary Economic Issues in Asian Countries: Proceeding of CEIAC 2022, Volume 2, CEIAC 2022*, Springer, Singapore, pp. 1-8.
303. Nguyen T.T.H. (2016), “The US Rebalance towards the Asia-Pacific: Really Realist?”, *Journal of Asian Security and International Affairs* Vol. 3 (3), pp. 291–306.
304. Nye J.S. (2023), *Soft Power and Great-Power Competition, China and Globalization*, Springer Nature.
305. Odgaard L. (2007), *The Balance of Power in Asia-Pacific Security: U.S.-China Policies on Regional Order*, Routledge, New York.
306. Oliver R., Miall H., Woodhouse T. (2011), *Contemporary conflict resolution*, Polity Press, Cambridge.

307. Owens M.T., Bowman B. (2019), “Dangerous Waters: Responding to China’s Maritime Provocations in the South China Sea”, *Text, The National Interest*, The Center for the National Interest, December 20, 2019.
308. Parameswaran P. (2014), “Explaining US Strategic Partnerships in the Asia-Pacific Region: Origins, Developments and Prospects”, *Contemporary Southeast Asia* Vol. 36 (2), pp. 262–289.
309. Parameswaran P. (2020), “Obama’s legacy in US–ASEAN relations: Promises and perils”, Turner O., Parmar I. J., *The United States in the Indo-Pacific: Obama’s legacy and the Trump*, Manchester University Press, Manchester, pp. 111-124.
310. Parameswaran P. (2022), *Elusive Balances Shaping U.S.-Southeast Asia Strategy*, Palgrave Macmillan, Basingstoke.
311. Paul M. (2016), *A “Great Wall of Sand” in the South China Sea? Political, Legal and Military Aspects of the Island Dispute*, Stiftung Wissenschaft und Politik, Germany.
312. Pearson M., Rithmire M., Tsai K.S. (2021), “Party-state capitalism in China”, *Current History* Vol. 120 (827), pp. 207–213.
313. Pempel T.J. (2019), “Regional Decoupling: The Asia-Pacific Minus the USA?”, *The Pacific Review* Vol. 32 (2), pp. 256–265.
314. Pitakdumrongkit K.K. (2019), *The Impact of the Trump Administration’s Indo-Pacific Strategy on Regional Economic Governance*, East-West Center, Honolulu.
315. Przystup J.J., Phillip C. Saunders P.C. (2017), *Asia and the Trump Administration: Challenges, Opportunities, and a Road Ahead*, Institute for National Strategic Studies Strategic Perspectives, National Defense University Press, Washington D.C.
316. Puri S. (2022), “Land and Sea: The Evolving Great-Power Contest in Asia”, *Survival* Vol. 64 (1), pp. 227–236.
317. Quilop R.J.G. (2015), “Asia’s cauldron: the South China Sea and the end of a stable Pacific”, *Philippine Political Science Journal* Vol. 36 (1), pp. 110-112.
318. Reeves J. (2013), “China’s Unraveling Engagement Strategy”, *The Washington Quarterly* Vol. 36 (4), pp. 139–149.

319. Robles-Carrillo M. (2021), “European Union policy on 5G: Context, scope and limits”, *Telecommunications Policy* Vol. 45 (8), pp. 1–14.
320. Rocher S.B.D. (2020), “The Belt and Road: China’s “Community of Destiny” for Southeast Asia?”, *Asie Visions* (113), pp. 16-18.
321. Rodrik D. (2011), *The globalization paradox: Why global markets, states, and democracy can’t coexist*, Oxford University Press, Oxford, New York.
322. Roehrig T. (2022), “The United States and Asia in 2021”, *Asian Survey* Vol. 62 (1), pp. 1–14.
323. Rolf S., Schindler S. (2023), “The US–China rivalry and the emergence of state platform capitalism”, *Environment and Planning A: Economy and Space* Vol. 55 (5), pp. 1255-1280.
324. Rosenberg E., Goldman Z.K., Drezner D., Solomon-Strauss J. (2016), *The New Tools of Economic Warfare: Effects and Effectiveness of U.S. Financial Sanctions*, Center for a New American Security, Washington D.C.
325. Ross R. (2006), “Balance of Power Politics and the Rise of China: Accommodation and Balancing in East Asia”, *Security Studies* Vol. 15 (3), pp. 355-395.
326. Ross R. (2009), *Balance of Power Politics and the Rise of China: Accommodation and Balancing in East Asia, Chinese Security Policy: Structure, Power and Politics*, Routledge, London, New York.
327. Ross R. (2012), “The Problem with the Pivot”, *Foreign Affairs* Vol. 91 (6), pp. 70-82.
328. Sarker N.M. (2012), “Great Power Politics in Southeast Asia: The Cold War and the Post-Cold War Settings”, *Journal of International Affairs* Vol. 16 (1&2), pp. 123-144.
329. Saunders P.C. (2014), “China’s Rising Power, the U.S. Rebalance to Asia, and Implications for U.S.-China Relations”, *Issues & Studies* Vol. 50 (3), pp. 19-55.
330. Schell O., Shirk S.L. (2017), *Us Policy Toward China: Recommendations for a New Administration*, Asia Society Center on US-China Relations, New York.
331. Scobell A. (2018), “The South China Sea and U.S.-China Rivalry”, *Political Science Quarterly* Vol. 133 (2), pp. 199-224.
332. Scott D. (2007), *China’s Stands up: the PRC and the International System*,

Routledge, London/New York.

333. Segal G. (1996), “East Asia and the ‘Constraint’ of China”, Brown M. E., Lynn-Jones S. M., Miller S. E., *East Asia Security*, MIT Press, Cambridge, pp. 159-187.
334. Shafiq M. (2014), “Emerging Trends in Geo-politics of Asia Pacific Region”, *Islamabad Policy Research Institute (IPRI) Journal* Vol. XIV (1), pp. 81–101.
335. Shambaugh D. (2018), “US-China Rivalry in Southeast Asia: Power Shift or Competitive Coexistence?”, *International Security* Vol. 42 (4), pp. 85-127.
336. Shambaugh D. (2020), *Where Great Powers Meet: America and China in Southeast Asia*, Oxford University Press, Oxford.
337. Shambaugh D. (2021), *Where Great Powers Meet: America and China in Southeast Asia*, Oxford University Press, New York.
338. Sherazi T.Z., Mahmood A. (2020), “US Policy shift from ‘Pivot to Asia’ to ‘Free Indo-Pacific’: Implications for Pakistan”, *Asia Pacific* (38), pp. 1-21.
339. Siangyen C. (2018). “U.S. Smart Power in Southeast Asia During the Obama Administration: More Hard or Soft Power?”. *International Journal of East Asia Studies* Vol. 22 (1), pp. 72-93.
340. Silove, N. (2016), “The pivot before the pivot: US strategy to preserve the power balance in Asia”, *International Security* Vol. 40 (2), pp. 45–88.
341. Simons G., Kukartseva M.A. (2019), “New Cold War and the Crisis of the Liberal Global Order”, *Outlines of Global Transformations: Politics, Economics, Law* Vol. 12 (3), pp. 77–93.
342. Singh D. (2019), “How Will Shifts in American Foreign Policy Affect Southeast Asia?”, *Trends in Southeast Asia* (15), ISEAS Publishing, Singapore.
343. Sloan S.R. (2022), *De-Trumping U.S. Foreign Policy Can Biden Bring America Back?*, Deutsche Nationalbibliothek, Berlin/Boston.
344. Smith G., Wesley-Smith T. (2021), *The China Alternative Changing Regional Order in the Pacific Islands*, ANU Press. DOI: <https://doi.org/10.2307/j.ctv1h45mkn>.
345. Smith J. (2018), *Asia’s Quest for Balance China’s Rise and Balancing in the Indo-Pacific*, Rowman & Littlefield, Lanham.

346. Socquet-Clerc K., Su-Yen S.K., Fitriani, Gomez M.A., Nguyen V.L. (2023), *Cybersecurity Governance in Southeast Asia*, Thematic SSG Brief, DCAF, Geneva Centre for Security Sector Governance, Geneva.
347. Sohel M.S., Horaira G.A., Islam M.S. (2019), “Geo- Politics in South China Sea: A Historical Perspective”, *International Journal of Research and Innovation in Social Science* Vol. III (I), pp. 345-349.
348. Sokolsky R., Rabasa A., Neu C.R. (2000), *The role of Southeast Asia in U.S. strategy toward China*, RAND, Santa Monica.
349. Steinberg D.A., Shih V.C. (2012), “Interest group influence in authoritarian states: The political determinants of Chinese exchange rate policy”, *Comparative Political Studies* Vol. 45 (11), pp. 1405–1434.
350. Storey I., Cook M. (2018), “The Trump Administration and Southeast Asia: America’s Asia Policy Crystallizes”, *Perspective* (77), pp. 1-8.
351. Stromseth J. (2019), *Don’t Make us Choose Southeast Asia in the throes of US-China rivalry*, Foreign Policy at Brookings, Washington.
352. Stromseth J.R. (2021), “Navigating Great Power Competition in Southeast Asia”, Stromseth J.R., *Rivalry and Response: Assessing Great Power Dynamics in Southeast Asia*, Brookings Institution Press, Washington, pp. 1-31.
353. Strüver G. (2016), “International Alignment between Interests and Ideology: The Case of China's Partnership Diplomacy”, *GIGA Working Papers* (283), German Institute of Global and Area Studies (GIGA), Hamburg.
354. Summers L. (2006), “Reflections on global account imbalances in emerging markets reserve accumulation”, Paper presented to L. K. Jha Memorial Lecture, Mumbai, India.
355. Sutter R. (2015), *The United States and Asia: Regional Dynamics and Twenty-First Century Relations*, Rowman & Littlefield, Lanham MD.
356. Sutter R. (2021), “Why US Rivalry with China Will Endure: Implications for Southeast Asia”, *Perspective* (138), pp. 1–11.
357. Suzanne N. (2004), “Smart Power”, *Foreign Affairs* Vol. 83 (2), pp. 131-142.
358. Swenson D.L., Woo W.T. (2019), “The Politics and Economics of the U.S.-China Trade War”, *Asian Economic Papers* Vol. 18 (3), pp. 1–28.

359. Swielandev T.S. (2012), “The Reassertion of the United States in the AsiaPacific Region”, *Parameters* Vol. 42 (1), pp. 75-89.
360. Tajfel H. (1981), *Human Groups and Social Categories: Studies in Social Psychology*, Cambridge University Press, Cambridge.
361. Taylor F.M. (2014), “Territorial and maritime boundary disputes in Asia”, Pekkanen S.M., Ravenhill J., Foot R., *The Oxford handbook of the international relations of Asia*, Oxford University Press, Oxford, pp. 524–546.
362. Teixeira V.A.G. (2021), “Military Power Does Not Denote Capacity: The Contest for World Domination”, *World Affairs* Vol. 186 (4), pp. 536–539.
363. Tellis A.J. (2020), “The Return of U.S.-China Strategic Competition. Strategic Asia 2020: U.S.-China Competition for Global Influence”, Tellis A.J., Szalwinski A., Wills M., *Strategic Asia 2020: U.S.-China Competition for Global Influence*, National Bureau of Asian Research, Washington, D.C., pp. 1-43.
364. Tellis A.J., Szalwinski A., Wills M., Grare (2020), *Strategic Asia 2020 U.S.-China Competition for Global Influence*, National Bureau of Asian Research, Washington, D.C.
365. Thayer C.A. (2013), “ASEAN, China and the Code of Conduct in the South China Sea”, *SAIS Review of International Affairs* Vol. 33(2), pp. 75-84.
366. Thomas L., Morrison W., Vaughn B. (2008), *China’s “Soft Power” in Southeast Asia*, US Senate Committee of Foreign Relations, Washington DC.
367. Tijerina L.L., Baig M.A. (2022), “China’s People’s Liberation Army: Restructuring and Modernization”, *Open Military Studies* (2), pp. 84–95.
368. Tran Nam Tien (2021), “‘Strategic Competition’ in International Relations: Scope and Impact Factors”, *Social Sciences Information Review* Vol. 15 (2), pp. 46-53.
369. Troath S. (2023), “The Development of Robotics and Autonomous Systems in Australia: Key Issues, Actors, and Discourses”, *Australian Journal of International Affairs* Vol. 77 (1), pp. 65–84.
370. Tsai T.C., Ming-Te H., Liu T.T.T. (2011), “China’s Foreign Policy in Southeast Asia: Harmonious Worldview and Its Impact on Good Neighbor Diplomacy”, *Journal of Contemporary Eastern Asia* Vol. 10 (1), pp. 25-42.

371. Tyushka A., Lucyna C. (2019), “Strategic partnerships, international politics and IR theory”, Lucyna C., *States, international organizations and strategic partnerships*, Edward Elgar Publishing, pp. 8-43.
372. Vivek M. (2019), “Looming US Retreat under Trump: Implications for Asian Security”, *Indian Foreign Affairs Journal* Vol. 14(1), pp. 58-69.
373. Vladoš C. (2020), “The Dynamics of the Current Global Restructuring and Contemporary Framework of the US–China Trade War”, *Global Journal of Emerging Market Economies* Vol. 12 (1), pp. 4–23.
374. Vuving A. (2020), “Great Power Competition: Lessons from the Past, Implications for the Future”, Vuving A.L., *Hindsight, Insight, Foresight: Thinking about Security in the Indo-Pacific*, Daniel K, Inouye Asia-Pacific Center for Security Studies, Honolulu, pp. 13-35.
375. Walt S. M. (1987), *The Origins of Alliances*, Cornell University Press, New York.
376. Waltz K. N. (1979), *Theory of International Politics*, McGraw-Hill, New York.
377. Waltz K. N. (2000), “Structural Realism after the Cold War”, *International Security* Vol. 25 (1), pp. 5-41.
378. Wang D., Tanner T. (2021), *Avoiding the ‘Thucydides Trap’ U.S.-China Relations in Strategic Domains*, Routledge, London.
379. Wang H. (2022), “Defining China–US Strategic Competition: Partisan Realignment and the Domestic Political Logic of Change in American Strategy toward China, 2009–2020”, *Chinese Journal of International Review* Vol. 4 (1), pp. 1-30.
380. Wang J., Ran H. (2019), “From Cooperative Partnership to Strategic Competition: A Review of China–U.S. Relations 2009–2019”, *China International Strategy Review* Vol. 1 (1), pp. 1–10.
381. Wang Z., Zeng J. (2020), “From Economic Cooperation to Strategic Competition: Understanding the US-China Trade Disputes through the Transformed Relations”, *Journal of Chinese Political Science* Vol. 25 (1), pp. 49–69.
382. Wealth B.R.K. (1993/94), “Wealth, Power, and Instability: East Asia and the United States after the Cold War”, *International Security* Vol. 18 (3), pp. 34–77.
383. Wei L.W. (2019), “From Engagement to Competition: The Transformation of US Economic Strategy towards China”, *Foreign Affairs Review* (5), pp. 54–80.

384. Weitz R. (2011), “Nervous Neighbors: China Finds a Sphere of Influence”, *World Affairs* Vol. 173 (6), pp. 6–14.
385. White House (2018), “China’s Predatory Trade and Investment Strategy: Joint Hearing before the Committee on Foreign Affairs”, House of Representatives, 115th Cong.
386. Winkler S. (2023), “U.S.-Chinese Strategic Competition and the Ukraine War: Implications for Asian-Pacific Security”, *Czech Journal of International Relations* Vol. 58 (1), pp. 1–32.
387. Winkler S.C. (2023), “Strategic Competition and US–China Relations: A Conceptual Analysis”, *The Chinese Journal of International Politics*. <https://doi.org/10.1093/cjip/poad008>.
388. Wu C. (2023), “Decoding US–China Strategic Competition: Comparative Leverages and Issue Selection”, *The Chinese Journal of International Politics* Vol. 16(1), pp. 31–60.
389. Wu X. (2020), “Technology, power, and uncontrolled great power strategic competition between China and the United States”, *China Int Strategy Rev.* (2), pp. 99–119.
390. Xi J. (2014), *The Governance of China*, Foreign Language Press, Beijing.
391. Yan X. (2020), “Bipolar Rivalry in the Early Digital Age”, *The Chinese Journal of International Politics* Vol. 13(3), pp. 313–341.
392. Yeo A., Gloria E. (2023), “National Identity and the Limits of Chinese Public Diplomacy in the Philippines”, *Journal of Contemporary China* Vol. 32 (139), pp. 43–50.
393. Younus K. (2020), “Strategic Convergence and Competition in the Indo-Pacific Region: Policy options for Pakistan”, *Margalla Papers* Vol. 24 (1), pp. 81-96.
394. Yung C., Dong W. (2016), “U.S.-China Relations in the Maritime Security Domain”, Tanner T., Dong W., *U.S.-China relations in strategic domains*, NBR Special Report (57), The National Bureau of Asian Research, pp. 1-20.
395. Zha W. (2023), “Southeast Asia amid Sino-US Competition: Power Shift and Regional Order Transition”, *The Chinese Journal of International Politics* Vol. 16 (2), pp. 241–261.

396. Zhang D. (2018), “The Concept of ‘Community of Common Destiny’ in China’s Diplomacy: Meaning, Motives and Implications”, *Asia & the Pacific Policy Studies* Vol. 5 (2), pp. 196-207.
397. Zhang F. (2016), “Challenge Accepted: China’s Response to the US Rebalance to the Asia-Pacific”, *Security Challenges* Vol. 12 (3), pp. 45-60.
398. Zhang H., Khanal S. (2024), “To Win the Great AI Race, China Turns to Southeast Asia”, *Asia Policy* Vol. 19 (1), pp. 21-34.
399. Zhao M. (2019), “Is a New Cold War Inevitable? Chinese Perspectives on US-China Strategic Competition”, *The Chinese Journal of International Politics* Vol. 12 (3), pp. 371-394.
400. Zhao, M. (2023), “Infrastructure Statecraft and Sino-U.S. Strategic Competition in the Indo-Pacific”, *China Review* Vol. 23 (1), pp. 45–77.
401. Zhou J. (2014), *Chinese vs. Western Perspectives: Understanding Contemporary China*, Lexington Books, Plymouth.
402. Zhou T., Liu H. (2018), “Chinese Foreign Policy: Southeast Asia”, *The SAGE Handbook of Contemporary China* Vol. (1-2), SAGE Publications Ltd, pp. 610-629.
403. Zongyou W., Yunhan Z. (2021), “The Biden Administration’s Indo-Pacific Strategy and China-U.S. Strategic Competition”, *China Quarterly of International Strategic Studies* Vol. 7 (2), pp. 157–178.

Tiếng Trung

404. Liu H. (2020), “加快构建以国内大循环为主体、国内国际双循环相互促进的新发展格局”, *Renmin Ribao* [People’s Daily].
405. Sun J. (2019), “中国国际话语权的塑造与提升路径: 以党的十八大以来的中国外交为例”, *Shijie Jingji Yu Zhengzhi* [World Economics and Politics] (3), 第 24.
406. Yang J. (2017), “处理中美关系应 ‘心中有数’” [China-U.S. Relations Should Be Handled with Knowledge and Confidence], *Jiefang Ribao* [Liberation Daily].
407. Zhou X. (2016), “关于制度性话语权的若干思考”, *Hunan Ribao* [Hunan Daily].
408. 习近平 (2018), 习近平：决胜全面建成小康社会夺取新时代中国特色社会主义主

义伟大胜利-在中国共产党第十九次全国代表大会上的报告.
https://www.gov.cn/zhuanti/2017-10/27/content_5234876.htm.

409. 参见韦宗友 (2018), “中美战略竞争、美国 ‘地位焦虑’ 与特朗普政府对华战略调整”, *美国研究* (4), 第 52-74 页.
410. 吴雪 (2015), “奥巴马执政以来中美在东南亚地区影响力比较分析”, *中国与国
际关系学刊* Vol. 3(2), 第 51-68 页.
411. 孙学峰 (2007), “和谐世界理念与中国国际关系理论研究”, *教学与研究* (11),
第 55-60 页.
412. 王 健 (2022), “美国对华全面战略竞争: 本质, 特点与内在紧张”, *载国际问题
研究* (2), 第 52—55 页.
413. 胡元梓 (2008), “20 世纪中美两国间政治冲突解决的基本经验和教训”, *山东社
会科学* (05), 第 57-65 页。
414. 胡波 (2021), “中国南海竞争的格局与趋势: 基于权力、规则和第三方因素的综合分析”, *外交评论* (1), 第 30 页.
415. 蔡東杰 (2015), “近期中國對亞洲外交政策及其影響”, *全球政治評論* (1), 第
17-30 页.
416. 鞠海龙, 林恺铖 (2022), “拜登政府的南海政策: 地区影响及其限度”, *国际问
题研究* (2), 第 111-113 页.

Website

417. Aggarwal V. (2016), Mega-FTAs and the Trade-Security Nexus”, *East-West Center*,
[https://basc.studentorg.berkeley.edu/wp-content/uploads/2021/04/2016-
Aggarwal-Mega-FTAs-API-March.pdf](https://basc.studentorg.berkeley.edu/wp-content/uploads/2021/04/2016-Aggarwal-Mega-FTAs-API-March.pdf)
418. Blackwell S., Al-Rubaei S., Osmandzovic E. (2020), Geo-Strategic ramifications
of the US-China trade war: The case of Southeast Asia, *Trends Research*,

- <https://trendsresearch.org/insight/geo-strategic-ramifications-of-the-us-china-trade-war-the-case-of-southeast-asia/>.
419. Blumenthal D. (2010), “The U.S. Stands Up to China’s Bullying”, *Wall Street Journal*, <http://proquest.umi.com/pqdweb?index=41&did=2093090381&Src>.
420. Bradley D. (2014), “A ‘New Situation’: China’s Evolving Assessment of its Security Environment”, *The Jamestown Foundation*, <https://jamestown.org/program/a-new-situation-chinas-evolvingassessment-of-its-security-environment/>
421. Centre for Strategic and International Studies (2018), “Competing in the Grey Zone: Countering Competition in the Space between War and Peace”, *CSIS*, <https://www.csis.org/features/competing-gray-zone>.
422. Chatys M. (2021), “China and digital transformation of Southeast Asian cities”, *CAA Brief*, https://www.osa.uni.lodz.pl/fileadmin/user_upload/Jednostki/Osrodek_Spraw_Az_jatyckich/CAA_Briefs/2021/CAA_Brief_MC_September_2021.pdf
423. Chinese Foreign Ministry (2017), “Xi Jinping and Donald Trump Hold China-US Presidents’ Meeting”, http://www.fmprc.gov.cn/mfa_eng/zxxx_662805/t1453036.shtml.
424. Cronin P. (2015), “In search of a Southeast Asian Response to China’s Bid for Dominance”, <https://warontherocks.com/2015/05/in-search-of-a-southeast-asian-response-to-chinas-bid-for-dominance/>.
425. Daily Press Briefing (1995), “U.S. Department of State”, http://dosfan.lib.uic.edu/ERC/briefing/daily_briefings/1995/9505/950510db.html
426. Department of Defense (2018), “Summary of the 2018 National Defense Strategy of the United States of America: Sharpening the American Military’s Competitive Edge”, Office of the Secretary of Defense, <https://dod.defense.gov/>.
427. Dutton P. (2020), “Testing the Boundaries: A Research Report for the Maritime Dispute Resolution Project”, U.S.-Asia Law Institute, New York University School of Law, https://static1.squarespace.com/static/55d21ffee4b0d22e803fdca1/t/5f4d04bf7c705f1341679876/1598883015894/Testing_the_Boundaries_Research_Report_DuttonP.pdf

428. Erickson A.S. (2019), “Fact Sheet: The People’s Armed Forces Maritime Militia (PAFMM)”, <https://www.maritime-executive.com/editorials/fact-sheet-the-people-s-armed-forces-maritime-militia-pafmm>
429. Feaver P. (2009), “What is grand strategy and why do we need it?”, *Foreign Policy*, <https://foreignpolicy.com/2009/04/08/what-is-grand-strategyandwhy-do-we-need-it>
430. Feigenbaum E.A. (2020), “U.S.-China Coordination Missing in Action on Coronavirus”, *Carnegie Endowment*, <https://carnegieendowment.org/2020/04/01/u.s.-china-coordination-missing-in-action-on-coronavirus-pub-81432>
431. Feigenbaum E.A., Manning R.A. (2012), “A Tale of Two Asias”, *Foreign Policy*, <https://foreignpolicy.com/2012/10/31/a-tale-of-two-asias/>
432. Fischerkeller M., Harknett R.J. (2020), “Cyber Persistence Theory, Intelligence Contests and Strategic Competition”, *Institute for Defense Analysis*, <https://apps.dtic.mil/sti/pdfs/AD1118679.pdf>
433. Grossman D. (2023), “Biden’s Half-Hearted Policy towards Southeast Asia,” *Foreign Policy*, <https://foreignpolicy.com/2023/01/10/southeast-asia-asean-china-biden-us-policy/>.
434. Guo Y. (2016), “The CCP returns to Chinese cultural roots”, *East Asia Forum*, <https://www.eastasiaforum.org/2016/10/03/the-ccp-returns-to-chinese-cultural-root>
435. Han E. (2021), “Non-State Chinese Actors and Their Impact on Relations between China and Mainland Southeast Asia”, *Yusof Ishak Institute*, <http://hdl.handle.net/11540/13071>
436. Hayton B. (2014), “China’s False Memory Syndrome”, <http://www.prospectmagazine.co.uk/world/chinas-false-memory-syndrome>
437. Hsiung J. (2011), “Jiedu Oubama Zoufang Dongya Ji Zhongguo Zhi Yongyi Yu Chengxiao”, *Strait Review* (228), <http://www.haixiainfo.com.tw/SRM/228-7749.html>
438. Hu J. (2005), “Build towards a Harmonious World of Lasting Peace and Common Prosperity”, Speech delivered the HighLevel Plenary Meeting of the United

- Nations 60th Session, www.un.org/webcast/summit2005/statements15/china050915eng.pdf
439. Huang Y. (2021), “The U.S.-China Trade War has become a Cold War”, Carnegie Endowment for International Peace, <https://carnegieendowment.org/2021/09/16/u.s.-china-trade-war-has-become-cold-war-pub-85352>
440. Huong L.T. (2021), “Biden’s Indo-Pacific Strategy: Traps to Avoid in Southeast Asia”, *Global Asia* 16(4), <https://www.globalasia.org/v16no4/cover/bidens-indo-pacific-strategy-traps-to-avoid-insoutheast-asia> huong-le-thu
441. Hurley J., Morris S., Portelance G. (2018), “Examining the Debt Implications of the Belt and Road Initiative from a Policy Perspective”, *Center for Global Development*, Washington DC, <https://www.cgdev.org/sites/default/files/examining-debt-implications-belt-and-road-initiative-policyperspective.pdf>
442. Industry and Security Bureau (ISB) (2019), “Addition of Entities to the Entity List, Federal Register”, *The Daily Journal of the United States Government*, <https://infofasr738.weebly.com/blog/foreign-technologies-application-co-ltd>
443. International Crisis Group (2012), “Shifting Tactics: A New Approach? In Stirring up the South China Sea (I)”, *Asia Report* (223), pp. 32-36, [http://www.crisisgroup.org/~media/Files/asia/north-east-asia/223-stirring-up-the-south-china-sea-i.pdf](http://www.crisisgroup.org/~/media/Files/asia/north-east-asia/223-stirring-up-the-south-china-sea-i.pdf)
444. ISEAS – Yusof Ishak Institute (2021), “The State of Southeast Asia: 2020”, *ISEAS*, https://www.iseas.edu.sg/wp-content/uploads/2020/11/ISEAS_Perspective_2020_130.pdf
445. ISEAS-Yusof Ishak Institute (2020), “State of Southeast Asia 2019 Survey Report”, *ISEAS*, https://www.iseas.edu.sg/wp-content/uploads/pdfs/TheStateofSEASurveyReport_2019.pdf
446. Jin X. (2014), “Zhongguo waijiao Jinru fen fa you wei xin chang tai”, *China Daily*, <http://column.chinadaily.com.cn/article.php?pid=3264#>
447. Joint Statement on the ASEAN-US Strategic Partnership (2015), Kuala Lumpur, Malaysia, <http://asean.org/wp-content/uploads/images/2015/November/27th->

[summit/statement/ASEANUS%20Joint%20Statement_Adopted.pdf](#)

448. Kania E.B. (2020), “AI Weapons In China's Military Innovation”, *Brookings*, <https://www.brookings.edu/research/ai-weapons-in-chinas-military-innovation/>
449. Kaska K., Beckvard H., Minárik T. (2019), “Huawei, 5G and China as a Security Threat”, *NATO Cooperative Cyber Defence Centre of Excellence*, <https://ccdcoe.org/uploads/2019/03/CCDCOE-Huawei-2019-03-28-FINAL.pdf>
450. Kuchins A. (2009), “Chinese Soft Power and its Implication for the United States: Competition and Co-Operation in the Developing World: A Report of the CSIS Smart Power Initiative”, *Center for Strategic and International Studies*, <https://www.csis.org/analysis/chinese-soft-power-and-its-implications-united-states>.
451. Mahan A.T. (2019), “China’s ‘String of Pearls’ Exhibits the Dragon’s Great Game of Loans and Debts”, *Amsterdam: European Foundation for South Asian Studies*, <https://www.efsas.org/China's%20String%20of%20Pearls'%20exhibits%20The%20Dragon's%20Great%20Game%20of%20Loans%20and%20Debts.pdf>
452. Mason B.G. (2019), “The Competition Prism”, *The Forge*, https://theforge.defence.gov.au/sites/default/files/competition_prism_by_grant_mason.pdf
453. Mazarr M.J., Frederick B., Crane Y.K. (2022), *Understanding a New Era of Strategic Competition*, Santa Monica, CA: RAND Corporation, https://www.rand.org/pubs/research_reports/RRA290-4.html
454. McCoy K. (2018), “In the beginning, there was competition: The old idea behind the new American way of war”, <https://mwi.westpoint.edu/beginning-competition-old-idea-behind-new-american-way-war/>
455. Medeiros E.S. (2008), “Pacific Currents: The Responses of U.S. Allies and Security Partners in East Asia to China’s Rise”, *Rand Corporation*, <https://www.rand.org/pubs/monographs/MG736.html>
456. Mishra V. (2022), “From Trump to Biden, Continuity and Change in the US’s China Policy”, *Observer Research Foundation*, <https://www.orfonline.org/research/from-trump-to-biden-continuity-and-change-in-the-uss-china-policy/>

457. National Security Strategy of the United States of America (NSS) (2017), The White House, Washington, D.C., <https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2017/12/NSS-Final-12-18-2017-0905.pdf>.
458. Nguyễn Thu Hà (2019), “Sáng kiến “Vành đai, Con đường” của Trung Quốc: 5 năm nhìn lại”, *Tạp chí Công sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/quoc-phong2/-/2018/54516/sang-kien-%E2%80%9Cvanh-dai%2C-con-duong%E2%80%9D-cua-trung-quoc--5-nam-nhin-lai.aspx>
459. Nguyễn Trịnh Quỳnh Mai, Trần Đăng Tú Nhi (2018), “Về Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở của Mỹ”, *Tạp chí Công sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/52608/ve-chien-luoc-an-do-duong---thai-binh-duong-tu-do-va-rong-mo-cua-my.aspx>
460. Nye J. (2023), “America should aim for competitive coexistence with China”, *Financial Times*, <https://www.ft.com/content/00d06e5c-7bb0-460e-904e-942498bcccb4>
461. Obama B. (2009a), “The Official Address of 44th President Barack Obama”, *Speaking Out News*.
462. Obama B. (2009b), “Obama answers questions from Fudan University students and the internet”, *America.gov*, <http://www.america.gov/st/texttransenglish/2009/November/20091116095135eaf/as0.900326.html>.
463. Office of the United States Trade Representative (2021), “Association of Southeast Asian Nations (ASEAN)”, <https://ustr.gov/countries-regions/southeast-asia-pacific/association-southeast-asian-nations-asean>
464. Phạm Minh Thu (2019), “Sự can dự của Mỹ tại châu Á - Thái Bình Dương: Từ chính quyền của Tổng thống B. Ô-ba-ma đến Chính quyền của Tổng thống Đ. Trăm”, *Tạp chí Công sản*, https://www.tapchicongsan.org.vn/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/54259/view_content?_contentpublisher_WAR_viettelcmsportlet_urlTitle=su-can-du-cua-my-tai-chau-a---thai-binh-duong--tu-chinh-quyen-cua-tong-thong-b.-o-ba-ma-den-chinh-quyen-cua-tong-thong-d.-tram
465. Phạm Thị Thanh Bình, Vũ Nhật Quang (2020), “Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái

- Bình Dương tự do và rộng mở của Mỹ: Vai trò và cách thức triển khai”, *Tạp chí Công sản*, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien-/2018/816028/%E2%80%9Cchien-luoc-an-do-duong---thai-binh-duong-tu-do-va-rong-mo%E2%80%9D-cua-my--vai-tro-va-cach-thuc-trien-khai.aspx>
466. Poliakine R. (2021), “What You Should Know About 5G Technology And What The Future Holds”, *Forbes*, <https://www.forbes.com/sites/forbestechcouncil/2021/08/12/what-you-should-know-about-5g-technology-andwhat-the-future-holds/?sh=4d21cfd9636b>
467. PRC Ministry of Foreign Affairs (2017), “Foreign Ministry Spokesperson Geng Shuang’s Regular Press Conference”, http://www.fmprc.gov.cn/mfa_eng/xwfw_665399/s2510_665401/2511_665403/t1442469.shtml
468. Rachman G. (2017), “Destined for War? China, America and the Thucydides Trap”, *Financial Times*, <https://www.ft.com/content/0e1ac020-1490-11e7-b0c1-37e417ee6c76>
469. Rogers K., Jakes L., Swanson A. (2020), “Trump Defends Using ‘Chinese Virus’ Label, Ignoring Growing Criticism”, *New York Times*, <https://www.nytimes.com/>
470. Sanger D.E., Benner K. (2018), “U.S. accuses Chinese nationals of infiltrating corporate and government technology”, *The New York Times*, <https://www.nytimes.com/2018/12/20/us/politics/us-and-other-nations-to-announce-china-crackdown.html>
471. Singer A. (2020), “Obama, Trump, and Xi: Three South China Sea Strategies in the U.S.-China Battle for Global Hegemony”, *CMC Senior Theses*, https://scholarship.claremont.edu/cmc_theses/2499
472. Sinha R. (2013), “Regional Comprehensive Economic Partnership: Issues and Way Forward”, *Diplomat (Japan)*.
473. Spitzer K. (2012), “The South China Sea: From bad to worse”, *Time*, <https://nation.time.com/2012/07/15/the-south-china-sea-from-bad-to-worse/>
474. Storey I. (2020), “Visiting Forces Agreement: Uncle Sam Still Welcome for Another Year”, *ISEAS Commentary* 2020/74, <https://www.iseas.edu.sg/media/commentaries/visitingforces-agreement-uncle->

[sam-still-welcome-for-another-year/](#)

475. Stromseth J. (2019), “Don’t Make Us Choose: Southeast Asia in the Throes of US-China Rivalry”, *Brookings*, <https://www.brookings.edu/research/dont-make-us-choose-southeast-asia-in-the-throes-of-us-china-rivalry/>
476. Swanson A., Stevenson A., Smialek J. (2019), “China uses currency as weapon in trade war, rattling markets”, *New York Times*.
477. Tchakarova V. (2022), “The DragonBear: Putin’s Choices”, *Raisina Files*, <https://www.orfonline.org/expert-speak/the-dragonbear-putins-choices/>
478. The Economist (2023), “China’s influence in South-East Asia has grown. America’s has waned”, <https://www.economist.com/graphic-detail/2023/06/12/chinas-influence-in-south-east-asia-has-grown-americas-has-waned>
479. Tribune C. (2012), “President Obama Unveils Leaner Pentagon Budget: The Navy is expected to keep its Current Aircraft Carriers”, <http://search.proquest.com/docview/914461902/13818EF83BE5CF>
480. Trịnh Thị Hoa, Lê Quang Mạnh (2020), “Cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trên lĩnh vực an ninh - chính trị và một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Công sản*. <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/825352/canh-tranh-my---trung-quoc-tai-khu-vuc-an-do-duong---thai-binh-duong-tren-linh-vuc-an-ninh---chinh-tri-va-mot-so-ham-y-chinh-sach-doi-voi-viet-nam-hien-nay.aspx>
481. Trump (2017), “Trump’s inaugural speech”, <https://www.whitehouse.gov/briefings-statements/the-inauguraladdress/>
482. U.S. Department of Defense, “Summary of the 2018 National Defense Strategy of the United States of America”, <https://dod.defense.gov/Portals/1/Documents/pubs/2018-National-Defense-Strategy-Summary.pdf>
483. United Nations Office on Drugs and Crime (2023), “Categorization of an armed conflict”, <https://www.unodc.org/e4j/zh/terrorism/module-6/key-issues/categorization-of-armed-conflict.html>
484. White House (2010), “National Security Strategy”,

http://www.whitehouse.gov/sites/default/files/rss_viewer/national_security_strategy.pdf

485. White House (2015), Statement by the President on the Trans-Pacific Partnership.
486. White House (2017a), “National Security Strategy of the United States of America”, [https:// trumpwhitehouse.archives.gov/wp-content/uploads/2017/12/NSS-Final-12-18-2017-0905.pdf](https://trumpwhitehouse.archives.gov/wp-content/uploads/2017/12/NSS-Final-12-18-2017-0905.pdf)
487. White House (2017b), “National Security Strategy of the United States of America”, press release, [https://www. whitehouse.gov/wp-content/uploads/2017/12/NSS-Final-12-18-2017-0905.pdf](https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2017/12/NSS-Final-12-18-2017-0905.pdf)
488. White House (2021), “U.S. Strategic Framework for the Indo-Pacific”, <https://trumpwhitehouse.archives.gov/wp-content/uploads/2021/01/IPS-Final-Declass.pdf>
489. White House Office of the Press Secretary (2015), “Fact Sheet: US-ASEAN Economic Engagement”, <https://asean.usmission.gov/fact-sheet-u-s-asean-economic-engagement/>
490. Xi J. (2013), “Xi Jinping zai zhoubian waijiao gongzuo zuotanhui shang fabiao zhongyao jianghua”, *People*, [http://politics. people.com.cn/n/2013/1025/c1024-23332318.html](http://politics.people.com.cn/n/2013/1025/c1024-23332318.html).
491. Xi J. (2017a), “President Xi’s speech to Davos in full”, *World Economic Forum*, [https://www. weforum.org/agenda/2017/01/full-text-of-xi-jinping-keynote-at-the-world-economic-forum](https://www.weforum.org/agenda/2017/01/full-text-of-xi-jinping-keynote-at-the-world-economic-forum).
492. Xi J. (2017b), “Work Together to Build a Community of Shared Future for Mankind”, *Xinhua News*, [http://news.xinhuanet.com/english/2017-01/19/c135994707. htm](http://news.xinhuanet.com/english/2017-01/19/c135994707.htm)
493. Xinhua (2017), “Full text of President Xi’s speech at opening of Belt and Road Forum”, *Belt and Road Forum*, <http://news.xinhuanet.com/english/2017-05/14/c136282982.htm>
494. Yisheng H. (2015), “U.S. Muscle-Flexing in South China Sea Is Unprofitable”, *People’s Daily*, <http://en.people.cn/n/2015/1111/c98649-8974557.html>.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

Thống kê các chuyến viếng thăm của Tổng thống Barack Obama đến Đông Nam Á giai đoạn 2009-2010

Thời gian	Quốc gia	Thông tin
14/11/2009	Singapore	Chuyến đi là điểm dừng chân thứ hai trong chuyến công du bốn nước châu Á của Obama khi tham dự hội nghị thượng đỉnh APEC Singapore 2009. Obama đã có cuộc hội đàm song phương với Thủ tướng Singapore và Tổng thống Indonesia.
9-10/11/2010	Indonesia	Tổng thống Obama thăm cấp nhà nước tới Indonesia, nằm trong khuôn khổ chuyến công du bốn nước châu Á. Nhân dịp này, hai nước ký Hiệp định Đối tác Toàn diện.
17-19/11/2010	Campuchia, Myanmar, Indonesia	Tổng thống Obama thăm Indonesia lần thứ hai nhân dịp tham dự Hội nghị Cấp cao ASEAN hàng năm và Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS) lần thứ sáu tại Bali. Obama đã có các cuộc gặp song phương với Thủ tướng Thái Lan, Tổng thống Philippines và Tổng thống Indonesia. Trước đó, Tổng thống Obama đã đến Myanmar trong chuyến công du kéo dài 6 giờ và khích lệ những tiến bộ của chính phủ trong hoàn tất tiến trình cải cách dân chủ. Tổng thống Obama cũng đến Campuchia liên quan vấn đề nhân quyền.

Nguồn: Kamasa F. (2014), “Defining US Southeast Asia Strategy: A Strategic Analysis of US Foreign Policy under Obama Administration”, *Jurnal Kajian Wilayah* Vol. 5(2), pp. 133-165.

PHỤ LỤC 2

Thống kê các chuyến viếng thăm của Ngoại trưởng Hillary Clinton đến Đông Nam Á giai đoạn 2009-2012

Thời gian	Quốc gia	Mục tiêu
18/2/2009	Indonesia	Hillary Clinton có chuyến công du đầu tiên trên cương vị Ngoại trưởng tới châu Á và Indonesia là điểm đến thứ hai. Tại đây, Hillary Clinton thảo luận về các vấn đề như biến đổi khí hậu, thương mại, an ninh và chống khủng bố.
22-23/7/2010	Việt Nam	Hillary Clinton đến Việt Nam để tham dự diễn đàn khu vực ASEAN và thảo luận về hợp tác quân sự và củng cố các mối quan hệ với các quốc gia ASEAN. Mỹ cũng thể hiện sự lo ngại về vấn đề Biển Đông và mong muốn mở rộng thương mại và đầu tư với các nước ở khu vực.
29-30/10/2010	Việt Nam	Chuyến thăm thứ hai của Hillary Clinton tới Việt Nam để tham dự EAS và chủ trì cuộc họp với những người đồng cấp trong sáng kiến Hạ lưu sông Mekong (LMI). Hillary Clinton thể hiện sự quan tâm đến quan hệ đối tác kinh tế với Việt Nam, vấn đề nhân quyền và tự do tôn giáo và thể hiện mong muốn xây dựng hợp tác đa phương với các quốc gia ở khu vực.
30-31/10/2010	Campuchia	Hillary Clinton cam kết Mỹ tăng cường quan hệ đối tác với Campuchia và hướng tới hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội của nước này, bao gồm cả vấn đề về các khoản nợ.
1-2/11/10/2010	Malaysia	Hillary Clinton thảo luận về các mối quan hệ song phương (hợp tác chiến lược), vai trò của Malaysia trong Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương và một hiệp định thương mại tự do mới. Hillary Clinton đề xuất chính phủ Malaysia hỗ trợ Afghanistan và người dân tại đó về đào tạo và dịch vụ y tế.
30/11 - 2/12/2011	Myanmar	Hillary Clinton là ngoại trưởng đầu tiên đến thăm Myanmar kể từ John Foster Dulles

		vào năm 1955. Mục đích của chuyến đi là mong muốn giúp Myanmar trong tiến trình dân chủ hóa.
15-16/11/2011	Philippines	Hillary Clinton đến dự lễ kỷ niệm 60 năm Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ-Philippines.
16/11/2011	Thái Lan	Hillary Clinton nhấn mạnh liên minh mạnh mẽ Mỹ - Thái và thảo luận về các lợi ích chung và các vấn đề khu vực trước thềm EAS.
17-19/11/2011	Indonesia	Hillary Clinton tham dự EAS và Hội nghị Lãnh đạo ASEAN - Mỹ
10-11/7/2012	Việt Nam	Hillary Clinton thúc đẩy đầu tư Mỹ và thể hiện sự quan tâm đến vấn đề nhân quyền.
11/7/2012	Lào	Đây là chuyến thăm đầu tiên của Ngoại trưởng Mỹ sau 57 năm. Hillary Clinton thảo luận về nhiều vấn đề song phương, bao gồm LMI và hội nhập ASEAN.
11-13/7/2012	Campuchia	Hillary Clinton chủ trì và tham dự các sự kiện cấp bộ trưởng cũng như tham gia các cuộc gặp song phương với các quan chức Campuchia. Các hội nghị khu vực bao gồm ARF, Hội nghị cấp cao EAS của các Bộ trưởng Ngoại giao và Hội nghị sau Bộ trưởng Mỹ-ASEAN và đồng chủ tịch trong Hội nghị Bộ trưởng LMI. Clinton đã dẫn đầu các đại diện doanh nghiệp Mỹ đến Campuchia trong khuôn khổ “Diễn đàn Doanh nghiệp Mỹ-ASEAN - Cam kết Kết nối”.
03/9/2012	Indonesia	Hillary Clinton thảo luận nhiều vấn đề khu vực với các quan chức cấp cao của Indonesia, chẳng hạn như tranh chấp Biển Đông. Bà Clinton hội đàm với Ngoại trưởng Indonesia Marty Natalegawa về các vấn đề song phương và toàn cầu. Hillary Clinton thăm Ban thư ký ASEAN, nhấn mạnh các cam kết của Mỹ đối với ASEAN.
06/9/2012	Đông Timor	Hillary Clinton tái khẳng định sự hỗ trợ của Mỹ đối với tiến trình dân chủ hóa và phát triển kinh tế của Đông Timor.

07/9/2012	Brunei	Hillary Clinton tập trung thảo luận về vai trò Chủ tịch ASEAN của Brunei vào năm 2013.
-----------	--------	--

Nguồn: Kamasa F. (2014), “Defining US Southeast Asia Strategy: A Strategic Analysis of US Foreign Policy under Obama Administration”, *Jurnal Kajian Wilayah* Vol. 5(2), pp. 133-165.

PHỤ LỤC 3

Chính sách “Tái cân bằng” của Mỹ đối với các đối tác tại Đông Nam Á

Quốc gia	Chính sách “Tái cân bằng” của Mỹ
Indonesia	“làm việc cùng nhau về hỗ trợ nhân đạo và chuẩn bị ứng phó thảm họa, an ninh hàng hải, gìn giữ hòa bình quốc tế và chống lại các mối đe dọa xuyên quốc gia” [Hagel, 2013].
Malaysia	“Chúng tôi đang mở rộng hợp tác hàng hải, bao gồm chuyến thăm đầu tiên của một tàu sân bay Mỹ tới Sabah” [Hagel, 2013].
Myanmar	“Chúng tôi đang bắt đầu sự tham gia giữa quân đội với quân đội có mục tiêu và được điều chỉnh cẩn thận nhằm đảm bảo quân đội hỗ trợ những cải cách đang diễn ra, tôn trọng nhân quyền và một lực lượng chuyên nghiệp chịu trách nhiệm trước lãnh đạo đất nước” [Hagel, 2013].
Philippines	“Về Hiệp định hợp tác quốc phòng mới. . . Mục tiêu của thỏa thuận này là xây dựng năng lực của Philippines, tham gia huấn luyện, phối hợp - không chỉ đơn giản là giải quyết các vấn đề an ninh hàng hải. Nhưng cũng để nâng cao khả năng của chúng tôi [thông qua quyền tiếp cận cơ sở quân sự] để nếu có thảm họa thiên nhiên xảy ra, chúng tôi có thể ứng phó nhanh hơn; nếu có thêm mối đe dọa có thể phát sinh, thì chúng tôi có thể hợp tác làm việc” [Obama, 2014].
Singapore	“Chúng tôi sẽ có bốn tàu chiến ven biển đồn trú ở Singapore” [Carter, 2012a; Carter, 2012b].
Thái Lan	Tuyên bố Tâm nhìn chung về liên minh (Joint Vision Statement for alliance), “văn kiện song phương đầu tiên trong hơn 50 năm” [Hagel, 2013].
Việt Nam	“Chúng tôi đang mở rộng hợp tác - như được nêu trong một bản ghi nhớ mới - về an ninh hàng hải, cơ hội đào tạo, tìm kiếm và cứu nạn, gìn giữ hòa bình, trao đổi quân y, hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thiên tai” [Hagel, 2013].

Nguồn: Carter A. B. (2012a), “Remarks by Deputy Secretary Carter at the Von der Heyden Fellows Program Endowment Fund Lecture Series at Duke University”, Speech in Durham, N.C., November 29, 2012); Carter A. B.

(2012b), “Remarks by Deputy Secretary of Defense Carter at the Woodrow Wilson Center”, Speech in Washington, D.C., October 3, 2012); Hagel C (2013), “Speech at the International Institute for Strategic Studies (Shangri-La Dialogue)”, Speech in Singapore, June 1, 2013); Obama B. (2014), “Remarks by President Obama and President Benigno Aquino III of the Philippines in Joint Press Conference” (speech in Manila, Philippines, April 28, 2014.